

CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT - BIÊN KHẢO
SỐ 45 - ĐÔNG 2008



CỎ THƠM

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM

PHAN KHÂM

NHÓM CHỦ BÚT

NGÔ TĂNG GIAO.
TRẦN BÍCH SAN. BÌNH HUYỀN.
PHẠM VĂN TUẤN.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (703) 471-1271
FAX (703) 471-1196
Email: dsenser@yahoo.com

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. QUỲNH ANH. Ý ANH.
VIỆT BẰNG. HẢI BẰNG H.D.B.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.
HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.
VŨ THÁI HÒA. VŨ HỐI. PHAN KHÂM.
VI KHUÊ. HUY LÂM. NGUYỄN LÂN.
NGUYỄN PHÚ LONG. LÊ LUYẾN. VŨ NAM.
CAO MỸ NHÂN. ĐẶNG NGUYỄN.
DIỆU TÂN - NGUYỄN VĂN THÀNH.
TIỂU THU. HỒNG THỦY. LÊ THƯƠNG.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. HÀ BÌNH TRUNG.
TẠ QUANG TRUNG. NGUYỄN ĐĂNG TUẤN.
NGUYỄN TƯỜNG VÂN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
HỒNG PHÚC: Dallas, TX
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN: Riverview, FL
TIỂU THU: Québec, Canada
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
BÌNH HUYỀN: France
VŨ NAM: Germany



THÁNG 12 NĂM 2008

MỤC LỤC

	Trang	DIỆU TẤN: Trùng Tu Bảo Tồn Di tích.	140
ĐINH CUỒNG: tranh sơn dầu	Bìa	PHẠM TRỌNG LỆ: Et Tu Brutè?	146
Xóm Nhà Annandale Mùa Đông		KIM VŨ: Chén Quỳnh Tháng Sáu.	155
		VI KHUÊ: Biển Cố Đầu Tiên	159
		HOÀNG DUNG: Đôi Bàn Tay	161
VĂN		NGUYỄN PHÚ THỨ:	166
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	4	Năm Sửu Nói Chuyện Trâu	
Tâm Tình Mùa Đông.		NGUYỄN VĂN THÀNH: Một Vài Cảm	173
HỒ TRƯỜNG AN:	6	Nghĩ Về Án Tử Hình (tiếp theo)	
Ấn Dụ Trong Văn Chương			
TIỂU THU: Hạt Sầu	16	THƠ	
NGUYỄN PHÚ LONG:	23	PHAN KHÂM: Thực	21
Tản Mạn... Thông Ngôn		HỒ CÔNG TÂM: Những Chiều Đông	22
PHẠM VĂN TUẤN:	30	CAO MỸ NHÂN: Thoáng Lập Đông	22
Ernest M. Hemingway với tác phẩm Ngư		NGUYỄN KINH BẮC: Thôi Đàn	22
Ông và Biển Cả.		MINH ĐỔ: Đêm Cuối	22
LÊ LUYẾN: Tác Lòng Người Dũng Tướng	40	BÙI THANH TIÊN: Bài Tango	28
NGUYỄN CAO QUYÊN: Luận về hồi ký	52	Đêm Giáng Sinh	
“Đứng Dậy thêm Lần Nữa” (Get Up One		VIỆT BẰNG: Dường Như Đã Quên	35
More Time) của Nguyễn Đăng Hải		NGUYỄN PHÚ LONG: Hội Ngộ Cảm Tác	62
NGUYỄN LÂN: Trông Vời cố Quốc	56	PHAN KHÂM: Tâm Tư Tửu	62
TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO:	66	GIA TRẠNG LNQ:	71
Đổi Trắng Thay Đen.		Năm Trâu Vững Mạnh.	
NGUYỄN T. SONG HÀ: Thần Tượng Xi-Nê	72	DƯƠNG HUỆ ANH: Thử Ngó Minh	71
HẢI BẰNG, HDB: Vũ Hối,	76	YÊN VI: Mùa Đông Tuyết Đổ	71
Nghệ Thuật Thư Họa.		TẢN ĐÀ NKH: Vịnh Bức Dư Đồ Rách	84
LÊ THƯƠNG: Dòng Lệ Sử	87	HỒ CÔNG TÂM:	84
Duyên Việt – Tình Chiêm.		Việt Nam Bên Bờ Vực Thẳm.	
PHẠM THỊ NHUNG:	92	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: Cảnh Quê	84
Cô Kiều Với Phạm Quỳnh.		TÂM MINH: Áo Gấm Về Làng	84
BÌNH HUYỀN: Tình Đầu Duyên Muộn	103	HUYỀN TỊNH CỬA: ,	85
NGUYỄN THỊ THANH:	113	Tục Ngữ, Cổ Ngữ Gia Ngôn.	
Văn Hóa Tiền Sử Việt Nam.		HỒNG THÚY: Lời Ước đầu Năm	100
ĐỖ PHÚ: Người Việt Tại Praha	122	UYÊN PHƯƠNG Minh Nguyệt:	109
Cộng Hòa Séc		Cô Láng Giềng Của Tôi.	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	128	THÙY HUYỀN & TRỌNG BÌNH:	112
Tôi Lên xứ Hoa Đào			

Lời Nguyện Mùa Xuân.	
QUỖNH ANH: Gió Bay.	137
VÂN NƯƠNG LNC:	137
Khí Thiêng Sông Núi	
KIỀU ANH: Mãi Còn Xuân.	137
LÝ HIẾU: Lên Đường	145
ĐẶNG NGUYỄN: Nửa Vầng Trăng Thu.	145
HOÀNG SONG LIÊM: Mùa Đông.	145
VI KHUÊ: Kính Tiễn Hương Linh	157
Hà Thúc Tiên Sinh.	
HOÀNG Bạch Mai: Đông Về	162
TẠ QUANG TRUNG:	163
Bài Thơ Tình Đầu Năm	
HÀ THƯỢNG NHÂN: Khóc Phương Triều	163
HỒNG Thủy: Lời Ước Đầu Năm	181
HỒ CÔNG TÂM: Gửi theo Hương Hồn	188
Tác Giả "Giọt Sữa Đất"	
PHƯƠNG TRIỀU: Giọt Sữa Đất	188
NHẠC:	
ĐÌNH HÙNG: Bài Tango Đêm	29
Giáng Sinh, thơ BÙI THANH TIÊN.	
HUY LÂM: Tình Người Cô Đơn	74
PHẠM TUÂN: Lá Chết	138
phổ thơ NGUYỄN TƯỜNG VÂN.	
GIAO ĐIỂM	
ARMAND SULLY BRUDHOMME:	39
Le Vase Brisé.	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	39
Bình Hoa Vỡ	
CHU VĂN AN: Thôn Nam Sơn Tiểu Khê	91
TÂM MINH: Tạm Nghỉ Núi Thôn Nam	91
JAQUES PREVERT: Les Feuilles Mortes	101
VĂN BÁ: Lá Rụng.	101
NGUYỄN NGỌC BÍCH: Con Voi,	164
Nu Na Nu Nống,, Ông Ninh Ông Nang	
Thìa La Thìa Lầy.	

HỌA	
VŨ THÁI HÒA:	91
Đóng mừng Lễ Giáng Sinh.	

HÌNH ẢNH	
TRANH THANH TRÚC: Thu Paris	102

GIỚI THIỆU SÁCH	
ĐỨNG DẬY THÊM LẦN NỮA	53
của Nguyễn Đăng Hải	
QUA ĐỔI TRINH NỮ	162
của Thảo Nguyên	
MÙA XUÂN KHÔNG TRỞ LẠI,	186
ĐẤT THỐN: của Lê Luyến.	

SINH HOẠT	
Cỏ Thơm Hợp Mặt Mùa Thu:	182
Văn Nghệ Chào Mừng:	183
Nhạc Sĩ Thanh Trang và Ngô Thụy Miên	

ĐÍNH CHÍNH	186
-------------------	-----

PHÂN ƯU	
CỤ NGUYỄN THỊ BÉ	55
CỤ NGUYỄN THANH HÙNG	187
Văn Thi Sĩ PHƯƠNG TRIỀU	189
Giáo Sư VŨ KÝ	190

QUẢNG CÁO	
BUDDY PHOTO	172
Phòng mạch BS NGUYỄN KIM DUNG	191
SOVEREIGN REALTY, INC.	191
Phòng Mạch BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	192
Phòng Mạch BS VÕ ĐẠM	192
DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN	193
PHIẾU MUA BÁO	194
TỦ SÁCH HỘI VIÊN CỎ THƠM	195

Tâm Tình Mùa Đông

Bốn mùa vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn thường rất tuyệt vời. Mùa đông tuyết trắng, mùa xuân hoa đào, mùa hè nắng thắm, mùa thu lá vàng. Nhưng mùa thu vừa qua thật căng thẳng với cuộc bầu cử tổng thống. Lá rụng vàng cả không gian vàng cả lòng. Kết quả, đa số nước Mỹ đã chọn tổng thống mới. Ngày 20 tháng 1, 2009, ông sẽ tuyên thệ nhậm chức. Dù dân chúng Mỹ có hài lòng hay không, cũng phải chấp nhận ông 4 năm nữa. Chỉ cầu mong tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Hoa Kỳ và thế giới sẽ ổn định và khá hơn trong bình yên tốt đẹp.

Và bây giờ, mùa đông đã trở lại xứ tình nhân Virginia, nơi trụ trì tòa soạn Cỏ Thơm. Thời tiết không man mát lành lạnh như Đà Lạt, như Sapa. Mùa đông Virginia nhiều khi lạnh dưới không độ F. Cây cối trơ trụi. Nếu còn chiếc lá nào thì cũng bị cứng như đá. Cây cành lóng lánh như pha lê trong ánh mặt trời. Khi đá tan, lá cây, ngọn cỏ như nát như bị luộc. Có những buổi sáng bình con mắt dậy, một trời tuyết rơi trắng xóa, cây cối như trở bông gòn. Người đi đường phải mặc áo bông, áo len, áo dạ, đội mũ, quàng khăn cổ, mang bao tay, đi giầy ủng mới đủ ấm. Trẻ con, người lớn có thể trượt tuyết, trượt băng ngay trong vườn nhà hay ngoài công viên. Nhà nào cũng có hệ thống máy sưởi điện. Nhưng nhiều nhà vẫn dùng lò sưởi đốt củi như họa phẩm sơn dầu, *Xóm Nhà Annandale Mùa Đông* của Họa Sĩ Đinh Cường trên bìa Cỏ Thơm số 45 này. Cuộn khói tỏa bay, lò sưởi lửa hồng, dồn bước chân lữ khách mau mau về xum họp bên người thân yêu dưới mái ấm gia đình, nồng nàn hạnh phúc. Tam Ca Nguyệt San Cỏ Thơm hân hạnh có tranh của anh Đinh Cường.

Mùa đông lạnh giá ngoài trời, nhưng tình người, tình văn học trong vườn hoa Cỏ Thơm luôn luôn ấm áp. Chúng tôi có vài chuyện tâm tình cùng quý vị:

Đầu mùa thu vừa qua, nhân dịp phát hành Cỏ Thơm số 44, Người Cỏ Thơm ở Thủ Đô Richmond, Miền Nam Virginia, đã có một buổi họp mặt tại tư gia Nghiêm Thái Phụng. Vì đường xá xa xôi, Ngọc Dung đã phải xâm mình làm người hùng xa lộ chở hai cặp uyên ương Hoàng Song Liêm và Thế Mai, cùng Nguyễn Huy Long và Trương Anh Thụy xuống họp mặt với quý anh chị Phan Anh Dũng, Tâm Hảo, Nguyễn Phú Long, Phạm Thị Nhân, Phạm Xuân Hải, Phạm Thị Đức, Lê Thương, Tạ Quang Trung, Lê Luyến, Hoàng Tiếp... Sau buổi họp ăn uống, ca hát ngắn ngủi, năm nhân mạng lại xông vào gió mưa tầm tã trở về Miền Bắc. May mắn bình an, vô sự. Tuy nhiên vẫn hẹn hò phải gặp nhau thường xuyên hơn.

Tuần sau đó, vào ngày 5 tháng 10, chương trình nhạc thính phòng “Tình Khúc Mùa Thu” của Ngô Thụy Miên và Thanh Trang với sự hiện diện của hai tác giả, được Nhạc Sĩ Văn Sơn Trường, chủ biên Website Cỏ Thơm Phan Anh Dũng, chủ biên Website *DC Có Gì Là Không Em* Phạm Xuân Thái và Nhà Văn Nguyễn Đức Nam, chủ nhiệm Kỷ Nguyên Mới, tổ chức. Chương trình thành công rực rỡ, khán thính giả đầy chật hội trường. Kết quả thu được hơn

\$20 ngàn Mỹ kim giúp Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa đang sống lây lất bên quê nhà. Trong chương trình nhạc thính phòng này, ngoài những nhạc phẩm đã nổi tiếng được các ca sĩ thành danh như Diễm Liên, Quang Tuấn, Thanh Tuyên, Hoàng Tiếp, Thiên Kim trình bày thật xuất sắc, bài hát *Tóc Em Vẫn Là Hương Của Mẹ*, nhạc của Thanh Trang, ý thơ của Hà Nguyên Dũng và bài hát *Trả Lại Cho Em*, nhạc Ngô Thụy Miên, thơ Vũ Quỳnh Anh đã nhập hồn thính giả và còn vang vọng đến giờ phút này. Cả hai bài đều do Diễm Liên ca. Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm hân hạnh có Thanh Trang trong ban chủ biên.

Buổi chiều ngày 4 tháng 10, ban tổ chức *Tình Khúc Mùa Thu* đã mượn Tòa Soạn Cổ Thơm để chào mừng anh chị Thanh Trang và anh chị Ngô Thụy Miên. Vì cơ sở nhỏ hẹp, ban tổ chức chỉ mời khoảng gần 40 thân hữu tham dự và ca những bản nhạc của hai tác giả mà thôi. Tuy nhiên, ban tổ chức rất hài lòng về buổi tiền *Tình Khúc Mùa Thu* này.

Tiết trời lạnh lẽo, nhưng vườn hoa Cổ Thơm vẫn tươi thắm, ngát hương bốn mùa. Trong số báo này quý vị sẽ cảm thấy như được sưởi ấm qua những bài thơ tâm tình mùa đông của Hồ Công Tâm, Cao My Nhân, Nguyễn Kinh Bắc, Minh Đỗ, Hoàng Song Liêm, Bạch Mai, Yên Vi... Quý vị cũng tìm thấy tiếng thơ, điệu nhạc “Tango Đêm Giáng Sinh” của Bùi Thanh Tiên...

Mùa Đông Âu Mỹ cũng là mùa Tết và mùa Xuân bên quê nhà. Tết Kỷ Sửu năm nay vào ngày thứ hai 26 tháng 1, 2009. Cổ Thơm xin mời quý vị thưởng thức bài thơ “Năm Trâu Vững Mạnh” của Gia Trọng LNQ và xin gửi đến quý vị “Lời Nguyện Mùa Xuân” của Thùy Nguyên và Trọng Bình, và Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ vừa trình làng Cổ Thơm với “Năm Sửu Nói Chuyện Trâu”.

Ngoài ra như thường lệ, Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm vẫn có những bài biên khảo, những truyện ngắn, những bài bút ký giá trị, vượt không gian và thời gian của các tác giả, xứng đáng với sự đợi chờ trong ba tháng qua của quý vị độc giả...

Đã tưởng mùa thu qua chỉ có màu lá vàng lộng lẫy, đấm đúi hồn người. Nhưng rồi trời thu đã chuyển màu tang ảm đạm cho làng văn học Việt Nam hải ngoại tiễn đưa Văn Thi Sĩ Phương Triều (Austin, TX) và Giáo Sư Vũ Kỳ (Belgium) về nơi tiên cảnh. Toàn ban trị sự và các tác giả Cổ Thơm xin nghiêng mình thành kính vĩnh biệt người quá cố. Chúc hai vị thanh thản nhẹ bước về cõi bình yên, cực lạc.

Thực tại, chúng ta vẫn phải tiếp tục sống vui, sống lành. Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm xin kính chúc quý vị và gia đình một mùa Giáng Sinh, một mùa Tết vui vẻ, một mùa đông ấm áp, Khang An. Năm mới Kỷ Sửu, quý đồng bào hải ngoại, đồng bào bên quê nhà hay ở bất cứ phương trời nào nhà nông vẫn còn phải dùng trâu cày ruộng, sẽ gặt hái được mùa màng, thành công tốt đẹp.

Xin hẹn tái ngộ cùng quý vị vào mùa Hoa Anh Đào Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

ẨN DỤ TRONG VĂN CHƯƠNG

HỒ TRƯỜNG AN

Hồi 7 tuổi, tôi được nghe người thím dẫu tôi kể chuyện *Giai Nhân và Ác Quỷ* (tên nguyên gốc bằng tiếng Pháp là *La Belle et La Bête*) của Nữ Bá tước Jeanne de Leprince de Beaumont. Chuyện kể một hoàng tử bị một mù phù thủy trừ ếm trở thành con ác quỷ (quái vật đáng hơn với mình người mặt thú). Bà ta dặn chàng rằng sau này nếu có cô gái nào yêu chàng với tấm lòng chân thành thì chàng sẽ xinh đẹp trở lại. Quả vậy về sau, có một cô gái đẹp người lẫn đẹp nét, sau một thời gian sống chung với chàng, tìm ở chàng một tâm hồn cao thượng nên yêu chàng tha thiết và bằng lòng kết hôn với chàng. Túc thì chàng hiện nguyên hình trở lại một hoàng tử xinh đẹp như các vị nam thần trên Thiên đình tận ngọn cao sơn Olympia.

Cốt truyện được thi sĩ kiêm điện ảnh gia Jean Cocteau thực hiện thành phim *La Belle et la Bête* đưa hai diễn viên điện ảnh Pháp là Jean Marais và Josette Day lên tuyệt đỉnh vinh quang.

Sau này, khi chung sống với người bạn lòng, tôi được đương sự giải thích cái ẩn dụ trong cốt truyện: Rằng khi ta yêu người nào thì đương sự dù xấu cũng hóa ra đẹp. Đó là một khía cạnh tâm lý của con người.

Rồi tới tuổi 13 tuổi, tôi tình cờ đọc truyện ngắn *La Légende de l'Homme à la Cerveille d'Or* (Truyện Kỳ Về Người Có Chiếc Sọ Vàng). Đây là một truyện ngắn trong quyển tập truyện *Lettres de Mon Moulin* (Những Lá Thư Viết Từ Nhà Cối Máy Xay Lúa) của văn hào

Alphonse Daudet. Đây là sự tích một người có chiếc sọ vàng. Vàng trong sọ tạo một kho tàng phong phú cho y ta. Y ta bôi vàng ra để ăn tiêu phung phí cho tới ngày vàng gần cạn. Anh ta gặp một cô gái mồm mồm dễ thương, nhưng lòng dạ cạn cợt, thích tiêu xài theo hứng bốc đồng. Rồi cô ta chết đi. Anh ta lấy một số vàng còn lại trong sọ để làm lễ ma chay cho vợ thật linh đình. Sau đó, vào một buổi tối, khi phố xá lên đèn, anh ta đứng trước tủ kính một hiệu tiệm, chợt thấy đôi giày bằng xa-tanh xanh viền lông thiên nga rất đẹp. Vì quên rằng vợ mình đã chết, anh vào tiệm mua giày về tặng vợ. Người nữ thương gia đứng phía sau tiệm chợt nghe tiếng la, chạy ra thì thấy y ta tay cầm đôi giày, tay cầm nhúm vàng vấy máu, đứng nhìn bà ta với vẻ mặt đau đớn.

Trong một cuộc phỏng vấn các nhà văn nhà báo do tạp san Bách Khoa tổ chức (tôi quên mất vào năm nào, hình như năm 1979 thì phải), nhạc học giả Trần văn Khê cho biết mình thích truyện ngắn *La Légende de l'Homme à la Cerveille d'Or* nhất. Theo ông, người có sọ vàng là nhà nghệ sĩ. Chất vàng trong xương tủy óc não của đương sự là cảm hứng của nghệ thuật để y ta dâng hiến cho cuộc đời và tạo cái đẹp cho nghệ thuật.

Đây cũng là truyện quái dị mà các học sinh ban Thành Chung trong đó có tôi mê nhất. Nhưng có lẽ bọn nhóc chúng tôi chẳng có đứa nào biết cái ẩn dụ trong truyện mà chỉ thích thú những tình tiết quái dị và éo le của tác phẩm mà thôi.

*

Vào năm 1951, tôi chưa học hết ban Thành Chung, thì trên các nhật báo ở Sài Gòn loang tin

cuốn phim của Nhật Bản tựa là *Rhashomon* (Lã Sinh Môn) của điện ảnh gia Akira Kurosawa đoạt giải thưởng Lion d'Or trong Đại Hội Điện Ảnh tại Venise. Đây là cốt truyện dựa theo truyện ngắn cùng tựa của văn hào Nhật Bản Ryunosuke Akutagawa (1892 - 1927). Đây là vinh dự chung cho nghệ sĩ các nước Á Châu, sau cái vinh dự của thi hào Ấn Độ Rabinranath Tagore đoạt giải Nobel văn chương qua cả nghìn bài thơ trong đó có thi tập *Les Offrandes Lyriques* (Hiển Lễ Thi Cầm).

Chính nhờ phim Lã Sinh Môn, điện ảnh Nhật Bản được giới khán giả Tây Phương chú ý và đôi tài tử hàng đầu là Toshiro Mifune và Kyo Machiko trở thành diễn viên tên tuổi quốc tế. Cốt truyện như sau: Chàng võ sĩ dắt vợ xuyên qua cánh rừng và bị ám sát. Nhà chức trách điều tra thì biết được người vợ bị tướng cướp cưỡng hiếp. Nhưng cái chết của chàng võ sĩ thì mờ ám. Người vợ khai rằng vì thấy vợ bị cưỡng hiếp mà mình bất lực không bảo vệ được nàng nên chàng võ sĩ tự tử. Còn tướng cướp thì khai rằng sau khi nàng bị cưỡng hiếp trở nên khinh chồng nên nàng bảo hán giết chồng nàng. Những nhân chứng khác trong ngôi cổ miếu, mỗi người khai khác nhau, dù mỗi lời khai của từng người (luôn cả lời khai của người vợ, của tướng cướp, của linh hồn người chồng về nhập xác con đồng), tất cả đều có nhiều điểm chung, ngoài những điểm dị biệt then chốt.

Vậy đâu là sự thật? Vậy cốt truyện phim muốn nói điều gì? Muốn thấp sáng cái ẩn dụ gì? Có phải người trần mắt thịt chúng ta với nhục thân bị giới hạn nên khi đứng tại một vị trí nhỏ hẹp trong không gian, chỉ thấy một phần nhỏ, một khía cạnh của sự thực. Chỉ có Phật là đáng Chánh Đẳng Chánh giác với Phật nhân màu nhiệm mới thấy được toàn vẹn sự thực trong vũ trụ, từ cái vĩ đại vô biên, đến cái cực vi, thấy thông suốt luôn từ trong ra ngoài, thấy đủ mọi góc cạnh phơi bày một lượt. Trong vũ trụ này,

con người giống như những người mù xem con voi. Người sờ được vòi voi cho rằng voi giống như con đĩa khổng lồ. Người sờ được tai voi đồ hồ là voi giống như cái quạt. Người sờ được một chân voi nói rằng voi giống như cây cột. Người sờ được đuôi voi quả quyết voi giống cái phất trần. Nhưng thật ra, con voi gồm cả đầu, thân thể, chân, vòi, tai đuôi. Thấy được tất cả những cái đó cùng một lúc thì mới là thấy con voi đích thực.

Cuốn phim *Rashomon* gợi ý cho điện ảnh gia George Cukor thực hiện phim *The Girls* với Gene Kelly, Mitzi Gaynor, Kay Kendall, Taina Egg (1957), giúp cho điện ảnh gia Martin Ritt thực hiện phim *L'Outrage* với Paul Newman, Laurence Harvey và Claire Bloom (1965).

Vào năm 1982, tôi rời bỏ Paris, định cư luôn ở Troyes, sống chung dưới một mái nhà với người bạn lòng. Trên giá sách của đường sự có bày quyển *A Picture of Dorian Gray* (Le Portrait de Dorian Gray/ Bức Chân Dung Của Chàng Dorian Gray) mà tác giả là Oscar Wilde, do Edmond Jaloux và Félix Frapereau dịch từ nguyên bản tiếng Anh (năm 1954). Oscar Wilde! Một tên tuổi lớn trong văn học sử nước Anh vào thập niên 90 của Thế Kỷ 20, tức là vào thời Đế nhị Đế Quốc bên Pháp. Chính quyển *A Picture Of Dorian Gray* cùng vở kịch *Lady Windermere's Fan* (L'Évetail de Lady Windermere/ Chiếc Quạt của Phu Nhân Widermere) và vở kịch *Salomé* (dành cho nữ hoàng kịch nghệ Pháp là Sarah Bernarhdt chủ diễn) đã đưa ông lên tột đỉnh vinh quang của văn giới khắp hoàn vũ.

Cốt truyện như sau: Tại xưởng vẽ của họa sĩ Basil Hallward, Huân tước Henry ngắm bức chân dung do họa sĩ vừa hoàn thành. Đây là một bức tranh toàn bích. Huân tước gặp luôn người mẫu của bức chân dung kia. Đó là chàng quý tộc đẹp trai tên Dorian Gray, một kẻ nhạy cảm, có nghệ sĩ tính, thích sự hoàn hảo, rất ngưỡng mộ nhân sinh quan của Huân tước Henry. Tình

nương của Dorian Gray là Sybil Vane là một nữ kịch sĩ lừng danh. Nhưng hôm nọ, vì chỉ nghĩ tới người tình lang tuấn mỹ của mình trong lúc đóng tuồng nên nàng diễn xuất dụng vẻ. Dorian Gray trách móc nàng và đoạn tuyệt với nàng. Sybil Vane đau khổ và tuyệt vọng nên tự tử. Lại lòng thay, những lát sơn trên bức chân dung của chàng co rúm lại, biến khuôn mặt trong tranh của chàng xấu xí gớm ghiếc! Dorian Gray đau đớn hạ sát họa sĩ Basil Hallward. Những lát sơn trên bức tranh càng co rúm thêm. Giương mặt trong tranh đã xấu xí lại càng dữ tợn hơn, như khuôn mặt yêu tinh.

Thời gian trôi qua. Dù tuổi tác đã cao, nhưng Dorian Gray vẫn giữ vẻ tươi trẻ. Hình ảnh chàng trong tranh mang hết những dấu vết già nua thay thế cho chàng.

Nhưng rồi khi cảnh sát tìm ra thủ phạm hạ sát họa sĩ Basil Hallward là Dorian Gray. Họ bao vây nhà chàng. Chàng tự tử. Khuôn mặt chàng bỗng đổi ra xấu xí già nua trong khi đó, khuôn mặt chàng trong tranh lấy lại cái mỹ mao trẻ trung như khi bức tranh vừa mới hoàn thành xong.

Vậy thì bức chân dung của chàng Dorian Gray tượng trưng cho cái gì? Tác phẩm *A Picture of Dorian Gray* có cái ẩn dụ gì? Xin thưa: Chân dung trong bức tranh là hình ảnh, là cái bóng phản chiếu của nhân vật Dorian Gray. Còn cái nhân diện và vóc dáng xinh đẹp trẻ trung ở trong cuộc sống của chàng dưới cặp mắt thế nhân là một con người khả ái. Nhưng cái nhân diện và vóc dáng ấy có phải là con người đích thực của chàng đâu. Nó chủ động, gây ra ác nhân ác nghiệp; tâm hồn phong ba và ngạo mạn của chàng đưa đẩy chàng nhúng tay vào những tội ác mà không ai biết. Cho nên chính cái hình ảnh trong tranh mới phản ánh nguyên vẹn con người thật của chàng. Chàng nhìn nó như con yêu tinh nhìn hình ảnh của mình trên cái kính chiếu yêu. Cho nên chàng đau khổ, kinh hãi, ghê tởm. Khi chàng tự sát, chàng đi vào cõi hư vô vĩnh cửu,

bức chân dung kia không còn ai hung ác để phản ảnh nữa nên nó trở về trạng thái ban đầu: những lát sơn lấy lại vị trí cũ, lấy lại luôn màu sắc nguyên sơ. Cho nên con người trong tranh trở lại vẻ tươi trẻ và tuấn mỹ thuở trước. Lúc ấy cái tử thi của chàng phải nhận lãnh tất cả dấu vết của tâm hồn tàn ác kiêu mạn, dấu vết của ác nghiệp ác quả.

Tóm lại, ở nhân vật Dorian Gray, cái nhân diện và vóc dáng là cái bề ngoài che đậy một tâm hồn tội lỗi. Chính bức chân dung kia mới hiển lộ và phản ảnh trọn vẹn con người đích thật của chàng. Chúng ta tìm cái ẩn dụ trong tác phẩm không khó bằng tác giả đã sáng tạo cái ẩn dụ thâm thúy phi thường. Ẩn dụ ấy như tiếng còi báo động, như hồi chuông báo tử bắt chúng ta nhìn sâu vào cái đáy thẳm của hiện hữu, nhìn các tụy đạo và cái vực sâu của nội giới con người.

*

Văn chương của chúng ta, nhất là truyện ngắn, truyện dài hầu như không có ẩn dụ. Những gì hiện trên mặt chữ thì vẫn là chữ đầu nghĩa đó, không khơi dậy cho độc giả một ý tình nào khác tiềm ẩn dưới mặt chữ. Tuy nhiên, về thi ca, những nhà thơ ái quốc chống Thực Dân thường dùng đồ vật như trong bài *Cây Bắp* (của cụ Thủ Khoa Nguyễn Hữu Huân) *Hột Lúa* (của Phan Văn Trị) để nói lên cái tấm lòng yêu nước yêu dân của mình.

Cây Bắp

*Luống chịu ba trăng trắn côi bờ
Hiềm vì thương chút chúng dân thơ
Nường oai thích lịch ôm con đở
Vùng lịnh nam phong phát ngọn cờ
Miễn dạng an nhà thêm lợi nước
Chi nài dãi gió lại dầm mưa
Biển hồ dầu lặng, tấm kính bật
Giải giáp một phen chúng thủy nhò.*

Hột Lúa

Giã từ thành thị dạo xa chơi

*Thiên hạ ai mà chẳng biết tôi
Cối giáp vàng kia phơi chồn chồn
Bày da ngọc nọ rạng nơi nơi
Ông cha giúp nước từ bao thuở
Dòng giống nuôi dân biết mấy đời
Vì vậy liều mình cơn nước lửa
Người đà có thấu hời người ôi!*

Đây là 2 bài thơ có ẩn dụ. Vậy ẩn dụ (*parabole/ métaphore*) là gì? Là những vận sự không được tác giả nói ngay như theo một đường thẳng, mà chỉ nói cong queo lòng vòng bằng cách mượn vận sự khác. *Parabole* theo nghĩa toán hình học là đường cong. Phép ẩn dụ chẳng những ngoài sự hiện diện tình ý xoàng xĩnh trên mặt chữ (nghĩa đen) của một tác phẩm văn chương mà còn có những ý nghĩa cao siêu hơn (*méta* theo nghĩa tiếng Hy Lạp là ở trên, là siêu, là vượt bậc) ở nghĩa bóng. Nếu cụ Thủ Khoa Huân và cụ Cử nhân Phan văn Trị chỉ tả cây bắp và hạt lúa suông trơn qua dáng dấp biểu kiến (*aspect apparent*) của chúng thì họ chỉ làm hai bài ngâm vịnh lục tục thường tài. Cụ Thủ Khoa Huân đưa vào thơ tấm lòng ưu thời mẫn thế đối với giang san tổ quốc thì bài thơ mới ngâm ngùi, mới có chiều sâu. Còn cụ Phan nếu không tạo nên thân thế và hình ảnh người chiến sĩ can trường cứu nước giúp dân thì bài thơ này làm sao lộng lẫy nét hào hùng và sôi bùng bùng khí phách?

Nhưng mà này, tại sao chúng ta không nghĩ rằng cụ Thủ Khoa Huân vịnh cây bắp để nói lên hoài cái bão của mình. Tại sao chúng ta không nghĩ rằng cụ Cử Nhân Phan văn Trị mượn hạt lúa để nói lên cái chí khí của mình? Điều này trước đó có vua Lê Thái Tôn đã từng mượn người bù nhìn, thàng mờ, người ăn mày, cây chổi để nói lên công trị nước chân dân cùng cái khí tượng đế vương của mình.

Người Bù Nhìn

*Quyền trọng ra uy trấn cõi bờ
Vốn lòng vì nước há vì dứa*

*Xét soi trước mặt đôi vùng ngọc
Vùng vẫy trên tay một lá cờ
Đẹp giống chim muông xa phải lánh
Để quân cây cuốc gọi không thua
Mặc ai nháy nhót đường danh lợi
On nước đầm đìa hạt móc mưa.*

Lại có một ẩn dụ trong bài phú *Ngọc Tỉnh Liên* (Hoa Sen Trong Giếng Ngọc) của Thừa Tướng Mạc Đĩnh Chi. Số là khi ông đậu trạng nguyên được vào triều đình yết kiến vua. Vua chê ông nhỏ choắt và xấu xí, muốn sa thải ông. Cho nên ông làm bài này để tự biện bạch. Bài này nói lên cái khí phách của ông, ông tự ví mình là hoa sen trong giếng ngọc, hoa đã thanh cao (hoa sen tượng trưng cho bậc quân tử), chốn sinh trưởng lại càng tôn quý (giếng ngọc). Vua nhận thấy bài phú này tuyệt tác nên lưu dụng ông. Xin trích một đoạn bài phú *Ngọc Tỉnh Liên* trong Tập 3 của quyển *Văn Đàn Bảo Giám* do Trần Trung Viện biên soạn (trang 195) :

Di nhi ca viết:

*Giá thủy tinh hề vi cung
Tạc lưu ly vi hộ
Toái pha lê vi né
Hương phúc úc hề trùng tiêu
Đế văn phong hề nữ mộ
Quế tử lãnh hề vô hương
Tổ nga phần hề nữ đồ
Thái đao thảo hề Phương châu
Vọng mỹ nhân hề Tương phố
Kiến hà vi hề trung lưu
Hạ tương phản hề cố vũ
Khởi hộ lạc hề vô dung
Thân thuyền quyên hề đa ngộ
Cầu dư bính chi bất a
Quả hà thương hồ phong vũ
Khủng phương hồng hề dao lạc
Hoài mỹ nhân hề tuế mộ.*

Dịch:

Ca rằng:

Thủy tinh làm mái cung đình

*Lưu li tạc để nên hình cung môn
 Pha lê nát nhỏ làm bùn
 Minh châu làm mốc trên cành tưới cây
 Hương thơm bay thấu từng mây
 Bích thiên âu cũng mê say tác lòng
 Quế thanh khóc vụng tử thầm
 Tố nga luống những mười phần giận thân
 Cỏ Dao hái chốn Phương tân
 Bến Tương trông ngóng mỹ nhân dải dầu
 Giữa dòng lơ lửng vì đâu
 Non sông đất cũ có sao chẳng về?
 Đành nơi lưu lạc quản gì
 Thuyền quyền lỗ bước lấm bề gian truân
 Một lòng trung chính nghĩa nhân
 Lạ chi mưa gió phong trần tuyết sương!
 Chín c lạt phẩn phai hương
 Tháng ngày thắm thoát mỹ nhân ai hoài.*
 (Khuyết Danh)

Sau đó, vào thời Đệ Nhất Cộng Hòa có Tô Thùy Yên trong nhóm Sáng Tạo đã sáng tác một bài thơ ẩn dụ nhan đề là *Cánh Đồng Con Ngựa Chuyển Tàu*. Yên không phải là nhà thơ tư tưởng. Còn Phạm Thiên Thư, dù là tu sĩ Phật giáo, nhưng ông vẫn loạng choạng và



quờ quạng đối với cái tinh thần Bát-nhã tức là cái nền móng căn bản của tinh thần Phật giáo. Đối với Phạm Duy, triết học và tư tưởng tâm linh vẫn còn là một vấn đề mù mịt đối với ông, khi ông nhạc sĩ này đặt lời cho các bản nhạc của ông. Bên văn xuôi, Võ Phiến, qua các bài tùy bút của ông, ông chỉ nghĩ đến những cái bí ẩn trong cuộc sống ở phương diện hiện tượng mà thôi. Do đó, Võ Phiến đào sâu tác phẩm của mình bằng nhân sinh quan. Ông chưa nghĩ tới cái tối hậu, cái chân lý của hiện hữu, cái bản thể

của cuộc sống. Còn Phạm Duy và Tô Thùy Yên chỉ có thể tô điểm lời hát hoặc các câu thơ của mình bằng nhân sinh quan thấp thoáng bóng dáng triết học qua các ngôn ngữ thần bí (*langage mystique*). Thật ra, cả hai trang sức cho lời thơ câu hát của mình bằng những ý tình khoác áo minh triết và thánh triết, chứ không đưa thơ đưa lời hát của họ vào tinh thần minh triết và thánh triết được. Chúng ta vẫn thừa biết nhân sinh quan, ý tình chỉ nhắm vào hiện tượng của sự vật. Trong khi đó, tư tưởng triết học và tư tưởng tâm linh (tức là minh triết) thì nhắm vào bản thể sự vật. Riêng Phạm Thiên Thư thì trang điểm cho các câu thơ của mình bằng ngôn từ trong kinh kệ rất kịch cỡm. Cả bốn Võ Phiến, Phạm Duy, Tô Thùy Yên, Phạm Thiên Thư, chưa chịu vào trong sân chú nói gì vào tận trong ngôi nhà của bản thể. Nhưng dù sao đi nữa, họ vẫn làm cho thần trí sáng

tạo của mình bùng vỡ biết bao ánh sáng đẹp huy hoàng. Dù sao họ cũng vẫn đều là nghệ sĩ lớn. Thơ Tô Thùy Yên, thơ Phạm Thiên Thư, lời hát của Phạm Duy không thể đi vào cốt tủy đạo Phật hay đạo Lão như Võ Chân Cửu, Nguyễn Tôn Nhan thuở trước, như Thân thị Ngọc Quế, Như Chi, Đặng thị Quế Phương, Nhất Hạnh và Vĩnh Hảo sau này.

Cũng thế, văn của Võ Phiến chưa xông xáo vào tư tưởng triết học, tâm linh như Nghiêm Xuân Hồng thuở trước và Vĩnh Hảo sau này. Chúng ta chớ đòi hỏi nhiều hơn nữa ở họ. Họ làm văn chương bằng kiến thức chứ không làm văn chương bằng sự minh triết như Dostoievski, Georges Bernanos, Herman Hesse (bên văn), như các thiền sư Đông Nam Á qua những bài kệ, như thơ của các đạo sư giáo phái Soufisme trong đó có nhà thơ Rumi... Soufisme là một giáo phái của Hồi giáo đặt trên

tinh thần bất nhị (le non-deux/ le non-dualisme) như tinh thần của Phật giáo và Lão giáo.

Chúng ta thử đọc bài *Cánh Đồng Con Ngựa Chạy Tàu* của Tô Thùy Yên để tìm thử cái ẩn dụ trong bài thơ này:

*Trên cánh đồng hoang thuần một màu
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi
Tàu chạy mau mà qua rất lâu
Tàu chạy mau tàu chạy rất mau
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu
Cỏ cây cỏ cây lụi dài chóng mặt
Gò nổi cao rồi thung lũng sâu
Ngựa thở hào hển thở hào hển
Tàu chạy mau vẫn mau vẫn mau
Mặt trời mọc xong mặt trời lặn
Ngựa gục đầu gục đầu gục đầu
Cánh đồng a! cánh đồng sắp hết
Tàu chạy mau càng mau càng mau
Ngựa ngã lăn mình mướt như cỏ
Chấm giữa nền nhưng một vết nâu*

Ngoài cách dùng các điệp ngữ để gây âm điệu xôn xao, dồn dập, hối hả, bài thơ gây cho chúng ta cái cảm tưởng sự đuổi rượt (hay là sự so tài đo sức) khốc liệt giữa một động vật (con ngựa) và một động cơ (con tàu). Sức của một động vật làm sao lao nhanh bằng một vận tốc kinh khiếp của một động cơ? Cho nên con ngựa phải ngã quy, ngắt xiú hay có thể tắt thở khi chưa đến cuối cánh đồng, còn con tàu vẫn tiếp tục cuộc hành trình cho đến đích tức là cuối mức cánh đồng. Con ngựa mệt mỏi và ngã quy ẩn dụ cho thời đại làm công việc bằng tay chân, bằng sinh lực của con người hay của gia súc đã chấm dứt. Kỷ nguyên máy móc đã có mặt và sẽ giúp nhân loại đi xa hơn trên tiến trình sinh hoạt (được ẩn dụ bằng cuối mức cánh đồng).

Tôi tình cờ gặp bài *Ngụ Ngôn* Trong quyển *Tuyển Tập Thơ* cũng của Tô Thùy Yên. Tôi hơi ngỡ cái tựa của nó:

*Một lão mù hành khất
Bị đánh cắp cây đàn*

Mưa máu chết uất ức

*Một con đẽ anh chị
Khoác đôi cánh sét rí
Tiếng gáy mãi không ra
Một con đóm khoe mình
Xài phá hết lân tinh
Ban đêm không dám lượn
Một đứa bé mồ côi
Đi tìm hoài cha mẹ
Đâu biết là những ai?*

Theo tôi, ngụ ngôn là bài thơ ẩn dụ, mượn chuyện tầm thường, chuyện khôi hài để móc xỏ, ngạo báng, đả kích thói hư tật xấu của người đời. Nhà thơ Jean de La Fontaine viết ra những bài ngụ ngôn, mượn những con vật dữ dằn và thâm độc, những con vật hợm hình kiêu căng để công kích những bọn nịnh thần (les courtisans) gây nhiều tệ đoan dưới triều đại vua Louis XIV. Bài ngụ ngôn có tính cách răn đời, dạy cho thế nhân những bài học luân lý. Bài *Ngụ Ngôn* của Tô Thùy Yên theo tôi là một bài thơ ẩn dụ ở 2 đoạn giữa. Con đẽ uy dũng kia mất tiếng làm chúng ta liên tưởng viên chỉ huy mất giọng thì khó điều khiển ba quân thuộc hạ của y. Chúng ta cũng có thể nghĩ tới một ca sĩ có giọng hát đầy sinh lực, nhưng giọng ấy trở nên rè rè thì cái thời vinh quang của y cũng phải chấm dứt. Con đóm đóm xài hết lân tinh làm chúng ta nghĩ đến cảnh ngộ một mỹ nhân trụ lạc nên với nhan sắc tàn phai, nàng không dám chường mặt chốn dạ hội, nơi mà các vương tôn công tử say mê nàng. Cái nghĩa thâm thúy của bài thơ rất ai hoài tha thiết, chẳng có chút nhạt nhẽo nào thì đây không phải là bài ngụ ngôn. Nó có một nồng độ truyền cảm rất đậm đà hơn, làm bàng hoàng người đọc rất lâu hơn.

Dù sao, bài thơ ẩn dụ hay bài thơ ngụ ngôn đều có cái nghĩa thú hai hay nghĩa thú ba ẩn dưới mặt chữ hay ở sau lưng mặt chữ, từ cái vận sự tầm thường, cả hai phóng đại ra một hoặc

nhiều vận sự mệnh mông hơn, phóng chiếu vào cõi thường ngoạn chúng ta những hình ảnh và ý tình đập mạnh vào ấn tượng chúng ta. Khác nhau chẳng là bài thơ ẩn dụ thường có hình thức của bài bi ca (poème saturnien). Khác nhau chẳng là bài thơ ẩn dụ không cần dạy đời hay răn người, Khác nhau chẳng là bài ngụ ngôn mang lấy hình thức bài thơ phóng cuồng, ngoạn mạn, móc xỏ, đả kích (poème satirique).

Tôi còn nhớ vào 3 năm cuối của thập niên 40, thuở tôi học lớp 3 (cours élémentaire) và lớp nhì (cours moyen), Bộ Quốc Gia Giáo Dục Nam Kỳ gồm một nhóm giáo viên có uy tín chung soạn quyển *Trăm Bài Tập Đọc* dành cho hai lớp này. Trong quyển ấy có bài *Ếch Mới* phỏng theo bài thơ ngụ ngôn của Nam Hương đã đăng trên báo *Cậu Ấm* (thời tiền chiến). Cốt truyện như sau: Chị ếch nọ có tật ưa làm đom. Chị dùng chiếc nắm hương làm dù, lá tía tô là khăn choàng đầu, hai trái ớt khoét thành đôi giày đỏ. Chị diện dù, khăn, giày do chị chế tạo rồi đồng đánh đi dạo đó đây để khoe bộ đồ vía mới. Bất ngờ một anh nông phu trở tới. Vì vướng đôi giày đỏ, chị ếch chạy không kịp nên bị anh ta bắt đem về nhà. Anh chặt đầu lột da chị, thái nám, lá tía tô và ớt đã có sẵn rải vào món xào cho thêm thơm ngon. Cuối bài, nhóm biên soạn đề câu răn đời như sau: *Se sua thua gợn ghê.*

*

Trước ngày 30/04/75, văn chương Miền Nam Việt Nam của chúng ta có một truyện ngắn *Tan Trong Sương Mù* của Nguyễn thị Hoàng. Xin đọc bài bút khảo *Nguyễn thị Hoàng & Nguyễn thị Thụy Vũ* trong tạp chí *Gió Vắn* số 3. Thiết tưởng cũng cần nhắc lại phớt qua.

Vợ ông họa sĩ Mishio chết. Nhưng tấm lòng tưởng nhớ của ông đối với vợ không nguôi. Cho nên bà cứ quanh quẩn theo ông như một người sống. Suốt 30 năm lúc nào bà cũng có mặt bên ông. Ông bỏ phếp hội họa. Bức chân dung vẽ bà

lúc sinh thời bỏ dở dang (chưa kịp vẽ đôi mắt của bà thì bà từ trần).

Rồi trong một đại hội văn nghệ nọ, một nàng nữ sĩ Việt Nam đẹp lộng lẫy gặp ông bà Mishio. Giữa nhà danh hoa và một người đẹp làm văn chương nẩy sinh một niềm tương đắc bất ngờ. Nàng không biết bà vợ ông đã chết từ lâu nên xin phép ông bà cho nàng được đến viếng nhà họ. Ông đâm ra tơ tưởng nàng. Bà vợ vì là hồn ma nên đọc rõ những biến chuyển tâm hồn của chồng. Cho nên khi nàng nữ sĩ tới thăm, bà cho nàng biết bà sẽ đi xa. Còn ông như bưng sống, bắt đầu vẽ trở lại. Nữ sĩ do tình cờ còn nghe hai vợ chồng cãi lầy với nhau. Bà quả quyết ông đã yêu nàng thì bà không còn lý do gì để ở với ông nữa. Ông thì chối bay cõi biển. Rồi bên đầm nước trong lúc cả hai dạo vườn, ông Mishio cho nữ sĩ biết rằng vợ ông đã chết từ lâu. Ông bấy lâu nay phí cả một cuộc đời để làm bạn với hồn ma của vợ, bây giờ dù có vẽ trở lại cũng không còn cảm hứng như thuở hai vợ chồng sống trong cảnh nghèo nàn thiếu thốn mà vẫn yêu nhau mặn nồng.

Khi nữ sĩ ra sân chùa thì thấy bà vợ đi về cuối góc sân, thân hình bà tan rã trong sương mù.

Như vậy, ẩn dụ của truyện ngắn này là: dù bà vợ có chết đi, nhưng nhà danh họa Mishio vẫn yêu thương tưởng nhớ vợ luôn luôn. Như thế bà dù không sống trong cõi dương trần, nhưng vẫn sống trong tâm tưởng, trong hoài vọng của ông. Giờ thì trong trái tim ông có một hình bóng khác. Bây giờ mới đích thực là tới giai đoạn bà chết vĩnh viễn, chết ở ngoài đời từ lâu lần chết trong nội giới của chồng từ khi có sự xuất hiện của nữ sĩ. Vận sự này làm tôi nhớ lời ai oán được ghi khắc trên tấm mộ bia trong nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi (Sài Gòn) thuở nào: *C'est l'oubli des vivants qui fait mourir les morts* (Chính sự lãng quên của người sống mới giết chết những người đã chết).

Còn về thơ có ẩn dụ thường là những bài phảng phất Thiên Phong Thiên vị. Chẳng hạn đoạn mở đầu của bài thơ *Về Thăm Ao Nhà* của nữ sĩ Thân thi Ngọc Quế. Bài thơ này trong thi tập đầu tay *Giọt Nước Cảnh Sen* của chi:

*Đêm xuống ta về ao cá biếc
Để xem cá chớp ánh trăng non
Ánh trăng còn vỡ làm bao mảnh
Vẫn thấy lòng ta bóng nguyệt tròn*

Trên mặt chữ, nếu chúng ta nghĩ rằng đây là một bài thơ viếng cảnh và nói lên tấm lòng tươi sáng nguyên vẹn của tác giả (bóng nguyệt tròn) trước cảnh ngộ tan nát, chia lìa (ánh trăng còn vỡ làm bao mảnh) thì đúng quá rồi còn gì. Nhưng mà dưới mặt chữ, tác giả nêu ra vấn đề vĩ đại hơn. Đó là tinh thần Bát-nhã (tức là tinh thần bất nhị của Phật giáo). Cái ẩn dụ đó là hai cái hiện tượng đối đãi ở chung một bản thể. Cặp hiện tượng thứ nhất là những mảnh vỡ của ánh trăng trên sóng ao đối đãi với bóng trăng tròn đầy trong lòng tác tác giả. Cặp hiện tượng thứ hai là cái cảnh ao trong đêm trăng (ngoại cảnh đây) đối đãi với tấm lòng của tác giả (nội giới đây). Ngoại cảnh và nội giới có một bản thể chung chính là tác giả. Hình dáng vỡ nát thành nhiều mảnh và vóc dáng tròn đầy vẫn thuộc về trăng, cái bản thể chung chính là trăng. Tinh thần Bát-nhã chính là đây. Hướng hồ bài thơ còn có thêm cái tinh thần Bát-nhã thứ ba: *Tất cả (những mảnh trăng vỡ) là một (bóng trăng)*.

Thơ Thiên thường mượn cảnh vật, vận sự để ẩn dụ cho tinh thần Bát-nhã, cái then chốt, cái căn bản của Phật pháp. Xin đơn cử bài *Minh Nhật* bằng chữ Hán của nữ sĩ Vi Khuê:

*Tảo thần thánh diệu minh man
đỉnh đổ hoa ly tú bách hàng
nhàn hạ tiểu di đặng thượng lộ
Thanh sơn đối diện bối hoàng giang*

Tác giả Vi Khuê dịch như sau:

*Sớm mai nghe tiếng chim kêu
ra sân thấy giậu hoa thêu trăm hàng
thảnh thơi bước nhỏ lên đàng*

Núi xanh trước mặt sông vàng sau lưng

Ở đây tác giả Vi Khuê đầu phải là khách vãn cảnh sông tròn vào buổi bình minh. Khách vãn cảnh ở đây ẩn dụ một hành giả đang lên đường tìm về chứng ngộ. Đường sự đứng giữa hai cái đối đãi nhau là núi xanh và sông vàng. Núi ở thể rắn và ở trước mặt, còn sông ở thể lỏng và ở sau lưng. Tóm lại, hành gia tu theo Trung đạo tức là tu theo Phật giáo.

Và chẳng hạn bài *Cao* của Trương Anh Thụy:

*Dưới chân làng mạc nhỏ
Trên đầu mây chấm vai
Người tìm ta chẳng thấy
Thấy lóc đóm sao Mai*

Trên đầu và dưới chân là hai cái đối đãi nhị biên (les deux bornes opposées). Hành giả đứng ở khoảng giữa. Tu như thế là theo Trung Đạo, đã đến thời điểm đón ngộ (loé ánh sao mai). Tác giả không dùng chữ nào trong kinh Phật, không tả cảnh sông tròn. Đây là ẩn dụ một thiền giả tu theo Trung đạo (đạo Phật) đã thành công, đã chứng ngộ.

Trong thi tập *Trốn Vài Giác Mơ em* của Nguyễn thị Thanh Bình, tôi thích bài *Hoa Tâm* nhất. Nó vừa là bài thơ ẩn dụ vừa là bài thơ Thiên:

*Trên đỉnh non cao tìm mây trắng
Dưới khe chờ hoa nở đem tin
Hoa chưa kịp nở tàn mùa trước
Chốn ấy hoa lòng rộ bình minh*

Hoa ở dưới khe là hoa ngoại giới, hoa lòng là hoa nội giới, cả hai cùng ở nơi nhận thức (thấy và cảm thấy) ở một người tức là tác giả. Ngoại giới và nội giới đối đãi nhau. Hoa dưới khe héo tàn (cái diệt) và hoa lòng nở rộ (cái sinh) là hai cái đối đãi nhau ở trong một mùa thu. Cốt tủy Thiên là đây! Nhưng ‘cái hoa lòng rộ bình minh’ có nhiều ẩn dụ tùy theo sự chiều cảm, óc tưởng tượng, cõi ẩn tượng của từng độc giả. Nó là một tình yêu đang nở muôn tía nhìn hồng; nó cũng có thể là một niềm lạc quan tươi sáng dồi dào vừa bùng dậy. Và cũng

có thể là một vấn đề tâm linh đang được bùng bùng thấp sáng, chẳng hạn như một cơn đốn ngộ nhiệm màu hay một sự mặc khải kỳ diệu.

Riêng Đặng thị Quế Phượng là người làm thơ quá đời thơ. Cô tạo cho thơ cô một ẩn dụ huyền bí, tùy theo chiều cảm riêng biệt và đặc thù của mình, độc giả muốn nghĩ sao thì nghĩ. Nhưng mà khi đọc xong bài thơ *Tích Mịch* của cô, chúng ta phải ớn lạnh, cảm thấy cái điều huyền bí ấy sao mà ảo diệu, sao mà màu nhiệm làm chúng ta bàng hoàng lay động ở cái bí ẩn sau lưng hiện hữu nói chung, ở sau mặt chữ bài thơ của cô nói riêng:

*Có một cái gì
đang chờ đợi ta
trong vẻ thình lạng
của buổi chiều tà*

*Có một cái gì
trong bóng sương sa
vô cùng hiu hắt
như thể hồn ma*

*Có một cái gì
bao la chất ngất
dường như không phải
là trời hay đất*

*Có phải hay chăng
thiên thu phơ phất*

Cái đang chờ đợi ta, nó ở trong bóng sương sa (tức là trong cõi vô minh mịt mờ), nó bao la chất ngất, không thuộc về trời và cũng không thuộc về đất. Nó như ảo như chân, phơ phất trong cõi cảm nhận, trong ấn tượng chúng ta từ thuở thiên thu trước và cho đến thiên thu sau vẫn còn hiện hữu qua trạng thái chập chờn phiêu diểu như hình bóng trong cơn chiêm bao. Vậy nó ẩn dụ cho cái gì? Xin thưa, tạm gọi là cái Chết có được không nào ?

Tô Thùy Yên chỉ thành công về nghệ thuật thuần túy của thơ mà không thể đưa thơ vào cái sâu thẳm nhất của bí nhiệm cuộc sống. Mai Thảo trội hơn Yên ở chỗ thành công ở nghệ thuật thuần túy của thơ mà còn đưa thơ vào cái vực sâu không đáy của hiện hữu. Xin đọc bài thơ *Tiểu Phiến* trong thi tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*. Ở đây, lý luận của Võ Phiến rằng thơ *cần lời mà không cần ý* là một điều sai lầm đáng tiếc lẫn đáng trách

*Đứng ở sát gần tiểu phiến
Đứng kể lam xanh tiểu phiến gần
Phiến đưa tấp tấp vào vô cực
Nơi lá xoay tròn một thớ gân.*

Độc giả sẽ tự hỏi tiểu phiến là cái phiến nhỏ, nhưng ẩn dụ của nó là cái gì ? Hai câu thơ chót thật đẹp, thật huyền bí làm chúng ta rờn rợn. Nhưng đó là cái gì, từ chỗ xoay tròn một thớ gân để đưa tấp tấp vào vô cực? Nó có thể là một chiếc lá. Nó có thể là cái âm hộ của phái đẹp (lá đa theo nghĩa bóng) đưa chúng ta nhìn vào cái bí nhiệm của mọi sinh vật qua giai đoạn thụ tinh và rồi kết thành bào thai khởi đầu sự sinh sản. Nó có thể là cái nội giới bí hiểm của con người. Nó có thể từ một lỗ nhỏ hẹp để một Thiên giả khi chúng ngộ đi vào cái vô biên vô cực trong vô lượng cảnh giới Hoa tạng Huyền môn. Cái chỗ xoay tròn một thớ gân của tiểu phiến có vô số ẩn dụ, tùy theo chiều cảm của từng người đọc mà hiện hữu.

Xin đọc bài *Thớ Gân* cũng của Mai Thảo:

*Bàn tay thu lại mặt trời lặn
Cùng nó xóc cho nổ mặt trời
Bóng tối lồng trong đường ánh sáng
Chỉ là mai tóc rẽ hai ngôi*

Cũng chính ở bàn tay che cặp mắt, khi các ngón tay khép lại (bàn tay thu lại) thì nhà thơ không thấy mặt trời (coi như mặt trời lặn). Nhưng khi ngón tay rẽ ra (cùng nó xóc ra) thì nhà thơ thấy mặt trời (nổ mặt trời). Vậy thì mặt trời là cái cố định, trước sao sau vậy, nó ẩn dụ cho cái Chân Tâm. Bởi tại cái vọng thức (được ẩn dụ cho bàn

tay) nhà thơ khôn thấy Chân Tâm nếu vọng thức dầy đặc (được ẩn dụ qua bàn tay thu hẹp lại với các ngón khép kín). Và nhà thơ chỉ thấy được Chân Tâm khi nào vọng thức chia chẻ và phân tán đi (được ẩn dụ bằng bàn tay xòe ra). Như vậy mặt trời ẩn hay hiện đối với tác nhân (Mai Thảo) chỉ là do sự khép mở của bàn tay do thố gân điều khiển). Còn mặt trời vẫn không thay đổi. Nó cũng giống như trường hợp chỉ một mái tóc, nhưng mái tóc ấy chia thành ngôi bên trái và ngôi bên phải là tại ta rẽ đường ngôi. Nếu ta chỉ chải ngược tóc về phía sau, không rẽ đường ngôi thì mái tóc chỉ là một mảng đen huyền mà thôi.

Thố gân điều khiển bàn tay khép hay xòe để cho tác nhân thấy mặt trời hay không ẩn dụ cho cơn phu hành tri của Thiền giả tìm về chúng ngộ.

Xin đọc bài *Lẻ Một* cũng của Mai Thảo:

*Sách một dầy nằm trơ trên giá
Cạnh người thân thế cũng trơ vơ
Sách, người hai côi cùng hư hoại
Nơi một nghìn chương thiếu một tờ*

Người đọc sách (chủ thể) và sách (đối tượng), cả đều cô đơn chỉ về cảnh ngộ. Chúng chỉ làm cho thơ băng khuâng ngậm ngùi, nhưng không có gì đặc sắc. Tuy nhiên, khi tác giả báo trước là cả hai cùng hư hoại tức là ông sắp đưa thơ vào một vấn đề viển thâm hơn, một vấn nạn dựa trên tư tưởng hữu sinh hữu diệt, cái tinh thần then chốt của Phật giáo. Cái vấn nạn ấy, cái vô thường ở nghìn chương kinh sách để cho hành giả bơi ngược dòng hoại diệt, để chúng ngộ cái thường hằng bất biến. Nhưng nghìn chương sách ấy lại thiếu một tờ. Cái tờ thiếu đó chính là cái bí nhiệm để giúp hành giả vào một thời điểm chín muồi gặp một đốn ngộ (chúng ngộ tức khác trong vòng một sát-na/ *l'imédiat santori*) bùng tỏ cái Chân Tâm không sinh không diệt, tức là nhập vào Niết Bàn, tức là không còn sinh không còn tử (hoại diệt) nữa. Chính hành giả và mỗi người trong chúng ta phải tự tìm lấy cái tờ giấy

thiếu sót ấy, tờ giấy của cá thể này không giống tờ giấy của cá thể kia vì căn cơ mỗi cá thể đều khác nhau.

*

Riêng trong lãnh vực thơ, cảnh mai của Mãn Giác Thiền Sư, bóng trăng của Thân thị Ngọc Quế, khách nhân du giữa núi xanh trước mặt sông vàng sau lưng của Vi Khuê, đóm sao mai của Trương Anh Thụy, hoa lòng rộ bình minh của Nguyễn thị Thanh Bình, bóng thiên thu phơ phất của Đặng thị Quế Phương là những ẩn dụ đưa độc giả nắm bắt những vấn đề cao siêu. Đặc sắc nhất là tiểu phẩm, thố gân, đường ngôi rẽ tóc của Mai Thảo để gi để cho một nhà thơ lục tục thường tài tìm gặp đưa vào thơ, biến côi thơ thêm màu nhiệm, biến vóc dáng thơ thêm vĩ đại bao la. Những cái ẩn dụ ấy bị mọi kẻ khoác áo phê bình gia không tìm gặp nên chúng như những viên bảo ngọc ẩn mãi trong những tảng đá xù xì thô nhám. Còn ẩn dụ trong truyện ngắn *Tan Trong Sương Mù* của Nguyễn thị Hoàng bị họ lờ đi dù chị đã khơi sáng cho họ thấy trong tuyển tập *Những Truyện Ngắn Hay Nhất Trên Quê Hương* do nhà xuất bản Sóng thực hiện. Nếu chúng ta chú ý một chút thì sẽ thấy cái khơi sáng ở đoạn tác giả nêu cái ẩn ý của cốt truyện và nêu cái lý do tại sao chị chọn truyện ngắn này để đóng góp cho tác phẩm.

Chỉ riêng bàn qua ẩn dụ, chúng ta mới thấy văn chương hiện đại và cận đại của chúng ta hầu như không có phê bình gia nào. Tuy nhiên vẫn có những nhà biên khảo văn chương có tầm vóc nguy nga về tài năng. Phải kể Hoàng Ngọc Tuấn (bên Úc Châu), Trần Hữu Thực, Đào Trung Đạo, Đặng Phùng Quân (Hoa Kỳ), Thụy Khuê (Pháp). Những học giả này dù viết biên khảo phong phú và sâu sắc, đôi khi lơ trớn trượt nhào qua lãnh vực phê bình họ cũng tỏ ra rất sâu sắc và hào hứng lắm.

HỒ TRƯỜNG AN
(France)

HẠT SẦU

TIỂU THU

Mai Khanh không hề nghĩ về chàng, vậy mà sáng nay, trong giấc ngủ muộn, nàng đã mơ thấy Thiên. Mà buồn cười là trong mơ, nàng gặp lại Thiên trong một tình huống thật bí hiểm: nàng vừa nhận được kết quả thử nghiệm, bị ung thư phổi! Đang rầu rĩ cùng cực thì chàng bỗng xuất hiện. Thấy trên tay Mai Khanh xấp tài liệu về chứng bệnh này, cộng với khuôn mặt rầu rầu, Thiên đã ra dấu hỏi và nàng gật đầu xác nhận. Không nói với nhau một lời. Vậy mà hiểu nhau. Trời ơi, đồng cảm đến như vậy sao?

Nàng thấy tất cả ngồi chung quanh một chiếc bàn tròn của một quán cà phê lộ thiên. Có Mỹ Lệ và đứa con gái nhỏ của Thiên. Có Phúc, người chồng hiền lành và yêu Mai Khanh rất mực, có cả những người mà Mai Khanh không quen. Vậy mà nàng đã rất tự nhiên trao cho Thiên những cái nhìn đầy ấp yêu thương. Đã đặt những chiếc hôn nồng nàn lên mái tóc đứa con gái nhỏ. Trời ạ, không hôn được bố thì hôn con. Cũng là máu thịt của chàng. Một người đàn ông, chắc là bạn của Thiên, trêu "chị Mai Khanh là ex thứ mấy của anh Thiên vậy?" và Mai Khanh đã ngượng ngùng đính chính "Không. Tôi không phải là ex của anh Thiên. Chúng tôi là bạn thường thôi!". Có lẽ chỉ trong giấc mộng người ta mới bạo mồm bạo miệng đến thế!

Đã nhiều lần trong mơ, qua ánh mắt, nụ cười, nàng đã trao cho Thiên biết bao là

tình ý. Những gì nàng ấp ủ trong lòng, Thiên đều thấu hiểu. Nên dù chỉ là trong những giấc mơ ngắn ngủi, đứt đoạn, Mai Khanh vẫn cảm thấy hạnh phúc dạt dào. Hạnh phúc vì Thiên đã hiểu thấu lòng dạ của nàng. Lần nào cũng thế, tỉnh giấc rồi mà trong lòng vẫn còn thổn thức, cơn mơ ám ảnh đến vài ngày mới từ từ phai nhạt...

Ngày ấy, Mai Khanh biết rằng nàng yêu Thiên, một tình yêu vô vọng. Vì gia thế của chàng? vì chàng khó tính? vì chàng chưa muốn lập gia đình? vì lúc nào chàng cũng có hằng tá tiểu thư vây quanh? Có thể là vì tất cả những thứ đó cộng lại. Thiên đẹp trai ư? Không hẳn. Vì cái mác bác sĩ ư? Phúc theo Mai Khanh khít rịt cũng là bác sĩ. Hay tại cái tính lừng khừng (nhưng lòng dạ thì rộng bao la!), cái óc hài hước không giống ai của chàng? Không biết lý do nào. Chỉ biết là Mai Khanh yêu chàng với tất cả đam mê. Nhưng nàng đã chọn lên xe hoa với Phúc. Nói đúng ra Mai Khanh đã hết đường chọn lựa. Để thoát đi, nàng đành chọn kết hôn với Phúc. Phúc yêu nàng đắm say. Con bạn thân nhất đã khuyên "thà lấy người yêu mình nghe nhỏ". Và nàng đã nghe theo lời nó. Nhưng, cái khối tình Trương Chi nặng ngàn cân đó, nàng phải vác trên lưng suốt mấy chục năm ròng...

Đã gặp lại cố nhân hai lần. Một lần khi tóc chàng còn xanh, mắt chàng còn tinh. Lần thứ nhì thì tóc chàng muối đã nhiều hơn tiêu. Ánh mắt kém tinh anh, nhưng nụ cười nửa miệng và cái tính lừng khừng thì vẫn còn đó, y nguyên. Và khổ thay, Mai Khanh thấy mối tình vô vọng của nàng với Thiên, qua bao nhiêu thăng trầm của cuộc sống, vẫn còn đây, trọn vẹn! Trái tim của nàng, dù không còn trẻ trung gì nữa, vẫn còn có những lần lỗi nhịp khi đối diện với chàng.

Cái ngày nghe tin Thiên đến Canada bình yên với cô vợ mới cưới, Mai Khanh cảm thấy hụt hẫng, buồn! Ô hay, mình đã chồng con đùm đê, nghe tin người ta lấy vợ lại buồn. Cứ như là Mai Khanh không muốn Thiên thuộc hẳn về một người đàn bà nào khác. Ngày nào còn độc thân là chàng vẫn còn là của riêng nàng! Mai Khanh biết mình vô lý, nhưng tình yêu nàng dành cho Thiên lớn quá, khiến cho nàng có cảm giác được quyền đòi hỏi (hay mơ ước) như thế, dù chỉ là trong tâm tưởng.

Lần đầu tiên gặp lại Thiên và cô vợ trẻ, Mai Khanh không khỏi ngỡ ngàng. Có một chút thất vọng, một chút bức bối (vô cớ!). Giống như chính mình bị xúc phạm (vô duyên chưa. Mắc mớ gì đến mình?). Có bao nhiêu thiếu nữ xinh như mộng đã vây quanh Thiên như đèn cù (nếu không muốn nói là sẵn đuôi), cuối cùng chàng đi chọn một người như vậy ư? (Ô hay, quyền của người ta mà lạ!).

Dù tên Mỹ Lệ gọi lên một nhan sắc mỹ miều, phải công nhận rằng Mỹ Lệ bằng xương bằng thịt không được đẹp. Suối tóc dài óng mượt trong tấm ảnh Thiên gửi cho vợ chồng Mai Khanh lúc mới đặt chân lên đất nước Canada, giờ đã biến thành một mái tóc ngắn lờm chờm. Chiếc áo dài thướt tha cũng được thay bằng những bộ quần áo kiểu mới, cũn cỡn, thùng thình, màu sắc tẻ nhạt. Mai Khanh đọc được sự ngượng ngùng, bối rối của Thiên về cô vợ trẻ, trước cái dáng vẻ thanh lịch, đài các của Mai Khanh. Ngày xưa đã thế. Những chiếc áo dài cắt khéo nàng mặc mỗi khi lượn phố, đã kéo theo bao nhiêu là cặp mắt ngưỡng mộ. Đàn ông si tình nàng không ít, có gì lại ôm mối tình tuyệt vọng với Thiên? Chỉ có Trời mới biết. Như Thiên, sàng lọc cho lắm cuối cùng kết một cô vợ lập dị không giống ai.

Mỹ Lệ được tính thật thà. Không màu mè, điệu đà. Nghĩ sao nói vậy, trái ngược với cách nói ý nhị của Thiên, dù nàng cũng là một cô Bắc kỳ chính cống. Chỉ có thể giải thích rằng, lúc đầu những điều trái ngược đó đã thu hút đối phương. Nhưng sau này, những lời kể lể, dù dưới dạng khôi hài của Mỹ Lệ, về cái tính ương gàn của Thiên, cũng hé lộ cho Mai Khanh thấy cái hạnh phúc tương đối mong manh của họ.

Dưới mắt mọi người, Mai Khanh là người đàn bà may mắn nhất. Được chồng yêu với một tình yêu tuyệt đối. Được kết hôn với một người đàn ông có địa vị, hiền lành và thật thà như đếm. Những đứa con ngoan và xinh xắn. Đúng, Mai Khanh là người đàn bà hạnh phúc nhất đời, nếu trong tâm tư không trĩu nặng một mối tình vô vọng. Biết là vô vọng mà sao không quên được hờ trời?

Dù đã xa tít mù khơi trong cái dĩ vãng mịt mùng, Mai Khanh vẫn nhớ từng câu, từng lời mà hai người đã trao đổi (họ có là gì của nhau đâu mà dùng tiếng trao cho nhau nhỉ!)..

-Chóc nữa anh lên máy bay rồi. Không nói bon voyage sao?

Chàng nói câu này với nụ cười nửa miệng và ánh mắt nghịch ngợm. Mai Khanh lí nhí "bon voyage" mà đôi má phớt hồng. Thiên cười thật tươi với nàng trước khi nhảy lên chiếc xe jeep để ra phi trường. Mai Khanh đã nhìn theo chàng với trái tim xanh non rộn rã...

Một lần Thiên và nàng cùng đi một chuyến bay. Họ ngồi cạnh nhau. Mai Khanh gần như bị tê liệt, suốt hai giờ bay không hề nhúc nhích, cũng không trao đổi với nhau câu nào. Lời gì thì cũng không nói lên được nỗi đón đau của nàng. Trên chuyến xe buýt chật như nêm từ phi cảng

về nhà, cả hai đứng gần nhau. Đến một đèn đỏ ở ngã tư đường, tài xế thắng gấp. Mai Khanh cúi nhủi vào Thiên. Chàng vội đưa tay đỡ. Lúc đó Mai Khanh chỉ muốn dụi đầu vào ngực Thiên khóc một trận đã đời. Nhưng làm sao dám?! Nàng xuống tại ngã tư sau đó. Chỉ có một câu trông không "xuống nhé" và Mai Khanh gật đầu. Đứng bên lề đường, chiếc valy ngoan ngoãn nằm dưới chân, nhìn theo chiếc bus chuyên bánh, lòng dạ Mai Khanh rối bời, nặng như treo đá. Tuần sau là đám cưới của nàng với Phúc...

Những tháng năm vất vả long đong nơi xứ người, không ngày nào là nàng không nhớ đến Thiên. Nhớ quay quắt, nhớ mái mê! Rồi thỉnh thoảng chàng lại hiện về trong những giấc mơ ngắn ngủi của Mai Khanh. Vẫn thế. Trẻ trung và hào hoa.

Nàng đã hồi hộp biết bao cho lần gặp lại sau mười năm dài dang đẵng. Thiên đến một mình, nhưng Mai Khanh có Phúc. Trong thang máy đầy người để lên cafeteria ở tầng trên, Thiên quàng tay lên vai Mai Khanh siết nhẹ, thì thào:

-Mai Khanh vẫn thế. Không thay đổi gì cả.

Nàng đã lặng người. Mọi cảm xúc vẫn đầy ắp như xưa. Mai Khanh nhắm mắt. Ước gì chiếc thang máy cứ lên mãi, lên mãi, không bao giờ ngừng...

Tối đó hai cặp đi ăn với một nhóm bạn cùng đơn vị ngày xưa. Mai Khanh sang cả trong chiếc áo đầm màu tím nhạt, cổ đeo râu chuỗi hạt trai. Mái tóc đơn sơ chằm ngang vai. Trẻ trung và thanh thoát. Mỹ Lệ mặc áo đầm màu đen, cổ xẻ sâu. Mái tóc uốn xoăn tí kiêu phi châu. Cổ và tay đeo nhiều chiếc vòng bạc lóng lánh chồng lên nhau. Mỹ Lệ có vẻ đẹp man dại của một phụ nữ vùng rừng núi. Thiên cười, trong câu pha trò có chút cay đắng:

-Tôi cưới nhầm một cô Thái đen!

Mỹ Lệ chỉ nhún vai, không trả lời. Nhưng nét mặt không vui. Mai Khanh đưa mắt nhìn Thiên, trách móc. Giữa họ vẫn còn lối đối thoại không lời. Thiên nhướn cặp lông mày, như ngầm nói "Đùa thôi. Không sao đâu. Quen rồi!"

Cánh đàn ông lâu ngày không gặp nhau, vừa ăn vừa nhắc những kỷ niệm nơi vùng giới tuyến. Mai Khanh cũng nói chuyện với các bà. Nhưng quanh quẩn chỉ chuyện con cái, chuyện bếp núc và chuyện thời trang, áo quần... Họ không có những kỷ niệm sống chết với nhau như cánh đàn ông. Hôm nay nàng mới biết, Mỹ Lệ xuất thân trường Pháp, là fan của nữ ca sĩ Tina Turner. Thảo nào cách phục sức và trang điểm giống y chang bà già giết giặc đó!

Bữa tiệc tàn. Nhìn đồng hồ thấy còn sớm nên mọi người đồng ý kéo hết đến vũ trường nghe nhạc. Nhân thể check lại sự dẻo dai của đôi chân. Mai Khanh dặn nhỏ chồng nhớ mời Mỹ Lệ nhảy. Nghe nói cô ấy mê nhảy đầm lắm. Phúc gật đầu. Trong thâm tâm, Mai Khanh hy vọng gì? Nhớ lại những ngày đầu, lúc mới quen nhóm Phúc, Thiên. Họ kéo Mai Khanh đi dự party Noel trong một Câu Lạc bộ. Nàng đã tròn mắt nhìn những cặp trai gái quay cuồng trên sàn nhảy. Khâm phục quá trời. Thiên mời nàng một bản Tango, nhưng Mai Khanh lắc đầu cười trừ:

-Xin lỗi anh. Mai Khanh không biết nhảy.

Thấy chàng không mấy tin, Mai Khanh không biết phải nói gì hơn là lập lại:

-Thật đó. Em không biết nhảy đầm đâu!

Nhưng bữa nay thì khác. Phúc đã dạy cho nàng nhảy thật nhuần nhuyễn. Cả những bước khó nhất. Những người trong bàn đã lục tục bước ra sàn nhảy. Đã nhiều lần đến đây, nhưng hôm nay, Mai Khanh

thấy tâm trạng mình khác hẳn. Đến cô ca sĩ hát dở nhất mọi khi, nàng cũng thấy hay.

Sau bản Cha cha cha vui nhộn, cô ca sĩ bắt tiếp bài slow mùi Tà Áo Xanh của nhạc sĩ Đoàn Chuẩn. Trên đường trở về bàn, Mai Khanh chợt thấy lòng mình mềm nhũn, nàng quay lại nói với Thiên:

-Mình nhảy thêm bản này nhé.

Cả hai im lặng bước đi trong tiếng nhạc diu dặt và tiếng hát nức nở của cô ca sĩ nổi danh tài sắc của vũ trường. Mai Khanh chợt ngược lên hỏi :

-Anh Thiên có nhớ gì khi nghe bài Tà Áo Xanh?

Thiên nhìn xuống, vẫn nụ cười nửa miệng, ánh mắt đầy bóng tối:

-Bộ có kỷ niệm gì sao?

Mai Khanh chỉ lúng túng một giây:

-Hồi đó có lần Mai Khanh hỏi anh thích bản nhạc nào nhất? Anh trả lời bản Tà Áo Xanh của nhạc sĩ Đoàn Chuẩn.

Tiếng Thiên đầy kinh ngạc:

-Trời ơi, bao nhiêu năm rồi Mai Khanh vẫn nhớ?

Giọng nàng lạc đi:

-Dạ, vẫn nhớ..

Hình như vòng tay của Thiên siết chặt hơn một chút. Hay tại nàng tưởng tượng?

...Rồi chiều nao xác pháo bên thềm tản mác bay. Em đi trong xác pháo, Anh đi không ngược mắt, thôi đành em! Lúc em ra đi lạnh giá tâm hồn, hoa mai rơi từng cánh bên đường. Lạnh lùng mà đi luyến tiếc thêm chi. Hoa tàn tình tan theo không gian!

Tiếng ngân trong vắt của người ca sĩ kéo theo tràng pháo tay dòn dã của đám đông. Có một cái gì đó lóe lên trong cái đầu ngu ngơ của Mai Khanh khiến nàng đứng đực ra trên piste, cặp mắt mở căng nhìn Thiên, miệng há to nhưng không một âm

thanh nào thoát ra. Thiên đặt tay lên lưng Mai Khanh diu về chỗ ngồi. Từ đó nàng như đắm chìm trong một thế giới khác. Cái thế giới đầy sương mù và gió lạnh của ngày nào. Trời ơi tại sao ta không nghĩ ra? Thật là đồ con lừa! Mai Khanh tự si vả mình. Giờ đây nàng lờ mờ hiểu tại sao lúc mới quen với nhóm của họ, sáu bảy người gì đó, đủ mọi thành phần, bình chủng. Mỗi khi tụ họp, trong khi mọi người đầu hót tung bừng thì lúc nào Thiên cũng ngồi một mình trong góc, đăm chiêu tư lự với điệu thuốc trên tay. Mới đầu Mai Khanh còn tưởng anh chàng kiêu kỳ, lập dị. Đáng giận là thái độ này của Thiên lại thu hút Mai Khanh như nam châm hút sắt. Cái đầu sáng suốt thì lác, nhưng trái tim mù lòa lại gât! Hậu quả là tâm hồn cứ lênh đênh trong suốt bao nhiêu năm qua. Trời ơi!

Trước khi chia tay, mọi người hẹn ngày mai sẽ đến ăn bún chả nhà vợ chồng Đức. Đức ngày xưa là Dược sĩ của bệnh viện Quân y, nghèo xơ xác. Bây giờ là chủ nhân một nhà thuốc tây thuộc loại "tâm cỡ" ở Orange County, giàu sụ. Căn nhà hơn hai triệu tọa lạc trên đồi, sân sau nhìn ra một cái hồ rộng. Xung quanh hồ, liễu rủ phất phơ và nhiều loại hoa màu sắc rực rỡ. Từ nhà Đức theo những bậc thang bằng đá đi xuống hồ độ vài chục thước. Lối đi xung quanh hồ được lát gạch phẳng phiu. Những bậc thang đá đặt rải rác cho người đi bộ nghỉ chân. Sau màn bún chả thịt nướng ê hề là mục karaoke. Vợ chồng Đức có mời thêm vài cặp bạn của họ, cho không khí càng thêm tung bừng. Nhà này được chủ nhân thiết bị một dàn máy hát cực kỳ hiện đại, nên người nào hát cũng hay gần bằng Tuấn Ngọc, Khánh Hà, Ý Lan...vì thế chương trình được mọi người hưởng ứng nồng nhiệt. Hát hay không bằng hay hát mà lì!

Tiếng bà chủ nhà cất lên. Cao, trong như pha lê và dạt dào tình cảm. Bài Tình Khúc Thứ Nhất của nhạc sĩ Vũ Thành An. Những lời ca như xoáy vào tim: " Tình vui theo gió mây trôi, ý sầu mưa xuống đời... Ngày thần tiên em bước lên ngôi, đã nghe sơn vàng tả toi!...Có biết đâu niềm vui đã nằm trong thiên tai. Những cánh dơi lê loi mù trong bóng đêm dài...Tình vui trong phút giây thôi, ý sầu nuôi suốt đời!...". Mỗi lần nghe bản nhạc này là Mai Khanh cảm thấy cay cay trên đầu mũi, trên khóe mắt. Và con tim toi tả như bài hát. Chao ôi!

Xưa nay chỉ quen làm khán thính giả chứ không quen cầm micro nên nghe độ năm, bảy bài là Mai Khanh bắt đầu muốn ngáp. Nhờ ngồi hàng ghế sau cùng nên nàng rút lui một cách êm thấm. Bỗng qua căn bếp rộng thênh thang, sạch như lau như ly vì ít khi được dùng tới, Mai Khanh đi thẳng ra sân sau. Nàng chợt ngừng nơi ngưỡng cửa. Ánh đèn từ trên cao hắt xuống nhạt nhòa trên tấm lưng của một người đàn ông đứng tựa bên lan can phía sau nhà, mắt nhìn hờ hững xuống mặt hồ, điều thuốc lập lòe trên môi. "Cho dù anh có đứng trong bóng đen âm u, em cũng nhận ra ngay". Mai Khanh chợt bật cười vì cái ý nghĩ đầy vẻ cải lương của mình.

Tiếng cười tuy khẽ, cũng khiến Thiên quay đầu lại. Nhận ra Mai Khanh, chàng lên tiếng:

-Mai Khanh hả? ra đây ngắm trăng. Trăng hôm nay đẹp vô cùng.

Hít một hơi dài làn gió hây hây từ mặt hồ đưa lên, hương đêm thơm ngan ngát, Mai Khanh bước ra đứng bên cạnh Thiên. Ngược nhìn bầu trời trong veo, vành trăng tròn lộng lộng như chiếc đĩa bạc. Dưới kia rặng liễu lao xao trong gió, giống những

suối tóc mềm lung linh..lung linh...Mai Khanh buột miệng:

-Đẹp như trong mơ anh nhi.

Thiên chép miệng:

-Xứ người thanh bình lạ. Tội nghiệp cho đất nước tang thương của chúng ta. Nhớ lại những ngày còn ở Bệnh viện Quân y. Mỗi lần đụng trận lớn là thương binh tái về rần rần...

Không để chàng dứt lời, Mai Khanh xoay người lại:

-Anh Thiên, em có điều này muốn hỏi anh.

Ngạc nhiên, Thiên cũng xoay người nhìn Mai Khanh:

-Điều gì mà có vẻ nghiêm trọng vậy?

Mai Khanh hơi ngập ngừng:

-Em muốn biết khi anh đổi lên Bệnh viện Quân Y, anh đang có chuyện buồn về tình cảm?.

-Tại sao bỗng dưng Mai Khanh muốn biết chuyện này? Có gì quan trọng đâu?

-Nhưng em muốn biết sự thật. Kể cho em nghe đi.

Thiên quay nhìn về hướng mặt hồ, giọng xa xăm:

-Chuyện đã lâu rồi nhắc lại làm gì...

-Em có lý do để hỏi anh chuyện này. Giọng Mai Khanh van nài.

Im lặng vài phút như để cố nhớ lại một dĩ vãng đã xa. Thiên thở hắt ra:

-Ừ, thì cứ xem như là có đi. Một anh trung úy bác sĩ mới ra trường làm sao địch nổi với một ông Đại sứ. Dù giữa họ có chút chênh lệch về tuổi tác, nhưng ông ta vẫn còn rất phong độ. Anh không trách ai cả. Chỉ tại mình không đủ điều kiện...

-Vì thế anh mới xin đổi lên vùng khi ho cò gáy để quên?

-Ừ, để quên...và anh đã quên.

-Anh đã quên. Mai Khanh lập lại lời của Thiên như một cái máy. Rồi sau đó?

THỰC

Trời -Trăng nhật thực đòi nhau
Lúc Thầy khát thực qua cầu tỉnh yên
Có người tuyệt thực ngoài hiên
Ai đang dĩ thực vi tiên từng giờ
Sóng tràn xâm thực vào bờ
Mãn mùa bội thực không ngờ có tôi
Em ơi lương thực cạn rồi
Hôm nay thực khách gương cười thực đơn

PHAN KHÂM

(Maryland)

-Cho đến khi anh gặp một cô bé có chiếc răng khênh. Xinh thật xinh. Giọng Thiên bỗng trở nên ngậm ngùi, nhưng một lần nữa anh lại phải lùi bước...

-Tại sao? Mai Khanh gần như kêu lên.

-Em nghĩ sao khi thằng bạn thân của mình tâm sự là nó yêu cô bé kia say đắm và có ý muốn xây dựng gia đình với cô ấy? Nó không hề biết tình cảm của anh dành cho cô bé...

Mai Khanh cắt ngang, cổ họng nghẹn cứng:

-Nếu cô ta cũng yêu anh thì sao?

-Thằng bạn anh có điều kiện hơn anh. Hơn nữa, nếu anh biết nó yêu cô bé kia mà còn tranh giành thì ra thế thống gì?

-Nhưng ít ra...

Thiên vội cắt ngang, giọng dịu dàng nhưng cương quyết:

-Mai Khanh. Hãy nghe anh. Chúng ta là những người có trách nhiệm. Chuyện đã qua rồi đừng nhớ tới nữa. Ai cũng chỉ có một thời để yêu. Những tình cảm ngày xưa, chúng ta trân quý như một kỷ niệm đẹp. Anh bây giờ sống cho qua ngày. Em biết không, Mỹ Lệ bị ung thư buồng trứng. Vì thế cô ấy muốn làm gì anh cũng chịu. Ngày tháng trước mặt của cô ấy chắc không còn nhiều...

Mai Khanh kêu lên thảng thốt:

-Trời ơi, em không ngờ. Trông chị ấy bình thường như vậy.

-Mỹ Lệ rất can đảm. Cô ấy cố sống thật bình thường. May mà các con anh cũng đã lớn. Đòi là vạn ngày sầu! Mình phải tự tìm cách xua bớt nỗi sầu mới mong được sống an lạc. Thôi chúng ta vào nhà. Sương bắt đầu xuống rồi đó. Coi chừng kéo bị cảm, cô bé có chiếc răng khênh!

Câu cuối cùng Thiên nói thật chậm rãi và chàng mỉm cười, nhìn sâu vào mắt Mai Khanh trước khi quay lưng bước vào nhà. Ánh trăng đỏ xuống mênh mông. Nàng vẫn đứng đó, ngo ngác như kẻ mộng du. Cô bé có chiếc răng khênh! Thì ra...Ta nên khóc hay nên cười? Có lẽ cả hai. Đòi là vạn ngày sầu. Những hạt sầu nàng đã gieo từ khi bắt đầu yêu Thiên. Bao nhiêu năm qua nó đã đơm bông, kết trái, liên miên không ngừng. Giờ đây, Mai Khanh chỉ muốn dùng hai tay vốc từng nắm hạt sầu, rải tung ra trước gió. Nàng mong chúng sẽ nương theo gió bay đi, thật xa....

TIỂU THU

(Chớm thu 2008)

[họa vận]

NHỮNG CHIỀU ĐÔNG THÔI ĐÀNH

Thu quyến trôi theo những mảnh nồng,
Rồi đây là những buổi chiều Đông!
Còn đâu nao nức đêm hò hẹn,
Giây phút êm đềm lúc ngóng trông!
Người khuất chân mây xa bến nước,
Thuyền ra cửa biển bỏ dòng sông!
Chiều đông rét mướt chờ ai nữa?
Bếp lửa tro tàn, em biết không?

Rồi hết Xuân tươi đến Hạ nồng
Thu vàng đổ lá lại vào Đông
Lên đèn mấy độ ngùi thương nhớ
Khắc khoải bao mùa vẫn đoái trông
Biên biệt người đi về cuối bãi
Lạnh lùng kẻ ở đứng đầu sông
Đời như dòng nước miên man chảy
Thì cũng thôi đành chuyện có-không!

HỒ CÔNG TÂM NGUYỄN KINH BẮC

Texas, October 10, 2008

Philadelphia, October 13, 2008

(Họa vận) (Họa vận)

THOÁNG LẬP ĐÔNG ĐÊM CUỐI

Đốt trầm hong nắng ủ hương nồng
Mây bông mơ hồ thoáng lập Đông
Khiến kẻ bên trời thêm ngóng đợi
Để người cuối bến phải chờ trông
Ngày buồn đọc kệ thay kinh sách
Tối chợt nghe thơ thấy sóng sông
Tưởng nụ Hoa Đàm đang kết trái
Sầu-Tu, trong khói tỏa màu không

Hãy nhấp môi em — chén rượu nồng
Sưởi hồn ngây ngất buổi tàn Đông!
Mai kia nghịch cảnh làm ngăn cách,
Mốt nọ đôi đường biết cạy trông!
Đây đấy xa đâu mà cách núi?!
Đấy đây gần xít lại ngăn sông!
Đêm nay, anh nhỉ, là đêm cuối
Kỷ niệm, mai này, anh nhớ không?!

CAO MỸ NHÂN MINH ĐỖ

Hawthorne, 12/10/2008

(Texas, 10/2008)

Tản mạn... Thông Ngôn

Nguyễn-Phú-Long

Ta dùng câu “Thông ngôn” để chỉ việc phiên dịch bằng miệng từ ngôn-ngữ này sang ngôn ngữ khác, giúp cho hai người không sử dụng cùng tiếng nói có thể hiểu nhau. Tức là, muốn thông-ngôn, điều kiện cần là mình phải biết cả hai ngôn ngữ của họ để chuyển nghĩa lời phát-biểu từ bên nì cho bên kia hiểu và ngược lại.

“Phải biết cả hai ngôn ngữ của họ.” là nói tổng quát, thực tế chỉ cần am tường một ngoại ngữ, vì kẻ còn lại thường nói chung thứ tiếng với người thông ngôn.

Đôi khi thay vì thông ngôn ta còn nghe “thông dịch”, hàm ý tương-tự như thông ngôn, tuy nhiên thực tế dần dần thấy ít dùng, hơi cũ, ngữ nghĩa không hoàn toàn chính xác, một số tự điển đã bỏ qua chẳng đề cập tới.

Thông ngôn là một nghề tương đối mới mẻ ở Việt-Nam, lương bổng hậu hỹ, việc làm nhàn-nhã, hấp dẫn và được kính trọng. Ai gặp cũng một điều thưa thầy thông-ngôn, hai điều thưa thầy thông-ngôn.

Nhớ chuyện xưa...Thoạt tiên, khi các quan Đại Pháp cực nhọc hy sinh bỏ cuộc sống êm đềm bên dòng sông Seine, bỏ các bà đầm dốt chớ rong chơi rải mìn khắp đường phố nơi kinh thành ánh sáng, lặn lội sang đây, đem văn-minh khai-phá cho đám dân còn ngờ ngác chưa biết tại sao đèn sáng, ngọn chúc xuống đất và nước trong, phun ngược lên trời, họ ưu ái mở nhà máy nấu rượu cung cấp cho ta nhậu lai rai ba sơi, nhưng luôn luôn nghiêm-minh, kỷ luật, chẳng có oong đơ gì cả, họ thẳng tay bỏ tù một gông những kẻ nấu rượu lậu.

Vì nhiều công việc bề bộn, dân Giao-Chỉ, cần được bảo ban cách làm đường, cầu cống, lập đồn điền, cạo mũ cao-su... hợp tác, góp sức lao động nên nghề thông ngôn đã xuất hiện theo nhu-cầu.

Từ hồi mới có ông Tây,

Có bơ, có sữa, có thầy thông-ngôn.

Một điều không thể chối cãi, đó là tính cần cù, sự làm việc chu đáo của dân Việt-Nam hầu hết đều được cấp chỉ huy tin tưởng, thương mến. Lại nữa, quan trên và kẻ thông ngôn lúc nào cũng như bóng với hình, làm việc kè kè bên nhau, nên sự thương mến còn đậm đà hơn nhiều, có thể nói không ngoa, đôi khi đó chính là một cặp bạn bè thân thiện.

Sách “Sau Bức Cấm Thành Nhà Nguyễn” có đề cập tới mẩu chuyện, xin dẫn ra đây để mọi người thấy tình nghĩa giữa thông ngôn và quan trên đậm đà tha thiết tới dường nào.

Trong chuyến công du Huế và Sài Gòn nhiều tháng, phái đoàn quan toàn quyền Paul Doumer mỗi người một ngựa ngất ngưỡng trên đường thiên lý, giống như bọn thầy chùa Tam-Tạng đi thỉnh kinh, mỗi lần tới nơi nào, ông không báo trước để địa phương tiếp đón. Trong đoàn tùy tùng có một người Việt làm thông ngôn gọi là Phán Ngọc (chả rõ họ gì.). Khi tới Huế, Paul Doumer đột ngột vào kinh thành để viếng thăm quốc vương An-Nam, làm vua Thành-Thái và các đại thần bật ngựa, lo sợ thất lễ. Nên ngày hôm sau triều đình tổ chức đại yến để tỏ sự cung kính và dành cho toàn quyền danh dự lớn.

Hoàng gia chỉ cho mời các ông hoàng bà chúa, các quan nhất phẩm và lục bộ thượng thư mà thôi. Danh sách được gửi cho phái đoàn duyệt trước, khi thấy không

có tên người bạn đồng hành và cũng là thông ngôn của mình, Paul Doumer hỏi lại, triều đình trả lời, phán Ngọc là dân giả, không phải quan đại thần nhất phẩm, không thể mời được. P. Doumer yêu cầu mãi, triều đình, cực chẳng đã, bắt buộc nhượng bộ vì không thể làm phật lòng toàn-quyền. Toàn quyền là rất lớn, coi cả ba xứ Việt-Mên-Lào cơ mà! bèn tạm phong cho phán Ngọc “Nhất phẩm đại thần hàm” rồi cho ông ta mượn bộ đồ vía của các quan cùng cấp bậc để mặc hôm dự tiệc.

Thuở trước, không kể Pháp Quốc, mình còn tiếp-xúc với nhiều dân nước ngoài, những quốc gia này đến với ta đều có ý tốt cả, họ dạy mình lễ nghĩa, trồng trọt, thu gom vàng bạc châu báu đem về nước cất giùm. Ai vậy? Thì ông bạn không lờ lảng giềng phía Bắc chứ ai! Thế mà lúc đó chả thấy phát sinh nghề thông ngôn lan rộng, chính thức, quy chế như thời sau. Nhiều phần có thể vì người An-Nam bấy giờ tuy không rành tiếng Tàu, song nhờ gần gũi, với bốn ngàn năm văn hiến, biết viết chữ nho, nên dù không hiểu, họ nói xập xám, mình đọc là thập tam, mà viết ra thì như nhau do đó ta đã sáng kiến thêm một phương pháp khác để “điều” với nhau, thực hành hơi linh kinh nhưng rõ ràng mình bạch, đó là bút đàm.

Cuộc bút đàm thoạt tiên phải sửa soạn giấy bút, có tràng kỷ chững chạc để ngồi đối diện càng tốt, (nếu không, nằm bò nơi sàn nhà lượm cục than viết dưới “mặt bằng” cũng chẳng sao) đổ chút nước mưa vào nghiên, mài mực...xong đầu đấy, tiền khách hậu chủ, mời tiên sinh viết một câu, tôi đọc và tôi viết câu trả lời, cứ thế tiếp tục. Giống như bây giờ mình *chatting* trên mạng Rất minh bạch, giấy trắng mực đen, bút sa gà chết, không thể gian lận, mập mờ, ám ố như mẫu chuyện sau đây:

Giáo sư Hứa-Hoành kể, một người dân giả, nguyên là học trò nghèo quê ở Gò Vấp, nhờ giỏi giang, thông minh, được học

bổng du học bên Tây, đậu tú-tài đôi, lúc quy cố hương vừa làm thầy dạy Pháp văn cho các công-chúa và Hoàng-tử trong cung, vừa làm thông ngôn, đó là Diệp-Văn-Cương. Ông Cương cưới cô công chúa Thiên-Niệm, chị ruột vua Dục-Đức thường gọi là Mệ-Kim làm vợ. Trong khi làm thông-ngôn, đầu năm 1888, để chọn người kế-vị, lúc vua Đồng-Khánh băng hà, vào một buổi họp về việc ấy Diệp-Văn-Cương cố tình dịch sai lạc, mục đích muốn đưa người cháu vợ mình là hoàng tử Bửu-Lân lên ngôi theo ý bà Thiên-Niệm.

Các quan hỏi Khâm-sứ:

- Nay vua Đồng-Khánh mới quy tiên, theo ý ngài nên chọn ai lên làm vua?

Diệp-Văn-Cương không dịch đúng nội dung như thế mà lại lắt léo cho quan khâm sứ hiểu theo ý đồ đã tính trước:

- Monsieur le Resident Superieur, Nay vua Đồng Khánh đã mất, Lưỡng Tôn-Cung và cơ-mật đồng ý tôn Bửu-Lân lên làm vua, xin quan khâm-sứ cho biết ý-kiến.

Khâm-Sứ đáp:

- Nếu cơ-mật và Lưỡng tôn-cung (Bà Từ Dũ và bà Học Phi) đồng ý thì tôi cũng tán-thành.

Đến đây, ta thấy câu chuyện đã được Diệp-Văn-Cương xô mũi dắt quan khâm-sứ quẹo vào đường khác rồi, sai một ly đi một dặm rồi, sắp sụp hồ cả lũ rồi, làm cho thầy thông ngôn thêm phần khởi, không dịch câu nói của Khâm-Sứ đàng hoàng mà lại giáng một búa, cương ầu cho các đại-thần nghe để dễ bề kết thúc, như sau:

- Bẩm các quan lớn, ngài khâm-sứ Rheinard đáp: “Theo ý tôi thì chọn hoàng-tử Bửu-Lân là hợp lý hơn cả.”

Thế là toàn thể các vị rường cột nắm vận mệnh quốc-gia cả Tây lẫn ta đã bị phù thủy Diệp-văn-Cương đạo diễn hốt một mẻ tron gói.

Thế là chỉ ba giờ sau, Hoàng-Tử Bửu-Lân mới 10 tuổi đang chơi đá đẽ cùng lũ trẻ, đã trở nên vua Thành-Thái dù mẹ ngài,

thấy cảnh phé lập, khóc lóc xin tha cho con bà mà chẳng được.

Nơi bộ Việt-Nam Sử-Lược của Trần-Trọng-Kim dĩ-nhiên không có kể việc này, chỉ nói đại khái rằng quan khâm-sứ có ý muốn, nên truyền lập ông Bửu-Lân lên làm vua. (quyển 2 trang 339.)

Chuyện làm ăn của một số rất ít lưu-manh, nghề nào cũng vậy, lui tới một chặp rồi cũng rơi vào nghi ngờ, mất tin tưởng có thể bị phanh-phui, đổ bể. Về sau, những vụ quan- trọng, các thông ngôn phải qua cuộc lễ tuyên-hứa mới được hành-nghe đó là các thông-ngôn hữu-thê, thường làm việc cho các vị nguyên thủ, cho tòa-án v...v...

Qua mẩu chuyện trên đây, việc thông ngôn thật là hết sức lợi hại, vì những thầy thông ngôn vô lương tâm còn có thể y vào vị trí của mình, để xuống tay thực hiện trả thù cá nhân không mấy khó khăn.

Lịch sử Việt-Nam cận đại đã chứng minh điều đó. Một hôm, từ tờ mờ sáng, súng nổ chát chúa, máy cộ già run rẩy, rên khừ khừ như trúng phong, chó kêu ăng ăng, cụp đuôi phóng chạy tán loạn dưới gầm giương, góc nhà. Thường khi chú cẩu bị nện vài hèo mới kêu như thế, bây giờ đặc biệt hãi quá nó cũng kêu ăng ăng như lúc bị thọc tiết thui vàng, nấu nhựa mận.

Dân làng chưa hiểu chuyện gì, con nít khóc ré làm các bà mẹ vội vàng tính vạch yếm án vú vào miệng nó cho yên... thì tất cả đã bị lừa ra bãi đất trống trước sân đình tập hợp, không khí ngột ngạt, tuân lệnh tuyệt đối, lặng lẽ, nhanh nhẹn, kỷ luật, loạng quạng ở đây, lúc này, bỏ mạng như chơi, nam đứng một bên, nữ đứng một bên, đông thật là đông, để kiểm soát, thanh lọc.

Giữa đám lính Tây đằng đằng sát khí, những khẩu súng dài có gắn lưới lê nhọn hoắt, viên cạp-pò-ràn-xếp chỉ huy, hàng ria mép rậm rì như hai con sâu róm, mang cây Colt 45 với những viên đạn gài chì chít trên chiếc thắt lưng bằng da bò màu vàng-thỏ, đi cạnh thầy thông ngôn đảo qua đảo

lại, lạnh lùng. Thầy thông ngôn thì đang làm công việc chỉ điểm, thầy chum cái bao bố để khỏi ai nhận ra lý lịch, diện mạo, phòng hờ sự oán hận về sau, thầy chỉ tay vào người nào là đời kẻ ấy kể như oong poong phi nổ, một số hai chấm!

Nghe nói, trong quân đội, có một vài quan lớn khởi nghiệp như thế, sau khi ông xếp mắt xanh mũi lõ hết nhiệm-kỳ sửa soạn xuống tàu về Tây, buổi chia tay thầy trò bịn rịn ngời đối diện, nôi thịt thỏ nấu rượu vang để ở giữa, nghi ngút bốc hơi, tỏa mùi thơm hấp dẫn khắp phòng, để bổ đường nhân nghĩa, ông khuyên thuộc cấp phải lo tương lai, ông đi rồi, cò-sơ-ra sơ-ra? nên xin đăng lính cho Pháp, hấn nghe lời, ghi tên vào trường "Anh-ăn-chi?" (infantry) nhận một lô quần áo toàn màu cứng ngựa, đôi giày-xăng-đá cứng và nặng như...đá, để bắt đầu bài học đi đều bước.

Khổ nỗi khi huấn-luyện-viên hô "En avant marche!" Hấn lúng túng không biết bắt đầu chân nào trước chân nào sau, bị đá đít, bộp tai, mẹt-xà-lù mãi cũng như nước đổ lá môn, cuối cùng phải lấy bẹ chuối khô buộc vào một chân cho dễ nhớ. Quân trường đổ mồ hôi, chiến trường bết đỏ máu là vậy?

Về sau, bao nhiêu biến cố lịch sử xảy ra, quân đội thuộc Pháp chuyển qua quân đội quốc-gia, cả triệu người xuống tàu há mồm ra khơi, di-cư từ Bắc vào Nam, rồi trướ phé Bảo-Đại, suy tôn Ngô Đình-Diệm, thanh niên cộng hòa mặc đồng phục xanh đi chào cờ sáng thứ hai, lập áp chiến lược, đàn áp tôn giáo, rồi từ Đệ-Nhất Cộng Hòa tới Đệ-Nhi Cộng-Hòa, rồi quân đội Củ-Xâm, quân đội Cang-Gu-Ru v...v...nhào vô ăn có, hết đảo-chánh lại chỉnh lý, công bố Hiến Chương Vũng Tàu, sinh viên biểu-tình... Hấn không phải chỉ là chứng nhân giai đoạn lịch sử mà đã ít nhiều, trực tiếp hoặc gián tiếp, tham dự hầu hết những biến cố ấy, những biến cố ấy quá dài, làm mỗi khi nhìn về quá khứ, hấn thường kiêu ngạo

chê thuộc cấp là cái thâm niên quân vụ của họ chưa chắc bằng những ngày hấn nầm bệnh viện cộng lại.

Hấn như bị “ cuốn theo chiều gió”, cặp giày đinh lưu lạc khắp bốn vùng chiến thuật, “gặp thời thế thế thời phải thế” lúc thì trận mạc, lúc bị thượng cấp ghét bỏ vì ăn chia không đều, bèn bị đẩy theo học các khóa quân sự, chỉ huy tham mưu và cuối cùng “Anh chưa chết đâu em!”, sống lâu lên lão, lon lá càng ngày càng nặng để một sáng ngủ dậy vào đơn vị bỗng thấy người trường ban Ba, cần-mẫn, tận-tụy đang chờ, cười, tươi rói, trình tờ công-điện từ bộ Tổng-Tham-Mưu....Thế là thầy cựu thông ngôn lại lên chức, lại lên lương, đường hoạn lộ thăng thang...để mai sau khi hai năm mươi, những tấm mê-đay còn đó, những hình ảnh, trận mạc còn đó, những kỷ vật đó có thể làm cho một nhà thơ nào đó đang tung đề tài, chợt nhìn nước chảy mây trôi, lan man nghĩ tới cái ngắn ngủi, phù du của kiếp người, sinh lão bệnh tử, bèn nhả ngọc phun châu thành mấy câu đầy đủ các hình ảnh: Chiến sĩ, sa trường, da ngựa bọc thây...thương tiếc một vì sao “rớt hột”.

Bản “tướng mạo và quân vụ.” của cha bự này như thế cũng chả vinh dự danh giá, ghê gớm gì. Một lực sĩ đấu võ wrestling lúc thượng đài vì nghề nghiệp, câu khán giả, vênh váo chửi bới đối phương đôi khi thắng, đôi khi bị địch thủ dẫn cho như từ gần bề mặt, chuyện đời năm ăn năm thua. Bỗng một hôm thấy không khí bầu bán hào hứng, bèn bỏ nghề đá bóng, nhào ra ứng cử và trở nên kẻ đứng đầu một tiểu bang nhiệm kỳ bốn năm. Bốn năm nơi xứ Bắc lạnh lùng, tuyết phủ với hàng ngàn cảnh hồ nước mênh mông, với bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông cây cỏ hữu tình... ngài thống đốc làm được gì? Chắc cũng không nổi bật nên tới 2002 ngài bị kẻ khác giành mất

chiếc ghế uy quyền, thơm như múi mít, đẩy lùi cuộc sống trở về lạng lẽ, tối tăm, y như “thằng bé âm thầm đi vào xóm nhỏ!”

Ngài cựu thống-đốc bây giờ ở đâu? Bến Hải hay Cà-Mâu? Ôi! bức tranh vân cầu. Lên voi xuống chó. Lão-Tử viết “ Danh khả danh phi thường danh.” Trong thiên hạ nào dễ mấy ai!

Xin tiếp tục chuyện thông ngôn, không phải sự hợp-tác giữa hai chủng-tộc, hay nói cho đúng là giữa hai cá nhân của hai chủng-tộc, là nhất thiết phải cần thông-ngôn.Hồi đó mấy tên lính viễn chinh xa nhà, khi thành thoi, ngóng trời, nhìn cụm mây trắng lững lờ, bồi hồi tưởng lại, chẳng biết con bé tóc vàng hàng xóm, con bé mặc váy ngắn mang vớ trắng cao tới đầu gối bây giờ ra sao, lòng nhớ quê hương bồi bồi thì cũng y chang người di tản lúc đầu vậy. “Anh Phải Sống”. Mặt khác cô me Tây lẳng vẳng đâu đó cũng phải sống. Thế là “hữu duyên thiên lý năng tương ngộ.” hai bên, dù chẳng cùng ngôn ngữ, bèn rập vô, nương tựa nhau cho bớt sầu đời.

Chẳng cùng ngôn ngữ thì nhằm nhò gì,họ biết phải làm chi và phải đối xử với nhau thế nào chứ! Công thức “Ông mất cái gì, bà thò chai rượu” đem áp dụng lúc nào cũng hữu hiệu. Họ có hai vòng tay đầy sức sống. Hai vòng tay ấy không phải chỉ để ôm nhau thật chặt tỏ dấu yêu đương mà còn dùng nói chuyện, rồi bập bẹ vài tiếng, rồi cố gắng ghép hai chữ lại, nửa Pháp nửa Việt cho Pháp Việt đề huề.

Cũng tình tứ, mùi mẫn quá cỡ thợ mộc ấy chứ ily! Một hôm cuối tuần, mới sáng tinh mơ, trên tấm thân-thể-bùng-bùng còn khoác chiếc áo ngủ mỏng dính, dài thượt, chị vợ đã thoãn thoắt làm điểm tâm cho chồng ăn, vừa bưng đĩa trứng vừa nói như reo “ Ên pa cúc cù cu...cu, ên săng tê cúc cúc, Y-ê ên đon-nê một cục, ô-dua-đuy ốt si một cục, ốp

la óp lét, măng dê ngon ra phết.”. Ăn xong, theo đúng chương trình nỉ non to nhỏ từ đêm hôm qua, hai vợ chồng còn dặt tay dạo chơi sở thú, đến chuồng cạp cô me tây mừng rỡ kéo tay người lính xa quê hương, vừa chỉ vừa nói líu lo: “Me sừ! me sừ! lúy gầm lúy gừ, lúy com lơ bóp, lúy pa lơ bóp, lúy tý ti dôn, lúy tý ti noa, lúy măng dê cả moa, lúy măng dê cả toa, Ô la la!”

Chàng lính viễn chinh nghe vậy gật gù, mỉm cười, ngây ngô, sung sướng, song, người trai trẻ đang ngập lặn trong hạnh phúc ấy có hay biết gì không nhỉ? Tôi chẳng rõ. Thú thực viết đến đây tôi chỉ e là quý vị độc giả kính mến có hiểu giùm chẳng mấy câu nói của cô me Tây đang cơn hào hứng! Tuy nhiên, ví dù, nếu không hiểu cũng đừng kêu tôi nhé! Thay vì kêu tôi, xin gõ cửa tìm hỏi ông Bảo-Trần:

Ngoài đường ban tối, tối thui,

Ông đang “Đổi Diện Niềm Vui” miệt mài.

Mấy bữa mò tới thăm ông, tôi không thích theo lối mới, gọi điện thoại trước. Tới nơi, bấm chuông, đi vắng thì về, cửa mở thì vô, sau khi biểu diễn màu mè chiếu lệ:

- Xin lỗi, kẻ phạm phu tục tử này thật đáng trách, đến mà không thông báo, chẳng hay tiên sinh có bận việc gì chẳng?

Ông không trả lời, nắm vội lấy tay tôi kéo tuột vào nhà, cho tôi uống cà-phê “3 in 1”, ăn đậu phộng rang, vui vẻ, thân tình... và có lần ông đã kể tôi nghe mẩu chuyện cười thế đấy!

Phạm-Quỳnh viết: “Người An-Nam cái gì cũng cười”. Mẩu chuyện trên đây lại buồn cười! Thế thì mình cứ cười vui cho thoải mái. No star where (Không sao đâu.) Tuy nhiên, mặt khác, những câu nói buồn cười này chưa hẳn đã thật, biết đâu chẳng là hư cấu, mà dù giả hay thật, chắc chắn nó không có gì đáng khinh cả, vậy xin đừng nghĩ tới lời phê phán khắt khe, miệt thị của ít người: “Tiếng Tây bồi”!

Từ sau năm 1975, có rất nhiều người Việt bỗng nhiên bỏ cửa bỏ nhà sang sinh sống ở Hoa-kỳ. Tôi nói bỗng nhiên vì cuộc ra đi không dự trù trước. Có ông cụ búi tóc củ hành cạp nách cái ô (Đồng bào miền Nam kêu cái dù. Hồi xưa cái ô này được gọi ô máy, ông Tú Xương lại đặt tên là ô Tây: “Hôm qua anh đến chơi đây, giầy dôn anh diện ô Tây anh cầm”), nói với mấy người đồng hương ngay khi bước xuống sân bay: “Chẳng hiểu tại sao tôi ở đây!”. Rất nhiều người bị home sick, chưa biết tiếng Anh, bao nhiêu trường hợp, đôi khi cũng gây ra vô số chuyện tức cười về ngôn ngữ vì đâu phải lúc nào cũng có thông ngôn, nhưng được cái, hiếm khi nghe ai phê phán “tiếng Mỹ bồi!” và hẳn tiếng Mỹ bồi cũng có lúc buồn cười lắm, xin miễn kể chỉ vì hầu hết mọi dân đồng cảnh ngộ đều kinh nghiệm, trải qua, chả ít thì nhiều.

Sau hơn ba chục năm bôn di tản buồn chúng tôi, cư ngụ ở Mỹ, bây giờ lại sẩy ra vấn đề mới cũng nan giải: Người mình mà không nói rành tiếng nước ta. Tôi có thằng cháu không chịu cắt tóc ở tiệm do người Việt điều hành, lý do giản dị không ngờ, “nó cứ hỏi hoài bằng tiếng Việt-Nam cháu không biết nói làm sao.” Nếu còn chẳng tin, cứ nghe một số ít các ca-sĩ giới thiệu trước khi hát là đủ. “Cam ta quy vi. Em xin trình bay bai Muoi nam tinh cu...” chẳng cần bỏ dấu gì cả y như anh dân-vệ ở Sa-Đéc, gốc Cao-Miên, bắt thằng nhỏ ăn trộm gà, hỏi “Ăn Tôm để cua đâu?” (Ăn trộm để của ở đâu?) mà cụ Vương-Hồng-Sển có kể trong sách.

Thực ra thì mấy danh-ca (Không phải đánh cá) choai choai này đã là Mỹ cả rồi, họ sinh trưởng ở Mỹ mà! Hình dáng là Việt-Nam nhưng nói năng, suy nghĩ, ăn ở y chang như người bản xứ. “Hồn Trương Ba da hàng thịt”. Khả năng biểu diễn tiếng Việt như thế còn là may! Thành ra quan niệm

của ông bà, ước ao con cái phải lấy vợ chồng người Việt trở nên lỗi thời cái một. Việt hay Mỹ nay có khác chi! Có khi Mỹ lại ngon lành. Kén chọn, nếu bậc cha mẹ có diễm phúc được kén chọn, thì đôi khi cũng chỉ hài lòng tới ngày đám cưới thôi!

Bây giờ, vấn đề chủng tộc, tiếng nói chẳng còn mang ý nghĩa quốc gia nữa. Một đội bóng của dân Phá-Lăng-Sa thấp thoáng vài cầu thủ da đen là bình thường, tương tự, trong kỳ Thế vận Hội Olympic 2008 ở Bắc-Kinh, một vận động viên tranh giải bóng bàn đại diện cho Hoa-Kỳ là một á-mụi 100 phần 100, đứng trước mũi các vị con thiên tử: tiu, xoáy, vót, múc, đập, rơ-ve tới bời... no star where!

Nhưng vấn đề ngôn từ nói chung vẫn là quan trọng, rất quan trọng. Ưu tiên mình nên luôn luôn hãnh diện, đề cao, phổ biến và trau dồi tiếng mẹ đẻ, mặt khác, càng biết nhiều ngoại ngữ càng tốt, ít nhất đỡ hiểu lầm, đỡ phải thông ngôn. Người Tàu ở Chợ-Lớn phần đông biết nói rành tiếng Việt, chẳng trở ngại về sinh-ngữ, khi lấy vợ Việt, vẫn muốn vợ mình học thêm tiếng Trung-Hoa vì còn những trường hợp cần thiết như tiếp xúc họ hàng, trở về thăm quê hương. Khổ nỗi, khi lấy nhau rồi, vì gia đình, con cái, công việc, đàn-bà đôi khi làm biếng chuyện học-hành, lại thấy chả cần thiết. Ngộ ái nị, nị ái ngộ lược dzồi, nên nếu chồng có nhỏ nhẹ trách yêu thì thường "ngoan cố" trả lời đại khái, bằng một câu nhõng-nhẹo cũng đáng yêu:

"Từ ngày lấy nhau,
Nị cứ bảo chẳng hịu học chữ gì, Thế
sao ngộ lại piết
Cái "pán-xì" là củ khoai lang!"

Nguyễn-Phú-Long

(Virginia)

BÀI TANGO ĐÊM GIÁNG SINH (tặng Th.)

Chút gì chợt đến rồi đi
Ôi buồn như vết chim di xa ngàn
Lá buồn chiếc cuối bay sang
Âm thầm như thể đò ngang... không người.

Như em, xây mộng bằng đời
Còn anh, xây mộng bằng lời thế gian
Phút đầu, xao xuyến ngõ ngàn
Tơ duyên là nổi bể bàng... khó quên.

Đêm huyền chân ngọc ướm mềm
Noel hương ngát, thoáng miền dấu môi
Tango dịu dặt gọi mời
Nghe trong ánh mắt, buồn chơi vơi buồn.

Vòng tay, điệu nhạc quay cuồng
Đèn lung linh bóng, rượu lãng lãng tàn
Bên em, say đắm dịu dàng
Tình chưa hò hẹn, lệ tràn thấm tim...

VA, Christmas Eve.

BÙI THANH TIÊN

Bài Tango Đêm Giáng Sinh

Hòa: Bùi Thế Tiến
Nhạc: Diên Hùng

TANGO (T.115)

(Intro... Am C F E7 Am9)

Am C F E7 Am

...) Cầu gì chót đến rồi đi! Ở buồn như vết chim đi xa ngàn. Lúa
 buồn như chiếc cầu bay sang. Âm thầm như thể? Tô ngàng không quên như
 em xây mộng băng đời. Con Anh xây mộng băng đời thể gran phát
 đầu vào xuyên rạo rạo. Tô diệu là rồi về băng khó quên. Đêm
 huyên hân rạo rạo. Noel hương ngọt thoả niềm đau nỗi. Tan-
 -go đều dứt gọi mời. Nghe hong ánh mắt buồn chợt với buồn! Vong
 tay đũa nhạc quay xoay lên lưng liếc bóng rọi lầy lầy tan. Bên
 em say đắm dịu dàng Tình đưa hồ hên lệ tràn thấm thấm. (chết)
 Bên Em say đắm dịu dàng Tình đưa hồ hên lệ tràn thấm thấm.

ĐẠI VĂN Hào

ERNEST M. HEMINGWAY (1899 - 1961)

VỚI TÁC PHẨM “NGƯỜI ÔNG VÀ BIỂN CẢ”

PHẠM VĂN TUẤN

Ernest Miller Hemingway là nhà văn viết tiểu thuyết, truyện ngắn người Mỹ, được tặng thưởng Giải thưởng Nobel về Văn Chương vào năm 1954 vì tác phẩm "*Người Ông và Biển Cả*". Ông Hemingway nổi danh về lời văn rõ ràng, thể văn cứng cỏi, lối đối thoại ngắn gọn. Cách viết văn và cuộc sống cá nhân đầy mạo hiểm của ông trên các miền đất đặc biệt, lại được quảng cáo rộng lớn, đã tạo nên ảnh hưởng rất mạnh và sâu đậm tới các nhà văn người Mỹ và người Anh trong thế kỷ 20. Nhiều sáng tác của Hemingway ngày nay được coi là các tác phẩm cổ điển của nền Văn Chương Mỹ, với một số tiểu thuyết được quay thành phim và trình chiếu tại khắp nơi trên thế giới.

1- Cuộc đời của Ernest M. Hemingway.

Ernest Miller Hemingway (1899-1961) là người con thứ hai trong số 6 người con của bác sĩ Clarence Edmonds Hemingway và bà Grace Hall Hemingway, chào đời vào ngày 21 tháng 7 năm 1899 tại Oak Park, gần thành phố Chicago, thuộc tiểu

bang Illinois. Mẹ của Ernest là bà Grace, là một người ngoan đạo, có tài về âm nhạc nên đã muốn cho Ernest phát triển năng khiếu này nhưng đối với bà Grace, Ernest Hemingway là một nỗi thất vọng. Cậu thiếu niên này được học âm nhạc, tập hát và tập đàn hồ cầm (cello) nhưng mỗi khi mẹ đi vắng, Hemingway đã cùng các bạn chuyển căn phòng tập nhạc thành võ đài đấu quyền Anh. Bản tính ưa chuộng chủ nghĩa cá nhân đã thể hiện nơi con người của Hemingway bằng các phản kháng nhỏ nhặt, để rồi trong cuộc đời sau này, đã hiện ra bằng các hành động trên tầm vóc lớn hơn.

Ernest Hemingway theo học trường trung học Oak Park và trong thời gian còn đi học, đã bắt đầu viết văn và tham gia vào các hoạt động báo chí của trường. Cuộc sống thời trẻ tuổi này đáng nhớ vì Ernest cùng với gia đình trải qua những mùa hè tại miền bắc của tiểu bang Michigan, bên hồ Walloon. Chính tại nơi thiên nhiên này, Ernest Hemingway đã thừa hưởng từ người cha hai thú vui là săn bắn và câu cá, và những kỷ niệm thời thơ ấu đã tạo nên các ấn tượng trong Ernest và phản ánh sau này qua nhân vật Nick

Adams như trong truyện ngắn "Trại Mọi Da Đỏ" (Indian Camp) và "Giòng Sông Đôi Đường" (Big Two-Hearted River). Tại trường trung học, Ernest Hemingway tham gia môn bóng bầu dục và quyền Anh và cũng do môn thể thao sau này mà Hemingway bị thương tại mắt trái. Đây là lý do mà Ernest Hemingway bị quân đội Hoa Kỳ từ chối, không nhận nhập ngũ. Môn quyền Anh đã là một sở thích lâu dài của Hemingway, là chất liệu để ông viết ra các truyện ngắn với những danh từ trong nghề.



Năm 1917, Ernest Hemingway tốt nghiệp trung học và vì không muốn bước lên đại học, nên tới thành phố Kansas, làm phóng viên cho tờ báo "Ngôi Sao" (Star). Cuộc đời phóng viên trong nước đã không hấp dẫn Ernest Hemingway được lâu, bởi vì

ông đang hướng về châu Âu là nơi đang xảy ra cuộc Thế Chiến Thứ Nhất. Do ưa thích mạo hiểm, Ernest Hemingway đã tình nguyện tham gia vào Hội Hồng Thập Tự Hoa Kỳ và qua miền bắc nước Ý, làm tài xế xe cứu thương. Vì Hội Hồng Thập Tự đã đặt các trạm cấp cứu gần nơi trận tuyến, công việc của Hemingway là lái xe và phân phối cho binh lính các gói kẹo và thuốc lá. Hemingway đã ghi lại như sau: "mỗi buổi chiều và buổi sáng, tôi bỏ đầy đồ vật vào túi đeo và mang theo hộp đồ ăn cùng mặt nạ hơi ngạt rồi chạy ra chiến hào, như thế là đủ vui rồi".

Vào ngày 18-7-1918, khi chưa tròn 19 tuổi, Ernest Hemingway đã bị thương vì các mảnh đạn trái phá tại mặt trận Fossalta thuộc miền Piave nước Ý, giáp với nước Áo. Mặc dù các vết thương, Hemingway còn công một binh lính người Ý, mang tới địa điểm chỉ huy. Trên đường đi, Hemingway lại bị quân địch bắn hai tràng đạn liên thanh, vào đầu gối và vào chân. Hemingway được chữa trị tại bệnh viện Milan, được tưởng thưởng huy chương anh dũng. Các kinh nghiệm trên chiến trường, những đau khổ do các cuộc tàn sát gây nên đã cung cấp cho Ernest Hemingway những hiểu biết để sau này viết ra tác phẩm "Giã Từ Vũ Khí" (A Farewell to Arms), một tiểu thuyết nổi danh nhất đề cập tới chiến tranh. Trong thời gian nằm dưỡng bệnh, Hemingway đã đam mê cô y tá người Mỹ tên là Hannah Agnes von Kurowsky. Hai người đã trao đổi với nhau một số thư từ nhưng vì cô Agnes cao tuổi hơn và muốn tận tụy với

nghề y tá, nên mối tình của hai người dần dần phai nhạt. Hemingway trở về Hoa Kỳ và nàng Agnes ở lại. Sau khi đã yêu một người Ý, nàng Agnes biên thư cho Hemingway, yêu cầu ông hãy quên đi những gì đã xảy ra, thế nhưng Hemingway vẫn giữ mãi các bức thư tình trong suốt cuộc đời.

Sau Thế Chiến Thứ Nhất, Ernest Hemingway trở về Hoa Kỳ và sinh sống tại miền bắc của tiểu bang Michigan. Ông bắt đầu đọc sách, câu cá và viết truyện. Hemingway đã làm một số công việc bình thường tại Chicago và nhờ nơi này, làm quen với nhà văn Sherwood Anderson. Năm 1921, Hemingway kết hôn với cô Hadley Richardson rồi hai người dọn qua thành phố Paris vì Hemingway nhận chân phóng viên cho tờ báo Ngôi Sao Toronto (the Toronto Star). Do bức thư giới thiệu của Sherwood Anderson, Hemingway làm quen với các nhà văn lưu lạc người Mỹ như F. Scott Fitzgerald, Ezra Pound và Gertrude Stein. Cũng tại nhà của nữ văn sĩ Gertrude Stein mà Hemingway quen biết nhiều tác giả và nghệ sĩ, và cũng chính Gertrude Stein bình phẩm về giới nhà văn trẻ là một "*thế hệ lạc lõng*" (the lost generation). Đây là lời nhận xét đặc biệt mà về sau, Hemingway đã dùng trong cuốn tiểu thuyết chính đầu tiên, cuốn "*Mặt Trời Vẫn Còn Mọc*" (the Sun also rises), xuất bản năm 1926. Danh từ "*thế hệ lạc lõng*" đã mang một ý nghĩa đối với các độc giả của Hemingway. Đó là các thái độ của thế hệ sau chiến tranh, đặc biệt của các nhà văn trẻ bởi vì cuộc sống và

niềm tin của họ đã bị tổn thương vì chiến cuộc, vì các tham lam vật chất đang dần dần trở nên một thực tại khiến cho đời sống hóa thành vô nghĩa.

Trong thời gian làm phóng viên tại Paris, Ernest Hemingway đã đi khắp châu Âu, phỏng vấn các nhân vật danh tiếng như Lloyd George, Clemenceau và Mussolini... rồi vào năm 1925, cuốn tiểu thuyết quan trọng đầu tiên của Hemingway được xuất bản tại New York với tên là "*Trong thời đại của chúng ta*" (In Our Time). Cũng vào thời gian này, nhiều thú vui như trượt tuyết, coi đấu bò rừng, đi câu cá và đi săn... đã là từng phần của cuộc sống của ông và từ đó tạo nên nền móng của các cuốn tiểu thuyết sau này.

Vào năm 1927, Ernest Hemingway ly dị với người vợ thứ nhất, rồi cùng vào năm này, lại kết hôn với cô Pauline Pfeiffer, một nhà văn của tạp chí Vogue. Hai người dọn nhà qua Key West, thuộc tiểu bang Florida vào năm 1928. Một sự việc gây chấn động tới Hemingway vào năm này là cuộc tự sát của người cha, bởi vì ông Clarence Hemingway đã tuyệt vọng vì bệnh cao huyết áp và bệnh tiểu đường. Ý tưởng về tự sát đã phản ánh qua các bài viết của Hemingway, qua tư tưởng của nhân vật Robert Jordan trong cuốn tiểu thuyết "*Vì Ai, Hỡi Chuông Báo Tử*" (To Whom the Bell Tolls) xuất bản vào năm 1940. Hãng Phim Paramount Pictures đã mua bản quyền của cuốn truyện này với giá cao kỷ lục vào thời bấy giờ là 150,000 mỹ kim cộng thêm điều kiện do Hemingway đặt ra, là các tài tử chính

trong phim phải do Gary Cooper và Ingrid Bergman phụ trách.

Trong thời gian còn làm phóng viên nước ngoài tại thành phố Paris, Ernest Hemingway đã lưu tâm tới tình hình chính trị của nước Tây Ban Nha dưới triều đại Vua Alfonso-12. Hemingway đã thăm viếng xứ này vào mùa hè năm 1931 sau khi chế độ quân chủ bị lật đổ và ông đã tiên đoán rằng cuộc nội chiến sẽ xảy ra vào năm 1935. Tới khi cuộc nội chiến bùng nổ thực sự, Ernest Hemingway bắt đầu viết và đọc các bài diễn văn từ năm 1936 để gây quỹ cho phe Cộng Hòa Tây Ban Nha. Năm 1937, Hemingway qua nước Tây Ban Nha để tường thuật về cuộc chiến bằng các bài viết cho Liên Bang các tờ báo Bắc Mỹ (the North American Newspaper). Nhiều người trẻ từ Hoa Kỳ và từ các quốc gia khác cũng tham gia vào lực lượng Trung Thành (the Loyalists) để bảo vệ các lý tưởng dân chủ, nhưng cuối cùng nhà độc tài Francisco Franco đã thắng cuộc chiến.

Vào năm 1940, Hemingway và Pauline đã ly dị nhau và Hemingway cưới nhà văn Martha Gelhorn. Hai người đi du lịch vòng quanh Trung Hoa rồi tới xứ Cuba định cư. Khi Thế Chiến Thứ Hai bùng nổ, Ernest Hemingway đã tình nguyện đóng góp với Hải Quân Hoa Kỳ bằng con thuyền đánh cá "*Pilar*" với công tác canh chừng các tàu ngầm Đức xuất hiện trong vùng biển Caribbean. Thế Chiến Thứ Hai diễn ra tại châu Âu đã lôi cuốn Ernest Hemingway, khiến ông trở thành một thông tin viên và trưởng ban

châu Âu của Tạp Chí Collier. Do muốn tường thuật về cuộc chiến, Hemingway đã nhiều lần bay theo lực lượng Không Quân Hoàng Gia Anh trong các cuộc oanh tạc trên miền đất Pháp bị quân đội Đức chiếm đóng. Vào ngày 6-6-1944, Ernest Hemingway tham dự cuộc đổ bộ của quân đội Đồng Minh lên bờ biển Bắc Âu và có mặt khi thành phố Paris được giải phóng khỏi quân đội Đức Quốc Xã. Người ta còn kể lại rằng khi quân Đồng Minh tiến vào khách sạn Ritz tại Paris, họ đã thấy có tấm bảng ghi câu viết: "*Ba đã chiếm khách sạn. Nhiều đồ uống dưới hầm rượu*". "*Ba*" (Papa) là tên gọi vui đùa dành cho Ernest Hemingway.

Sau một lần ly dị nữa vào năm 1944, Ernest Hemingway lại cưới cô thông tin viên của Tạp Chí Time tên là Mary Welsh. Sau chiến tranh, họ sống với nhau tại Venice rồi cuối cùng, quay về cư ngụ trong một nông trại gần Havana, thuộc xứ Cuba.

Năm 1950, Ernest Hemingway cho xuất bản cuốn truyện "*Qua sông và vào trong rừng*" (Across the River and into the Trees) nhưng sáng tác này đã không thành công. Tới năm 1952, một tác phẩm khác của Hemingway đã mang lại ngôi vị cho ông trên văn đàn, đó là cuốn "*Ngư Ông và Biển Cả*" (The Old Man and the Sea) và nhờ cuốn tiểu thuyết ngắn này, Ernest Hemingway được tặng giải thưởng văn học Pulitzer năm 1953.

Vào tháng 1 năm 1954, Hemingway qua châu Phi để săn thú rừng và người ta đã loan tin ông bị tử nạn máy bay trong chuyến đi đó. Nhưng Hemingway đã sống

sót, chỉ bị thương nặng về cột sống và nội tạng nhưng cũng nhân dịp này, ông được đọc những lời chia buồn thiện cảm. Cũng vào năm 1954, Ernest Hemingway nhận được Giải thưởng Nobel về Văn Chương mà Hàn Lâm Viện Thụy điển đã trao tặng "vì thể văn mạnh mẽ dùng trong nghệ thuật kể chuyện mới lạ và thể hiện gần đây nhất qua tác phẩm *Ngư Ông và Biển Cả*".

Vào tuổi 60, chân dung của Ernest Hemingway với bộ râu bạc trắng, đã xuất hiện trên nhiều tờ báo và Hemingway vẫn còn là một con người mang nhiều sức sống. Người ta đã thấy ông đá các lon bia trống không lên cao trên con đường về nhà tại Ketchum thuộc tiểu bang Idaho. Nhưng, Ernest Hemingway thực ra không cảm thấy hạnh phúc. Ông đã điều trị và dưỡng bệnh dài hạn tại bệnh viện Mayo, thuộc thành phố Rochester, tiểu bang Minesota. Ông bị ám ảnh vì cao huyết áp và suy sụp tinh thần. Ông tự cảm thấy không còn duy trì được thứ sức mạnh của nam giới (the masculine vigor) nữa, một thứ hào hùng mà ông hằng vui hưởng.

Vào buổi sáng Chủ Nhật, 2 tháng 7 năm 1961, Ernest Hemingway thức dậy sớm trong ngôi nhà tọa lạc tại một nơi vắng vẻ của thị trấn Ketchum, Idaho, đã nạp đạn vào khẩu súng săn hai nòng, đặt báng súng trên sàn nhà và đưa nòng súng vào đầu mình rồi bóp cò. Nhiều người danh tiếng trên thế giới đã tự sát, để lại mẫu giấy ghi rõ lý do, nhưng đối với Ernest Hemingway, đã không có lời trở trăn nào ngoài hình ảnh của các nhân vật trong nhiều cuốn tiểu thuyết mà ông đã

sáng tạo ra. Ernest Hemingway đã lập gia đình bốn lần, khi qua đời để lại ba người con trai.

2- Ernest Hemingway với tác phẩm "*Ngư Ông và Biển Cả*".

Ernest Miller Hemingway đã để lại một số lượng lớn bản thảo, một số đã được xuất bản trước khi ông qua đời. Các nhân vật trong truyện của Hemingway là biểu hiện của các cách nhìn cuộc đời và các giá trị thực của nhà văn. Các nhân vật chính trong các cuốn "*Mặt Trời Vẫn Còn Mọc*", "*Giã Từ Vũ Khí*" hay "*Vì Ai, HỒi Chuông Báo Tử*" là những thanh niên có sức mạnh, tự tin nhưng đã gặp các vết thương vì chiến tranh. Chiến tranh đối với Hemingway là một biểu tượng mạnh của thế gian qua đó nhà văn đã nhìn thấy hầu như chứa đầy các khó hiểu về luân lý, các tàn phá, các đau đớn không tránh khỏi và để vượt qua thứ thế giới như vậy, con người phải hành động bằng danh dự, can đảm, chịu đựng, phẩm cách và toàn bộ các nguyên tắc này được gọi là "*quy luật của Hemingway*" (the Hemingway code). Ernest Hemingway đã viết về các phần đấu can trường, thường khi không mang lại kết quả, để chống chọi với cuộc đời. Về sau, Hemingway đã chuyển hướng, quay sang các vấn đề xã hội. Bằng các tiểu thuyết, Hemingway đã mạnh mẽ lên án các bất công về kinh tế và chính trị và trong cuộc Nội Chiến Tây Ban Nha, ông đã viết rằng việc mất tự do đang lan tràn tại khắp nơi.

DƯỜNG NHƯ ĐÃ QUÊN

1

Dường như em
đã bỏ quên tôi
trong một hoàng hôn cuộc đời
mà linh hồn này không cần cứu chuộc
như ly rượu đầy
không cần tay ai chuốc.

2

Dường như tôi
đã bỏ quên em
khi về một lá
vắng cả những khát thèm
giữa trưa hè mà đêm đông băng giá.

3

Dường như em
đã bỏ quên tôi
Trên môi,
những nụ cười vắng bóng
và chẳng còn ai đứng trên bờ khát vọng

4

Dường như tôi
đã bỏ quên em
để quên đi những nỗi bức xúc
những tháng ngày không hạnh phúc
với bao hệ lụy trong lòng chưa bay.
Dường như tôi
đã bỏ quên tôi...

VIỆT BẰNG

Ernest Hemingway đã dùng thể văn trong sáng, rõ ràng, với các câu văn phần lớn gồm danh từ và động từ, rất ít tính từ và trạng từ, lại dựa trên sự lặp lại và nhịp điệu để gây ra ấn tượng tác dụng. Hemingway đã mô tả một loạt các hành động bằng các câu văn ngắn, đơn giản, không dùng tới các lời phê bình theo tình cảm hay mang tính tu từ, ông đã tránh mô tả trực tiếp các cảm giác và tư tưởng của các nhân vật trong truyện và như vậy, tác giả đã chỉ cung cấp cho độc giả các sơ liệu của kinh nghiệm mà không đề cập tới quan điểm của người viết. Độc giả được cung cấp các tiếp xúc sát với thực tế. Hemingway đã quan niệm rằng nhà văn phải trình bày đề tài một cách chân thật do chính mình tham dự hay quan sát đề tài thật gần và cách làm như vậy mới chứng tỏ được hiểu biết chuyên môn của tác giả. Ông cũng dùng thể văn đối thoại đơn giản, tự nhiên và thể văn đặc sắc của Hemingway đã được nhiều nhà văn bắt chước trong thế kỷ 20.

Ernest Hemingway là một con người tương phản. Danh tiếng của ông gắn liền với chiến tranh và lòng cam đảm, với tình yêu và bạo lực, với vẻ đẹp và cõi chết. Hemingway đã trải qua nhiều năm trường tại các thành phố lớn của châu Âu cũng như trong các làng mạc bán nhiệt đới của xứ Cuba, từ các đấu trường với bò rừng của xứ Tây Ban Nha tới miền rừng cây vắng vẻ trên lãnh thổ Canada, và cuộc đời của ông mang nhiều màu sắc, nhiều kinh nghiệm của người lính, người thợ săn, kẻ đấu bò rừng, của con người đam mê tình

yêu, của con người thực tế đã tỉnh ngộ cũng như của một tiểu thuyết gia bị định mệnh đưa đẩy trên cõi sống và cõi chết. Chính vì vậy, các tác phẩm của ông là thể hiện một cuộc đời phiêu lưu nhiều kinh nghiệm và cả tài năng của một nhà văn xuất sắc.

Các sáng tác của Ernest Hemingway là phản ảnh cuộc đời của tác giả bởi vì theo như một câu nói cổ điển " *trong mỗi tác phẩm có một phần nào tiểu sử tác giả*" (every piece of writing is at least a little bit autobiographical) và người ta đã thấy ở ông hai con người, một là nhà mạo hiểm, phiêu lưu, thường đi gần cõi chết và con người thứ hai là nhà văn có biệt tài nhận xét, quan sát, nhạy cảm với nhiều lối sống xã hội, viết ra các kinh nghiệm thành những câu chuyện đồng thời phân tích tư tưởng của các nhân vật và những người trong chuyện này đã hành động theo bản năng hay do suy nghĩ chín chắn? Trước nhiều thử thách cam go, nhiều đau khổ, con người đã chịu đựng và đối phó ra sao?

Trong cuộc đời, Ernest Hemingway đã gặp nhiều thử thách: tranh chấp, từ chối, thất bại, mất mát, chiến thắng và vinh quang... và trong cuốn chuyện "*Ngư Ông và Biển Cả*" ông lão đánh cá Santiago cũng trải qua các kinh nghiệm như vậy. Mặc dù đã cao tuổi, ông Santiago còn dám thử thách, chịu kiên nhẫn và cố gắng phấn đấu, và phần thưởng cuối cùng của ông là niềm vui vì biết mình đã tranh đấu, vì có lòng cam đảm dám tiếp tục thử thách. Nội dung tác phẩm "*Ngư Ông và Biển Cả*" tương tự như truyện ngắn "*Trên*

Mặt Biển Xanh" (On the Blue Water) được Hemingway phổ biến trên Tạp Chí Esquire vào tháng 4-1936. Ernest Hemingway đã nghe một người bạn kể lại câu chuyện thực sự xảy ra, về một người thuyền chài câu được một con cá rất lớn và đã mất 3 ngày và 3 đêm để thắng được con cá đó. Vào tháng 1 năm 1939, Hemingway tìm cách khai triển câu chuyện, làm sao nói lên được tư tưởng của ông già đánh cá trong 3 ngày đêm chịu đựng này.

Tối mùa Giáng Sinh năm 1951, khi suy nghĩ về câu chuyện của ông già đánh cá, Ernest Hemingway đã trở về Cuba để cảm nhận hoàn cảnh thực tế và ông đã kiểm chứng các chi tiết bằng cách cho thuyền ra khơi.

Câu chuyện "*Ngư Ông và Biển Cả*" được viết xong vào giữa tháng 2 năm 1951 rồi được Tạp Chí Life phát hành vào mùa thu năm đó. Hơn 5 triệu ấn bản được bán hết trong hai ngày và nhà phê bình Malcolm Cowley đã viết trên tờ báo The New York Herald Tribune rằng cuốn tiểu thuyết này "*gần như không có khuyết điểm*".

"*Ngư Ông và Biển Cả*" là tập truyện mỏng nhưng chứa đầy các suy nghĩ tương khắc của một ông già đánh cá được coi là anh hùng cả về hành động lẫn tư tưởng, bị thất bại thật nhưng vẫn anh dũng, vẫn duy trì can đảm để thử thách vào các lần sau. Ngoài ra, câu chuyện còn mô tả một tình bạn cảm động, vừa thắm thiết, vừa tương kính giữa một thiếu niên trẻ và một ông già. Cốt truyện không chứa nhiều nhân vật mà chỉ gồm có: Santiago là ông già

đánh cá gốc người Cuba, Manolin là thiếu niên, bạn thân nhất của ông Santiago, con cá "Mác" (Marlin), loại cá nước sâu, dài gần 6 mét. Đây là con cá dài nhất, câu được trong vùng vịnh Cuba. Có vài nhân vật phụ như Martin là ông chủ đất, thường cho Manolin đồ ăn để đưa tặng ông già đánh cá, Rogelio là cậu bé giúp ông già Santiago vá lưới, Pedrico nhận chiếc đầu con cá Mác để làm mồi câu, và các con cá mập hung dữ trên biển.

So với phần lớn các tiểu thuyết khác, cuốn truyện "*Ngư Ông và Biển Cả*" đã khác thường ở nhiều điểm. Đầu tiên, thời gian diễn tiến rất ngắn, các hành động xảy ra chỉ trong vòng 3 ngày và 3 đêm, ngoài ngày hôm trước và một phần của ngày hôm sau. Việc mô tả 3 ngày trong cuộc đời của một nhân vật thường làm cho câu chuyện buồn tẻ, thế nhưng, nhiều người đã không đồng ý với quan điểm này và Đại Văn Hào Hemingway đã làm cách nào cho quãng thời gian quá ngắn đó hấp dẫn?

"*Ngày hôm trước*" là thời điểm ông già Santiago gặp xui. Ông không câu được con cá nào trong 84 ngày đã qua. Ông Santiago là một người góa vợ và không con. Chỉ có cậu bé Manolin là người bạn chân thật của ông già, một người học nghề, nhưng cha mẹ của cậu bé này đã chuyển cậu qua làm việc tại một nơi khác bởi vì ông già Santiago đang "*gặp xui*". Nhưng Manolin vẫn còn giúp đỡ ông Santiago chuẩn bị một chuyến đi đánh bắt lớn.

"*Ngày thứ nhất*", ông Santiago chèo thuyền ra khỏi hải cảng Havana, vượt qua giới hạn của vùng đánh cá thông thường vì

ông hy vọng xóa đi vận xui và đánh bắt một mẻ cá lớn. Ông ta coi khí tượng thấy thời tiết tốt, nên thả vài dây câu bên mạn thuyền. Chiếc cần câu thả dây sâu nhất có dấu hiệu nhấp nháy, cho biết có một con cá mắc mồi và ông già có thể đoán được đó là một con cá lớn. Sau một cú giật thật mạnh, ông già Santiago đã móc được lưỡi câu vào miệng cá nhưng con cá cũng bắt đầu kéo thuyền lướt đi. Ông Santiago đoán rằng đây không phải là một con cá bình thường.

"*Đêm đầu tiên*", con cá tiếp tục kéo chiếc thuyền ra khơi như thể một cậu bé con kéo món đồ chơi, dù cho con cá là tù nhân của ông già. Ông Santiago bắt đầu hối tiếc về mẻ cá này nhưng ông vẫn không nản lòng bởi vì "*ta quyết ở cùng mi cho tới chết*".

"*Ngày thứ hai*", ông Santiago tăng thêm sức căng của dây câu, tới độ gần gãy cần, để làm cho con cá phải nhẩy lên. Cây cần câu đã làm mỗi sống lưng của ông già. Ông vẫn phải chịu mệt nhọc hàng giờ. Có lúc con cá vung vẩy quá mạnh, khiến cho cây cần câu gây thương tích nơi tay phải của ông già. Rồi do cầm giữ cây cần câu quá lâu, cánh tay trái của ông Santiago cũng bị tê cứng "*như bị móng vuốt của con chim đại bàng kẹp chặt*". Lần đầu tiên, con cá nổi lên, cho thấy nó còn dài hơn con thuyền câu. Ông già Santiago bắt đầu câu nguyện được thành công. Cá và người đã ở quá xa bờ. Trong cảnh trời nước mênh mông, ông già đánh cá nhớ tới câu thủ quán quân DiMaggio, ông hồi

tưởng lúc còn trẻ, đã từng vô địch về môn vật tay, thắng các đối thủ mạnh sức.

"Đêm thứ hai", ông già Santiago ăn con cá câu được do một cần câu khác và lần đầu tiên, ông lăn ra ngủ. Bỗng một cú giật thật mạnh, con cá nhảy lên khỏi mặt nước. Đây là điều tốt, chứng tỏ con cá sắp chết, không còn chìm sâu dưới nước mà kéo thuyền đi.

"Ngày thứ ba", con cá bắt đầu bơi vòng quanh thuyền. Ông già phải tính cách làm sao mang được con cá lên thuyền. Ông thu ngắn dây câu lại và nhìn rõ được con cá: nó lớn ngoài sức tưởng tượng. Sau nhiều lần tìm cách sát gần con cá, ông già Santiago đã đâm con cá bằng một cây lao. Rồi bởi vì con cá dài hơn con thuyền, nên phải buộc con cá vào mạn thuyền hơn là kéo nó theo. Ông già Santiago kéo buồm lên, cho thuyền hướng phía tây nam, trở lại Havana. Trên đường đi, một con cá mập đã cắn vào con cá Mác, gỡ đi hơn 20 kí thịt. Do dùng lao đâm cá mập, ông già đã đánh mất cây lao đó. Máu của con cá Mác đã loãng vào trong nước biển, dẫn tới cả đàn cá mập khác, chúng xúm đến đĩa mồi.

"Đêm thứ ba", ông Santiago đã nhìn thấy ánh đèn xa xa của thành phố Havana và ông không thể nào xua đuổi được đàn cá mập hung dữ, vây theo xé thịt con mồi cho tới khi con cá Mác chỉ còn là một bộ xương. Tới nửa đêm, ông già Santiago cập được vào bờ, mang buồm vô chòi lá và ngủ lẫn vì quá mệt.

"Ngày hôm sau", cậu bé Manolin thấy ông già còn mê man ngủ. Rồi cả làng

đánh cá xao động vì bộ xương cá quá lớn còn buộc vào mạn thuyền của ông Santiago. Cậu Manolin thề rằng từ nay, sẽ đi câu với ông già.

Bộ xương cá rất to lớn buộc vào mạn thuyền đã làm cho các du khách phải sửng sốt. Họ không hiểu rõ bản chất và ý nghĩa của các kinh nghiệm mà ông già Santiago đã trải qua. Ông già Santiago là một hình ảnh của sự chiến thắng vẻ vang hay sự thất bại bi thương, hay là sự phối hợp của cả hai?

Santiago là một ngư ông và "mọi thứ của con người ông ta đều già, ngoại trừ hai con mắt", và hai con mắt này có cùng màu với biển cả, chứa đựng bên trong niềm vui vẻ và ý tưởng không đầu hàng. Santiago là một người cao tuổi nhưng không cần cỗi, "gặp xui" nhưng không bị đánh bại, từ tốn mà không nhu nhược, hãnh diện mà không khoác lác, chịu đựng mà không thụ động và có lẽ quan trọng nhất là niềm hy vọng mà không ghen tị với các người khác. Ngư ông Santiago có thể tượng trưng cho cảnh cô đơn của tuổi già, hay một loại nghệ sĩ muốn thử làm những gì không thể làm nổi bằng cách đi thật xa và phấn đấu. Cuối cùng, cậu thiếu niên Manolin đã xác nhận rằng con cá đã không thắng được ông già Santiago và niềm tin của dân chúng trong vùng đối với ông già đánh cá đã được phục hồi./.

PHẠM VĂN TUẤN

(Virginia)

LE VASE BRISÉ BÌNH HOA VỠ

Le vase où meurt cette verveine
D'un coup d'éventail fut fêlé;
Le coup dut l'effleurer à peine,
Aucun bruit ne l'a révélé.

Mais la légère meurtrissure,
Mordant le cristal chaque jour,
D'une marche invisible et sûre
En a fait lentement le tour.

Son eau fraîche a fui goutte à goutte,
Le suc des fleurs s'est épuisé;
Personne encore ne s'en doute:
N'y touchez pas, il est brisé.

Souvent aussi la main qu'on aime,
Effleurant le coeur, le meurtrit;
Puis le coeur se fend de lui-même,
La fleur de son amour périt.

Toujours intact aux yeux du monde,
Il sent croître et pleurer tout bas
Sa blessure fine et profonde:
Il est brisé, n'y touchez pas.

ARMAND SULLY BRUDHOMME
(1839-1907)

Đóa hoa tím úa trong bình,
Quạt hương thơm ngát vô tình lướt qua,
Dù không rung động bình hoa,
Mà sao rạn nứt, xót xa tủi hờn.

Nhẹ nhàng như cánh bướm vờn,
Ngày ngày xuyên thấu lịm hồn pha lê,
Một đường rạch cắt tái tê,
Vết thương gặm nhấm não nề đậm sâu.

Âm thầm cạn rỉ giọt sầu,
Mật hoa khô héo vương màu phôi phai,
Hững hờ tri kỷ nào ai,
Bình hoa rạn vỡ, chớ hoài chạm thêm.

Bàn tay mặng nỡn nà êm,
Ơ thờ mơn chớn, rữ mềm nỡi yêu,
Tâm tư day dứt cô liêu,
Hoa lòng ngập phủ tiêu điều mộ tim.

Vẹn nguyên qua mắt thường tình,
Lòng buồn tê tái, lệ mình tuôn rơi,
Niềm đau vực thẳm rã rời,
Mảnh tim tan nát, xin người buông tha.

NGUYỄN T. NGỌC-DUNG
(Phỏng theo "Le Vase Brisé")

TẮC LÒNG

NGƯỜI DỪNG TƯỚNG

LÊ LUYẾN

Phần I

Một quan chức thanh liêm, văn võ song toàn họ Trần quê ở Ân Tín huyện Hoài Ân vì chán ngán giấc mộng công hầu khanh tướng trong thời buổi đảo điên, dân tình điêu linh thống khổ vì đây rẫy bọn tham quan ô lại nên xin từ quan lui về qui ẩn, mở trường dạy học, vui thú sơn dã điền viên nhưng cũng chưa yên. Hết nạn cướp ngày đến nạn cướp đêm. Người dân cùng đường rủ nhau vào truông làm ăn cướp. Nạn cướp chưa dứt còn thêm nạn cọp. Ở Truong Mây có đôi cọp tàu cau trắng to lớn, hung dữ và tinh khôn. Người ta đồn rằng chúng đã thành tinh vì ăn thịt quá nhiều người. Trước cảnh đời vô cùng đau khổ, ông Trần không thể tiếp tục yên phận, nhắm mắt làm ngơ nên đứng ra huấn luyện cho tráng niên nghề võ và tổ chức dân làng thành đôi ngũ để chống cướp, chống cọp ... Thế rồi trong một lần đụng độ dữ dội với đôi cọp dữ, ông Trần tuy bị thương nhưng đã kịp thời phóng mác trúng vào hố mắt, giết chết con cọp đực. Cọp cái đang lúc mang thai đành bỏ bạn tình, mang mảnh áo vô được của kẻ thù phóng chạy vào rừng mất dạng ... Quan chức họ Trần kia chính là thân phụ của dừng tướng lừng danh Tây Sơn : Trần quang Diệu.

Phần II

Người dân thời đó tin rằng, cọp là loài vật có "thông thiên nhĩ" có thể nghe xa được ngàn dặm. Ai nói hành nói tỏi gì đến chúng, chúng

đều biết. Cọp cũng là loài thú thù dai, nhất là những mối thù không đội trời chung như ông Trần thì nó luôn luôn khắc sâu trong lòng. Thù chông chênh cánh nhưng phải đợi đến ngày chú cọp con vừa biết nhai thịt rừng, đi đứng cứng cáp thì cọp cái mới tính chuyện tầm thù. Người dân cũng đồn rằng, mặc dầu cọp nghe xa và thù dai nhưng trời phú cho cái tật lại rất dễ quên. Hễ vướng tai vào một nhánh cây, một chùm lá là cọp quên bẵng hết mọi điều. Nhưng cọp cái thì khác. Nó nhớ lâu, nó oán hận dai dẳng bởi vì nó đã là Thần Hồ. Ngày ngày trước khi cho con ăn, cọp cái mang mảnh áo dính máu đến cho con ngửi để đừng bao giờ quên hơi hướm kẻ thù xưa. Đêm đêm cọp cái thường thao thức, đi đi lại lại dưới bóng trăng khuya lạnh vắng một cách ray rứt, đau khổ. Mãi đến ngày cọp con vừa mới biết vờn mồi, tinh cò một hôm trong rừng sâu, cọp cái gặp lại loài người. Đã lâu lắm rồi từ ngày chông chết, nó chưa gặp lại con người. Một lão trượng sống cô độc trong thạch động, làm bạn với dã thú sư tử, hùm beo, rắn rít ... Nó lập tức cảnh giác. Nhưng rồi lâu dần thấy ông lão rất hiền lành, yêu thương giúp đỡ muôn loài nên nó yên tâm và nghĩ rằng đã đến lúc mình có thể ra đi được rồi. Phần cọp con đã có ông lão nuôi nấng, dạy dỗ giúp nó. Một ngày, cọp mẹ dẫn cọp con rời hang ổ tìm về lại vùng rừng núi Kim Sơn, nơi năm xưa cọp đực lâm tử. Cọp cái đứng yên lặng như để hồi tưởng lại cảnh đoạn trường tử biệt với chúa sơn lâm, một lúc lâu nó lắng lặng quay đầu, dẫn con về núi ... Ngàn xanh thăm thẳm, mây quyện mờ mịt trên đỉnh non cao, gió thổi vù vù, thời gian trôi nhanh. Mãi đến một ngày ý chừng đã quyết. Cọp cái đợi con

say ngủ, nó bằng ngàn mang con thơ đến đặt nằm trước cửa thạch động của lão nhân lánh đời, mảnh áo dính máu có thêu chữ Trần của kẻ thù năm xưa đặt kế bên cạnh. Nó vỗ về bịn rịn, quyến luyến con hồi lâu rồi dứt khoát quay đầu phóng đi. Nó hối hả xuống núi ...

Thôn làng Ân Tín bấy lâu nay êm ả, đêm ấy bỗng kinh hoàng thức giấc bởi tiếng gầm thét inh ỏi vang trời dậy đất của chúa sơn lâm tầm thù. Cọp cái tấn công bất kỳ ai gặp trên đường tìm đến Trần gia trang. Đến nơi, nó phá gãy nhiều khoảng rào thưa rồi xông vào vườn nhà họ Trần, gầm rít từng hồi kinh khiếp đời mạng. Cả nhà hốt hoảng cuống cuồng trốn chạy. Riêng Trần lão ông biết rằng đã đến ngày phải thanh toán món nợ xưa sòng phẳng. Người lão bộc trung thành quyết ở lại cùng chủ tử chiến với cọp dữ. Họ đốt đuốc nghênh địch. Người và cọp xáp trận, đánh nhau đến long trời lở đất. Dân trong làng vài người gan dạ rủ nhau thấp đèn sáng rực, kéo đến hỗ trợ tinh thần chủ tử ông Trần. Họ đứng từ xa hò reo tổ mổ cốt làm suy yếu tinh thần cọp cái. Bụi bay mù mịt, cây cối ngã đổ ngổn ngang, trời đất tối tăm mặt mũi. Ông Trần vung đao nhanh tựa ánh sao chớp, trực diện bám sát vào hổ tấn công liên tục. Trong lúc lão bộc thông minh đeo dính phía sau, quyết chém cho bằng được cặp chân hổ. Cọp cái dưng mãnh và tinh khôn vô cùng. Nó không nao núng vì đông người, nhanh nhẹn vồn trái tạt phải, chụp trước vỗ sau, biến đổi phương vị liên tục. Có lúc dựng đứng thân người bằng hai chân sau tránh đòn rồi xuất kỳ bất ý nhảy ngược trở lại tấn công địch thủ, làm thầy trò ông Trần luống cuống, lâm vào thế hạ phong. Xa nhau mới một năm mà xem ra võ nghệ cọp cái đã đến mức linh diệu. Lão bộc can đảm vừa bị mấy vết quào máu chảy đầm đìa, bước đi chậm chạp xiêu đảo. Ông Trần vội quát bảo lui ra trị thương. Rồi trong một thế sinh tử, ông và cọp cái đồng loạt xông vào và cả hai cùng lúc bật ra, mang thương tích trí mạng. Ông Trần bị cọp móc lòi mắt vỗ ngực, ngã nhào xuống đất. Ngược lại cọp cái bị một đao lút cán,

ruột đổ lòng thông, nằm phục tại chỗ. Máu người và máu thú hòa lẫn tanh tưởi, loang ứot cả mặt đất. Rồi như biết mình không còn sống được bao lâu, ông Trần quyết định đánh đòn quyết tử cuối cùng. Đem tàn lực ông chống đao, khom người guồng đứng dậy, trong lúc lão bộc trung nghĩa đã trở vào trận, ngay bên cạnh chủ. Cọp cái sau một hồi nằm yên dưỡng sức bỗng choàng bật dậy, vươn vai lấy đà rồi nhảy dựng lên, đem tàn lực và tất cả trọng lượng cơ thể phủ chụp xuống. Cú vỗ mạnh như di sơn đảo hải giáng lên đầu chủ tử họ Trần. Ông Trần thần nhiên không né tránh. Những chiếc vuốt tử thần nhọn hoát của mãnh thú bầu chặt vào tấm lưng nhảy nhụa máu thịt, cùng lúc con người đem hết cả sức mạnh bình sanh chém ngược thanh đao vào bộ ngực đồ sộ của cọp và tay kia đâm ngập ngọn trủy thủ vào giữa tim chúa sơn lâm. Con cọp cái đã trả được thù chồng. Người ông Trần đổ xuống như một thân cây mục, nằm im không nhúc nhích. Lão bộc nghiêng răng xông vào, đâm liên tiếp vào ngực cọp. Nó hực lên như ngọn đèn trước khi tắt, giơ vuốt trước tạt ngang vào mặt ông già. Lão bộc văng đi, nằm im sòng sọt. Cùng lúc thân hình cọp cái đổ xuống, giãy đành đạch liên hồi rồi học lên mấy tiếng kinh hồn bạt vía, máu từ tim ồng ộc trào ra có vôi.

Múi rừng buổi sáng sớm còn mờ tối, khắp nơi lảng đăng sương giăng, cái lạnh tê buốt da. Bên trong thạch động, một lão nhân mặc đạo tràng màu vàng, tóc trắng như cước, dáng tiên nhân thoát phàm, đang ngồi thiền tọa bỗng thấy lòng xao động bồn chồn. Lão trượng linh tính có điềm lạ, bèn đi ra bên ngoài sơn động, bước đi nhẹ nhàng phiêu phưởng. Một chú cọp con lông trắng đang nằm say ngủ trước thềm đá, bên cạnh là mảnh vải loang lổ máu người đã biến thành màu huyết thẩm, nơi chéo góc hiện rõ lồ lộ một chữ Trần thêu nổi. Lão giật mình, lật đặt bông cọp nhỏ vào thạch động rồi nhanh chóng giec quẻ. Linh cảm không lừa dối ông rồi theo điều tiên tri của xăm bói, lão trượng lập tức hạ san. Quả thế. Khi cùng vài dân làng gan dạ vội vã

đến nơi thì người và thú đã tắt cơn giãy chết. Nằm cạnh xác cọp trắng trên mình loang lổ những vết dao đâm và máu, bụng mở banh lòng thông ruột gan, là thi hài rách bươm đẫm máu của ông Trần. Cạnh đó xác người lão bộc thủy chung, khuôn mặt méo mó vì bị vuốt thú quào nát biến dạng. Không gian như đặc quánh lại, ngột ngạt tức thở, chỉ còn nghe tiếng xào xạc của những bước chân đạp trên lá vàng khô.

Lão nhân lắc đầu buồn bã, lẩm bẩm:

- Ta đến trễ một bước rồi.

Giữa lúc thỉnh lặng ấy, bỗng có tiếng khóc ngất của trẻ thơ vang lên rõ mồn một. Mọi người ngạc nhiên. Lão nhân đưa mắt nhìn lên cây tìm kiếm. Một chiếc nôi nhỏ đan bằng tre, treo tít mãi trên chạc ba cao nghệu đang lay động. Bóng áo vàng bay vút lên. Lão nhân phi thân lên ngọn cây có buộc tào nôi, đưa thằng bé còn ẵm ngửa, con út của ông Trần xuống đất. Đứa bé đột nhiên nín khóc, nhìn ông nhovn miệng cười. Nó khoảng một tuổi, cũng bằng tuổi cọp con. Lão nhân nhìn đứa bé, lòng bỗng thấy giao động lạ thường. Linh cảm mách bảo dường như có sự ràng buộc thiêng liêng, huyền bí. Bấm đốt ngón tay đoán quẻ, lão trầm ngâm giây lát rồi khẽ thở dài, xé mảnh đạo tràng cắn ngón tay trở đỏ máu viết lên một chữ "Diệp". Lão nhét mảnh vải vào ngực áo em bé, rồi quay đi.

Mọi người chưa kịp hiểu gì cả thì bóng vàng đã phát phối mãi tít ở đằng xa. Một thú khinh công cao diệu phi thường. Thoảng trong thỉnh không còn văng vẳng tiếng nói trầm ấm của lão nhân:

- Nếu trời thương thì sau này sẽ được gặp lại.

Không ai hiểu ý lão nhân nói gì, chỉ đoán phỏng là lão đã để lời lại cho em bé, con trai ông Trần.

Thôn làng làm lễ mai táng trọng thể chủ tó ông Trần như để đền ơn công lao diệt trừ thú dữ. Hai ông được chôn trong phần mộ gia tộc họ Trần. Con cọp cái cũng chôn một đoạn cách xa.

Từ đó trong khu mộ địa Trần gia có một nấm mộ không đề bia, không tu bổ. Trên nấm mộ trổ trĩ, cỏ cây hoa lá không mọc được. Người đời sau gọi đó là mả cọp.

Mười một năm sau.

Phường săn xua bấy chớ khôn lên núi. Vùng Kim Sơn lúc sau này lắm thú nhưng ít người dám đến săn vì tiếng đồn có ma. Bầy chó ta thuần giống sinh trưởng miền sơn cước, thân nhỏ, mũi hếch, tai to vểnh cao, rất thính hơi và gan lì được ban săn nhà họ Trần huấn luyện kỹ lưỡng, nổi tiếng khắp vùng. Hôm nay bỗng chúng dở chứng, không chịu lòng sục tìm mỗi như mọi khi, mà cứ chụm đuôi vào nhau sửa vang. Phường săn quát roi huýt gió, chúng cứ phớt lờ li ra, nhảy quẩn một hồi rồi lại chụm đuôi vào nhau, sửa tiếp. Biết có sự lạ, chủ nhân vội đến xem. Một ông lão râu ngắn quắc thước, thân hình vạm vỡ rắn chắc, bắp thịt cuộn cuộn như thường chảo, mắt sáng tựa sao, giọng nói ồm oang như lệnh võ. Ông cỡi trên một con ngựa sắc nâu thẫm, vai mang cung tên, tay cầm đại đao. Ông là hiện thân của người tráng sĩ thần dũng, oai phong lẫm lẫm miền núi ngàn sơn dã. Theo sau là một thiếu niên tuổi chừng mười hai nhưng cường tráng, lực lưỡng như thanh niên mười sáu. Cỡi trên một con ngựa thân hình nhỏ nhắn nhưng nhanh nhẹn. Thiếu niên mặt vuông vức hồng hào, khôi ngô tuấn tú, tay cầm cung tiễn, dáng uy nghi người lớn.

Ông lão là người quản gia lâu đời của Trần gia trang, được bố mẹ ông Trần nuôi từ thuở tóc còn để chỏm. Nhà họ Trần xem ông như con nuôi và cho ăn học văn võ cùng thầy, cùng thúở với ông Trần. Lão là một tay giang hồ cự phách, cả đời sống độc thân không vợ con, theo phò Trần gia để đền ơn dưỡng dục. Năm xưa, trong đêm tử chiến với cọp trắng, Trần quản gia bận theo hầu bà Trần và cũng để hộ tống một ít hàng thuốc bắc quý hiếm, đặt mua từ miền ngoài

chuyển vào. Giá như đêm ấy có mặt Trần quản gia thì chắc Trần lão không đến nỗi phải mạng vong. Còn thiếu niên là con trai út của ông Trần, đứa bé nằm trong nôi được cha giấu trên ngọn cây cao trong đêm lưu huyết. Đến nay đã được mười một năm. Vài năm sau bà Trần buồn rầu qua đời, cậu út một mình tay quản gia nuôi dạy khôn lớn. Trần quản gia đã dốc hết công phu cả đời truyền thụ cho cậu. Cạn nghề, ông tiếp tục tìm thầy giỏi văn giỏi võ khác về dạy cho trẻ. Đứa bé tâm chất thông tuệ, thể chất cương mãnh, nên chỉ vài năm lại phải đổi thầy. Nhất là nghề võ, đứa bé sáng dạ lại sớm phát triển thể lực nên các võ sư đều bái phục.

Bây chớ sản đang sủa vang, bỗng rúc đầu vào bụi, kêu ăng ẳng như gặp phải ma. Trần quản gia vừa đến nơi biết ngay là có biến. Ông quát gia đình bảy trận. Thoảng trong gió có mùi lạ. Thiếu niên hiểu kỳ thúc ngựa xông lên núi. Lão quản gia theo sau bèn gót, vũ khí hờm sẵn trong tay đề phòng bất trắc. Bỗng cả hai khựng lại. Trước mắt hiện ra một cảnh khó thể tưởng tượng. Một ông già tóc trắng như cước dài phủ vai, đang nằm đùa giỡn với một con cọp tau cau trắng to lớn. Hồ vừa trông thấy cậu bé liền đập đuôi phóng đến tấn công tức khắc. Thiếu niên cũng không vừa, nhanh nhẹn búng người bay ngược ra sau tránh đòn. Thân hình còn lơ lửng trên không, cậu liền giương cung nhả tên phản công. Mũi tên sắt xé gió bay vút đến cọp trắng. Một tiếng thét ngang trời : Hồ không được hồn. Tà áo vàng phát lên. Lão sơn nhân phi người bắt gọn cây tên vào tay. Cọp nghe tiếng thầy, ngoan ngoãn vẫy đuôi thoái lui về phía sau lưng lão nhân. Trần quản gia rúng động. Cả đời ngang dọc, ông chưa hề thấy ai tài giỏi và quái dị như lão sơn nhân áo vàng này, nuôi dạy cọp dữ và tay không bắt được tên bắn. Lão nhân hình dung cổ quái, thân thể rắn chắc như thân cây lim già, mặt xanh lè, bước đi phiêu phưởng nhẹ tựa bay, đôi mắt hiền lành nhưng phát ra tia sáng lạnh lùng, lấp lánh như sao. Ông giống như hình ảnh của thần nhân trong sử thi hiệp khách giang hồ.

Không để ý đến Trần quản gia, lão nhân bước đến gần thiếu niên, nhẹ giọng hỏi :

- Người là ai ? Không biết nơi này là ổ cọp hay sao mà đến đây nạp mạng ?

Thiếu niên thật thà nói rõ thân thế. Nghe kể xong, lão liền hỏi :

- Có phải Trần gia trang là nơi mười một năm trước đã xảy ra kỳ án giữa người và cọp ?

Thiếu niên gật đầu. Người già hỏi tiếp :

- Người bảo là con út của Trần lão gia. Vậy có gì để chứng minh không ?

Nghe hỏi, cả Trần quản gia lẫn thiếu niên ngớ người không biết trả lời làm sao. Cả vùng Ân Tín Hoài Ân này, ai mà không biết cậu là con trai út của Trần lão, một thiếu niên kỳ tài đương thời. Có lẽ lão sơn nhân đoán hiểu được điều băn khoăn đó, nên nói tiếp :

- Trong đêm huyết chiến, ta đến trễ một bước nên không kịp cứu ông Trần, nhưng có gặp một đứa bé sơ sinh và có để lại một tín vật làm bằng. Nếu người là đứa bé ta đã gặp năm xưa đó, ắt phải có gì để chứng minh.

Thiếu niên sực hiểu ra, moi trong ngực áo lấy miếng vải vàng có viết chữ "Diệp" bằng máu đã thâm tím dâng lên. Lão sơn nhân cầm lấy nhưng không hề nhìn qua. Lão ngoảnh mặt bằng khuâng đôi đôi mắt xa xăm về vùng thôn làng Ân Tín, lòng thầm nửa vui, nửa lo âu. Về mặt lặng lẽ u hoài ...

Lão thở dài, lẩm bẫm một mình :

- Âu cũng là duyên số. Ta đã biết trước ...

Rồi quay qua Trần quản gia, lão nói :

- Ngày xưa gico quẻ đoán số, ta biết ta vốn có duyên sư đồ với cậu bé con út của Trần lão đây. Nay đã đến kỳ tương phùng. Vậy người hãy về thu xếp, hai hôm nữa cho cậu bé lên núi theo ta thọ học tuyệt nghệ công phu bí truyền.

Nói đến đây lão sơn nhân phất tay áo rộng, quay người phi vút đi như gió thoảng. Bạch hổ phóng theo thầy bèn gót. Chớp mắt, cả hai cái bóng chỉ còn là vệt mờ nơi cuối chân trời. Trần quản gia quay qua thiếu niên đang sững sờ đôi mắt nhìn theo :

- Bình sanh cả đời bôn ba, ta chưa thấy ai tài nghệ siêu phàm đến mức linh diệu như vậy. Âm thanh tiếng nói chưa dứt mà người đã mất dạng. Tay không bắt được tên bản. Quả là trăm năm có một. Được làm môn đồ của người âu cũng là phúc phần cao dày, đầu phải ai ước cũng đạt.

Lão sơn nhân họ Diệp, tên là Đình Tông. Tổ tiên vốn người Trung Hoa, không chịu đầu phục chế độ Mãn Thanh nên trốn chạy sang Việt Nam sinh sống. Đến lập nghiệp tại thôn Vĩnh Thạnh huyện Tuy Viễn được ba đời thì sinh ra lão nhân.

Họ Diệp tập luyện võ thuật lúc mới lên tám, nhưng thân vóc mảnh mai, tính tình hiền hậu, có phong cách của một nho sinh hơn là người võ đạo. Lúc còn trẻ nghe tiếng thầy Trương Văn Hiến, ông tìm đến An Thái đưa danh thiếp xin được diện kiến. Trương võ sư niềm nở đón khách, ân cần mời vào. Chủ khách chia ngồi, ngồi đối diện nhau trên hai chẩm đôn cách vài sải tay. Một tiểu đồng bưng khay trà thơm ra mời. Trương võ sư nhẹ nhàng vận công phu đẩy khay trà qua mời khách. Diệp đình Tông đỡ lấy khay trà nhận một chén, rồi vận công đẩy trả khay trà lại cho chủ nhà. Chủ nhân cũng nhận một chén. Cứ thế, khay trà theo nội lực của hai người điều khiển, bay qua bay lại nhẹ nhàng, dễ dàng trong một khoảng cách xa mà nước không sóng sánh rơi ra ngoài một giọt. Ghê sợ thay cho võ công thâm hậu của hai ông. Một người như cội tùng bách uy vũ, hiên ngang. Một người như khóm thanh trúc phong nhã, dẻo dai. Họ Diệp uống cạn chung trà, đứng lên chấp tay bái biệt. Tuy hai người không nói với nhau một lời nhưng trong lòng thì đầy kính phục, ngưỡng mộ.

Trên đường trở về nhà, Diệp đình Tông chứng kiến tận mắt viên tri huyện cho lính bắt một người con gái về làm hầu thiếp. Dân làng và cha mẹ cô gái phản đối thì bị đánh đập tàn nhẫn đến thừa sống thiếu chết. Diệp nghiêng rắng nên giận quay đi. Nhưng đến lúc tên tri huyện ác độc dùng gậy gỗ đánh phủ xuống đầu bà nội già nua của cô gái, làm mình mẩy cụ bê bết đầy máu thì

Diệp không còn kìm giận được nữa. Ông vung tay gạt ngã tên quan rồi đỡ bà lão ngồi dậy. Cả đám quân binh a dua vây đánh họ Diệp. Sẵn gậy trong tay, ông đâm thẳng vào trán khiến tên tri huyện bẽ óc chết ngay tức khắc. Đám lính bị đánh thương tích nằm la liệt trên mặt đất, số còn lại kéo nhau bỏ chạy. Dân chúng thất kinh công bà lão rời bỏ huyện đường. Đã lỡ chuyện, Diệp đình Tông bèn đi thẳng đến nhà giam, phá ngục giải cứu những người bị vu khống, bắt oan. Trước khi ra đi, Diệp gài lại danh thiếp trên giá bút ở công đường để tránh rắc rối cho kẻ khác. Viên tri phủ Qui Nhơn được cấp báo liền cử binh đi bắt phạm nhân. Ông Diệp thâm nghĩ : "Giết người thì phải đền mạng, trốn tránh là khiếp hèn. Nhưng giết một tên tham quan dâm ác, giải nạn cho dân thì không thể gọi là sát nhân được. Nếu để bọn cầm quyền bắt được, làm nhục tấm thân thì đó là bất trí." Nghĩ vậy, nên sau khi cân nhắc ông dặn dò gia đình những điều cần thiết phải nói khi quan quân hỏi đến, rồi cấp đao đi thẳng vào núi. Lang thang khắp sông suối, núi ngàn Tây Sơn, khi đến dãy Kim Sơn huyện Hoài Ân tình cờ ông gặp một khu rừng đại thụ, có sơn động, thạch bàn, bên cạnh có dòng thanh tuyền róc rách, êm ả bao quanh khu đất bằng phẳng tươi xanh nhiều cây trái. Chán ngán mùi thế tục, ông dừng bước ở đây tập tu tập đạo làm người. Cứ nghĩ, học võ cốt để cứu nhân độ thế, nhưng chúng sanh thì vô biên, mà sức người thì hữu hạn. Sống trong thời buổi loạn ly nhiều nường, muốn độ sanh thì phải khai sát giới, trái với chủ trương Phật học. Lại nữa, giết người không phải là cứu cánh của võ học, tuy là để tự vệ, song cũng gây nhiều bức xúc, phiền não. Chi bằng ở lại non cao, xa nơi trần thế, giữ lòng thanh tịnh mới mong tự giác ngộ cho chính bản thân và tiêu trừ được mọi điều phiền não. Có vậy mới giữ trọn được lời nguyện đoạn tục.

Người đời đồn rằng, về sau ông Diệp gặp được kỳ duyên. Tiên giáng trần chỉ dạy ông cách tu đạo và võ công quán thế. Ông có thể nhịn ăn nhiều ngày, nhiều tháng mà sức khỏe vẫn sung

mãn, trí tuệ vẫn minh mẫn. Từ đó, Diệp đình Tông hầu như quên bằng tên tuổi bản thân, sống an nhiên với núi non, hùm beo thú dữ. Đói ăn trái cây, khát uống nước suối, không màng đến cõi đời nhiều nhưng ô trọc.

Trần thiếu niên được thọ giáo cùng lão sơn nhân quả là điều hạnh ngộ, mà lòng lão cũng vô cùng hoan hỷ, không còn phải lo lắng võ công bị mai một, thất truyền. Thầy hết lòng truyền dạy, trò cố sức học tập. Mưa nắng hai mùa, thầy trò vẫn chưa hề xao lãng một ngày rèn luyện. Những lúc nghỉ ngơi thì lại lo nông vụ, trồng trọt để sống hoặc lắng nghe thầy dạy dỗ học đạo làm người. Hồ vẫn siêng năng hái cây rừng về dâng lên thầy, đêm đêm canh giấc cho thầy ngủ yên. Bạch hổ đối với thầy hết lòng hiếu nghĩa, tuy nhiên vẫn có một điều mãi làm thiếu niên bâng khuâng trong lòng. Bao năm trời chung sống bên nhau nhưng không hiểu sao linh thú chỉ tỏ tình yêu mến với sư phụ, còn đối với chàng thì nó lạnh nhạt dửng dưng, thường hay tránh mặt, có lúc còn tỏ ra căm ghét, hận thù.

Thấm thoát đã bảy năm trôi qua.

Một hôm lão sơn nhân bảo Trần vào sơn động lấy ra một thanh bảo đao, từ lâu vẫn chưa dùng đến. Đao rút ra khỏi vỏ, sắc vàng rờn rợn, hơi lạnh vương vất. Phía chuôi đao có khắc hình một con cù bằng vàng ngậm lưỡi đao. Lão sư bảo:

- Đây là thanh Huỳnh Long bảo đao có từ đời nhà Trần. Đã từ lâu ta không dùng đến, nay đem tặng con để phòng thân. Mong rằng ngày sau nó sẽ giúp con an dân định quốc, lập nên đại nghiệp.

Lão sư trầm ngâm, rồi tiếp lời :

- Từ lâu ta vẫn nấn ná sống là bởi chí bình sanh chưa thỏa, võ công bí truyền chưa có người kế thừa. Nước nhà đương cơn loạn lạc, dân tình đang sống trong cảnh dầu sôi lửa bỏng, ta vì sớm ngộ đạo nên không giúp ích gì được cho đời, nghĩ cũng uổng phí tài năng. Trong vùng địa linh, non sông thủy tú này đã nảy sinh nhiều bậc anh hùng hào kiệt, họ đang chung sức chung

lòng, dấy binh dẹp loạn cứu dân, cứu nước. Nay thầy đã trăm tuổi mà con cũng đã linh hội được toàn bộ tuyệt học của ta, do vậy không còn lý do gì để thầy chần chừ làm vướng bận bước tiến thân của con.

Giọng lão sơn nhân trở nên buồn rầu :

- Thầy đã quyết định ra đi, không nên nấn ná níu kéo thêm làm gì cõi đời phiền muộn này nữa.

Lão thở dài, giọng nói trầm buồn :

- Duy còn một điều lòng thầy vẫn chưa thanh thản, đó là chuyện bạch hổ. Thầy đã kể và con đã hiểu nguyên nhân vì sao bạch hổ đối với con lạnh lùng. Nó sẽ không bao giờ quên mối thù truyền kiếp - bản năng của linh thú trời buộc và tác động nó, bắt nó phải nhớ như một quán tính. Sau mấy lần lợi dụng lúc ta vắng nhà để hãm hại con, ta đã suy nghĩ tìm cách trừ hậu họa cho con nhưng lòng không nỡ, nên chỉ đuổi nó ra khỏi sơn động. Vả lại ...

Lão nhân bỏ lửng câu nói, nhẹ thở dài :

- Ấu đó cũng là kiếp số thử thách của con. Đời cha buộc thì đời con phải mở. Trong huyết án này, duy nhất chỉ có mỗi một mình con mới có thể giải trừ được oán thù sâu đậm mà thôi. Hãy ghi nhớ lời thầy : lấy đức báo oán, oán sẽ tiêu trừ. Cố gắng bảo trọng lấy thân để dành lo cho đại cuộc.

Lão sư kết thúc lời trời trần :

- Sau khi chôn cất thầy xong, con không nên quyến luyến nơi này làm gì mà phải mau kíp hạ sơn, đem sở học làm sở hành, sớm giúp nước cứu dân, giúp đời bớt cảnh lầm than, đau khổ.

Nói dứt lời, lão sư thân nhiên nằm xuống, dùng tay đánh nhẹ vào đỉnh đầu mà quy thiên.

Thiếu niên gục đầu bên xác thầy, lòng đau đớn không tả xiết. Buồn bã, cô đơn tràn ngập cõi lòng.

Bị rịn, quyến luyến không nỡ rời chân nhưng nhớ lời thầy dạy, chàng miễn cưỡng đợi ba ngày sau, khi cứng mở cửa mỏ cho thầy hoàn tất, dùng thần công chuyển đá núi lấp của sơn động, rồi quỳ lạy mộ thầy, quỳ quả xuống núi.

Bảy năm thoáng qua mau như một giấc mơ. Mới ngày nào còn niên thiếu đặng sơn học nghệ, thể mà nay đã trở thành một thanh niên hai mươi, cuồng tráng tuấn tú.

Về đến nhà, gia đình vẫn yên vui. Trần quản gia sờ nắn gân cốt, cơ bắp chàng trai, lòng vui mừng vô hạn, nụ cười hiếm hoi của người già luôn nở trên môi. Ông hối gia nhân bày tiệc rượu, mời bá tánh cùng đến chung vui. Hôm sau, ông gọi chàng trai để trách nghiệm công phu bao năm luyện tập, trước khi cho nhập đời hành hiệp. Mọi người trong gia trang bàng hoàng, Trần quản gia thì trở mắt sừng sốt rồi nhảy cẫng lên vì sung sướng. Võ công của chàng trai quả nghiêng trời lệch đất, thể gian hy hữu. Mấy hôm sau, lão mới tiết lộ cho thanh niên biết về hiện tình đất nước và phong trào Tây Sơn rồi bảo cháu nên sớm lên đường đi tìm minh chúa.

Hôm sau, thanh niên một thân một đao, băng núi qua vùng Kiên Mỹ. Nghe tin Nguyễn Nhạc mở sòng bạc lớn ở gần chợ, chàng nghĩ bụng:

- Chốn yên hoa và nơi đổ bạc vốn là chỗ anh hùng hào kiệt chưa gặp thời cũng như khi lỡ vận, thường hay lui tới giải khuây. Ta thử đến đó xem qua một lần cho biết.

Nghĩ rồi, thanh niên họ Trần ghé vào một khách điểm thuê phòng, cắt đao, thay y phục sạch sẽ rồi vào sòng bạc. Đang loanh quanh nhìn ngó những điều lạ lùng chưa hề bao giờ thấy thì bỗng nghe có tiếng đánh nhau huỳnh huỵch, tiếng kêu la ới ới, mọi người thấy đều dồn về một góc. Trước mặt chàng, khoảng chục tên côn đồ người Hoa tướng mạo to lớn dữ dằn, mặt đỏ gay nồng sặc mùi rượu, bụng phệ, mặc áo phanh ngực, dao dắt ngang lưng. Chúng là ai mà dám ngang nhiên cướp tiền, phá sòng bạc giữa ban ngày ban mặt ngay trên đất của Tây Sơn vương như vậy? Hỏi ra mới biết, chúng là thủ hạ của bọn Tập Đình, Lý Tài, dân thảo khấu gốc Tàu, từ Quảng Nam mới quy phục theo về với Nguyễn Nhạc. Máu nóng bốc lên đầu, khi thanh niên họ Trần nghe chúng thách thức dân Nam có

người nào tài giỏi ra thi tài với chúng. Rồi như để thị uy, một tên trong bọn bước ra, dùng chân đá nát chiếc cảm đôn, tay không đâm vỡ mặt bàn bằng đá. Mọi người thấy đều xanh mặt, không ai dám nhúc nhích. Chờ một lát không thấy ai ra đối địch, Trần nghĩ bụng: phải cho chúng một bài học để chừa thói khinh thị dân Nam. Đây cũng là dịp thực hành những điều bao năm trời dày công luyện tập. Trần lẳng lẳng bước ra nhìn quanh rồi không nói nửa lời, chàng đi đến bên con sư tử bằng đá xanh to lớn như con nghé để trước cửa, bên trên có đặt một hồ nước nuôi cá cảnh. Chàng nhẹ nhàng nhắc hồ cá đặt sang một bên, rồi xấn tay áo chuyển thần lực giữ bóng con sư tử tung thẳng lên cao. Con sư tử bằng đá nặng mấy trăm cân rơi xuống lún sâu vào mặt đất, phát ra một tiếng "uỳnh" dữ dội, bụi bay mù mịt. Chưa hết, thanh niên họ Trần cúi xuống nhắc bóng hồ cá đầy nước, triển khai khinh công chạy vun vút ra đến giữa sân rồi bất ngờ tung mình phi thân, dùng thế "Bình sa lạc nhật" tà rơi xuống ngay trên mình con sư tử, nước trong hồ vẫn không chao tràn ra ngoài một giọt. Còn nữa, chàng vận công đứng yên trên mình sư tử, nhưng lạ thay con sư tử đá cứ từ từ lún sâu vào mặt đất, đến lúc chân chạm ngang mặt đất, chàng thanh niên mới từ tốn đặt hồ cá xuống bên cạnh. Mặt không hề đổi sắc, hơi thở vẫn đều hòa. Trần thanh niên quay nhìn đám thảo khấu đang trợn to mắt, không tin vào điều trông thấy, nghiêm trang lên tiếng:

- Kẻ nào giỏi thì bước đến nhắc con sư tử lên khỏi mặt đất, ta khen.

Rồi chàng đứng khoanh tay im lặng chờ đợi. Đám thảo khấu nhìn nhau bối rối. Mọi người chung quanh vỗ tay tán thưởng. Lẫn trong đám đông đúc, Nguyễn Nhạc và mấy viên võ tướng cũng lấy làm ngạc nhiên, kính phục tài khinh công và nội lực thâm hậu của người tuổi trẻ. Họ không ngờ thần tướng xuất hiện cạnh bên mình.

Chờ một lát không thấy phản ứng, chàng thanh niên họ Trần quắc mắt nhìn bọn người Hoa, dần từng tiếng một:

- Các người lên tiếng thốt lời cuồng ngoạ, khinh dân tộc Nam không người tài giỏi, nay ta bắt phải nói lời xin lỗi với mọi người. Nhược bằng không khứng thì tất cả các người phải nằm hết lại tại chỗ.

Tiếng nói danh thếp, đồng dục và có uy lực chấn động tâm can. Nguyễn Nhạc nói nhỏ với đám tùy tướng : Người này không những tài ba mà còn có tinh thần dân tộc, đầy nghĩa khí hùng tâm. Đúng là con người mà bấy lâu nay chúng ta hằng đang mong đợi.

Bọn thảo khấu biết là không thể thi thố gì được nữa. Chúng âm thầm đưa mắt ra hiệu rồi bất kể đạo lý giang hồ, chúng đồng loạt xông lên, định lấy thịt đè người. Những viên tướng của Nhạc bất mãn, định can thiệp nhưng họ chưa kịp ra tay, thì người thanh niên đã sử dụng một loại kình công kỳ ảo lạ thường. Thân hình như chiếc bóng, thoăn thoắt bốn bên tú bề tựa con thoi, chàng đi đến đâu là bọn thảo khấu ngã rạp, lăn kên ra đất đến đấy. Chúng đau đớn kêu la, hoảng sợ quỳ mọp xuống đất xin tha mạng. Tiếng vỗ tay hoan hô của dân chúng lại nổi lên dậy trời.

Sau khi trừng trị bọn Tàu hung hãn, thanh niên họ Trần lảng lạng rút lui trở về quán trọ. Chàng không muốn để lộ tông tích sớm. Nhưng chỉ một lát sau thì có người đến xin được diện kiến. Người đó là Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc. Vốn chuộng anh tài, Vương không câu nệ cổ chấp, mà học theo gương người xưa - Lưu Huyền Đức tam đảo thảo lư - ba lần thân chinh đến lều cỏ cầu kiến quân sư Gia Cát Khổng Minh. Thấy vậy, Trần thanh niên cảm động. "Nhất kiến như cữu". Đôi bên chuyện trò tâm đắc như đã từng quen nhau từ lâu. Vương bày tỏ điều tâm huyết, Trần thổ lộ chí hướng rồi xưng tên là Quang Diệu.

Họ Trần ngoài võ công cao thâm, kiến thức cũng uyên bác, nhìn xa hiểu rộng. Năm Giáp Ngọ (1774), Nguyễn Nhạc sai Lý Tài vào trấn thủ Bình Thuận, Diệu can:

- Lý Tài là người Tàu, vốn xuất thân là một tên giặc bể, bụng dạ điều ngoa khó lường, không nên tin tưởng cho cầm binh đi xa, để sinh hậu họa.

Nhạc không nghe. Quả thật, về sau Lý Tài đem bè đảng bỏ Bình Thuận vào Nam đầu hàng chúa Nguyễn, chống lại Tây Sơn. Bị Nguyễn Huệ và Trần quang Diệu đem binh đánh đuổi tan tành. Trong tư phòng ảm áp, Bùi thị Xuân ngồi chải tóc cho chồng. Trần quang Diệu nằm dài trên đồng chân gối còn nòng nân hương thơm da thịt. Bao nhiêu ngày tháng rồi, ông mới có được giờ phút thư nhàn như hôm nay. Bà Xuân cúi xuống bỏ vào tay chồng những sợi tóc bạc vừa nhổ được. Cứ bao nhiêu sợi tóc trắng là bấy nhiêu nhọc nhằn thao thức của vị đại tướng xông pha khắp cùng mặt trận, chẳng mấy khi rảnh rang nghĩ đến hạnh phúc riêng mình. Nhưng chỉ đến lúc Hoàng đế Quang Trung băng hà, thì mái tóc sương gió của chồng bà mới thật sự bạc trắng giống như mây trên đỉnh Hoành Sơn vậy. Bà tự hỏi : còn có bao nhiêu số phận cuộc đời, bao nhiêu điều trọng đại quốc dân ông phải lo nghĩ đến? Nhớ lại lần chồng bà được triệu gấp về kinh, chuyện trò cuối cùng với Hoàng đế. Cầm tay Trần quang Diệu, Nguyễn Huệ nói rằng ông đã mở mang bờ cõi sơn hà gồm cả trời Nam đất Bắc, nay thân mang trọng bệnh, sinh tử cận kề, nay mai ra đi ông không chỉ muốn gởi lại mỗi mình Quang Toản cho Diệu dạy dỗ, mà còn muốn gởi cả giang sơn xã tắc này cho Diệu lo toan. Bùi thị Xuân giật mình. Cả đời, bà chưa hề biết run sợ trước kẻ thù, tay guơm của bà từng chém bay đầu tướng giặc Xiêm La Lục Cồn trong trận Rạch Gầm, thế mà nay bà lại băn khoăn lo lắng. Đành rằng tổ quốc không là của riêng ai nhưng không phải ai cũng gánh vác nổi. Người đó ngoài chân mệnh đế vương, còn phải biết an bang tế thế, lớn tài lớn đức. Tài hèn đức mỏng như vợ chồng bà chỉ có thể theo phò đấng quân vương thôi. Thế mà nay ... Nhưng linh cảm tinh tế của người phụ nữ mách bảo cho bà biết rằng đó là lời nói chân thành của tình bạn, chứ không phải là lời đai bôi hay thất buộc lòng

người, cốt để bạn vì mình mà hết lòng tận tụy với ấu chúa. Hai người đàn ông đã có với nhau biết bao bận nòng cuộc đời, đã chia sẻ cùng nhau những khoảnh khắc sinh tử, nên họ hiểu rõ lòng nhau. Bà Xuân biết giá trị của lời trần trối đó. Đó là lời tâm huyết. Đó là lời gan ruột xuất phát từ con tim chân thành của đấng minh quân cả đời hết lòng vì nước, vì dân. Do vậy bà thọ mệnh, phò tá ấu chúa.

Bùi thị Xuân lùa những ngón tay thon dài vào mái tóc chổng, mái tóc dẫm hương rừng núi Tây Sơn thướt nào và không bao giờ phai nhạt. Nhớ lại lần gặp đầu tiên, bà cứu Diệu thoát chết dưới nanh vuốt cạp trắng. Ngày đó bà đã sớm nhận ra mùi tóc hoang dã kỳ lạ ấy. Ai ngờ rằng, mùi tóc ấy một ngày lại là của riêng bà và đã cho bà cả một trời yêu thương hạnh phúc.

- Nhanh quá. Mỗi ngày nào mà bây giờ tóc chàng đã bạc sương. Chiến hữu bao kẻ đã thành người thiên cổ. Cả linh thú bạch hổ cũng biệt vô âm tín, chẳng biết sống chết nơi đâu. Giọng nữ tướng Tây Sơn bùi ngùi.

- Không, ta quên nói với nàng. Mùa xuân năm rồi trên đường trẩy quân, ta ghé viếng mộ thầy. Bên mộ đã đặt sẵn những hoa quả rừng mà thầy ta ngày còn sống ưa thích. Chắc bạch hổ nhớ thầy hái về cúng, nó hiểu nghĩa hơn cả người. Ta biết nó chẳng đi đâu xa, chỉ lẩn quẩn gần đầu đó để lo chăm sóc mộ phần sư phụ. Lần ấy, nhất định nó biết ta về nhưng lánh mặt.

Vị dung tướng họ Trần trầm ngâm :

- Ngày trước, khi ta nhận lệnh soái chủ, bí mật mở con đường thượng đạo từ Tây Sơn ra đến Nghệ An, súc người súc thú chung nhau xây thành đồn lũy, chiến hào ngăn giặc. Đã có Vụ Tượng Đầm ở Cửu An, đã có Mã Ông Bồ khi chiến sĩ tử nạn, đã có những câu ca dao truyền đời:

*Chiều chiều Hánh Hót ngàn mây,
Lao xao tiếng Thượng chặt cây dựng đồn.*

và đã biết bao phen ta lạc lối đi, về. Những lúc ấy lại thấy thấp thoáng trước mắt bóng dáng bạch hổ. Linh thú dẫn dắt ta đi tìm phương hướng mà

thông đường. Nhiều lần như thế, thượng đạo mới được hoàn thành. Công lao bạch hổ không phải là nhỏ. Tiên đế đã mấy lần dẫn đại quân vượt Trường Sơn ra Bắc, lúc diệt Trịnh, khi phạt Thanh, ông đều sử dụng con đường thượng đạo bí mật này, đánh vào phía sau phòng tuyến vững chắc làm vỡ tan hàng ngũ địch. Chúng, tướng tử quân tan, tháo chạy cuống cuống.

Giọng Trần quang Diệu không dấu nổi bùi ngùi. Những năm tháng niên thiếu ở núi Cổ Sơn với thầy, với bạn hổ như dấu ấn hằn sâu trong tâm trí ông đầu thời gian phai. Diệu hình dung như thấy rõ ràng cái hang ấm áp, dòng thanh tuyền và cổ thạch bàn dưới cội bách già, nơi đâu cũng tràn ngập bóng dáng người thầy yêu kính. Diệu và bạch hổ cùng lớn lên, trưởng thành trong vòng tay thương yêu, chăm chút chu đáo của thầy. Khi Diệu trở nên một nam hán cường tráng, thì hổ cũng đã là một đấng mày râu đường bộ. Họ sống bên nhau như chẳng hề có hận thù. Vậy mà trở trêu thay, hổ lại nhận ra hơi hướm kẻ cựa thù ở nơi con người Diệu. Thì ra từ lúc còn nằm trong bụng mẹ cho đến khi chào đời, bạch hổ đã được mẹ truyền dạy lòng căm thù đối với con người có hơi hướm động lại ở vật áo mà mẹ nó đã xé được ngày xưa. Do vậy, cứ mỗi lần thầy đi vắng, linh thú lại nhớ tới thù xưa. Nó bèn giả trò hung hãn với cậu bé. Thầy bắt được, giam vào mật thất, bắt nhịn ăn hàng tuần lễ. Mỗi lần bị phạt nó rất sợ, tưởng rằng đã ăn năn từ bỏ. Nhưng hễ đối diện với riêng một mình Diệu, thì mối hận thù ma quái và bản năng thú vật lại hiện ra thôi thúc, làm u mê tâm tối đầu óc, trí khôn nó. Bạch hổ lại bị bắt, bị phạt nặng hơn lần trước. Lần nào cũng vậy, nó ngoan ngoãn quỳ xuống nhận lãnh hình phạt, không nửa lời than van, oán trách. Bạch hổ đâu biết rằng, ý định rồ dại của nó thầy đều biết trước. Sư phụ đang thử thách linh thú và cố giúp Diệu giải tỏa oán thù. Một lần khác thầy đi về muộn, hổ lợi dụng cơ hội quyết giết chết Diệu. Hai bên quần thảo suốt buổi. Cậu sử dụng những thế võ được thầy chân truyền, hý hửng tưởng rằng phen

này hổ sẽ chịu thua. Ai ngờ linh thú học lõm được và nó thông minh biết cách vận dụng để khống chế Diệu. Cuối buổi, linh thú lui dần, lừa Diệu bằng một thể hồi mã. Chàng trai đang thích chí thì bất ngờ hổ tung mình hoành thân, từ phía sau Diệu vỗ tới. Thanh niên bị mắc kế, vai cậu bị vuốt hổ bấu chặt không thương tiếc. Diệu hoảng hốt, vô phương chống đỡ. May sao sư phụ vừa về kịp. Thầy quát to rền vang cả sơn động. Bạch hổ vội buông người, rồi cụp đuôi rón rén đi vào thạch động. Nó đỉnh ninh lần này sẽ bị phạt rất nặng. Nhưng không, sư phụ lạnh lùng đuổi Bạch hổ ra khỏi Cổ Sơn. Linh thú bỏ ăn, ngày đêm quỳ mọp trước động mong thầy tha thứ. Diệu băng bó vết thương rồi cũng quỳ xin tội cho hổ. Nhưng ý thầy đã quyết, ông đóng chặt cửa thạch động. Bạch hổ đành phải ra đi. Từ đó, thoáng trong đêm trường, Diệu vẫn nghe tiếng kêu lanh lảnh của linh thú vọng về từ ngàn xanh, vượt qua biết bao thác ghềnh sông núi bay về. Hổ nhớ thầy.

Ngày đó, Diệu không hiểu điều hận thù trong lòng bạch hổ nhưng lão nhân thì hiểu rất rõ. Sư phụ không muốn định mệnh oái ăm lại xảy ra trên cuộc đời hai đứa học trò yêu của thầy. Lão không muốn định mệnh tai ác tái diễn ngay tại thạch động, nơi ông đã tâm nguyện lánh đời và ngộ giác thiện niệm. Lão đã thủ làm hết sức mình, nhưng vẫn không cưỡng được số trời. Định luật nhân quả nhà Phật, ai buộc thì người đó gỡ, nếu không, thì người đời sau phải tiếp tục gỡ. Thầy đã kể căn nguyên nguồn gốc mối thù cho Diệu rõ và mong ước duy nhất cuối đời của thầy là Diệu cố gắng giải được mối thù truyền kiếp ấy. Ba mươi năm rồi, lời sư phụ như vẫn còn văng vẳng bên tai. Khi Diệu đã biết sự thật, trước lúc quy thiên, lão nhân bảo Diệu đốt trầm ở đâu gió gọi bạch hổ về, cho nó gặp mặt thầy lần cuối cùng.

Thế rồi mãi đến một ngày bên cánh rừng Thuận Ninh, oán thù mới được giải. Lần ấy Trần quang Diệu nhận lệnh Tây Sơn đi chiêu mộ anh tài trong thiên hạ. Một mình một đao, chàng tuổi

trẻ lên đường. Vượt qua khỏi khu vực núi đá vôi hóa thạch lởm chởm, vừa đặt chân lên vùng thảo nguyên xanh tốt thì thỉnh linh bạch hổ xuất hiện. Nó vờn lượn rồi bắt thần giáng xuống chàng những cú chụp sấm sét. Chàng trai thoái bộ, thể vồ hụt, hơi gió vù qua ròn rợn. Xa nhau mới mấy năm mà võ nghệ linh thú đã tiến bộ vượt bậc. Những cái tát, vỗ, quào, móc, chụp mạnh như đi sơn đảo hải, nhanh như điện chớp. Nhớ lời thầy, Diệu quyết không đánh trả, chỉ cố gắng tránh đòn. Nhưng càng nhượng bộ, mãnh thú càng lấn lướt, tấn công tới tấp. Chàng thất thế lui dần, lui dần về phía quần thể đá chông chắt ngổn ngang, định nhờ vào tài khinh công để thoát hiểm, bất đồ bị vướng ngã. Trong lúc chưa kịp lấy lại thăng bằng, thì bạch hổ như một tia chớp vút đến. Cái chụp nhắm vào mắt của Diệu, để trả thù vết thương trí mạng ngày xưa do ông Trần đã gây ra cho cọp cha. Diệu chỉ kịp nghiêng đầu né tránh. Vuốt hổ cào sâu bên vai trái chàng thanh niên, máu tuôn xối xả. Mãnh hổ thẳng thế, càn lún sâu vào cơn say máu, chỉ còn biết đến hận thù phải trả. Diệu dần dần đuối sức, bị bồi thêm cái tát vào lưng ngã nhào xuống đất. Chàng ôm chặt thanh bào đao chưa hề được rút ra khỏi vỏ, nhắm mắt chờ chết. Bỗng có tiếng dây cung bật ra nghe rõ mồn một. Bạch hổ bất ngờ bị trúng tên độc vào vai, đau điếng hồn nhưng nó vẫn không chịu buông tha Diệu. Cùng lúc trên sườn núi, hai lần thanh quang xé gió phóng thẳng xuống đầu hổ. Diệu mơ màng thấy một bóng áo xanh thấp thoáng. Chàng thét to: Dừng tay, không được giết. Bạch hổ chạy đi, chạy mau đi. Cùng lúc với tiếng thét. Diệu thu hết tàn lực vung tay, thanh đao rời khỏi vỏ bay ra đón đầu song kiếm, lần thanh quang tắt ngấm. Linh thú thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, hoảng hốt phóng chạy vào rừng sâu mất dạng, đồng thời chàng trai cũng ngã xuống ngất đi, máu trào ra lênh láng. Người con gái áo xanh cứu Trần quang Diệu trong cơn thập tử chính là nữ tướng Bùi thị Xuân ...

- Thế mà lâu nay thiếp vẫn nghĩ chắc bạch hổ đã về châu thầy rồi chứ. Mũi tên có tẩm thuốc cực độc. Thiếp không dám nói ra sợ phu tướng buồn lòng.

Bà Bùi ngai ngừng tâm sự với chồng. Trần quang Diệu cười nói, trấn an vợ :

- Phu nhân không biết đó thôi, chứ bạch hổ làm sao chết được vì mấy mũi tên xoàng đó. Ngày xưa khi còn sinh tiền, thầy đã cho ta và bạch hổ luyện châu sa thần sa và một số thuốc dầu khủ độc bí truyền, nên mũi tên của nàng chẳng làm gì được linh thú.

Rồi để chứng minh, ông kể tiếp :

- Ngày Tiên đế băng hà. Vua Thái Đức sai La xuân Kiều soạn một bài văn tế, rồi cử Võ xuân Hoài và Đặng xuân Phong thay vua ra Phú Xuân cúng bái em. Quan văn tướng võ khởi hành tại Quy Nhơn, đi theo đường thủy. Trên đường ra bến, họ thấy bạch hổ xuất hiện, cứ lèo đèo theo sau như muốn đi cùng nhưng ai cũng sợ. Mãi đến lúc thuyền nhổ neo, thả buồm căng gió ra khơi, họ còn nghe tiếng gầm vang tức tối của bạch hổ. Linh thú cũng biết cái tang chung của dân tộc.

Nhắc đến tiên đế, lòng vị tướng bôn ba trận mạc, dày công hân mã bỗng xốn xang, đau đớn. Trần quang Diệu vùng ngồi dậy, hai tay vuốt ngược mái tóc búi gọn trên đỉnh đầu, trầm ngâm suy tư.

Bùi thị Xuân tin và hiểu lòng chồng. Điều ông nghĩ, lời ông nói, việc ông làm luôn luôn được xem là chí tình, chí lý. Cũng như lần mới đây. Đại binh Tây Sơn đang trên đà chiến thắng, thành Diên Khánh bị quân Tây Sơn công hãm, vòng vây xiết chặt, ưu thế đang nằm trong tay Diệu. Chợt được tin Phú Xuân có biến. Bùi đặc Tuyên lộng quyền, ép vua làm chuyện bất nghĩa, vu khống gán tội cho tướng Lê văn Hưng - một trong Thất hổ Tây Sơn - có ý làm phản, bắt đem chém đầu thị chúng. Võ văn Dũng nghe tin, uất ức tức giận, lập tức đem binh về trị tội. Bắt cha con Bùi đặc Tuyên, Bùi đặc Trụ cùng Ngô văn Sở đóng cũi đem chìm chết dưới dòng sông

Hương. Cha con họ Bùi bị giết là đáng tội, dẫu ông ta là chú ruột của Bùi thị Xuân. Nhưng người mà vợ chồng ông quý mến, thương yêu như anh nuôi là Ngô văn Sở cũng bị hại chết. Lòng đau như kim châm, nóng như lửa đốt, ông Diệu hộc bần và tuyên bố cùng chú tướng:

- Vua Cảnh Thịnh là con người thiếu sáng suốt và cương quyết, để gian thần lộng quyền thao túng, để đại thần giết hại tàn sát lẫn nhau. Nếu trong không dẹp yên loạn thì làm sao có thể đánh giặc ngoài được chứ.

Nói rồi Trần quang Diệu liền kéo quân về Phú Xuân, đóng tại An Cựu, bên bờ Nam sông Hương. Võ văn Dũng nghe tin liền đem quân bản bộ đóng dọc bờ Bắc sông Hương. Ai cũng tưởng kinh đô phen này sẽ trải qua bão tố. Nhưng không, Diệu về lần này là để nhắc vua chính đốn kỷ cương, giữ yên triều chánh, chú không phải để gây thêm chia rẽ, làm náo loạn trào nghi.

Mãi một hồi lâu, ông mới tâm sự với bà Xuân:

- Hôm qua, Cảnh Thịnh cho vôi ta vào cung uống rượu để xoa dịu câu chuyện đáng tiếc. Ta thật lòng chẳng hứng thú gì với ly rượu nhạt được vua ban thí nơi vườn thượng uyển có mảnh trăng suông hoang lạnh, cô đơn. Cầm rượu trên tay mà miệng đắng lòng đau, không sao cạn nổi. Về đến dinh ngồi thần thờ bên án thư. Ta nhớ ngày xưa cũng có lần uống rượu cùng tiên đế ở nơi đó, nhưng sao thấy nồng ấm, nghĩa tình quá, khác xa một trời một vực với vua hôm nay. Ta nghĩ rồi thiếp ngũ đi lúc nào không hay. Phu nhân biết không, ta thấy tiên đế hiện về, ngai cười cười nói nói y như hồi còn sống. Tiên đế tâm sự với ta nhiều lắm. Cứ như điều gì ta nghĩ đến thì ngài đã biết trước. Có lẽ trong trời đất, hai chúng tôi như sinh ra là để hiểu nhau. Ngồi trong quân trường uống rượu mà ngài nghĩ đến chuyện xẻ dọc Trường sơn, mở ra con đường thượng đạo bí mật cho quân xuôi Bắc Hà được nhanh chóng, bất ngờ. Tiên đế như cánh chim bằng đã nuôi đủ sức gió để quạt cánh bay cao lên tí mãi chín tầng mây, hướng trọn vẹn về

tương lai Tổ quốc. Ngài giành lấy phần mình gánh nặng trên vai mọi nỗi lo toan của cả thiên hạ. Chủ đầu như vua Cảnh Thịnh, tài sơ trí thiếu, bụng dạ hẹp hòi, không nuôi nổi chí cha, để bên ngoài thì nhân tâm ly tán, bên trong thì kẻ siểm nịnh lộng quyền, giặc đến thì biết lấy ai mà chống đỡ ? Tiên đế cười cười nói nói với ta nhưng mắt ngài thì buồn lắm. Vui làm sao được khi phía Nam Nguyễn Ánh đang chờ gió nồm lên là xua quân lấn chiếm, còn phía Bắc thì nước lớn đang hăm he thôn tính mà triều đình thì loạn thần tặc tử đầy đầy như lang sói hùm beo, chúng xé nát triều nghi. Chắc tiên đế nằm không yên giấc. Phu nhân bảo ta phải làm sao đây để đừng phụ lòng ủy thác của Người ?

Trần quang Diệu nói mà ánh mắt rưng rưng ngấn lệ. Viên dũng tướng ngậm ngùi nhớ lại mấy dòng văn nôm của La xuân Kiều trong bài điệu tế Hoàng đế Quang Trung :

Công điếu phạt, Nam rời lại Bắc, tiếng anh hùng vang dội sáu mươi phương.

Tích tình linh, ruột nối liền gan, đường u hiển rõ rời tơ chín khúc.

Trời Quy Nhơn ảm đạm màu thu.

Đất Thuận Hóa nào nùng tiếng quốc.

.....

Người nữ tướng đứng đầu Ngũ Phụng Thư, từng vào sinh ra tử, xem cái chết như trò chơi cũng sứt sùi dầu mặt. Cùng là phận quần thoa như Ngọc Hân Công Chúa, tránh làm sao khỏi rơi lệ khóc thương Tiên đế. Nỗi đớn đau của người vợ trong cơn tử biệt chồng, Công chúa đã thay nước mắt bằng những vần thơ chung thủy truyền đời :

"Than rằng :

Chín từng ngọn sáng bóng Trung trinh, ngoài muôn dặm cùng trông về Thụy.

Một phút mây che vùng Thái Bạch, trong sáu cung thoát nhạt mùi hương.

Tơ đứt tác lòng ly biệt,

Châu sa giọt lệ cường thường.

.....

Buồn thay nhẽ sương rơi gió lọt,

Cảnh đìu hiu thánh thốt châu sa.

Tưởng lời di chúc thiết tha,

Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê !

Buồn thay nhẽ, xuân về hoa ở,

Mối sầu riêng, ai gỡ cho xong ?

Quyết liều cho vẹn chữ tông

Trên rừng nào ngại, dưới dòng nào e.

Còn trúng nước thương vì đôi chút,

Chữ tình thâm chưa thoát được đi.

Vậy nên nân ná đòi khi,

Hình tuy còn ở, phách thì đã theo.

Theo buổi trước ngự đèo bông đảo,

Theo buổi sau ngự néo sông Ngân

Theo xa thôi lại theo gần.

Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa.

.....

Đêm thình lạng và lắng sâu hun hút. Trần quang Diệu vẫn chìm ngập trong dòng nhớ nhưng hồi tưởng miên man bất tận. Bùi thị Xuân âu yếm áp bàn tay chồng trong tay mình để truyền hơi ấm tình yêu và nghị lực. Bàn tay đầy vết chai sạn của vị anh hùng đứng đầu Thất Hồ Tướng, đã bao lần mở ra những con đường hạnh phúc, an lạc cho dân tộc, thanh bình cho tổ quốc. Những con đường đầy áp bao khúc khải hoàn ca bất tận của non sông. Những con đường nhuộm đầy mồ hôi, máu và linh tuệ của muôn người, trong đó có cả phần bạch hổ. Những con đường gập ghềnh đầy thương nhớ vẫy gọi và cả những con đường bi ai, phần hận của phân ly tử biệt.*

(Trích truyện "Thần Tướng")

Atlanta, đông 2002.

LÊ LUYẾN

ĐỨNG DẬY THÊM LẦN NỮA: GET UP ONE MORE TIME

NGUYỄN CAO QUYỀN

“Đứng dậy thêm lần nữa”(Get up one more time) là tên một cuốn sách vừa xuất bản mà tác giả là ông Nguyễn Đăng Hải, một cuốn hồi ký về cuộc đời và những bước gian truân của một gia đình người Việt tị nạn cộng sản.

Đây là một tác phẩm viết chính xác như một lệnh hành quân và phong phú như một pho tiểu thuyết. Tác phẩm viết bằng tiếng Anh với dụng ý truyền lại cho những thế hệ về sau biết về cội nguồn và công lao của thế hệ tiên phong ra lập nghiệp ở nước ngoài vì phải trốn bỏ cường quyền.

“Đứng dậy thêm lần nữa” không phải là tiếng thờ dài của một người quá mệt mỏi vì cuộc hành trình gian khổ mà là một hiệu lệnh nghiêm khắc cho chính bản thân tác giả, nhắc nhở phải quyết tâm đấu tranh đến thắng lợi cho những mầm mống của tương lai dân tộc.

“Đứng dậy thêm lần nữa” là một tài liệu quý báu làm giàu cho viện bảo tàng lịch sử về “tội ác của cộng sản Việt Nam”, rất cần thiết để cho dân tộc sau này tránh được những vết xe đổ loang đỏ máu người vô tội.

“Đứng dậy thêm lần nữa” đồng thời cũng là tiếng hô “kiên trì”, nhắc nhở tất cả những ai còn nghĩ tới quê hương, đừng nản chí, hãy tiếp tục đấu tranh bằng mọi cách để mang lại tự do, dân chủ thật sự cho đất nước và hạnh phúc, ấm no thật sự cho toàn dân.

Qua gần 300 trang sách, rất nhiều chi tiết liên quan đến cá nhân, đến gia đình tác

giả, và đến 3 cuộc di tản từ nhỏ đến lớn của người Việt, đã được tác giả ghi lại với một mức độ chính xác không thua gì kỹ thuật thu hình. Giọng văn chất phác, giản dị, toả ra những nét tươi mát của thời thơ ấu, tinh thần trách nhiệm của tuổi trưởng thành, mùi thơm lãng mạn của tình yêu đầu đời. Cả đến hơi ấm của gia đình với đứa con đầu lòng, tia sáng hạnh phúc của một tương lai đầy hứa hẹn, cũng được mô tả lại với chan chứa tình người.

Tất cả những thứ đó, tưởng đâu như sẽ được trôi theo dòng đời bình thản. Nhưng không. Định mệnh cay nghiệt của dân tộc đã lôi lên chìm xuống trong thác lũ, trong phong ba của chiến tranh và cách mạng.

Bắt đầu từ thập kỷ 1940 Việt Nam bị lôi cuốn vào những biến động chính trị của thế giới. Năm 1943, có một cuộc đảo chính giữa hai nhóm thực dân da vàng và da trắng. Họ thay nhau nắm quyền cai trị, nhưng chẳng bao lâu thì cuộc cách mạng dân tộc nổ ra. Cách mạng dân tộc do những cán bộ đầu mặt của Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản lãnh đạo thành công dễ dàng nhờ khoảng trống chính trị do quân đội Nhật để lại.

Một nền cộng hoà với những nét dân chủ mơ hồ được thiết lập. Một chính quyền không trình độ, không một chút kinh nghiệm, bắt đầu làm việc. Với hai đặc tính này, toàn dân đi vào kháng chiến trường kỳ khi thực dân Pháp trở lại. Ai cũng chấp nhận hy sinh tính mạng và của cải để theo

cách mạng nhưng cách mạng không có khả năng bảo vệ và nuôi dưỡng. Nhất là khi chính quyền Hồ Chí Minh đã lộ rõ bộ mặt thật cộng sản! Nên dân chúng đành phải quay lại vùng địch chiếm đóng với hai bàn tay trắng để xây dựng lại cuộc đời trong lo sợ và thất vọng. Đây là cuộc “đứng dậy” của toàn dân lần thứ nhất để tiếp tục sinh tồn. Cá nhân và gia đình tác giả ở trong trường hợp này.

Cuộc sống lây lất không kéo dài được bao lâu thì đất nước lại bị chia đôi vào năm 1954. Những người có kinh nghiệm với cộng sản lại bỏ quê cha đất tổ ở miền Bắc, chạy vào Nam. Lẽ cố nhiên, lại cũng với hai bàn tay trắng. Nhưng lần này thì họ đỡ vất vả vì miền Nam là một chế độ dân chủ, tuy chưa hoàn chỉnh nhưng dù sao thì cũng dễ thở, và có những điều kiện về tài nguyên dồi dào phong phú. Đây là cuộc “đứng dậy” lần thứ hai của những người tị nạn cộng sản để tiếp tục sinh tồn. Và một lần nữa, cá nhân và gia đình tác giả cũng ở trong trường hợp đó.

Cuộc sống ở trong Nam cứ thế trôi đi được gần một phần tư thế kỷ. Người dân lấy chiến tranh làm hòa bình vì họ đã quen tiếng súng. Nhanh vuốt của con quái vật cộng sản như những chiếc kim bầu chặt lấy cơ thể của dân tộc để hút máu và nhất định không chịu buông tha.

Quá quen thuộc với không khí chiến tranh người ta không để ý đến những đám mây đen đang ùn ùn kéo tới, làm vẩn đục bầu trời chính trị của tổ quốc: thông cáo chung Thượng Hải, hiệp định Paris, đồng

minh Mỹ rút quân, quyết định của quốc hội Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ quân sự... Tất cả những đám mây đen đó báo hiệu một cơn giông bão đang di chuyển tới gần.

Và giông bão đó đã đổ sập xuống vào ngày 30-4-1975. Giặc cộng tràn vào như nước lũ, phá nhà, chiếm đất, cướp của, bắt người. Cảnh tượng như ngày tận thế. Người ta đua nhau lao ra biển chạy trốn bằng bất cứ phương tiện nào có trong tay. Ai cũng sẵn sàng đem sinh mạng ra đổi lấy tự do. Hàng triệu người ra đi, nhưng nửa triệu người nằm trong bụng cá.

Gia đình tác giả cũng thoát chết sau một cuộc hải hành 34 ngày trên biển cả đầy nguy hiểm và sợ hãi. Cũng như những quân nhân khác của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Trung Tá Nguyễn Đăng Hải đã bị đồng minh Mỹ bỏ rơi trong trận chiến, nhưng lại được nhân dân Hoa Kỳ hân hoan đón nhận khi tới bến tự do.

Lần này ra đi cũng lại hai bàn tay trắng và với tuổi đời nặng trĩu trên vai, nhưng với một nghị lực phi thường, ông Hải lại “đứng dậy lần thứ ba” để cùng với gia đình tiếp tục sinh tồn nơi xứ lạ. Và ông đã thành công.

NGUYỄN CAO QUYỀN

(Virginia)

Tiểu sử của Ông Nguyễn Đăng Hải,
Tác giả cuốn sách “Get Up One More Time” (Đứng dậy thêm lần nữa).

Ông Nguyễn Đăng Hải sinh ngày 6-6-1929 tại Hải Phòng, Bắc Việt. Tốt nghiệp



Khoá I Sĩ Quan Trừ Bị Nam Định, Khoá Quân Chánh EMA, Montpellier, Pháp, Cử Nhân Luật Khoa, Đại Học Saigon, Khoá Tham Chánh Quân Nhu ESI Paris, Pháp, và Khoá Đại Học Quân Sự Dalat.

Trước tháng 4 1975, ông là Phụ Tá Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng, Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa và đã từng giữ những chức vụ quan trọng khác như: Hội Viên Hội Đồng Dân Quân, Phó Đồng Lý Văn Phòng Phủ Thủ Tướng, Tổng Thư Ký Ủy Ban Kinh Tế Tài Chánh, và Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Phát Triển Nông Nghiệp.

Trong lãnh vực văn hoá, ông là dịch giả các cuốn sách The Mayor of Casterbridge (Ông Thị Trưởng Casterbridge) của Thomas Hardy, và The Black Arrow (Mũi Tên Đen) của Robert Louis Stevenson, do Trung Tâm Học Liệu Bộ Quốc Gia Giáo Dục ấn hành năm 1961 và 1962.

Ông là một trong số những người được nêu danh trong cuốn “ NHÂN VẬT VIỆT NAM” do Việt Nam Thông Tấn Xã ấn hành năm 1972.

Ông Hải rời Việt Nam vào phút chót, sang tỵ nạn tại Hoa Kỳ từ tháng 6 năm 1975 sau khi lênh đênh trên biển cả suốt 34 ngày mới tới Guam. Ông có vợ, 6 con, 13 cháu và hiện cư ngụ tại Maryland.

Ghi chú:

Muốn có cuốn sách “ Get Up One More Time “ với chữ ký của tác giả, bạn đọc có thể gửi thư kèm theo chi-phiếu \$18.10 cho:

Nguyen Dang Hai
P.O Box 6362
Ellicott City, MD 21042



XÓM NHÀ ANNANDALE MÙA ĐÔNG:

Tranh sơn dầu của Đinh Cường

PHÂN ƯU

Được tin Hiền Mẫu của Họa Sĩ Đinh Cường

Cụ Quả Phụ ĐINH VĂN DŨNG

khuê danh NGUYỄN THỊ BÉ

vừa tạ thế 9 giờ sáng ngày 22 tháng 10 năm 2008 tại Salt Lake City, OK - USA
hưởng thọ 91 tuổi.

Xin thành kính chia buồn cùng Họa Sĩ Đinh Cường và toàn thể tang quyến.

Nguyện cầu hương linh người quá cố sớm phiêu diêu Miền Cực Lạc.

BAN TRỊ SỰ và BAN BIÊN TẬP TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM

Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Trần Bích San, Ngô Tăng Giao,
Bình Huyền, Phạm Văn Tuấn, Phan Anh Dũng, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh,
Hồ Trường An, Dương Huệ Anh, Kiều Anh, Nguyễn Văn Bá, Hải Bằng HDB,
Việt Bằng, Nguyễn Ngọc Bích, Phạm Thị Ánh Bích, Hoàng Dung,
Hoàng Cung Fa, Tâm Hảo, Lý Hiểu, Vũ Thái Hòa, Vũ Hối, Vi Khuê,
Huy Lãm, Nguyễn Lâm, Hoàng Song Liêm, Đàm Xuân Linh, Nguyễn Phú Long,
Tiên Sha Lê Luyến, Hoàng Bạch Mai, Vũ Nam, Đăng Nguyên,
Cao My Nhân, Nghiêm Thái Phượng, Diệu Tần, Nguyễn Văn Thành, Tiểu Thu,
Hong Thủy, Trương Anh Thụy, Lê Thương, Bùi Thanh Tiên, Thanh Trang,
Hà Bình Trung, Tạ Quang Trung, Nguyễn Đăng Tuấn,
Nguyễn Tường Vân, Yên Vi, Kim Vũ.



TRÔNG VỚI CỎ QUỐC

NGUYỄN LÂN

Nicole vươn vai thức giấc, nàng tung chăn ngồi dậy, đưa mắt nhìn những tia sáng mặt trời chờn vờn uốn éo nhịp nhàng trên màn cửa xanh nhạt. Trời hôm nay phải đẹp lắm, ánh nắng nhảy múa trên khung cửa kêu gọi Nicole bừng tỉnh trong cái mùa đông lạnh lẽo vào cuối tháng Giêng, một tháng với nhiều ngày bầu trời xám xịt u ám. Nicole xỏ chân vào dép, khoác chiếc áo choàng rồi kéo vội màn cửa. Trời trong sáng, mây trắng từng cụm lững lờ bay cứ như đường tiết xuân nồng ấm. Sống xa nhà đã hơn hai năm trời, nàng thấy nhớ gia đình, nhớ những ngày giá lạnh đầy băng tuyết của thành phố Boston cổ kính. Nàng thèm được úp mặt vào ngực mẹ, bà Kara, người đàn bà dịu dàng duyên dáng; nàng ao ước được bế bồng như hồi còn bé dại, bố nàng, ông Kirk với bắp thịt cuộn cuộn mới dững mãnh làm sao; nàng thấy nhớ chị Michelle, người chị có mái tóc vàng óng ả quấn từng lọn rủ trên trán, lúc nào cũng nhường nhịn em. Ôi! Gia đình hạnh phúc! Nhưng từ ngày lớn lên, bắt đầu thích soi bóng trong gương, Nicole thấy mình chẳng giống ai, tại sao mình lại da vàng, tóc đen, mắt đen trong khi cả nhà da trắng hồng như trứng gà bóc, tóc tơ vàng ánh, mắt trong xanh veo như mắt mèo? Bé Nicole lúc ấy lên năm, ngồi trên lòng bố vặn hỏi, rồi khóc mùi trên vai mẹ vì bé không có nét nào giống cha mẹ và chị Michelle! Cả nhà phải dỗ mãi, bé mới nín. Vài năm sau, Nicole biết rõ mình chỉ là con nuôi trong gia đình ông bà Taylor, cô có buồn, nhưng bố mẹ vẫn thương yêu cô, chị Michelle vẫn chiều chuộng em... riết rồi Nicole cảm thấy vững tâm trở lại, sung sướng

hạnh phúc bên những người thân yêu không cùng màu da. Nhiều lần nhìn vào gương, Nicole bật khóc, cha mẹ Nicole là ai, nàng từ đâu đến, tại sao lại ở đây?

Năm Nicole hai mươi tuổi, ông Kirk cho Nicole biết nguồn cội của nàng dưới ánh mắt lo lắng nhưng đầy thương yêu của bà Kara. Rồi, bà Kara nói :”Mẹ thấy con rất đẹp và quyến rũ với mái tóc mây và cặp mắt bồ câu xanh xéch. Con không thấy thế sao?”. Nicole biết mẹ muốn làm vui lòng mình. Thật ra, nàng cũng đã biết nguồn gốc từ lâu rồi, từ ngày mới học lớp năm tại trường sơ học; nơi ấy cũng có nhiều đứa nhỏ da vàng như Nicole, nhưng đa số chúng có cha mẹ đẻ, những người Việt di cư. Ông Kirk cho con gái nuôi hay ông bà đã xin một đứa trẻ Việt mồ côi còn trứng nước từ trước ngày miền Nam lọt vào tay Cộng Sản. Nicole là con của một cặp vợ chồng trẻ người Bắc, chàng đã hi sinh cho tổ quốc đúng một năm trước biến cố tháng 4 năm 75. Người vợ cũng ra đi theo chồng sau khi hạ sanh bé Lưu Thúy Lệ hơn nửa năm sau. Bé Thúy Lệ được đưa tới một Cô Nhi Viện gần Thủ Đức trước khi ông bà Taylor nhận làm con nuôi. Sau biến cố tang thương của dân Việt, sau ngày mất nước năm 1975, những trẻ con cô được chính phủ Mỹ chuyên chở về nước theo diện nhân đạo. Một trong những chuyến máy bay cất cánh từ phi trường Tân Sơn Nhất mang theo hơn một trăm cô nhi đã bị nạn tại Gò Vấp. Hai phần ba trẻ em trong chuyến máy bay định mệnh tử nạn. Bé Thúy Lệ là một trong những trẻ may mắn sống sót, nhưng phần bụng dưới của bé bị chấn thương. Khi ông bà Taylor nhận bé, đưa bé đi chữa trị thì vết thương đã thành cố tật; lớn lên, Thúy Lệ không thể là

một người đàn bà bình thường, không thể mang thai được nữa! Ông bà Taylor thương cảm vô cùng, họ thành tâm yêu cô con nuôi không khác gì Michelle, con ruột. Bé bước vào gia đình Taylor từ đấy với cái tên Nicole.

Năm tháng trôi nhanh, Nicole trưởng thành trong êm đềm, yên ả. Tâm hồn, lối suy tư, lối sống của Nicole là một cô gái Mỹ ngoan ngoãn, lễ độ. Nicole lúc nào cũng làm vừa lòng cha mẹ nuôi, cô bé học giỏi, có khiếu về ngoại ngữ ngay từ bậc Trung Học, nhưng cô hoàn toàn không biết một chữ tiếng Việt nào; ngay cả những bạn Việt Nam của cô bé cùng trường cũng không một người nào thông thạo Việt ngữ! Tận đáy lòng, Nicole vẫn cảm thấy một điều gì thiếu thốn mà cô không thể thổ lộ cùng cha mẹ, không thể tâm sự cùng chị Michelle. Tốt nghiệp Trung Học xong, Nicole thề hứa sẽ đi tìm người đồng chủng để học tiếng mẹ đẻ. Đã nhiều lần cô thử, nhưng sao thấy bất tiện quá, chẳng có một sinh viên Việt Nam nào cùng chung tâm sự với cô, chẳng một người bạn trẻ nào chịu thực tập tiếng mẹ đẻ cùng cô, Nicole cảm thấy chán nản; vả lại đời sống còn bao chuyện phải giải quyết, bao toan tính dự trù cho tương lai, Nicole quên dần sự thôi thúc đi học tiếng Việt! Cô bắt đầu đam mê luyện ngón dương cầm những khi mệt mỏi, những khi buồn chán. Tiếng đàn của cô được nhiều người mến mộ, ai cũng bảo Nicole có khiếu về âm nhạc, nhưng cô chỉ coi đấy là một trò giải trí làm cho tâm hồn yên tĩnh những lúc bị xáo trộn, căng thẳng. Nicole ham học, ham đọc sách, thích thể thao, yêu âm nhạc. Đời sống cô lúc nào cũng bận rộn, cũng tràn đầy như bao cô gái Mỹ đa đoan, có khác chẳng trong tận đáy lòng, Nicole vẫn mang một nỗi khắc khoải về nguồn gốc, về cố quốc khôn nguôi! Năm hai mươi lăm tuổi, Nicole tốt nghiệp ngành Dược tại Đại Học Havard. Học Dược là cho vui lòng cha mẹ, đúng ra Nicole

chỉ thích môn Sinh Ngữ. Nàng lấy thêm những chứng chỉ về Sinh Ngữ, về tiếng Spanish và tiếng Pháp, nàng nói thông thạo cả hai ngoại ngữ này, nhưng nàng vẫn chưa nói được tiếng Việt! Cố quốc xa vời quá! Với mảnh bằng Dược Sĩ trong tay, Nicole thử thời vận tại Thủ Phủ nước Mỹ, vùng Hoa thịnh Đốn. Vùng này nổi tiếng nhiều người Việt Nam cư ngụ mà đa số là những người có học, có chức nghiệp, đó cũng là lý do Nicole xin phép cha mẹ nuôi lên làm việc cho công ty dược phẩm Rite Aids tại Falls Church thuộc tiểu bang Virginia, “xứ tình nhân”! Biết đâu nàng có cơ may gặp người đồng chủng chưa hoàn toàn Mỹ hóa? Ngày ngày làm việc, nàng đã gặp được nhiều đồng hương đến mua thuốc, nhiều người không biết nói tiếng Anh, nhất là mấy người già cả, Nicole cũng chẳng hiểu họ muốn gì nhưng âm ọ một hồi lâu rồi ra dấu, rồi viết trên giấy, rồi cũng cảm thông nhau. Chỉ có nàng mới mất công với người Việt không biết tiếng Mỹ chứ các cô dược sĩ khác là tìm cách lảng. Dù gì Nicole cũng là gốc Việt Nam, dù gì nàng cũng phải có bốn phận giúp đỡ người cùng xứ sở.

Sau hai năm trời sống tại Thủ Phủ Hoa Thịnh Đốn, Nicole gặp rất nhiều đồng hương, may cho nàng những người này không ít thì nhiều đã bập bẹ được tiếng Anh. Nàng bắt đầu làm quen những gia đình người Việt tại đây. Một cặp vợ chồng trẻ người Việt đã khuyên nàng nên theo học lớp Việt Ngữ cho thiếu niên vì ở đây không có lớp học cho người lớn! Đành chịu vậy nếu muốn tìm hiểu nguồn cội, muốn vọng về tổ quốc xa xưa. Ngày đầu tiên đến lớp, Nicole ngỡ ngàng lắm. Lớp vỡ lòng tiếng Việt có chừng hai chục học viên tuổi từ bảy tám đến mười một mười hai, riêng có Nicole đã hai mươi hai tuổi đầu. Cô giáo chỉ hơn nàng chừng dăm tuổi, vóc dáng nhỏ bé, lanh lẹn, dịu dàng có vẻ thông cảm với cô học viên “già” ngay từ phút đầu gặp gỡ. Cô giáo Hạnh thật ra

là một nurse, cô xung phong dạy trẻ con tiếng Việt để chúng không quên nguồn gốc tổ tiên. Thầy trò trạc tuổi nhau nên dễ thân thiện. Khởi đầu, cô Hạnh còn nói nhiều tiếng Mỹ với Nicole, hơn một tháng sau, trong giờ thực tập cũng như gặp nhau bên ngoài, Hạnh sử dụng toàn tiếng mẹ đẻ. Dù hiểu lôm bôm, Nicole bắt buộc phải nghe, bắt buộc phải trả lời bằng tiếng Việt. Nicole vẫn có năng khiếu về sinh ngữ, mới hơn nửa năm học với cô Hạnh, nàng đã nghe hiểu gần hết những câu chuyện thường ngày, nàng đã trả lời với những từ ngữ giản dị với giọng Việt, với lối dùng chữ rất ưa người Việt. Cô Hạnh hài lòng, Nicole cảm thấy phấn khởi, đã có lúc nàng nghĩ đến ngày về... “tung cánh chim tìm về tổ ấm...” một bài hát nào đó nàng nghe rất thấm thía tại nhà cô Hạnh. Khách hàng Việt Nam giờ đây đến với Nicole rất nhiều, những người già thích thú khi nghe cô được sĩ bập bẹ tiếng mẹ đẻ, những người trẻ nhìn nàng với ánh mắt thán phục hồn nhiên.

Mỗi lần về thăm gia đình tại Boston, Nicole vẫn thật thà tâm sự cùng bố mẹ nuôi về “giấc mộng” của nàng. Nàng biết nàng có hai tổ quốc, một nơi nuôi dưỡng nàng đến lúc thành tài mà nàng có bốn phận trả ơn, một nơi chôn nhau cắt rốn mà nàng không bao giờ quên được. Nàng yêu cả hai nước, nàng thương cả hai giống người Mỹ-Việt! Ông bà Taylor vẫn khuyến khích con gái làm những công tác xã hội cho cộng đồng người Việt vì chính ông bà cũng yêu những người da vàng cần cù chịu đựng mà tiêu biểu là cô con gái nuôi! Michelle đã có người yêu, Nicole vẫn chẳng để ý tới một chàng trai nào. Ông bà Taylor biết rằng các cậu con trai Mỹ khó chiếm được cảm tình đặc biệt của Nicole vì nàng còn nhiều vọng tưởng về đất tổ. Ông bà cũng mong Nicole kiếm được một chàng trai Việt ý hợp tâm đầu. Ngày ấy, rồi cũng phải đến...

Chuyến máy bay Boeing 747 to lớn của hãng hàng không Pan American cất cánh một buổi chiều vào trung tuần tháng Tư năm 1975 từ Hongkong tới Tokyo đã phải ghé qua Saigon để đón hơn 400 trẻ Việt mồ côi tới Mỹ theo diện nhân đạo. Đó là những đứa trẻ cô cút, cha mẹ đã chết trong bom đạn hay là những trẻ vô thừa nhận trên hè phố được đưa tới những cô nhi viện và người Mỹ nhận bốc những đứa con hoang này. Phan Hải, lúc leo lên máy bay vừa đúng tám tuổi được bà ngoại đã tám mươi cho viện mồ côi hi vọng thẳng chấu tránh được hiểm họa Cộng sản, có một cuộc đời tươi sáng hơn tại Mỹ. Hải biết thân phận cô đơn cô cút nên rất dễ bảo. So với những đứa bé khác trên cùng chuyến Hải đã lớn, cậu tự kiếm một ghế sát với cửa sổ của máy bay để nhìn lại đất nước xa dần trong khói mù, tưởng nhớ tới ngoại với mái tóc bạc phơ mà không biết bao giờ cậu bé mới được gặp lại... nước mắt như màn sương mỏng phủ lấp tất cả những kỷ niệm thời ấu thơ tại quê hương đương nhật nhòa dần... “Ngoại ơi!”... Văng vẳng bên tai như đáp lại tiếng ngoại nói vọng theo cái bóng nhỏ bé bước ra sân bay: “Nhớ đất nước Việt Nam, nhớ quê hương Gò Công, con nhé!”

Ra đón cậu bé Hải tại phi trường Dulles là những người cậu đã thấy ở tấm hình trong túi áo, gia đình Rabkin, bác sĩ Clark và vợ, bà Vivian cùng hai cậu con trai trạc tuổi Hải, Tom và Tyron. Bác sĩ Clark Rabkin là một y sĩ gia đình, bà Vivian Rabkin là một bà giáo Trung Học, Tom mười hai và Tyron lên mười. Đó là một gia đình học thức, một gia đình gương mẫu. Mặc dầu đã có hai trai nhưng vợ chồng bác sĩ Rabkin vẫn có ý kiếm tìm thêm những đứa con cô cút để chia sẻ những lo lắng vì hai ông bà đều có tinh thần xã hội cao. Bác sĩ Rabkin đã không ngần ngại xin Bộ Xã Hội một đứa con nuôi người Việt quăng bẫy,

tám tuổi xấp xỉ tuổi hai đứa con trai ông bà; ông cũng biết rằng ở tuổi đó nó còn nhớ nhiều đến dĩ vãng, nhưng ông hi vọng với tình thương yêu mà gia đình ông dành cho đứa con nuôi, nó sẽ quên dần nỗi sầu xa xứ, nó sẽ hội nhập dễ dàng với đời sống tại đây, nó sẽ kiến tạo một tương lai cho nó và nó sẽ hữu ích cho những người chung quanh...

Những ngày đầu trên xứ lạ, Hải sợ lắm; nhất là nó không hiểu cha mẹ nuôi nói gì, các anh muốn gì... Bà Vivian tận tình và nhỏ nhẹ chỉ dẫn từng đồ vật, từng chữ thông dụng trong nhà, trong trường học, trên hè phố; bà thường ôm Hải vào lòng và dạy cậu bé đánh vần tên cậu "Samuel Rabkin", cái tên mà cả nhà vẫn tất gọi cậu là bé Sam. Sam thông minh, sáng dạ và chịu khó nên chỉ trong vòng một tháng, cậu đã hiểu ý cha mẹ nuôi, và chỉ nửa năm sau, Sam nói tiếng Mỹ không thua gì Tom và Tyron. Ba anh em quấn quít bên nhau, chúng thương yêu nhau rất mực. Tom luôn luôn tỏ ra là một big brother, một ông anh lớn đứng mũi chịu sào, bênh vực các em, nhất là cậu em út Sam. Ngày qua ngày, Sam quen dần với đời sống mới, cậu tuyên bố với cả nhà giấc mơ của cậu là được trở nên một người Mỹ thực thụ. Khi còn học tại bậc tiểu học, Sam đã có những bạn Việt Nam, nhưng hầu như tất cả đám trẻ gốc Việt này đều chỉ nói tiếng Mỹ. Ngay Sam cũng không biết tụi bạn đồng chủng có hiểu và nói được tiếng mẹ đẻ hay không, và cậu cũng chẳng có cơ hội dùng tới tiếng mẹ đẻ nữa, cậu đã tự nguyện trở thành một công dân Mỹ thuần túy từ lúc lọt vào gia đình bác sĩ Rabkin; vả chăng chính đất nước này đã dung dưỡng cậu khi đứa con cô, bé Phan Hải bị đẩy vào Cô Nhi Viện do Hoa Kỳ bảo trợ. Mai sau, lớn lên, cậu sẽ trả ơn đất nước này, Sam chỉ đơn giản nghĩ vậy!

Cả nhà chỉ mỗi Sam là muốn nối nghiệp daddy. Ông Clark thú thích vô cùng, ông muốn

gửi con tới John Hopkins nhưng bà Vivian lại mong cậu út Sam kế cận bên cha mẹ vì cả hai cậu lớn đã đi học xa. Sam ghi tên học thuốc tại Georgetown ngay gần tỉnh nhà, một trường Đại Học Công Giáo nổi tiếng với những con ông cháu cha tại D.C. Cậu hi vọng sẽ trở thành một lương y giúp đỡ người nghèo khó. Thấm thoắt Sam đã ra bác sĩ chuyên khoa thần kinh. Sam có đôi bàn tay vô cùng khéo léo trên bàn mổ. Nhiều nhà thương mời chàng cộng tác nhưng chàng chỉ chọn nơi nào gần cha mẹ nuôi; ông bà Rabkin đã lớn tuổi, trên dưới bảy mươi cả rồi, Tom và Tyron đã ra riêng, làm việc ở xa và đều có gia đình người thì ở Ohio, người thì ở Texas, chỉ còn mỗi mình Sam. Chàng phải lo lắng cho cha mẹ như lòng đã hứa nên dù lương không đúng như ý, Sam vẫn chọn làm việc tại bệnh viện Fairfax gần nhà. Vợ chồng bác sĩ Rabkin biết hảo tâm của con, ông bà vui mừng đã chọn được một nghĩa tử chí hiếu; ông bà chỉ mong Sam lập gia đình vì chàng đã hai mươi bảy tuổi, đã có một sự nghiệp vững chãi. Ông bà không biết ý chàng muốn chọn người vợ cùng giống hay một cô gái Mỹ, xem ra Sam rất Mỹ hóa, chàng không có bạn Việt Nam hay nếu có, ông bà Rabkin chưa bao giờ thấy con mình nói tiếng mẹ đẻ với một người đồng chủng, e rằng nó không còn nhớ một câu tiếng Việt nào! Bà Vivian thích ngắm cậu con trai út, nó không cao bằng hai anh nhưng thân hình Sam đều đặn, cân đối, trông còn mạnh khỏe hơn cả Tom lẫn Tyron vì Sam chơi quần vợt thường xuyên và tập thể thao đều đặn hàng ngày. Trông Sam rất vững mạnh và đầy tự tin, anh chàng có vóc dáng tầm thước so với các chàng trai Mỹ, lồng ngực căng nở, bắp thịt bụng rắn chắc, tay chân cứng cỏi, da rám nắng nâu hồng, khuôn mặt vuông chữ điền khôi ngô sáng sủa, mái tóc rậm, cặp lông mày và đôi mắt màu nâu sẫm, mũi dọc dừa, miệng rộng lúc nào cũng tươi cười, nói

tóm lại Sam là một người đàn ông quyến rũ, đầy nam tính. Ông Clark thì thích trò chuyện với cậu út về những phát minh mới mẻ trong ngành Y mà thời ông chưa được nói đến. “Con hơn cha là nhà có phước”, nếu ông là người Việt Nam chắc ông sẽ hài lòng với câu ngạn ngữ này. Sam bận lắm, có nhiều đêm anh phải trực tới sáng mới ghé qua nhà ngủ vài độ vài ba tiếng, ăn qua loa, nhưng không bao giờ anh quên ôm cha, hôn mẹ trước khi rời nhà. Hơn ba năm làm việc tại Fairfax Hospital, Sam được mời vào một chức vụ quan trọng đi giảng dạy về khoa Thần Kinh tại những xứ Châu Mỹ La Tinh, cũng tại đây, Sam được mời về Việt Nam thuyết trình về chuyên khoa của chàng. Về Việt nam? Hơn hai mươi năm nay chàng chưa nghĩ tới! Về Việt Nam? Hơn hai mươi năm nay chàng xa cách bà ngoại! Ngày cậu bé Hải rời nước, ngoại đã tám mươi... Thôi rồi! Ngoại còn đâu nữa, về thăm quê hương, quê hương mà sao xa lạ quá với chàng! Bỗng nhiên, trong tận cùng đáy lòng Sam dấy lên một cái gì bứt rứt, một cái gì đau đớn... chàng đã quên cố quốc, chàng đã vùi mình trong công việc học hỏi hằng ngày, chàng đã là một người Mỹ thực sự, một tâm hồn Mỹ trong hình hài Á Đông này. Sam lặng người, chàng có điều gì thiếu sót trong cuộc sống mà bấy lâu nay chàng không để ý tới. Không, không thể quên được gốc gác! Chàng đã làm việc say mê để không có thời giờ ngắm mình trong gương! Không, không thể quên được cố quốc! Sam vẫn là một người Việt Nam, một người Việt có tâm hồn Mỹ đấy thôi! Sam cúi đầu suy tư, tại sao chàng cả quyết trở thành một người Mỹ, nhưng làm sao chàng có thể là một người Mỹ hoàn toàn? Khuôn mặt Việt Nam còn đó, hình hài Việt Nam còn đó! Có phải vì mặc cảm của một đứa trẻ mồ côi bị đẩy ra ngoài lề xã hội, bị đẩy ra khỏi lòng đất nước? Có phải vì lòng biết ơn

sâu sắc với gia đình cha mẹ nuôi nhân hậu, với xứ tạm dung đầy cơ hội này? Dù gì đi nữa, chàng vẫn là người Việt, chàng vẫn có một cội nguồn chàng không thể chối bỏ, chàng phải trở về, phải tìm lại những gì liên can tới cậu bé Phan Hải ngày xưa! Dù gì đi nữa, chàng vẫn là người Việt, chàng có bốn phận lo cho những người Việt khác như chàng đã từng lo cho những bệnh nhân ở Châu Mỹ La Tinh, ở xứ cờ hoa này. Sam Rabkin vẫn mãi mãi là Phan Hải. Ngắm mình trong gương, tự nhiên Sam thủ thỉ: “Ngoại ơi!” ... Tiếng nói xa lạ vọng nghịu mà sao vẫn quen thuộc như từ trong tiềm thức chờ dịp tuôn trào... “Ngoại ơi!”... Tiếng nói sao mà ấm áp thế, bà ngoại vẫn thích bé Hải âu yếm gọi để chạy tới ôm Hải vào lòng như ngày nao cậu bé sà vào lòng bà... “Ngoại ơi! Con sẽ về!” Sam cứ lẩm bẩm một mình... nhiều câu, nhiều câu làm nũng bà khi xưa... Không, không, không bao giờ chàng quên tiếng mẹ đẻ! Hơn hai mươi năm qua chỉ là chàng bận bịu kiến tạo tương lai sự nghiệp đấy thôi!

Buổi dạ vũ gây quỹ cho những người mắc căn bệnh trầm kha ung thư được tổ chức ngay tại khuôn viên Đại Học Georgetown, rất gần Lombardi Cancer Center, nơi đương có những cuộc thử nghiệm cho căn bệnh hiểm nghèo chưa có thuốc chữa trị. Bác sĩ Sam Rabkin hân hoan trở lại trường cũ, mong tìm gặp những bạn đồng học xưa. Hôm nay, Sam bận một bộ đồ tây xám đậm do chính thân mẫu chàng, bà Vivian chọn lựa. Bà không bao giờ bằng lòng cho cậu út ăn mặc xuềnh xoàng trong những tiệc tùng. Sam vẫn chọc mẹ rằng bà có máu Âu Châu, để ý nhiều tới bề ngoài, không giống đa số đàn bà Mỹ. Nhưng chính những cử chỉ săn sóc của bà Vivian làm ấm lòng Sam, chính những hành động thân thương của bà đối với chàng mà Sam chưa cảm thấy cần một phụ nữ nào khác bên cạnh. Cuộc sống hiện tại đối

với Sam quá đầy đủ chỉ đôi lúc một khắc khoảnh khắc quơ đũa lên trong tâm hồn đơn giản khiến Sam quận đau; đó là những lúc nhớ về cố quốc. Sam nhận lời về Việt Nam!

Trong ball room số hai tại Leavy Center đông nghẹt những người. Ngay từ hành lang trước ball room hai dãy bàn dài trên đầy những món ăn ngượng đặc thù của Mỹ làm Sam thốt nhiên nhớ tới món chả giò Việt mà đôi lần chàng theo một vài người bạn tới thưởng thức tại Trung Tâm Eden. Đường lựa chọn một vài món cho vào đĩa, bỗng một giọng trong trẻo ngay bên tai: “Are you Vietnamese?”. Sam quay lại chạm trán với một phụ nữ Á Đông xinh đẹp duyên dáng, chàng lúng túng: “Đúng, nhưng tôi nói tiếng Việt kém lắm!”. Cô con gái cười ròn rã: “Nghe anh nói, tôi biết chắc chắn khả năng Việt ngữ của anh hơn tôi nhiều. Tôi thấy buồn vì mình gốc Việt mà đặc giọng Mỹ!”. Sam nhìn người con gái, phải công nhận nàng đẹp và rất tự nhiên, cái tự nhiên của những người lớn lên tại xứ này, một tự nhiên phóng khoáng, cởi mở không e thẹn rụt rè như các cô gái Việt Nam khác. Sam thấy thích cặp môi mọng đỏ, cặp mắt lá dăm xanh xéch đa tình nhưng thẳng thắn, chàng lấy thức ăn cho nàng, mời nàng ngồi bên cạnh vì cả hai cùng đi một mình tới dự dạ vũ. Thiếu nữ dơ tay nắm chặt tay người bạn trai mới quen: “Tôi là Nicole hành nghề bán thuốc tại Falls Church!” Đôi bạn mới gặp nhưng dễ trò chuyện thân mật có phải vì cả hai cùng một nguồn, cùng một lòng mẹ Việt Nam mà ra? Nhạc slow trôi lên đều đặn. Sam mời Nicole ra sàn nhảy. Áo dạ vũ bằng tơ mỏng mầu phấn hồng nồng ấm quyện lấy bộ đồ tây xám đậm nổi một cách dịu dàng quý phái. Nàng lướt rất nhẹ trong tay Sam như hai người đã quen bước nhau từ lâu. Hết điệu này qua điệu khác, hai người như quên thực tại, họ chỉ biết có nhau, họ chỉ nhìn nhau. Sam thầm nghĩ đến những hóa chất chuyển vận trong cơ thể phù

hợp hấp dẫn lẫn nhau. Nicole cảm thấy cùng nỗi giống, cùng lối suy tư dễ bề gần gũi.

Chuyện tình đôi lứa nhẹ nhàng và kết thúc rất đẹp. Hai bên họ hàng gặp gỡ nhau vui vẻ, đầy thông cảm. Vợ chồng bác sĩ Rabkin mời ông bà Taylor xuống chơi Thủ Phủ Hoa Thịnh Đốn nhân dịp đầu xuân hoa đào nở rộ. Cả hai gia đình đều dự tính cho đôi trẻ làm đám cưới vào cuối thu, trời chưa lạnh lắm mà phong cảnh “xứ tình nhân” khi rừng phong bắt đầu rụng lá ngoạn mục vô cùng. Nicole và Sam tranh thủ thời gian để có những ngày xả hơi thơ mộng vì cả hai đều phải tới Việt Nam làm việc sau khi cưới.

Đám cưới lạ nhưng vui. Hai bên nhà trai, nhà gái tham dự toàn người Mỹ, riêng cô dâu chú rể là người Việt Nam. Ngay trước ngày đính hôn, Nicole đã cho người yêu biết mình không thể có con, và buồn buồn, nàng hỏi chàng có muốn đổi ý vì chuyện hệ trọng này không. Sam ôm người yêu trong tay, nhìn sâu vào đôi mắt lá dăm đen láy, chân thành trả lời: “Điều quan trọng là chúng ta ý hợp tâm đầu, chúng ta lo lắng, thương yêu nhau. Chúng ta sẽ cùng về Việt Nam, cùng tìm kiếm một trẻ sơ sinh cô út nhận làm con nuôi như chúng ta đã từng cô út”.

- Từ khi lớn lên, em vẫn thèm tìm về nguồn cội, em vẫn ao ước được nói tiếng mẹ đẻ xa xôi, em vẫn muốn có được một đứa bé Việt Nam bông bế mặc dầu em yêu tất cả trẻ con dù chúng da đen, da trắng hay da vàng. Nếu em không gặp anh, nếu em lấy một thanh niên Hoa Kỳ, em khó nhận con nuôi người Việt và em khó có cơ hội tới Việt Nam. Cảm ơn anh!

- Cảm ơn em! Đúng ra chúng ta phải tạ ơn Thượng Đế đã cho chúng ta gặp gỡ nhau. Chúng ta sẽ giúp đỡ những người chung quanh dù họ là Việt hay Mỹ như cha mẹ nuôi đã từng cứu mang chúng ta.

HỘI NGỘ CẨM TÁC

Xương

Đi qua chờ đợi bữa hôm nay
Xuôi ngược rộn ràng tay bắt tay
Ấy bởi bạn bè tâm ý tốt
Cũng là bút mực nghiệp duyên may
Nhớ khi nhắc mãi câu trần trọng
Đến lượt mời hoài chén tỉnh say
Sau trước gần xa đây với đó
Tình người gửi gắm áng thơ bay

NGUYỄN PHÚ LONG

(Virginia)

TÂM-TU-TỬU

Họa

Thấp ngọn nến hồng hẹn tối nay
Rót tâm-tu-tửu nổi vòng tay
Thả câu thơ... dưới giàn bông giấy
Kéo đoạn đời... trên lối cỏ may
Bến Cộ Cây Đa lòng tỉnh thức
Nam Tào Bắc Đẩu mắt chưa say
Bốn phương duyên nợ từ đây tới
Đêm nhớ Cổ Thành cánh vạc bay

PHAN KHÂM

(Maryland)

Những lời nói đó chính là những lời giao ước cho cuộc chung sống của cặp vợ chồng trẻ với một tương lai rạng rỡ đang đợi chờ.

Giải đất hình chữ S mờ mờ hiện ra trên mặt biển Thái Bình Dương xanh xẫm, Việt Nam, quê hương yêu dấu! Cả Nicole và Sam đều nhòa người nhìn ra ngoài khung kính máy bay... Nước mắt Nicole tràn đầy làm nhạt nhòa hình ảnh nước Việt đang ẩn hiện dưới những tầng mây trắng lững lờ. Mặc dầu tim như bị ai bóp nghẹt, Sam vẫn cố làm bộ bình tĩnh: “Hai mươi lăm năm trước, anh rời tổ quốc trong đau đớn, kinh hoàng. Lúc ấy anh chỉ là một đứa trẻ tám tuổi, thấy gì cũng sợ, tương lai mịt mù, anh chỉ có hình ảnh bà ngoại an ủi thôi. Giờ đây, anh có em bên cạnh, có cả một cuộc đời tốt đẹp mà sao tim anh vẫn quặn đau?!”

Nicole cắn môi: “Vì giải đất hình chữ S kia đấy, anh ạ. Em vừa thấy nước nở trong tâm hồn vừa thấy buồn tủi vì ngày em rời đất nước em chẳng biết gì và chẳng có một bóng hình ai để nhớ, để thương!”

Sam quàng tay ôm vai vợ, âu yếm: “Anh hứa với em, ngày chúng ta rời cố quốc, em sẽ có thật nhiều kỷ niệm để em tha hồ chất chiu, gìn giữ”.

Thành phố Sài Gòn khi xưa hiện rõ dần... Ngày ra đi, cậu bé Hải thấy thành phố to lớn, tráng lệ là thế; mà sao ngày trở lại, Sam chỉ thấy một thành phố nhỏ bé, lúp xúp, nghèo nàn? Chân trời mới mở rộng làm con người có cái nhìn khác xưa, mọi quan niệm đều đảo lộn hết!

Ra khỏi cổng phi trường Tân Sơn Nhất, trời bắt đầu chạng vạng. Gió nóng vẫn còn hừng hực bốc lên từ mặt đường nhấp nhúa, từ những con hẻm dơ dáy, từ trên không trung đổ xuống... nồng nực thật! Ngồi trong xe hơi có máy lạnh mà vẫn còn cái cảm giác hơi nóng luồn vào khe cửa. “Tội nghiệp dân Sài Gòn quá, họ chịu nóng suốt đời như thế này sao, đâu phải nhà nào cũng có máy lạnh!” Nicole buột miệng.

Người cán bộ đi đón hai vợ chồng là một bác sĩ của Bộ Y tế cười nhỏ nhẹ: “Dân chúng

ở đây đã quen chịu nóng rồi, mùa này thấm thía gì!”

Nicole và Sam đều có chung ý nghĩ về người Việt có khả năng chịu đựng bền bỉ, họ khổ cực quen rồi. Nếu như cả hai vợ chồng không có duyên may đi ngoại quốc thì cũng giỏi chịu đựng như bất cứ ai. Mới trở về nước mà riêng cái khí hậu đã làm mình khó chịu là không được, chàng và nàng đều còn trẻ, đều khỏe mạnh, đều can trường, đều không nên ta thán, đều phải dấn thân, phải hòa nhập với mọi người.

Những ngày làm việc ở Việt Nam không có gì vất vả đối với cặp vợ chồng trẻ đã quen công việc cực khổ, quen thức khuya dậy sớm, quen huấn luyện nhọc nhằn ở Mỹ. Họ được trọng vọng tại cái xứ nghèo nàn lạc hậu này nhưng họ rất buồn khi nhập vào những cuộc ăn chơi sa hoa “nhất dạ đế vương” ở Sài Gòn mà những ông lớn trong ngành Y Tế mời mọc trong khi nhan nhản những người ăn xin đui què ghê lở ngoài đường phố! Một xã hội bát nháo, “phồn vinh giả tạo”. Một xã hội chỉ nghĩ đến đồng đô la, đến kim tiền. Một xã hội dối trá, lọc lừa. Một xã hội cá lớn nuốt cá bé. Một xã hội đầy dẫy bất công.

Sam dò hỏi chỗ ở của bà ngoại chàng khi xưa tại Ngã Năm Bình Hòa. Chàng trở về ngôi nhà nay tiêu điều cũ kỹ ngay tại đầu xóm. Cảnh còn đấy, nhưng bà ngoại chàng đã mất từ lâu. Còn vài người bà con cùng trong ngõ hẻm xưa biết bà ngoại Hải nay cũng đã già cả móm mém chỉ cho Hải một phần của ngoại vùi nông một nắm ngay sau vườn nhà. Sam xin phép chính quyền sở tại cho người tới bốc mộ và đưa cốt tới chôn ở tận quê ngoại Gò Công thờ phụng. Sam cảm thấy an lòng đã làm được những gì mà một hiếu tử người Việt nên làm.

Nicole và chồng được đưa đến Cô Nhi Viện Thủ Đức, nơi bé Lưu Thúy Lệ khi xưa được nhận để đưa sang Mỹ làm con nuôi ông bà Taylor. Mây mờ giã tử, tra tìm manh mối mới biết em bé Thúy Lệ gốc Bắc Kỳ, người

huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Đông. Hai vợ chồng nhất định làm một chuyến du lịch miền Bắc tới quê hương của bé Thúy Lệ. Ra tới phi trường Nội Bài, cặp uyên ương được đón tiếp nồng hậu, hai người được đưa thẳng về viện Đại Học Hà Nội. Những thủ tục rườm rà được rút gọn tới mức tối đa vì đây gần “mặt trời”, và chính phủ Việt Cộng vừa lo o bế ngoại kiều vừa muốn lấy lòng những chuyên viên cao cấp từ Hoa Kỳ tới giúp đỡ. Ở Hà Nội hai hôm, Sam và Nicole lên đường về Hà Đông, tìm tới Chương Mỹ. Nicole bật khóc nức nở trên đường cái quan về huyện lỵ. Nàng không ngờ nơi chôn nhau cắt rốn của mình nghèo nàn xơ xác đến thế. Đường đất đỏ quanh gồ ghề, khúc khuỷu; những rặng tre vàng cằn cỗi, te tua; những tầu cau lưa thưa, im vắng; những mái nhà tranh rải rác tiêu điều; những đứa trẻ bụng ỏng, xanh xao vàng vọt ánh mặt đầy sợ hãi, ngơ ngác nhìn những người khách lạ. Một phần tư thế kỷ trước nếu mình lớn lên ở đây thì mình cũng như những đứa bé còm cõi kia thôi, Nicole đau đớn nhìn thấy như vậy. Ôi, kiếp người sao quá đọa đày ở mảnh đất quê hương xa lạ này! Nàng chỉ muốn một ngày gần đây trở về mảnh đất này lo cho người dân quê chất phác, thiếu thốn, cơ cực.

Nicole và Sam được đưa đến một chỗ vừa được gọi là nhà bảo sanh, vừa được gọi là cô nhi viện. Nicole muốn tìm một đứa trẻ côi cút như nàng khi xưa. Gần chục đứa bé sơ sinh đa số đều có cha mẹ, chỉ có một bé gái vô thừa nhận. Người mẹ sau khi sanh, trốn biệt. Bồng đứa nhỏ chưa đầy tháng trên tay, Nicole ghen ngào với chồng: “Em muốn nuôi đứa bé này. Mình sẽ cố gắng lo cho nó nên người, anh nhé”. Nicole chạnh lòng nghĩ tới một phần tư thế kỷ trước nàng cũng là một đứa trẻ côi cút trong cái nhà bảo sanh bé nhỏ này. Ngày ấy, Nicole đã được chuyển tay qua những ai, để rồi may mắn được gia đình Taylor tiếp nhận? Ôi! Những ngày mới mở mắt chào đời nàng đã không có

cha, rồi mẹ cũng chết đi giống như đứa nhỏ này cũng không cha không mẹ, có khác chăng là mẹ nó đã nhẫn tâm từ bỏ nó; nó còn đáng thương hơn bé Thúy Lệ thuở xưa. Ôm đứa nhỏ đỏ hồng trong lòng, Nicole bật khóc, khóc cho nàng, khóc cho nó và khóc cho tất cả những đứa trẻ bất hạnh. Sam chiều theo ý vợ ngay vì chính chàng cũng thích những tiếng bi bô của trẻ thơ trong nhà.

Cô Nhi Viện bằng lòng khi có người xin đứa trẻ bị bỏ rơi này. Nhưng điều khó khăn là không có giấy tờ minh chứng sự ưng thuận của mẹ đứa nhỏ. Nhỡ mai này, y thị trở về đòi con thì viện bảo sanh biết trả lời ra sao. Vả nữa, Việt Nam chưa có đạo luật nào về sự chuyển nhượng con nít cho một cặp vợ chồng ngoại quốc dù họ gốc Việt, khó khăn hơn nữa là đứa bé bị bỏ rơi ra đời tại một nơi “khỉ ho, cò gáy”, chỉ có luật rừng và nó do một cô mụ vườn đờ; chính vì không có bác sĩ làm chứng mà Nicole không được quyền mang đứa bé sơ sinh tục gọi là cái Tũn ra khỏi nước. Những viên chức trong huyện thấy cặp vợ chồng trẻ tha thiết với đứa bé càng tìm cách làm khó để dễ bòn tiền. Sam và Nicole không ngại tốn kém, nhưng thời giờ của họ chỉ có hạn tại Việt Nam. Khi cả hai trở về Hà Nội lo giấy tờ theo thủ tục của chính quyền Cộng Sản thì thời gian công du tại Việt Nam cũng vừa hết. Những chương trình du lịch đi vịnh Hạ Long, ra bãi biển Sầm Sơn, lên động Hương Tích đành phải hủy bỏ. Cả hai phải trở lại Mỹ chờ một dịp khác.

Sáu tháng sau, sáu tháng đối với Nicole dài như bất tận, nàng chỉ lo cái Tũn ở huyện Chương Mỹ bị mẹ nó ẵm đi hay ốm đau không đủ thuốc men khi con bé còn trứng nước. Sam và Nicole lại quyết định xin nghỉ việc một thời gian để sang Việt Nam lần nữa. Trở về quê hương lần này chỉ một mục đích mang được cái Tũn về tổ ấm của hai vợ chồng. Họ báo trước cho sứ quán và nhờ tòa lãnh sự can thiệp ngay khi vừa đặt chân đến phi trường Nội Bài. Có tiếng nói của chính

quyền, có tiền đổ vào cho “quan trên”, cho “bản nha” nên vừa đặt chân tới Chương Mỹ mọi việc được giải quyết nhanh chóng, trôi chảy. Xa bé Tũn đã được hơn nửa năm, Nicole vừa sung sướng vừa lo lắng. Bây giờ nó là của nàng mà sao con bé gầy yếu quá; so với những đứa trẻ cùng tháng con bé chỉ nhỏ bằng nửa. Từ ngày nó ra đời, mẹ nó chưa bao giờ xuất hiện, không ai tận tâm lo lắng mà con bé còn sống đến ngày Nicole trở lại đã là một sự nhiệm mầu, vợ chồng nàng thật có duyên với cái Tũn!

Trở lại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, Nicole và Sam được cha mẹ nuôi và gia đình hai bên cùng bạn bè nồng nhiệt đón tiếp nhất là thêm một nhân vật bé nhỏ, ai trông thấy bé Tũn cũng tưởng là con ruột của hai người. Ông bà Taylor, vợ chồng bác sĩ Rabkin đều mừng cho Sam và Nicole. Ông bà Taylor biết cô con gái nuôi không thể có con được và tâm hồn lúc nào cũng vọng về quê cũ, Nicole là một cô gái Mỹ mang dòng máu Việt và ngay khi khôn lớn đã nhiều lần Nicole tâm sự với bà Taylor tình cảm bất diệt của nàng đối với quê hương. Bây giờ Nicole đã có được một đứa con nuôi, một bé gái Việt như lòng nàng ao ước! Vợ chồng bác sĩ Rabkin cũng tin chắc cậu con trai yêu quý tràn đầy hạnh phúc vì dù không bao giờ Sam thổ lộ lòng nhớ cố hương nhưng ông bà biết chàng chẳng bao giờ quên được giải đất hình chữ S bên kia bờ đại dương vì khi rời Việt Nam cậu bé Hải đã tám tuổi; với cái tuổi đó những ân tình thuở nhỏ đã hằn sâu trong tâm khảm, những dấu ấn tuổi thơ còn mãi mãi trong đầu óc!

Đôi vợ chồng trẻ đều hăng say công việc, nhưng nay có thêm một đứa trẻ trong nhà, cả hai vất vả hơn, phải cắt phiên để lo săn sóc Tina, bé Tũn khi xưa. Chỉ mấy tháng sau về với Nicole và Sam, Tina xỏ sữa trông thấy, con bé ngoan vô cùng, không ai nghe thấy tiếng khóc của nó, chỉ thấy con bé toét miệng cười mỗi khi mẹ nó dạo dương cầm, và đặc biệt nó lắng nghe

một cách say sưa chăm chú khi mẹ nó chơi bản “ngày về” của Hoàng Giác. Ngày Tina đầy tuổi tôi, Nicole bàn cùng chồng tổ chức một bữa ăn mừng sinh nhật giản dị tại nhà. Bữa đó, giữa đồng hồ chơi, bé Tina đã chọn một cuốn sách và một cây viết. Hai vợ chồng tin chắc con bé sẽ ham học sau này. Khách khứa lại tròn mắt ngạc nhiên nhìn Tina giở sách bằng hai ngón tay cái và trở, bật bật một cách thành thạo như người lớn để tìm đến trang sách có những hình bé ưa thích. Vài người cắc cớ đảo lộn những mẫu tự trong ô chữ, Tina ngắm nghía kỹ lưỡng rồi lắc đầu ra cái điều không đúng, chăm chú bày lại những chữ theo đúng thứ tự mới ngắt đầu lên cười khanh khách một cách hồn nhiên. Mới mười lăm tháng, Tina đã biết ra tận cửa “ạ” mỗi khi có khách đến chơi, biết đưa khách tới cổng chào “good bye” khi về. Đến khi được mười tám tháng, Tina đã làm ngạc nhiên cả hai bên ông bà nội ngoại, con bé đã hát được mấy câu trong bài quốc ca Mỹ và câu đầu tiên trong bài quốc ca Việt. Mỗi khi Nicole thì thâm vào tai điều gì, Tina lắng nghe; bà Taylor sung sướng đến ứa nước mắt khi con bé lon ton chạy tới hôn tay bà theo lời mẹ Nicole nói nhỏ; vợ chồng bác sĩ Rabkin ngăn người vì không ngờ bé Tina đến cầm tay ông đặt lên tay bà một cách âu yếm khi hai ông bà ngồi kề bên nhau. Mặc dầu túi bụi với công việc, Nicole đã dạy con biết đủ những chữ cái, biết ghép vài âm giản dị. So với những đứa bé cùng trang lứa, Tina thông minh vượt bậc và ngoan vô cùng. Đi đến nhà ông bà nội ngoại không bao giờ Tina đòi hỏi, không bao giờ Tina nằm ăn vạ hay khóc nhè âm ỹ như những đứa trẻ khác. Ai cũng muốn trông bé, ai cũng muốn chỉ dạy bé. Vợ chồng Sam vui sướng, nhất là Nicole; nàng đã thấy kết quả tốt đẹp sau những ngày chịu cực để xin bé Tũn được trả đúng giá. Có những lúc con ngủ, hai vợ chồng nắm tay kê bên giường con, Nicole nũng nịu với chồng:

SỐ 45

- Em mong mình có thêm một đứa bé trai nữa. Nhưng em chỉ sợ nó không được như Tina thôi!”.

Sam nhìn vợ âu yếm :

- Anh nghĩ đứa bé nào sống với chúng mình cũng sẽ như bé Tina. Chúng mình hằng hái tìm cách lo cho trẻ được phát triển toàn diện, cả thể chất lẫn tinh thần là điều đáng làm, đáng hi sinh. Anh nghĩ đứa trẻ nào bộ não cũng có thể phát triển tới mức tối đa khi thân xác đang đà nảy nở, chỉ có điều người lớn có biết nuôi dưỡng và dạy dỗ đúng cách hay không? Mình là người gốc Việt, mình vẫn nên giữ cái đẹp tao nhã, lễ độ của người Á Đông nhưng mình cũng nên tập bỏ mặc cảm nhược tiểu, yếu đuối, nhát nhúa, sợ sệt của người dân mình.

Nicole nhìn chồng thông cảm:

- Có phải anh đương nghĩ về quá khứ, thời gian mới tới đây không?

- Đúng, hồi ấy anh mới tám tuổi, một thằng con nít Việt Nam thấy cái gì cũng sợ, sợ nhất là không biết làm sao để vừa lòng người khác; có biết đâu ở đây người ta không đòi hỏi mình như vậy, người ta chỉ muốn mình hiểu và mình phát huy khả năng của mình. Những ngày ấy, anh hãi lắm, anh chỉ ao ước mạnh dạn, tự nhiên như một đứa trẻ Mỹ và anh đã cố học tập lối sống xứ người để được như ngày nay. Nhưng, thành thật mà nói trong tâm tư, anh vẫn thương yêu những người trẻ Việt Nam sống ở xứ này mà tâm hồn còn để nơi quê cha đất tổ. Em ơi! Điều anh muốn hỏi em là có bao giờ em nghĩ tới một ngày về lại quê hương nghèo khổ không?

Nicole trả lời ngay, không đắn đo: “Đó là ước vọng của em. Em mong anh đồng ý với em trong tương lai chúng ta sẽ trở về đất nước lo cho những người khốn khó”.

Hai vợ chồng nhìn nhau trân trọng, cảm thông.

NGUYỄN LÂN
(Virginia)

ĐỔI TRẮNG THAY ĐEN

(Hình ảnh pháp luật trong văn học dân gian)

Tâm Minh NGÔ TẶNG GIAO

Ở nước ta trước khi có văn chương bác học với những bài văn theo khuôn phép nghiêm chỉnh thì người bình dân trong nước đã biết biểu lộ tư tưởng của mình bằng những câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao, phong dao v.v... được gọi chung là văn chương bình dân hay văn học dân gian. Văn học dân gian do ở sự truyền khẩu từ đời này qua đời khác mà còn lưu lại đến nay. Nó rất phong phú và đa dạng. Nó đề cập đến đủ mọi lãnh vực: từ luân lý đến đạo lý làm người, từ tâm lý người đời, tình ý trong lòng người đến phong tục tập quán. Lại có những câu về thường thức như thời tiết, thiên văn, canh nông, tướng người và các trạng thái khác nhau trong xã hội.

Pháp luật cũng là một trong những hình ảnh xuất hiện trong văn học dân gian của nước ta: từ luật tố tụng đến luật hình sự, từ luật kinh doanh đến luật gia đình. Bài này nói chung về một vài mối tương quan giữa người dân và quan lại mà thôi.

*

Dân tộc Việt Nam ta vốn là một dân tộc hiếu hòa. Từ ngàn xưa người dân Việt đã biết bảo nhau bỏ qua những thiệt hại nhỏ nhặt, nếu có, để giữ hòa khí giữa bà con làng xóm với nhau:

“Chín bỏ làm mười”

Hoặc nhin nhượng nhau để tránh điều dữ, tạo điều lành:

“Một câu nhin chín câu lành”

Hoặc: *“Chín nhin, mười lành”*

Hoặc: *“Bớt giận làm lành”*

Người dân còn luôn luôn tâm niệm là đừng nên làm việc ác, việc sai trái vì *“gieo gió sẽ gặt bão”* và đối với pháp luật thì nếu ai vi phạm sẽ bị hình phạt:

“Ác giả, ác báo”

Người dân không thích đưa nhau ra kiện tụng trước *“cửa công”*. Họ chê cười những kẻ thích kiếm chuyện một cách vô lý, họ gọi những người đó là những kẻ:

“Bán ruộng, kiện bờ”

Hoặc: *“Bán ruộng nhà, kiện ruộng chùa”*

Họ chê cười những kẻ gặp việc nhỏ bé không đáng gì mà lại cứ thích làm to chuyện ra:

“Việc bé xé ra to”

Họ lên án những kẻ ưa xúi bẩy người khác kiện tụng để *“đục nước béo cò”*, lợi dụng cơ hội thủ lợi. Họ gọi hạng người đó là:

“Đâm bị thóc, chọc bị gạo”

Hành vi xúi bẩy người này, khích động người kia *“đổ thêm dầu vào lửa”*, làm cho hai bên vốn đã mâu thuẫn lại càng mâu thuẫn thêm, thường bị chê là:

“Xui nguyên, đục bị”

Những vụ kiện tụng vợ vắn thường bị chế giễu là:

“Con kiến mày kiện củ khoai”

Mày chê tao khó lấy ai làm giàu?”

*Nhà tao chín đụn mười trâu
Lại thêm ao cá có cầu rửa chân*

*

Dân gian biết rằng kiện tụng sẽ hao tài tổn của. Dù thắng kiện hay thua kiện thời cả đôi bên, kẻ đi kiện lẫn người bị kiện, đều thiệt hại:

“Một đời kiện, chín đời thù”

Việc đưa nhau ra để nhờ quan lại phân xử quả là một điều vô phúc:

*“Vô phúc đáo tụng đình
Tụng đình rình vô phúc”*

Hoặc:

“Cái đáo tụng đình, nó rình nhà vô phúc”

“Đáo tụng đình” là đến cửa quan kiện tụng. Người ta vác đơn đi kiện là sự xích mích giữa hai bên nguyên bị không tự giải xếp nổi. Hay bên này cố tình ức chế bên kia, vì oan ức nên mới đi thưa. Trong thời gian thưa kiện, bên nguyên đơn cũng như bên bị đơn đều phải lên xuống hầu quan nhiều lần. Mỗi lần như vậy lại phải bỏ việc nhà năm ba ngày, có khi hàng tháng, vì đường sá ngày xưa đi lại khó khăn. Đã thế lại tốn hao không biết bao nhiêu là tiền của, nào xe pháo, nào chi tiêu dọc đường, tiền ngủ trọ, và... đút lót cho các sai nha... Để cuối cùng bên nào cũng sạch túi cả:

*“Được kiện mười bốn quan năm,
thua kiện mười lăm quan chẵn”*

Hoặc: *“Vô phúc bước cửa quan”*

Nhiều khi mất thêm thời giờ vì:

“Chờ được vạ, má đã xưng”

Chờ được vạ là chờ được bồi thường khi xét xử. Vạ từ cổ có nghĩa là phạt như bắt vạ, ngã vạ. Dân gian hiểu “được vạ” có nghĩa là “được cuộc”, “được kiện”.

*

Cuộc sống chung nhiều khi không đơn giản. Có những kẻ thấy người khác nhụt nhục lại cứ “*được đằng chân, lân đằng đầu*” cứ tiếp tục hiếp đáp, lấn át bà con. Trong trường hợp này thì “*con giun xéo mãi cũng quăn*” và vì “*tức nước vỡ bờ*” bà con ta đành phải đưa nhau ra tòa án để nhờ phân xử, nhờ ánh sáng công lý phán xét:

“Đèn trời soi xét”

Trước tòa án mọi người đều bình đẳng, không có cảnh “*mạnh được yếu thua*” hay nể nang quen biết:

“Pháp bất vị thân”

Hay: *“Quan pháp vô thân”*

Pháp luật phải được áp dụng một cách nghiêm chỉnh và vô tư dù ai đó có bị thiệt hại:

“Thẳng mực tàu, đau lòng gỗ”

Pháp luật không nương tay cho ai cả dù đó là thành phần nào trong xã hội:

“Con chim ăn quả bò nu

Ai làm nên nổi, thầy tu đeo xiềng?

- Thầy tu ăn nói cà riêng

Em thưa quan cả đóng xiềng thầy tu”

Pháp luật phải luôn luôn được phổ biến cho mọi người dân biết vì dân có biết pháp luật, biết điều bị cấm đoán, mới có thể tôn trọng pháp luật, tránh làm điều sai trái:

“Tri pháp, úy pháp”

Tại nước ta, đi vào bất cứ vùng quê nào, người ta cũng nên quan tâm tới tập tục, phép tắc ở nơi đó. Hiểu biết, tôn trọng luật lệ của từng nơi, từng chốn là một yêu cầu văn hóa trong thế ứng xử của người dân đối với quan hệ xã hội. Bởi thế dân gian thường khuyên bảo nhắc nhở nhau trọng quy tắc của làng xã Việt Nam:

“Đất có lề, quê có thói”

Hay: *“Đất lề, quê thói”*

Lề luật của làng nhiều khi còn có giá trị vượt trội hơn cả phép tắc của nhà vua nữa:

“Phép Vua thua lệ làng”

Người dân sống ngay trong làng xã nên thấy điều thiết thân trước mắt là phải coi phép tắc của làng xã hơn các thứ khác:

“Thà thiếu thuế Vua hơn thua lệ làng”

Nhưng nói chung khi phép tắc của Vua mà không trái với lề luật của làng thì người dân Việt vẫn một mực tôn trọng, tuy đôi khi họ phản kháng một cách tế nhị và hài hước như việc cấm mặc “quần không đáy” tức cái “váy”:

“Tháng tám có chiếu Vua ra

Cấm quần không đáy người ta hỡi hùng!

Không đi thì chợ không đông

Đi thì phải lột quần chồng sao đang!”

*

Trong đời sống hàng ngày người ta thường dùng cân để đo khối lượng các vật cho chính xác. Những người thợ như thợ mộc, thợ cưa xẻ phải dùng dây thắm mực nẩy trên gỗ để đánh dấu làm chuẩn cho đường cưa. Sự ngang bằng của cán cân cũng như đường mực thẳng tắp của dây nẩy trên gỗ là biểu tượng của sự ngay thẳng, đứng đắn và công bằng. Dân gian đã gộp hai hành động này lại với nhau thành một thành ngữ để nói đến người nắm trong tay quyền xét xử; họ gọi quan tòa là những người:

“Cầm cân, nẩy mực”

Hoặc: *“Chí công vô tư”*

Rất công bình, không tư vị. Đó là tôn chỉ của các quan thanh liêm ngày xưa Các

quan giải quyết việc công bao giờ cũng lấy sự công bình làm mực thước, và dứt khoát không tư vị một ai, dù đó là người thân của chính mình cũng vậy. Không thiếu những vị quan thanh liêm, công minh, theo đúng chuẩn mực đạo lý và giữ đúng kỷ cương xã hội. Người dân ca tụng những vị này như những bậc “phụ mẫu”, “cha mẹ dân”, như những Bao Công thời Tống. Nhưng trong thực tế nhiều khi tiền bạc đã lung lạc lương tâm con người khiến một số quan chức tòa án làm sai pháp luật. Từ xưa tới nay chuyện này không phải là hiếm. Dân gian đã mạnh dạn tố cáo những bản án bị mãnh lực kim tiền lung lạc:

“Nén bạc đâm toạc tờ giấy”

Tố cáo những luật lệ bị tiền bạc phá bỏ:

“Kim ngân phá luật lệ”

Tố cáo vì những kẻ có nhiều tiền lắm bạc mà chiếm yêu thế:

“Tiền bạc đi trước, mực thước đi sau”

Túi tham của quan nhiều khi không đáy khiến người dân phải kêu lên:

“Cửa vào quan như than vào lò”

Mỗi lần có chuyện kiện tụng giữa dân chúng với nhau là quan lại “mở cờ trong bụng” vì sắp được hưởng lợi:

“Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ”

Khi có tiền hối lộ thì thường quan xử kiện không còn công minh nữa. Hoặc là quan bỏ qua tội phạm không thêm xét đến:

“Mèo tha miếng thịt xông xao

Kẻnh tha con lợn thì nào thấy chi!

Mèo tha miếng thịt thì đòi

Kẻnh tha con lợn mắt coi trừng trừng”

Hoặc quan thay đổi lý luận của mình để mang phần lợi về cho người đút lót:

“*Kiền gian bàn ngay*”

Hay: “*Lý gian bàn ngay*”

Người dân gọi chung những kẻ tham những này là bọn người:

“*Đổi trắng thay đen*”

Hoặc: “*Cãi chày cãi cối*”

Cối và chày là những thứ bị ma sát hằng ngày nên... lì mặt! Mà đã lì mặt thì làm sao phân biệt được chuyện phải trái! Cứ cãi bừa, cãi cho bằng được mới nghe.

Người có quyền lực như quan thì nói như thế nào, phán như thế nào cũng được, chẳng ai cấm đoán và dám cãi lại. Chẳng thế mà dân gian có câu:

“*Muốn nói oan làm quan mà nói*”

Hay: “*Muốn nói gian làm quan mà nói*”

Dân gian mai mỉa cái khôn ngoan quý quyết của quan:

“*Khôn nên quan, gan nên giàu*”

Chê bai cái thiên vị của quan:

“*Muốn làm lớn thì làm lão*”

Thậm chí đến cả những người chưa chính thức làm quan cũng bị dân gian ghét lây:

“*Chưa đỗ ông Nghè đã đe hàng Tổng*”

Dân gian có kinh nghiệm là quyền hành đi đôi với bổng lộc:

“*Quan cả, vạ to*”

Người dân xếp loại quan theo ngạch trật, theo quyền hạn, theo chức vị, có thể kiếm chác được nhiều hay ít:

“*Nhất thì bộ Lại, bộ Binh*

Nhì thì bộ Hộ, bộ Hình cũng xong

Thứ ba thì đến bộ Công

Nhược bằng bộ Lễ, lạy ông xin về”

Xếp hạng theo địa thế nơi béo bở dễ kiếm chác:

“*Quan thời xa, bản nha thời gần*”

Hoặc: “*Quan trong hơn quan ngoài*”

Ngoài việc tham ô, đòi hối lộ, một số quan khác còn dâm ô, hà hiếp dân lành:

“*Em là con gái đồng trinh*

Em đi bán rượu qua dinh ông Nghè

Ông Nghè sai lính ra ve...

- *Trăm lạy ông Nghè tôi đã có con*

- *Có con thì mặc có con*

Thắt lưng cho giòn, theo võng cho mau”

Dân gian lên án hành vi dâm ô có tính cách liên kết giữa các quan lại, thật ra là lên án chung hành vi coi thường luật pháp có tính cách bao che lẫn nhau của nhóm quan lại:

“*Bộ Binh, bộ Hộ, bộ Hình*

Ba bộ đồng tình bóp vú con tôi”

Dưới quan là một số các chức quyền khác cũng thừa cơ hội “*mượn gió bẻ măng*” ăn theo:

“*Quan hai, lại một*”

Bởi thế dân gian mới khuyên nhau một cách xỏ xiên là:

“*Khôn làm Lại, đại ở nhà*”

Dân gian than thở là vừa thoát ách này lại gặp nạn khác, đúng là cảnh “*quỷ tha ma bắt*”, vừa thoát cơ quan này lại kẹt với cơ quan khác:

“*Quan tha, Nha bắt*”

Quan này đi quan kia thay thế, cũng “*cá mè một lứa*” bòn rút nhân dân:

“*Ông Huyện chữa đi, ông Tri đã lại*”

Hay: “*Quan Phủ đi, quan Tri nhậm*”

Bọn lính tráng dưới quyền quan nhiều khi cũng chẳng kém hống hách:

“*Câu Cai buông áo em ra*

Để em đi chợ kẻo mà chợ trưa

Chợ trưa rau nó héo đi”

Lấy gì nuôi mẹ, lấy gì nuôi con?”
Dân gian “*thấp cổ, bé miệng*” nhiều khi
đành chỉ phản kháng một cách trào lộng:

*“Đẻ đũa con trai
Chẳng biết nó giống ai
Cái mặt thì giống ông Cai
Cái đầu ông Xã, cái tai ông Trùm.”*

Dân gian cực lực lên án những hạng
quan lại tham ô và dâm dăng:

*“Con ơi mẹ bảo con này
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan”*
Người dân ghét lây đến những tay chân
dưới quyền quan:

“Léo nhéo như Mõ réo quan viên”

Người nào được cảm tình của quan
chắc chắn sẽ được bà con lối xóm nhìn
bằng con mắt thiếu thiện cảm:

“Quan yêu, bạn ghét”

Người dân một mặt đề cao những nghề
tuy lao động nhưng lương thiện, một mặt
đánh giá thấp các chức vụ dính dáng tới
quan quyền:

*“Có phúc thợ mộc, thợ nề
Vô phúc thầy Đê, thầy Thông”*

Người dân vạch ra cái thói “*ăn trên
ngồi chốc*” của quan:

*“Thừa quan rồi mới đến dân
Thừa nha môn tuần đến sãi đồ đưa”*

Vạch ra cái thiếu tình cảm đến lạnh
lùng kiêu “*mặt sắt đen xì*” của quan:

“Quan cứ lệnh, lính cứ truyền”

Để chỉ tính tùy tiện, đúng sai bất chấp,
tiền hậu bất nhất trong lời nói của lớp
người quyền cao chức trọng trong xã hội,
dân gian nói:

“Miệng quan, tròn trề”

Quan là người thay mặt Vua để trị vì
thiên hạ. Mỗi lời nói của miệng như vàng
như ngọc, ấy thế mà bị so sánh với tròn trề,
tức là cái bộ phận bài tiết của con người,
mà hoạt động của nó ở con trẻ rất tùy tiện,
vô chừng, loẹt xoẹt suốt ngày, chẳng có lẽ
luật gì cả. Đôi khi dân gian đem quan ra so
sánh với những vật tầm thường:

“Thứ nhất Quận Công, thứ nhì không khố”

Hoặc so sánh với những hoạt động hàng
ngày không được sạch sẽ chi mấy:

“Thứ nhất Quận Công, thứ nhì ỉa đồng”

Hay: “*Ỉa đồng một bãi bằng vạn đại
Quận Công*”

Cái miệng đầy quyền hạn của quan từng
“*hét ra lửa, mưa ra khói*” ấy vậy mà khi
làm bậy vẫn bị so sánh với bộ phận thường
được coi là tục trên thân thể người dân đen:

“Miệng kẻ sang có gang có thép

Đồ kẻ khó vừa nhọ vừa thâm”

Khi gặp quan lại không được công minh
người dân nói chung dùng văn chương
truyền khẩu để tố cáo và phản kháng, khi
thấy khó có kết quả dân gian thường than:

“Ngẩn cổ bé miệng, kêu không thấu trời”

Và khuyên nhau có thái độ hòa hoãn
để được tạm sống an thân:

“Nợ van, quan khát”

Nhiều hình ảnh pháp luật khác được
phản ánh trong nền văn học dân gian mà
bà con bình dân ta còn nhiều dịp đề cập tới
dài dài...

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(Virginia)

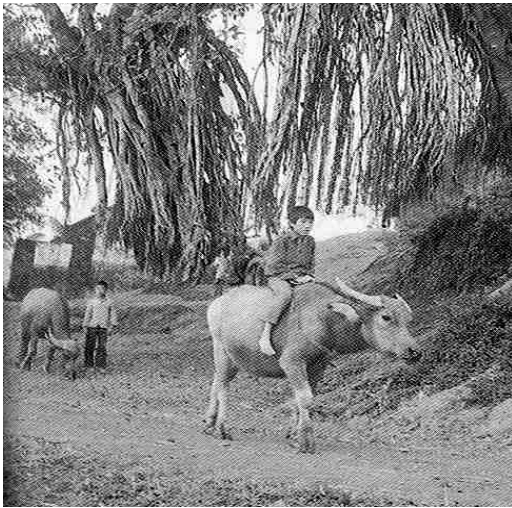
NĂM TRÂU VỮNG MẠNH

(Kỷ-Sửu 2009 = Tích lịch Hoả)

Chuột sấp qua rồi tiếp có Trâu;
Con Hồng, Cháu Lạc : nhất tâm cầu
Chúa ban ân phúc nhiều thành-đạt;
Phật độ chúng-sinh khắp rộng sâu.
Bốn Biển Việt nòi năng giữ gốc;
Năm Châu Nam giống xiển dương lâu.
Cộng-Đồng muôn thuở hằng bồi đức ;
Hạnh-phúc ấm-no Dân-Chủ ngầu. . .

GIA-TRẠNG LNQ

Paris



*Nhớ ngày xưa còn thơ
Trên lưng trâu thổi sáo
Trong gió chiều vi vu
Đường về thôn yêu dấu.*

NTND

MÙA ĐÔNG TUYẾT ĐỔ

Bác Hoàng ơi, Bác Hoàng ơi,
Nghe tin tuyết đổ toi bờ ngoài hiên!
Hỏi rằng Bác vẫn bình yên?
Lời thơ vẫn đẹp vẫn hiền như xưa?
Cho dù Trời Nắng, Trời Mưa
Trời Cao Cánh Vạc vẫn chưa mỗi nào.
Cho dù Trời có làm sao,
Tình Thơ vẫn nở như sao trên trời!
Ý tình nhờ gió ngàn khơi,
Đệt thơ đem gửi cho người bốn phương.

Yên Vi

- Thăm Hoàng Trùng Dương trong trận Tuyết mùa đông 01.2006

THỬ NGÓ MÌNH

Thử ngó mình coi, biết dở hay,
Già (gân), không mập cũng không gầy!
Bạc trơ mái tóc, răng còn, mất?
Cay đắng buồn gan, bụng cứng đầy!
Suy tính, may chưa cùn trí óc,
Đứng đi, mừng vẫn khỏe chân tay!
Bấy ngày bệnh nhẹ, đều ba bữa,
Kiếm múa, thơ vui với tháng ngày!!

DƯƠNG HUỆ ANH

California, 14/01/08

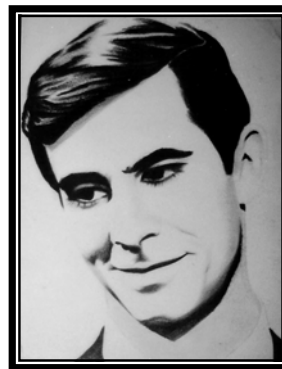
THẦN TƯỢNG XI-NÊ

NGUYỄN THỊ SONG HÀ



Elizabeth Taylor

Ai bảo con gái Trưng Vương, thời cấp sách đến trường, ngoài chuyện chịu khó học hành mà không biết đến phim ảnh nữa. Ngoài giờ gạo bài, cũng lén lút cha mẹ hẹn hò với bạn cùng lớp hoặc với kếp để chui vào rạp hát thưởng thức những phim hay, ngắm nhìn những nam nữ tài tử mà mình say mê. Thời thập niên 60,



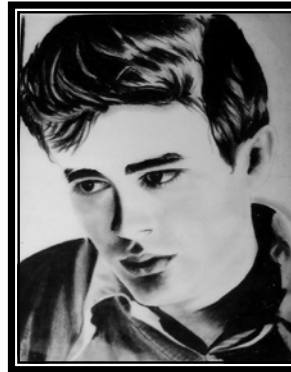
Anthony Perkins

khoảng thời gian tôi trải qua bảy năm học, chẳng có một phim nào hay, mà tôi không có mặt. Đã mê xem phim rồi lại còn mê cả các nam nữ tài tử đóng trong phim nhiều hơn. Chẳng thế nhiều phim có hay lắm đâu, nhưng tại có thần tượng của mình thích mà chịu khó chen chúc để xem cho bằng được. Nào là nữ diễn viên đẹp nào nùng, đẹp ngấn người như: Elizabeth Taylor trong *Cleopatra*, nào



Nathalie Wood

là Vivien Leigh trong *Autant en emporte le vent*, *L'Arbre Vie*, Sandra Dee trong *A Summer Place*, *Gidget*, *Mirage de la Vie*, Millie Perkins trong *Le Journal d'Anne Frank*, Natalie Wood trong *Gypsy*, Audrey Hepburn với *Vacances Romances*, *Guere et Paix*, *La Rumeur*, *Breakfast at Tiffany's...* Nào là các nam tài tử bô trai, gạo



James Dean

cội như: James Dean trong *À l'Est d'Eden* mặt đen như củ sừng, sững điên cuồng khi đào trúng mỏ dầu trong *Giant*. Anthony Perkins trong phim *Aimez-Vous Brahms?* Trong *Psycho*, hàng loạt phim kinh dị của Alfred Hitchcock đã làm cho nhiều vị trong đêm tối sợ rúm người, nhất là vào nhà tắm, thì ôi thôi hình như có kẻ nào sau lưng



Sandra Dee



Brigitte Bardot



Millie Perkins

sắp đâm cho một nhát. Tôi có bà chị cũng học Trưng Vương, chị mê xem phim thì ít nhưng mê thần tượng của mình thì nhiều. Chị lại có chút hoa tay nên có bức hình tài tử nào đẹp là chị vẽ lại. Tôi cũng cố bắt chước nhưng than ôi vẽ xong thì vừa tốn giấy vừa tốn bút chì mà chẳng giống ai.

Cũng như bây giờ thằng cháu ngoại tôi, cứ bắt bà phải vẽ Spiderman. Bà đâu có khiếu về hội

hoạ, nhưng thôi chiều cháu thì cũng gồng mình múa bút. Hôm thì giống con thần lặn đang bò trên tường, lúc thì giống con chuột, khá nhất là giống con ếch.

Trở lại vẽ hình tài tử thì cũng vậy, may mà chỉ chưa giống tài tử chứ chưa đến nỗi biến tài tử thành con vượn.

Cách đây ít lâu về Los Angeles

thăm chị, bước vào một phòng: chà... toàn là những bức hình ngày xưa được đóng khung treo trên tường mà chị đã vẽ khoảng năm chị 16, 17 tuổi. Căn phòng được biến thành Gallery of Art của Nguyễn Thị Tường Vân. Tôi xin chụp lại để đăng vào đặc san. Chẳng phải khoe hoa tay bà chị nhưng mà muốn cùng quý vị nhớ lại những thần tượng một thời Trưng Vương của mình, một thời đã làm chúng ta rùng rợn lên mây trước cửa các rạp hát như Rex chẳng hạn.

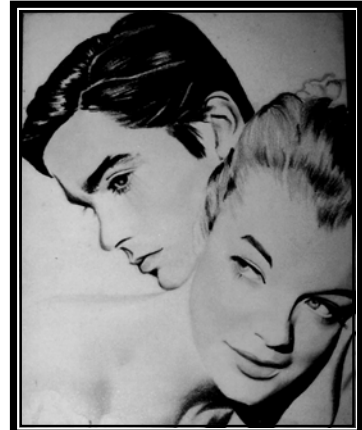
Trích Đặc San Trưng Vương San Jose (09/2008)

NGUYỄN THỊ SONG HÀ

TV 59-66



Alain Delon



Alain Delon & Rommy Schneider

Tình Người Cô Đơn

© 1999 Huy Lâm

Nhạc & Lời:
Huy Lâm

Pasodoble ♩ = 110

Một ngày đàn qua, ánh dương tàn phai — màu, bóng cây mờ in —
đài, tiếng chim riu riu gọi đàn, Minh ta một bóng, ngóng trông về chân —
trời, thoáng bóng nhẹ tiếng — đàn, âm vang niềm nhớ, Thời gian êm
trời, tháng năm âm thầm lướt — qua, bóng em muốn trùng cách — xa, Tình là ngàn
mây cuốn nhanh theo làn gió — đưa, cánh hoa xuôi dòng nước — trôi, bóng nhận bay cuối —
trời, — Rong chơi vui với cây đàn, tình tình
tưng nấn phím cho đời tươi, Vui cho hết đam mê mơ
mộng, — Hẹn hò lưu luyến chỉ vương thêm sầu đau, Phiêu

To Coda ⊕

lưu khắp bốn phương trời. — Ngừng chân ta hát khúc hoan
 ca, — vì lòng ta vui với cây đàn, — để ta quên
 kiếp người cô đơn. Ngao du vui thú với cây đàn. — Kia là đồng
 xanh, sông uốn khúc, vồn quanh. Quê hương, nước non bao nhiêu
 tình. — Kỷ niệm thơ ấu bao năm không hề phai. Ra
 đi không vấn vương u hoài. — Ngừng chân ta hát khúc hoan
 ca, — vì là lòng ta vui với cây đàn, — để ta quên
D.S. al Coda ⊕ *CODA*
 kiếp người cô đơn. — Một ngày dần ca. — Lòng ta tha
 thiết với cây đàn cho quên kiếp người cô đơn. —

VŨ HỐI: NGHỆ THUẬT THƯ HỌA

Tham khảo: *Nghệ Thuật Thư Họa của Vũ Hối*.
NXB: EM Magazine, EMMEKONG, INC. 2007

Hải Bằng.HDB

(Phần Một)

*

Vũ Hối vốn là một giáo sư hội họa kiêm thi sĩ. Năm 1989, nhờ quốc tế can thiệp, ông được nhà cầm quyền Hà Nội phóng thích. Ông qua Mỹ năm 1992 và hiện nay (2008) là một nhà thư pháp tầm vóc thế giới.

Bằng tác phẩm “Mộng Hòa Bình”, ông chiếm giải Khôi Nguyên “**Kennedy's Prize**” năm 1963 với sự tham dự của 32 thư pháp gia thế giới. Ông được vinh danh về “**Tinh Sáng Tạo Nghệ Thuật**” trong Đại Hội Mỹ Thuật Thế Giới năm 1994 tại Atlanta, Hoa Kỳ. Ông cũng được Quốc Hội Hoa Kỳ vinh danh là **Chiến Sĩ Văn Hóa và Chiến Sĩ Nhân Quyền**.

Tên tuổi của ông được ghi trong nhiều tự điển như cuốn tự điển **Thư Đạo của Nhật Bản** (2006) và trong **Từ Điển Tiểu Sử Quốc Tế, Cambridge, Anh Quốc - Dictionary Of International Biography (tập XXVI)** của The International Biographical Centre, Cambridge, England (1998)

Vũ Hối đã từng dùng thư họa viết câu nói nổi tiếng của TT John F. Kennedy: “*Ask not what your country can do for you. Ask what you can do for your country. (1963)*”, dịch là: “*Đừng hỏi đất nước có thể làm gì cho bạn. Hãy hỏi bạn có thể làm gì cho đất*

nước”. Ông cũng đã vẽ chân dung Đại Tướng Creighton W. Abraham (1970).

Ông là người sáng lập ra trường phái **Painting in Motion (Họa Động)** và **Thư Pháp Họa**.

*

Sơ Lược Tiểu Sử và Thành Tích của Nhà Thư Họa Vũ Hối

Vũ Hối sinh ngày 22 tháng 11 năm 1932 (Nhâm Thân) tại Tam Kỳ, Quảng Nam.

Ông là họa sĩ, nhà nhiếp ảnh, và cũng là nhà thơ mang bút hiệu là **Hồng Khôi**. Ông nguyên là giáo sư hội họa Trường Trung Học Thủ Đô (Hậu Giang). Ông là Hội Trưởng Thi Văn Đoàn Cao Nguyên; hội viên Trung Tâm Văn Bút Việt Nam và Hội Nhà Văn Việt Nam.

Sau năm 1975, ông bị Cộng Sản Hà Nội bắt giam tại nhà tù Phan Đăng Lưu và nhà tù Chí Hòa cùng với thi sĩ Vũ Hoàng Chương; rồi bị chuyển đi nhiều trại giam khác.

Ông bị tra tấn hỏng mất một mắt và khi được thả ra thì một chân bị liệt. Nhờ quốc tế can thiệp, năm 1989 Vũ Hối được Cộng Sản Hà Nội phóng thích. Gia đình ông cuối cùng đến được Hoa Kỳ năm 1992.

Hiện nay (2008), toàn bộ đại gia đình con cháu 16 người sống chung dưới cùng một mái nhà tại thành phố Laurel, Maryland.

Ông đoạt Giải Khôi Nguyên Hội Họa Quốc Tế tại Hoa Kỳ, 1963, với sự tham dự của 32 quốc gia, qua tác phẩm “Mộng Hòa Bình” vẽ hình 3 con chim bồ câu trắng và

cô gái có bộ mắt đen mở rộng đầy diễn tả về ước mơ Hòa Bình.

Ông vẽ chân dung của TT. Kennedy và Đại Tướng Creighton W. Abraham.

Triển lãm tác phẩm tại Hoa Kỳ, Pháp, Ý, Anh, Đại Hàn, Phi, và Đức.

Ông được Trung Tâm Vô Tuyến Truyền Hình Columbia mời nói chuyện về Hội Họa và Thi Ca năm 1963.

Ông được nêu tên tuổi trong: Văn Học Tự Điển, Việt Nam Cộng Hòa; Về Vang Dân Tộc II; Tự Điển Danh Nhân Thế Giới ân hành tại Anh năm 1998; 5000 Personalities of the World của American Biographical Institute 2000; Tuyển Tập L'Art d'Écriture, Paris, 1993; Tuyển Tập Thư Đạo của Nhật Bản, 2006.

Được vinh danh về “Tính Sáng Tạo trong Nghệ Thuật” tại Atlanta, 5/11/1994. Được Quốc Hội Hoa Kỳ vinh danh là Chiến Sĩ Văn Hóa và Chiến Sĩ Nhân Quyền trong Nghị Quyết 322.

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Mùa Giao Cảm* (Thơ, 1958)
- *Vần Thơ Màu Trắng* (Thơ, 1959)
- *Những Dấu Chân Đi* (truyện ngắn, 1960 và 1963)
- *Chiêm Bao Trở Giác* (Thơ, 1997)
- *Nghìn Thương Đất Mẹ* (Thơ và Thư Họa, 1999)
- *Thơ Nhạc Trong Tranh* (CD, 2000)
- *Chiêm Bao Trở Giác* (CD Thơ, 2003)
- *Mây Ngàn* (Thơ & Thư Họa, Norway 2004)
- *Nghệ Thuật Thư Họa*, 2007



Từ trái: Phan Khâm – Vũ Hối - Đinh Ngô - Nguyễn N. Oánh, Bạch Cúc NTN - Hải Bằng HDB – Nguyễn Thị Ngọc Dung – Hoàng Bạch Mai

Sẽ xuất bản:

- *Tác Phẩm và Tác Giả*

*

Thư Pháp và Khoa Thư Họa là Gì

Thư là chữ viết; pháp là phương pháp hay nghệ thuật. Theo định nghĩa hiện hành thì thư pháp (calligraphy) là nghệ thuật tạo hình cho các dấu một cách khéo léo, hòa điệu, và có diễn tả (calligraphy is the art of giving forms to signs in an expressive, harmonious and skillful manner).

Thư pháp được ghi nhận là đã xuất hiện khoảng 3500 năm trước Công Nguyên và nghệ thuật viết chữ đẹp này đã được dùng viết Thánh Kinh, Kinh Phật, Kinh Koran, và các thiệp mời, v.v.

Nhìn chung, nhân loại ở đâu có chữ viết và có những người có **hoa tay** thì ở đó có nghệ thuật viết chữ đẹp. Thứ chữ nào cũng có thể viết cho đẹp. Nhưng viết cho có hồn thì phải tùy năng khiếu mỗi con người. Khoảng năm 1500 Trước Tây Lịch, người Trung Hoa đã biết thưởng thức nghệ

thuật thư pháp. Nổi tiếng nhất về thư pháp cổ điển Trung Quốc là Vương Hy Chi.

Bàn về “Hoa tay”, nhà biên khảo **BS. Lê Văn Lâm** (Texas) viết trong *Nghệ Thuật Thư Họa*, tr. 11 như sau:

Các cụ Việt Nam mình ngày xưa hay dùng chữ “Hoa tay” để chỉ một người có thiên tài phú bẩm về cách sử dụng bàn tay để vẽ, để viết chữ, để nắm tượng, hay làm bất kỳ việc thủ công nào. Nếu hiểu như vậy thì Vũ Hối rõ ràng là một người có “Hoa tay” và bút vẽ của Vũ Hối là một thứ Bút Họa.

Điều đáng nói hơn cả là cái “Hoa tay” này được cộng thêm với một con mắt nghệ thuật cộng với một trái tim yêu quê hương, và một trí tuệ mãn cảm về Chân, Thiện, Mỹ. Nói ra quý vị đừng cười, tôi đã hỏi Vũ Hối xòe hai bàn tay ra để chính mắt tôi xem xét thì tôi đã đếm đủ 10 cái hoa văn ... từng lần chỉ tay hình tròn ốc trên 10 đầu ngón tay của anh ... Hoa tay đã hiện ra tướng của anh đó.

*

Nói về nhà thư pháp danh tiếng xưa kia của Trung Quốc, tác giả **Đào Đức Chương** viết trong *Nghệ Thuật Thư Họa* [tr. 39] như sau:

*Xưa có **Vương Hy Chi** (303- 361), người thời Đông Tấn, nổi tiếng viết chữ Hán theo lối Hành đẹp nhất nước Trung Hoa. ... Ngày 3 tháng 3 năm 353, Vương Hy Chi (Wang Xi Zhi) cùng Tạ An (Xie An, Tôn Xước, nhóm 10 người tụ tập ở Lan Đình làm thơ ngâm vịnh, gom thành Lan Đình Tập. Bài tự tập thơ này do Vương Hy Chi viết, gồm 28 hàng, 324 chữ, người đời gọi là **Lan Đình Tự**. Nguyên bản thiếp Lan Đình là báu vật của Trung Hoa được vua Đường Thái Tông (627- 649) đưa vào nội phủ. Khi Thái Tông mất, nguyên bản cũng mất.*

Người Ả Rập cũng nổi tiếng về lịch sử thư pháp. Tuy nhiên, các thứ chữ vốn có hình tượng sẵn như chữ Tàu, Nhật, Việt là những loại chữ rất thích hợp cho thư pháp, nghĩa là, những loại chữ đó có nhiều yếu tố giúp làm tăng vẻ đẹp nhờ những dấu giọng hay những đường nét xoắn hoặc ngang.

Nước ta thời trước, những nhân vật nổi tiếng viết chữ đẹp có Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Du. Những nhân vật này viết thư pháp bằng chữ Nho hay chữ Nôm.

Vào đầu thế kỷ thứ 20, **nhà thư pháp tiên phong viết chữ quốc ngữ phải kể là thi sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phác**. Ông là người đầu tiên múa ngọn bút lông viết những câu thơ, câu đối bằng chữ quốc ngữ làm cho bừng sáng những tia hy vọng đặt vào tuồng chữ Việt mới thuở sơ khai khi đất nước chuyển mình đoạn tuyệt với loại chữ Nho hay chữ Nôm cổ điển.

Thi sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phác sinh ngày 16 tháng Hai năm 1906, người làng Mỹ Đức, Hà Tiên. Ông mất ngày 25 tháng 3 năm 1969 ngay tại Đại Học Văn Khoa Saigon đang lúc giảng dạy. Tiên tổ cả ông làm kỳ lục cho Mạc Cửu di cư từ Lôi Châu (Quảng Đông) sang VN khoảng 1671. Phu nhân của Đông Hồ là Mộng Tuyết nữ sĩ dòng họ Thái, họ của mẹ Mạc Cửu.

Ông tự cố gắng học để vươn lên và rất yêu quốc văn, đặc biệt là yêu chữ quốc ngữ. Ông mở Trí Đức Học Xá dạy chữ quốc ngữ tại Hà Tiên năm 1926, làm thơ đăng trong Tạp Chí Nam Phong, Trung Bắc Tân Văn, Đông Pháp Thời Báo, Kỳ Lân Báo; xuất bản tập Linh Phượng Tập Lệ Ký (1928), *Thơ Đông Hồ* (1932), *Cô Gái Xuân* (Thơ, 1935),

Hoài Cẩm (1933), *Thăm Đảo Phú Quốc* (1927), *Trinh Trắng* (tuyển thơ, 1961) ...

Ở Việt Nam hiện nay có xuất hiện nhiều nhà thư pháp tài tử như Kiều Văn Tiến (tác giả cuốn *Sự Kỳ Diệu của Chữ Viết Việt Nam Hiện Đại*), Lê Vũ, Tâm Trụ, Trụ Vũ, Tuấn Hải, Văn Long, v.v. Nhà thư pháp Kiều Văn Tiến cho biết một nét về khoa thư pháp tại VN như sau:

Chưa có một tiêu chuẩn nào, một luật định nào để “khâu phục, tâm phục” giữa các nhà thư pháp với nhau.

Kiến thức còn hạn chế hoặc có thành kiến trong việc thưởng thức tác phẩm nghệ thuật, các kiểu chữ viết, - giữa một bộ phận quần chúng với các tác giả thư pháp. [coi Sự Kỳ Diệu của Chữ Viết Việt Nam Hiện Đại, tr. 62]

Thư pháp Việt Nam hiện phần lớn hãy còn lệ thuộc vào tuồng chữ Hán. Các hoạt động thư pháp mới chỉ mở ra được dưới hình thức các câu lạc bộ, chưa có tiếng tăm gì với thế giới.

Các câu lạc bộ thư pháp ở Việt Nam nhìn nhận Đông Hồ là người đầu tiên dùng thư pháp để viết chữ quốc ngữ và chọn ngày 16 tháng 2 là Ngày Truyền Thống Thư Pháp Chữ Quốc Ngữ. Và, đây là mấy vần thơ tình cảm của nhà thơ Đông Hồ:

Mua Áo

Chiếc áo năm xưa đã cũ rồi
Em đâu còn mặc để đi chơi?
Bán thơ nhân dịp anh ra chợ
Đành gọi anh mua chiếc mới thôi

Trinh Trắng

Mơn mơn dòng thơm lá cỏ thơm
Hồn đêm chưa có dấu sương mơn
Ao tràn mưa ngọt, bờ hoang đại

Bèo nở xinh xinh, cánh nhỏ tròn

*

Riêng với nhà thư pháp Vũ Hối, ông đã dùng những kỹ thuật hội họa để viết chữ Việt sao cho người ngắm có cảm tưởng đó là một bức họa lý thú và vì vậy ông đã đặt tên cho phương pháp viết đó là **Thư Họa**, phỏng dịch sang tiếng Anh là Calligraphy by Painting.

Trả lời cho câu hỏi: “Kỹ thuật viết thư họa như thế nào?”, nhà thư họa Vũ Hối cho biết:

Thật ra gọi là thư pháp. Gọi là thư họa do tôi là họa sĩ. Thư là thư pháp, họa là đưa hội họa vào thư pháp. Có thể gọi là một bức tranh thơ. Nói thật ra tôi rất dốt chữ Nho. Nét chữ của tôi không phải là nét chữ Nho. Có trường dạy viết thư pháp nhưng tôi không chịu lối đó. Việt Nam mình có chữ quốc ngữ riêng, tôi thấy rằng tại sao mình lại không dùng chữ Việt?

Tôi không muốn ảnh hưởng chữ của nước nào hết. Việt Nam phải dùng chữ Việt Nam. Tôi không bắt chước ai, tôi không muốn lai căng. Tôi là người sáng tạo thư họa. Từ năm 1986, lúc còn ở tù, sau giờ lao động, tôi lấy than trong nhà bếp hí hoáy viết những câu ca dao trên thềm cho khuấy khỏa qua ngày đoạn tháng [coi Nghệ Thuật Thư Họa, tr. 73].

Bàn về thư pháp hay thư họa, cũng cần phải nói về các dụng cụ căn bản để người nghệ sĩ múa tay bởi vì dụng cụ là thành phần thiết yếu của bất cứ một bộ môn nghệ thuật nào. Bạn đánh quần vợt giỏi ư? Nếu không có cái vợt vừa tay, ăn ý, thì bạn cũng khó lòng tạo được thành tích vượt bậc. Đời Tam Quốc, Quan Vân Trường không có thanh long đao vừa tay và không có ngựa

Xích Thổ chạy ngàn dặm thì làm sao có thể “vượt năm ải, trăm sáu tướng?”

Dụng Cụ Dùng trong Thư Pháp: Tứ Bảo Quá trình sáng chế ra loại bút viết chữ Nho như thế nào?

Người ta thường nói: “Nghề chơi cũng lắm công phu” nên trong thư pháp cũng phải có những dụng cụ nhất định để viết chữ và được mệnh danh là “văn phòng tứ bảo”, đó là: giấy, bút, mực, và nghiên.

Giấy: có nhiều loại: giấy gòn, giấy báo, giấy A 4, A 3, giấy dó, xuyên chỉ, hồng điều, hoa tiên, vải, và lụa.

Bút: có bút lông Trung Quốc, Hàn Quốc đủ cỡ. Đầu bút tròn, dài, nhọn, và có tính đàn hồi, là bút tốt. Bút viết xong nên ngâm và rửa sạch, lông vuốt cho thẳng ra.

Mực: thối mực Tàu hình chữ nhật, hay tròn, dài, để mài trên nghiên. Dùng mực nước chứa trong chai nhựa cũng tiện. Mực đậm có mùi thơm là mực tốt.

Nghiên: thường làm bằng đá. Khi mài mực, nên thêm nước. Nước mực chứa trong ly hay lọ có nắp đậy.

Khi làm việc - viết chữ - các dụng cụ để bên tay phải. Trước khi viết, nên rửa bút cho thật sạch và vuốt đầu bút cho ráo nước.

*

Nhà biên khảo BS. **Lê Văn Lân** viết trong Nghệ Thuật Thư Họa (tr. 11) của Vũ Hối như sau:

Từ lâu, tôi vẫn hâm mộ và ao ước có dịp gặp anh, và cơ duyên đã làm cho niềm mơ ước của tôi được thỏa mãn. Cách đây hai năm, tôi đã đến thăm xưởng vẽ của Vũ Hối và được anh dùng phương pháp Thư Họa để viết cho tôi một câu thơ ... trước sự yên lặng ngắm nghĩa của tôi. Cảm tưởng của tôi được cô đọng trong câu lục bát sau:

Bấy lâu ước thỏa phút dài
Lặng yên ngắm bút nhả đài nở hoa ...

*Ngày xưa loại bút tre loại cứng để viết loại chữ **Triện** có thể vạch những đường đi hình thể: tròn, hình thuẫn, ngoằn ngoèo nhưng chiều dày của những nét đều bằng nhau. Về sau, ông **Trình Mạo** sáng chế loại bút bằng gỗ mềm, nhưng ngòi bút lại đập thành có xơ chắm vào mực xạ, viết trên mặt giấy lụa. Do đó những hình tròn trở nên vuông, những đường cong trở nên gãy khúc.*

*Rồi đến ông Tướng **Mông Diêm**, trong khi xuất chinh đánh giặc Hung Nô ở Miền Bắc đã sáng chế ra bút lông, mực và giấy. Ngòi bút lông của Mông Diêm đã biến chuyển hẳn lối viết văn tự của Trung Hoa vì ngòi bút lông chỉ có thể vạch xuôi theo chiều của những sợi lông chứ không đi ngược lại vì sẽ làm xóc tóa sợi lông ra. Và lại, giấy hút mực nên có những nét dày, nét mỏng, uốn lượn, sổ xuống, đá lên, hoặc tòe ra như lưỡi mác, hoặc đi vuốt như những lá tre, hoặc nằm tụ lại thành một điểm. Ngòi bút nhảy múa, những nét liên lạc với nhau tạo thành những loại chữ gọi là **Liên Bút Tự**; hoặc cứ ném mình phăng phăng trên mặt giấy tạo thành những nét **Thảo Tự**.*

*Trong lối thư họa của Vũ Hối, ông đã tận dụng ngòi bút lông để viết những chữ đương nhiên là khác hẳn với viết bằng ngòi bút kim loại. Do sự uyển chuyển của ngòi bút lông, phối hợp với con mắt của người họa sĩ yêu đường nét và bút pháp Á Đông, Vũ Hối đã tạo ra nhiều **tự thể**: nào là **Thủy Tự, Hỏa Tự, Trúc Tự, Vân Tự** ... tùy theo nội dung của câu thơ hay câu nói diễn tả trên mặt giấy.*

Thư pháp của Trung Hoa đương nhiên là áp dụng vào những chữ Hán ... còn Thư Họa của Vũ Hối lại chuyển sang áp dụng vào chữ

quốc ngữ Việt Nam nên đường lối trình bày, bố cục đương nhiên là khác biệt. [tr. 13]

Ngày trước, các nhà thư pháp đã nghĩ ra các dạng chữ căn bản để viết cho thích hợp với yêu cầu của hoàn cảnh. Ngày nay, các dạng này vẫn còn được sử dụng và càng ngày càng được cải tiến và mỗi nhà thư pháp có một lối riêng để trình bày.

Các Thể Thư hay Các Dạng Chữ trong Thư Pháp

Các thể thư hay dạng chữ (fonts) căn bản hiện thông dụng trong thư pháp là: **Chân, Hành, Thảo, Triện, Họa**. Mỗi nhà thư pháp tự chọn lấy một hay nhiều dạng kể trên để viết tùy theo sở thích. Các nhà thư pháp lành nghề có thể sáng chế thêm thể thư mới theo cảm hứng của họ.

Chân thư: là dạng chữ có tính chân phương, đơn điệu, dành cho những người mới học viết thư pháp. Đó là những dạng chữ viết đứng, dễ đọc, dễ viết, nhưng cũng rất được nhiều người chuộng vì nét sáng sủa, chữ dễ nhận ra, và bình dị.

Hành thư: là loại chữ viết liên lạc như có vẻ đang di chuyển, thích hợp với những tình ý linh hoạt, yêu đời, vững tin.

Thảo thư: đây là loại chữ viết tháu, viết thảo, viết nháp, thường khó nhận ra chữ ngay mà phải ngắm nghĩ.

Triện thư: là dạng chữ viết dùng cho các loại con dấu (triện). Thường chữ viết được đóng khung trong một ô vuông, tròn, hay chữ nhật.

Họa thư: là dạng chữ mở rộng với các kỹ thuật của khoa hội họa, thường được dùng trong các bức tranh hay bức họa. Chẳng hạn, trong bộ *Sưu Tập Thi-Thư-Ảnh-Họa* có bức tranh vẽ cảnh mùa thu với những bông hoa kết tụ thành hình chữ S

(hình nước Việt Nam) của Vũ Hối, nhà thư họa Vũ Hối đã viết hai câu khiến cho bức tranh tăng thêm giá trị:

**Gom lá phong vàng, thu xứ lạ
Kết vòng chữ S, nhớ quê hương**

Ngoài những dạng chữ, thư pháp và thư họa đòi hỏi phải có kỹ thuật tạo những đường nét đẹp.

Kỹ Thuật Tạo Đường Nét Đẹp trong Thư Pháp và Thư Họa (tr. 39)

Nhìn những tuồng chữ đẹp, người ta đã xuýt xoa, nhưng thứ chữ đó chưa thể gọi là thư pháp. Nhà thư pháp cần phải học và sáng tạo ra những lối viết thể nào để diễn tả hơn và lôi cuốn hơn đối với cảm quan của người ngắm.

Đại cương, thư pháp có mười đường nét căn bản có tên là: **“Đương, Ưc, Đốn, Tỏa, Tri, Hoàn, Túc, Khẩn, Trọng, và Khinh”** mà tác giả **Đào Đức Chương** nêu trong *Nghệ Thuật Thư Họa Vũ Hối* (tr. 37) như sau:

Tôi [tức Đào Đức Chương] ở tù ra, phải đi kinh tế mới ở huyện Bình Long tỉnh Sông Bé, rồi bỏ về Sài Gòn sinh sống. ... Dịp Tết, nhà thơ Hồng Tâm, một đồng hương ở huyện Phù Mỹ đến thăm. Anh trịnh trọng đặt cuộn giấy trên bàn rồi chậm rãi trải ra. Mắt tôi hoa lên. Bức tranh thủy mặc, đường cong sông núi? Không! Vẽ hoa? Cũng không! Ô, đó là chữ viết, viết ở dạng đặc biệt. Viết như vẽ. Đúng thế! Vẽ chữ, Hán văn gọi là Thư Họa.

Tôi đã đọc qua vài tài liệu về thư pháp, đã xem nét Chữ Viết của Đông Hồ. Nhưng lần này, tôi ngây ngất trước bức hoành phi này:

Bút rung xuân động – mùa hoa nở

Hương ngát đời say – ánh nguyệt cười

Mãi say sưa ngắm từng nét, từng chữ; hỏi lâu tôi mới hỏi đến xuất xứ. Được biết **Hồng Tâm** làm câu đối, nhờ Vũ Hối viết, mang đến tặng tôi trong dịp đầu Xuân. Cảm xúc tốt cùng trước tác phẩm có sự đồng góp của hai người và bài phục nét bút **Vũ Hối**, tôi hứng khẩu câu đối:

Tứ thơ kết tụ say thần bút Hồng, Vũ tương phùng dậy thánh nhân

Thật vậy, ngày xưa **Tô Thức** (1036-1101) người tỉnh Tứ Xuyên, Trung Hoa, mới 20 tuổi đậu Tiến Sĩ, giỏi thư pháp, nổi tiếng viết chữ đẹp. Đời Tống Thần Tông (1068 – 1085), Tế Vương An Thạch làm nhiều việc táo bạo. Tô Thức (Su Shi) thuộc nhóm Cựu đảng, phản đối chính sách cải cách. Ông bị cách chức và lưu đày ra đất Hoàng Châu (nay là Hoàng Giang, Hồ Bắc), ở sườn núi phía đông nên đặt hiệu là Đông Pha Cư Sĩ. Người đời gọi là **Tô Đông Pha** (Su Dong Po). Sau được tha, trên đường về từ Hoàng Châu về Bắc Kinh, mỗi trạm dừng chân nghỉ đêm, dân chúng sắp hàng từ sáng sớm để đón ông và xin ông cho được thủ bút lưu niệm. Ở mỗi trạm có hàng ngàn người chờ đợi. Ông chỉ kịp viết cho mỗi người một chữ, thế mà đêm nào cũng đến khuya mới xong. ...

Đấy, xưa nay người ta quan niệm Thư Pháp (calligraphy) không chỉ đơn thuần nghệ thuật mà chính là **Đạo**. Người Tàu nói Thư Pháp là **Giả Đạo**; ở Nhật gọi là **Thư Đạo**. Từ đời Hán, thư pháp được liệt vào giáo khoa với lý luận bài bản, gọi là **Thư Học**. Ở nước ta, các chữ Hán như Thần, Phật, ... được viết đại tự, thờ ở đình,

chùa, miếu. Những người viết chữ đẹp được tôn sùng như bậc thánh nhân. ...

Nhìn bài thơ anh [Vũ Hối] viết, tôi thấy đủ 10 hình thái trong luật thư pháp. Từ nét **Dương** đã lên: bút lực anh mạnh mẽ, ngang tàng. Ưc là nét nhấn xuống: sắc cạnh như một thanh gươm. **Đôn** là nét dè dặt: đường bút của anh không chút ngập ngừng, rụt rè. **Tỏa** là nét hạ xuống: nhẹ nhàng như cánh chim sà bãi đáp. **Tri** là nét chậm rãi: anh biểu lộ sự khoan thai. **Hoàn** là nét trả: điêu luyện như thân rồng uốn khúc. **Tốc** là nhanh: anh phóng bút nhanh như lằn chớp giữa trời không. **Khẩn** là nét vội vã và gấp gáp: tầm bút anh không bao giờ quá đà, đuối sức. **Trọng** là nét nặng: anh dùng cho dấu nặng và tận cùng của nét nhấn, tựa hồ như quả tạ ngàn cân. **Khinh** là nét nhẹ phớt: ở cuối chữ, anh kéo dài tầm bút nhạt dần như dải tơ trời mất hút ở cuối trời xa. Tôi biết anh dùng thư lụa viết bài thơ tôi, anh vì tình tri kỷ mà cảm xúc tốt cùng:

Hoa tiên sông núi rồng bay lượn Dòng chữ tâm tình gửi bạn thăm

Anh đã đạt đến độ **Tâm Bút Hợp Nhất**. Khoảnh khắc đó, từ ngữ thư pháp gọi là **Xuất Thần**. ...

Xưa có **Vương Hy Chi** (303- 361) người thời Đông Tấn, nổi tiếng viết chữ Hán theo lối Hành đẹp nhất nước Trung Hoa, được người đời tôn: "**Thiên hạ đệ nhất hành thư**". ...

Với Vũ Hối cũng thế, trước anh có vài người đem thư pháp vào chữ Việt như Đông Hồ, Trạ Vũ. Nhưng phải đợi đến Vũ Hối sáng lập phái Thư Họa, mới phô bày hết cái tinh hoa vào thư pháp chữ Việt.

Hiện nay có nhiều người theo lối thư họa của anh, như Song Nguyên, Phương Nam, nhưng chỉ đạt được dạng tự; còn thân tự thì không thể so sánh bằng anh được.

Mặc dầu phong trào thư pháp chữ Việt đang lên [2001], xuất hiện nhiều cây bút tài hoa như Chính Văn, Mặc Vị Nhân, Thanh Sơn, Tuấn Hải, Y Sa, mỗi người mỗi vẻ, nhưng thư họa Vũ Hối vẫn có giá trị lịch sử như thiếp Lan Đình Tự của Trung Hoa.

Nhân vì Vũ Hối vốn xuất thân từ đất Quảng Nam, nhà thơ Đào Đức chương cũng nhắc đến sự kiện Quảng Nam nổi tiếng với 5 ngọn núi được gọi là Ngũ Hành Sơn và có tên là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ và Quảng Nam được tin là nơi “địa linh, nhân kiệt” sản xuất nhiều nhân tài, trong đó nổi tiếng có “Ngũ Phụng Tề Phi”:

Khoa Mậu Tuất (1898), niên hiệu Thành Thái Thứ 10, tỉnh Quảng Nam có 5 người đỗ Đại Khoa được phong danh hiệu: “Ngũ Phụng Tề Phi”, gồm:

Phan Liệu: người xã Trừng Giang, Diên Phước, đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến Sĩ lúc 26 tuổi.

Phan Quang: người xã Phước Sơn, huyện Quế Sơn, đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến Sĩ lúc 26 tuổi.

Phạm Tuấn: người xã Xuân Đài, huyện Diên Phước, đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến Sĩ lúc 47 tuổi.

Ngô Tuấn: người xã Cẩm Sa, huyện Diên Phước, đỗ Phó Bảng lúc 26 tuổi.

Dương Hiến Tiến: người xã Cẩm Lâu, huyện Diên Phước, đậu Phó Bảng lúc 33 tuổi.

Nhà thơ Đào Đức Chương kết luận:

Quảng Nam đại khoa cùng lúc đến 5 người; trường phái Thư Họa nay có Vũ Hối

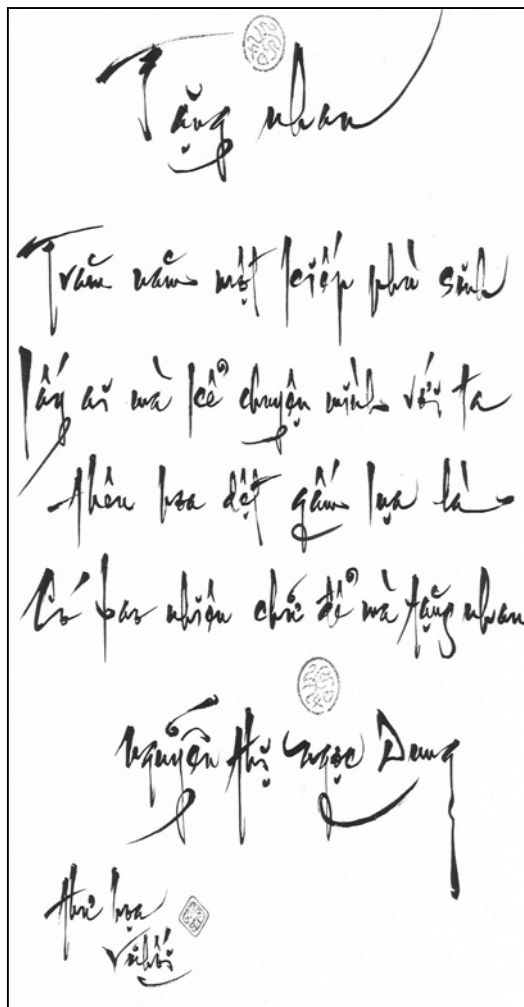
khởi xướng. Xin tặng anh và xứ Quảng địa linh nhân kiệt câu đối:

Ngũ Phụng dâng khoa còn vọng tiếng
Nhất danh thư họa mãi ngời tâm

*

[Xin coi tiếp phần hai đăng kỳ tới]

Hải Bằng.HDB
(Arizona)



VINH BÚC DƯ ĐỒ RÁCH

Nọ bức dư đồ thử đứng coi
Sông sông núi núi khéo bìa cười
Diết bao lúc mới công vờn vẽ
Sao đến bây giờ rách tả tơi!
Ấy trước ông cha mua để lại
Mà nay con cháu lấy làm chơi
Thôi thôi chờ trách chi đàn trẻ
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi

TẢN ĐÀ N.K.H.

Hà Nội, 1937

Họa vận CẢNH QUÊ

Mê lá thư nhà ngao ngán coi
Cảnh quê chua xót, tất môi cười
Lang thang ngõ tối đôi chân gõ
Lặn lội xóm nghèo manh áo tơi
Tầu quán tràn đầy loài bóc lột
Trà đình huyền ảo giống ăn chơi
Thương thay con trẻ lều xiêu vẹo
Đất nước ai lo chuyện đường bồi?

N. T. NGỌC DUNG

Virginia 07/16/08

Họa vận VIỆT NAM BÊN BỜ VỰC THẨM

Giờ tám bản đồ nước Việt coi
Hình cong chữ S: khó mà cười!
Quê hương gấm vóc xưa liền lạc;
Đất nước tranh giành hiện rách tơi!
Bản Giốc còn đâu (!), khôn lấy lại!
Hoàng Sa mất dấu dễ như chơi!
Việt gian Cộng Sản đang tàn phá
Dân tộc lâm than khó đáp bồi!

HỒ CÔNG TÂM

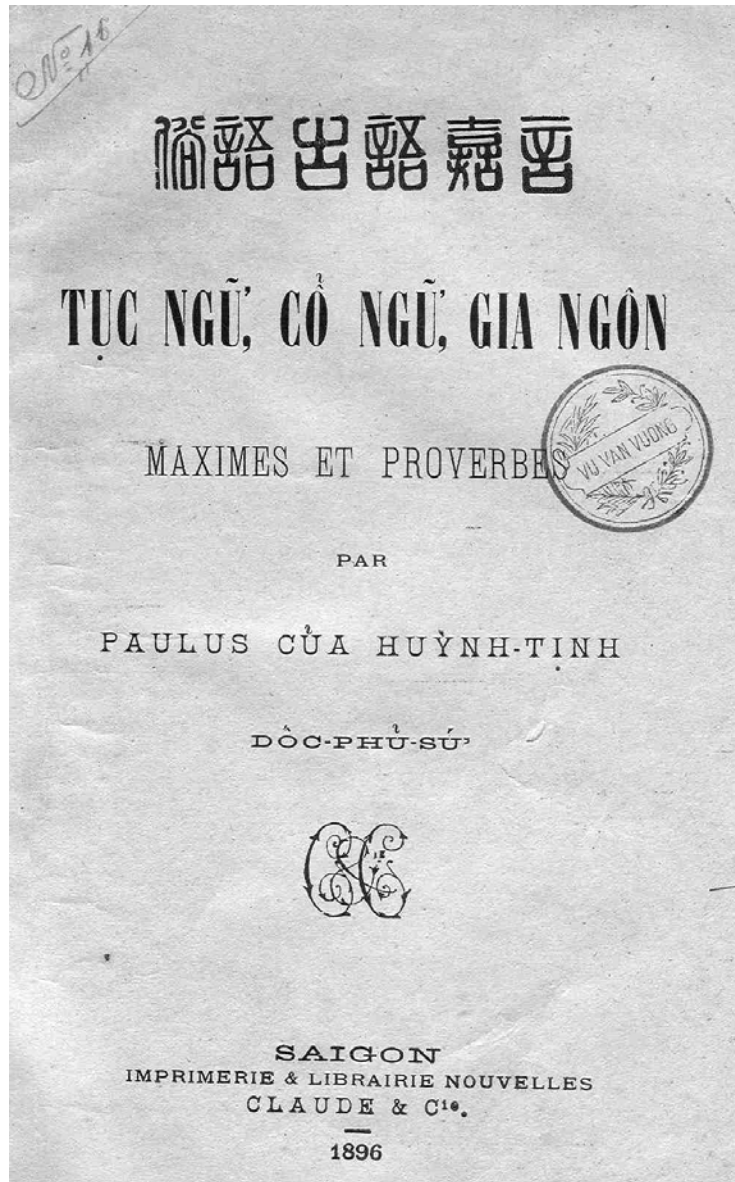
Austin, July 14, 2008

Họa vận ÁO GẤM VỀ LÀNG

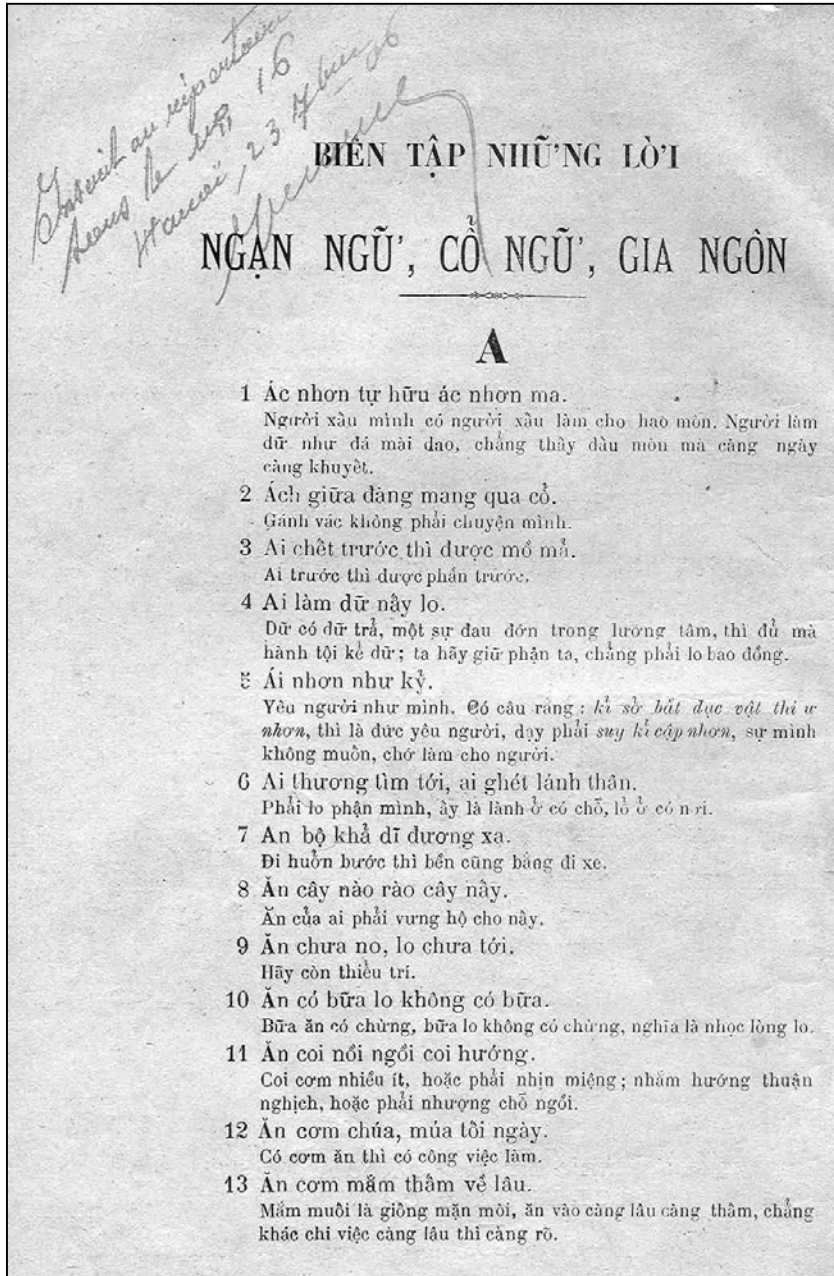
“Việt kiều yêu nước” đóng vai coi
Tiền bạc vung ra đổi trận cười
Quên tháng năm “cày” buồn héo hát
Hương giây phút “hết” sương mê tơi
Chẳng màng kiếp khổ bao người sống
Chỉ kiếm nơi vui lắm kẻ chơi
Đám bữa huy hoàng rồi cạn “láng”
Trở về “lao động” lại làm... “bồi”!

TÂM MINH

Virginia, 10/2008



Trang 1. quyển **CỔ NGŨ – TỤC NGŨ** của Học Giả **HUỲNH TÍNH CỦA** in tại Sài Gòn 1896 (Sở hữu Cổ Thơm). Ông sinh năm 1854, mất năm 1907. Người tỉnh Bà Rịa, Nam Việt, làm chức Đốc Phủ Sứ, biên tập viên Gia Định Báo. Tác giả các sách: *Chuyện Buồn I* (1880); *Chuyện Buồn II* (1885); *Đại Nam Quốc âm Tự Vị*....



Trang 2, *Cổ Ngữ – Tục Ngữ* của Paulus Huỳnh Tịnh Của.

DÒNG LỆ SỬ

DUYÊN VIỆT - TÌNH CHIÊM

Lê Thương Thương (Lê Thương)

Trải qua 703 năm (từ năm 1306 đến năm 2009) trong chiều dài của trang sử Việt, có lẽ thiên tình sử “Duyên Việt-Tình Chiêm” là một bi kịch tình sử đã làm tổn nhiều giấy mực cho giới văn nhân thi sĩ.

Thật vậy, qua bài học “Trọng Thủy-My Châu”, người Việt xưa kia rất bảo thủ trong việc gả con gái cho người dị chủng nên dân gian có hai câu ca dao chê trách cuộc hôn nhân này:

*Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo.*

Cây quế đây ví Huyền Trân công chúa, còn thằng Mán, thằng Mường ám chỉ vua Chiêm Thành Chế Mân. Dân tộc Việt xưa nay vẫn coi dân tộc Chiêm Thành là một giống dân man rợ, lạc hậu, kém văn minh. Nhưng người hiểu rõ lợi ích của cuộc hôn nhân này hơn hết là Thái Thượng Hoàng Trần Nhân Tông và vua Trần Anh Tông.

Sau khi đánh đuổi được quân xâm lăng Mông Cổ ra khỏi bờ cõi, vua Trần Nhân Tông nhường ngôi lại cho con là thái tử Thuyên, tức vua Trần Anh Tông rồi về ẩn tu ở Yên Tử Sơn, Quảng Yên. Vào năm 1301, nhân dịp phái đoàn Chiêm Thành sang nước ta kết giao, Thái Thượng Hoàng Nhân Tông theo phái đoàn sang thăm xã giao Chiêm quốc. Sau chín tháng thăm viếng danh lam thắng cảnh nước Chiêm thì Nhân Tông tạ từ vua Chiêm để về nước. Trong buổi lễ tiễn đưa, Chiêm vương là Chế Mân

có ngỏ ý muốn xin cưới công chúa Huyền Trân về làm hoàng hậu vì từ lâu Chế Mân được nghe tiếng Huyền Trân là một bậc sắc nước hương trời. Trước lời mớm ý của Chiêm vương, Nhân Tông có hứa sẽ gả con gái của mình cho vua Chiêm. Khi thốt ra lời hứa, trong thâm tâm Thái Thượng Hoàng nghĩ đến hai điều lợi ích cho tổ quốc là đổi lấy được Châu Ô và Châu Lý (hai châu này nằm về phía nam Quảng Trị và phía bắc Quảng Nam ngày nay) và kết tình thông giao với Chiêm quốc vì nước Việt Nam ta xưa nay vẫn “lưỡng đầu thọ địch”. Phía bắc thì bị nước Tàu luôn luôn lăm le xâm lăng, phía nam thì thường bị quân Chiêm Thành quấy nhiễu. Nếu kết thân được với Chiêm quốc thì ta chỉ còn lo đối phó với phương bắc mà thôi.

Thế theo lời hứa của Nhân Tông, qua năm sau Chế Mân cho sứ mang lễ vật sang để cầu hôn. Vua Anh Tông bèn cho họp quần thần để tham khảo ý kiến. Nhưng việc gả con gái cho người dị chủng là điều tối kỵ đối với dân tộc Việt Nam ta lúc đó, nhất là gả con vua cho người mà dân tộc ta xưa nay vẫn xem thường lại càng không thể chấp nhận được nên bị quần thần và dân gian phản đối qua các câu ca dao:

*Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo.
Con vua mà gả thằng Mèo,
Nó dẫn qua đèo cũng rán đi theo!*

Trước sự phản đối của quần thần và quốc dân, vua Anh Tông phải lên Yên Tử Sơn để thỉnh ý Thái Thượng Hoàng. Thái Thượng Hoàng khuyên Anh Tông về thảo luận lại với quần thần và nên đặt quyền lợi

quốc gia lên trên hết. Để có thời gian thương thảo, vua Anh Tôn phải đình hoãn việc cầu hôn của vua Chiêm thêm một thời gian. Ba năm sau, Chiêm vương lại phái sứ sang nước ta để cầu hôn lần nữa với lễ vật là Châu Ô và Châu Lý. Lần này, vua Anh Tôn nhớ lời Thái Thượng Hoàng khuyên nên nhận lời. Tuy nhiên, “Duyên Việt-Tình Chiêm” không đơn giản như người ta tưởng vì Huyền Trân công chúa đã trao con tim cho chàng trai tuấn tú Trần Khắc Chung. Trần Khắc Chung tên thật là Trần Đức Chung, con của Tá Thiên Vương Trần Đức Việp (chú ruột của vua Anh Tôn) với một người cung nữ. Chung không những khôi ngô mà lại còn thông minh, học giỏi. Năm 16 tuổi đã đỗ tú tài, năm 17 tuổi được phong chức Nhập Nội Hữu Tùng Quan, có nhiệm vụ đọc và giảng sách cho thái hậu, hoàng hậu và các công chúa... Năm 24 tuổi, Chung được vua Anh Tôn cử đi theo phái bộ của chánh sứ Trương Hán Siêu sang Trung Hoa. Trong thời gian ở Trung Quốc, Chung học được nghề thêu của quan đại phu nước Tàu tên Trần Khắc Long. Kể từ đó, tên Trần Đức Chung được đổi thành Trần Khắc Chung theo giao ước của Trần Khắc Long trước khi truyền nghề. Khi về nước, Trần Khắc Chung được cử vào cung dạy thêu thùa cho các công chúa, trong đó có Huyền Trân. Mọi tình của đôi trai tài gái sắc đang độ mặn nồng thì công chúa Huyền Trân phải vâng lệnh cha và anh về làm dâu Chiêm quốc. Chung cũng đành ngậm đắng nuốt cay tiễn đưa người yêu đi lấy chồng, còn Huyền Trân cũng khóc hết nước mắt cho mối tình ngang trái của mình. Để khóc cho duyên bể bèo, Huyền Trân có làm một bài thơ theo điệu Nam Bình:

*Nước non ngàn dặm ra đi,
Mối tình chi!
Mượn màu son phấn,
Đền nợ Ô, Lý.*

*Xót thay vì,
Đương độ xuân thì,
Số lao đao hay là nợ duyên gì?
Má hồng da tuyết,
Cũng như liễu hoa tàn trắng khuyết.
Vàng lộn thau chì,
Khúc ly ca, sao còn mừng tượng nghe gì.
Thấy chim hồng nhạn bay đi,
Tình lai láng,
Hương dương hoa quỳ.
Dẫn một lời Mân quân:
Như chuyện mà như nguyện,
Đặng vài phân,
Tình đem lại mà cân,
Đắng cay muôn phần!*

Tháng 6 mùa hạ năm Bình Ngô 1306, Huyền Trân lên xe hoa về làm dâu Chiêm quốc nhưng bất hạnh thay, cuộc hôn nhân “Duyên Việt-Tình Chiêm” chỉ kéo dài được khoảng một năm thì đến tháng 5 năm Đinh Mùi 1307, Chiêm vương Chế Mân bị chết “bất đắc kỳ tử”. Triều đình nước Chiêm tôn Chế A Đà Ba lên ngôi kế vị quốc vương Chế Mân. Theo tục lệ Chiêm Thành, khi nhà vua băng hà thì đúng một năm sau hoàng hậu cũng được hỏa thiêu để chết theo nhà vua. Vì thế, khi được tin Chế Mân băng hà, Huyền Trân sắp lên đàn hỏa, vua Anh Tôn vội họp quần thần để bàn kế cứu em gái mình. Để giữ thể diện quốc gia và giữ hòa khí với Chiêm quốc, vua Anh Tôn đề nghị không nên dùng bạo lực chiến tranh để cứu Huyền Trân mà chỉ nên dùng kế bắt cóc Huyền Trân mà thôi. Theo kế hoạch, Phạm Ngũ Lão giữ nhiệm vụ tập trận giả để che mắt quân Chiêm, còn Đề Đốc Trần Đăng Long cùng phó Thủy Sư Lê Trung Nhiên có nhiệm vụ dẫn 100 chiến thuyền, giương cờ đen, giả dạng làm giặc cướp biển Tàu Ô để bắt cóc hoàng hậu Huyền Trân. Trong kế hoạch này Trần Khắc Chung cũng tình nguyện tham gia để cứu người yêu. Kế

hoạch dự thảo xong, Trần Khắc Chung và Đặng Thiệu được cử đi phúng điếu nước Chiêm. Trong thời gian lưu lại ở Chiêm Thành để làm nghi thức phúng điếu, Chung nhỏ to với vua Chiêm là nên để Chiêm hoàng hậu Huyền Trân được hóa thiêu ở một nơi thanh vắng ngoài hải đảo hầu Chiêm hậu được thăng hà theo quốc vương Chế Mân một cách yên tĩnh, bình thản. Vua Chiêm Chế A Đà Ba nghe êm tai, không một chút nghi ngờ nên chấp thuận đề nghị của Chung, rồi truyền lệnh cho pháp y và quan khâm giám cùng Chung soạn thảo nghi thức hỏa thiêu. Hòn đảo Chuk Mui nằm trong quần đảo Knor Knour ngoài khơi kinh đô Đồ Bàn (Kinh đô của Chiêm quốc thuở ấy là thành Đồ Bàn ở Bình Định) được chọn làm nơi hỏa thiêu Chiêm hậu. Soạn thảo xong nghi thức hành lễ, Trần Khắc Chung vội vã cáo biệt để về nước. Khi về đến biên giới Việt, Chung liền cho quân lính thay đổi y phục, giả dạng giặc biên Tàu Ô, lên thuyền rẽ sóng hướng về hải phận Chiêm Thành.

Tới ngày hành lễ, thuyền của 5 vị pháp y Chiêm dẫn đầu với khói hương nghi ngút, theo sau là long thuyền của Chiêm hậu Huyền Trân, sau cùng là đoàn thuyền hộ tống của quân Chiêm. Tới chập choạng tối thì buổi lễ bắt đầu, đang lúc các vị pháp sư Chiêm chuẩn bị nghi thức hỏa thiêu chiếc long thuyền của hoàng hậu thì Trần Khắc Chung huy động quân sĩ trên các thuyền Việt ào ào lướt sóng xông vào long thuyền bắt cóc Huyền Trân. Trong khi đó, 100 chiến thuyền giả dạng bọn cướp biên Tàu Ô do Đô Đốc Trần Đăng Long chỉ huy vây chặt đoàn thuyền của quân Chiêm rồi đánh đắm và giết tất cả quân Chiêm cùng 5 vị pháp sư, không chừa một ai sống sót để bịt miệng phi tang.

Theo kế hoạch, sau khi cứu được Huyền Trân, Trần Khắc Chung sẽ đưa

Huyền Trân ra ngoài các đảo ở vịnh Hạ Long trong một thời gian để che mắt sự do thám của Chiêm Thành. Sau hơn một năm, Trần Khắc Chung mới đưa Huyền Trân về Thăng Long, và vì để Huyền Trân sống ngoài hải đảo quá lâu với mình nên Trần Khắc Chung bị mang tiếng qua câu ca dao:

*Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục lại vẫn lừa rom.*

Trong hai câu ca dao trên, “hạt gạo trắng ngần” ví Huyền Trân công chúa; còn “nước đục” ám chỉ Chiêm vương Chế Mân; và “lừa rom” ám chỉ Trần Khắc Chung. Có nhiều người bênh vực Khắc Chung, cho rằng Chung bị hàm oan. Thật sự Chung có bị oan hay không thì chỉ có Khắc Chung và Huyền Trân biết mà thôi. Ở đời, “Chí lớn của kẻ làm trai chưa không đầy trong đôi mắt giai nhân” cho nên trong tình huống, con người ta có thể từ bỏ tất cả, kể cả tiền tài, danh vọng để đi theo tiếng gọi của con tim thì Khắc Chung cũng có thể không thoát khỏi điều này.

Duy, chỉ tội nghiệp cho dân tộc Chiêm Thành mà thôi, vừa bị mất đất, vừa bị mất người mà còn bị khinh rẻ nữa. Không những bị khinh rẻ mà dân tộc Chiêm Thành còn bị dân tộc ta lấn dần cho đến khi Chiêm quốc hoàn toàn bị xóa tên trên bản đồ. Dân tộc Chiêm Thành lập quốc vào thế kỷ thứ 2, lãnh thổ chạy dài từ mũi Hoàn Sơn ở Quảng Bình cho đến đồng bằng Phan Rang-Phan Rí, kinh đô là thành Đồ Bàn (Vijaya) ở Bình Định. Thành Đồ Bàn bị thất thủ vào năm 1471 trước sức tấn công của quân binh Việt Nam ta trên đà Nam Tiến. Trong suốt 17 thế kỷ dựng nước và giữ nước, cố đây lui cuộc Nam Tiến của Việt Nam nhưng cuối cùng Chiêm quốc cũng bị xóa tên trên bản đồ thế giới vào năm 1832. Tuy đất nước bị xóa tên trên bản đồ, tuy dân tộc bị diệt chủng, người Chiêm Thành cũng còn

để lại một chuỗi vết tích lịch sử nằm ngổn ngang, hoang phế trên mảnh đất Miền Trung Việt Nam trong đó có những di tích một thời của nền văn minh Champa, đó là những kiến trúc đồ sộ như tháp Yang Mum ở Kontum hay tháp Po Klaong Garai ở Phan Rang.

Nhìn lại dòng lịch sử Việt Nam, tiền nhân ta từ các triều đại Trần, Lê, Lý, rồi đến Nguyễn, Tây Sơn khi mở mang bờ cõi tiến lên phía bắc thì gặp anh không lồ Trung Hoa, còn tiến về hướng tây thì đụng phải dãy Trường Sơn hiểm trở khó tiến qua Ai Lao nên chỉ có con đường duy nhất là tiến về phía nam vì Nam Tiến thì thủy hay bộ đường nào tương đối cũng dễ đi cả do đó mà cuộc Nam Tiến của ta đã xóa bỏ bản đồ Chiêm quốc từ Quảng Bình cho đến Phan Rang, Phan Rí và từ Phan Thiết ta lại lấn dần cho đến Mũi Cà Mau, vốn là phần đất của Cao Miên ngày xưa.

Nhắc lại lịch sử mở mang bờ cõi, kẻ viết bài này còn nhớ được bốn câu thơ khi còn đang học ở Đại Học Sư Phạm Sài Gòn đã được nghe một vị giáo sư ngâm trong một bài giảng về văn chương. Theo giáo sư, bốn câu thơ này của một thi sĩ tiền chiến Miền Nam (mà kẻ viết bài này đã quên tên tác giả của bài thơ) gởi cho Xuân Diệu khi Xuân Diệu vào Nam và sắp sửa trở về Bắc, lúc đó vào khoảng trước năm 1945:

*Ai về cõi Bắc cho ta gởi,
Tất cả lòng thương giống Lạc Hồng.
Từ thuở mang gươm đi mở cõi,
Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long.*

Theo địa lý nhân văn, Miền Trung và Miền Nam nước Việt là đất của Chiêm Thành và Cao Miên ngày xưa. Thuở ấy ta gọi dân tộc Chiêm Thành là Chăm hay Hời, còn người Miền Nam gọi họ là Chà Châu Giang. Trước cảnh diệt vong của Chiêm quốc, một số người Việt cũng thấy thương

hại dùm cho một dân tộc Chiêm Thành bất hạnh cho nên nhà thơ Bằng Bá Lân trong “Bài Ca Xứ Huế” cũng đã khóc, khóc cho Huyền Trân hay khóc cho nước non Chiêm:
*Chiều mưa trong thôn Vĩ Dạ,
Giọng ca Nam Bình rí rả.
Hòa cùng giọt ba tiêu lã chã,
Khóc Huyền Trân hay khóc nước non Chiêm?*

Riêng nhà thơ Chế Lan Viên, tác giả tập thơ “Điều Tàn”, xuất bản năm 1937, lúc đó nhà thơ chỉ mới có 17 tuổi, tên thật là Phan Ngọc Hoan, sinh ngày 14-11-1920 trong một gia đình viên chức ở Cam Lộ, Đông Hà, Quảng Trị. Người ta không hiểu tại sao nhà thơ lại lấy bút hiệu mang họ Chế (Họ của dân tộc Chiêm Thành) và mang tình cảm giống dân Hời mà chỉ thấy rằng trong tập thơ “Điều Tàn” bài nào nói về Tháp, về nước non Hời cũng đều hay cả, có thể nói là hay nhất trong toàn tập. Nhà thơ đã than oán tiếng than của dân tộc Hời dùm cho họ mà khi đọc lên ta cảm thấy lạnh lạnh trong người tưởng chừng như nghe những tiếng oán than thảm thiết của những hồn ma Hời:

*Một ngày biếc thị thành tôi rời bỏ,
Trở về thăm dân tộc nước non Hời.
Hay:
Bên tháp vắng, còn người thi sĩ Hời,
Sao không lên tiếng hát đi người ơi?
Mà buồn bã âu sầu trong đêm tối,
Người vẫn nằm há miệng đớp sao rơi,
Hay hận xưa muôn thuở vẫn chưa nguôi.
Hay lãnh đạm, Hời không về tháp cũ,
Hay xuân sang, Chiêm nữ chẳng vui cười?*

Lê Thương Thương

(Lê Thương)

Richmond – Virginia 10-2008



Chúa Giáng Sinh, tranh **VŨ THÁI HÒA** một trong những bức tranh triển lãm tại Galerie de l'Éden, 66 Rue Gambetta, Romilly Sur Seine, từ 13 tháng 12, 2008 đến 4 tháng 1, 2009.

**THÔN NAM
SƠN TIỂU KHỆ**

Nhàn thân nam bắc phiến vân khinh,
Bán chằm thanh phong thể ngoại tình.
Phật giới thanh u, trần giới viễn,
Đình tiên phún huyết nhất oanh minh.

CHU VĂN AN

**TẠM NGHỈ
NÚI THÔN NAM**

Thân nhàn nam bắc áng mây trôi,
Bên gối gió qua, nhẹ việc đời.
Cõi Phật thanh u, xa cõi tục
Trước sân hoa đỏ, tiếng oanh vui.

TÂM MINH dịch

Cô Kiều Hỡi Phạm Quỳnh

GS Phạm Thị Nhung

Kỳ 4

Tại nói tiếp đến vấn đề tuyên truyền cho truyện Kiều : từ khi Phạm Quỳnh ở Pháp về (1923), do sự khích lệ của ông, tờ Nam Phong trở nên một diễn đàn thường xuyên bàn luận về truyện Kiều. Giá trị nghệ thuật văn chương truyện Kiều nhờ đó được khai triển hơn nữa, nhất là qua ngòi bút phân tích của giới trí thức trẻ như Vũ Đình Long, Nguyễn Tường Tam.. . Nhóm này còn tiến xa hơn ông chủ bút về chuyện tán dương luân lý, đạo đức của cô Kiều. Tuy nhiên, không phải ai cũng đồng ý như thế, trong giới cựu học như Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Đôn Phục thì lại lên án cô Kiều rất gắt, và sợ cho cái ảnh hưởng xấu của nó trong xã hội.

Lời cảnh cáo của hai nhà cựu học, bình bút của Nam Phong không phải Phạm Quỳnh không lưu ý, nhưng ông vẫn nghĩ rằng ngày nay, người ta không thể đứng ở quan điểm "văn dĩ tải đạo", dựa vào giáo điều đạo đức khe khắt của Khổng Mạnh xưa để phê bình một tác phẩm văn chương ; hướng chi dưới con mắt của Phạm Quỳnh truyện Kiều là một "tác phẩm mỹ thuật", đã gây được "mỹ cảm" trong khắp các tầng lớp quốc dân ta, "ai cũng chịu là hay".

Theo họ Phạm, đã gọi là mỹ thuật, là đẹp thì "trong cái đẹp tức đã gồm một sự ích lợi cao thượng, vì người ta cảm sự đẹp, dường như thấy phẩm cách mình cao hơn lên.. ". Như thế, "cái thú của mỹ thuật phải là cái thú chính đại quang minh .. cái thích của mỹ thuật phải là cái thích cao thượng." (Đẹp Là Gì, 1917, T.C.V.T. I).

Cứ xem trong dân gian, vào những ngày hội hè hát xướng, trai gái nhìn Kiều bằng một nhãn quan đầy "mỹ cảm" như thế nào, thì đủ rõ :

Thúy Kiều là bạc bố kinh

Chàng Kim cũng bạc trâm anh con nhà

Có đâu ép liễu nài hoa

Có đâu tang bộc như là ai kia.

Bởi chưng gia biến trăm bề

Bán mình trăm lạng đền ghì muôn chung

Dở dang duyên phận vợ chồng

Đó là bởi tại tơ hồng cột trêu .. ."

(**Tài liệu:** Truyện Kiều với Tết Trung Thu, Vũ Văn Kính, Làng Văn, 9-1986)

Thế nên truyện Kiều không phải là một truyện tội bại, có thể đưa con người ta vào đường trụy lạc.

Và bấy giờ Phạm Quỳnh chỉ còn nhìn thấy cái kết quả hiển nhiên trước mắt là ông đã gây được một phong trào viết văn quốc ngữ như ông vẫn thường hô hào, nhất là khi đã lôi cuốn được giới trí thức

trở về với văn hoá dân tộc. Văn chương Kiều còn là "cái mẫu rất tốt" để luyện văn quốc ngữ như Nguyễn Tường Tam đã nhận xét (Nam Phong số 79, tháng 2-1924).

Phạm Quỳnh lại vừa có thêm một tin vui, là việc tranh đấu của ông cho vấn đề giáo dục trước đây tại Việt Nam và mới rồi tại Pháp quốc, đã có kết quả tốt: "Tháng 7, giám đốc Học chính mời Phạm Quỳnh vào nói chuyện, báo tin việc thành lập một bậc tiểu học Việt Nam như ông vẫn từng đòi hỏi", "cùng việc lập ra một khoa Hán-Việt để Phạm Quỳnh giảng dạy" (Tài liệu : Lịch Sử Văn Học Việt Nam, Phạm Thế Ngũ).

Bằng ấy dữ kiện đã làm cho Phạm Quỳnh phấn khởi, tin tưởng ở tương lai tươi sáng của nước nhà. Nhất là mấy năm nay Phạm Quỳnh đã phải luôn luôn sống trong tinh thần căng thẳng, hết tranh đấu việc này lại đối phó, lo toan việc nọ ; liều lĩnh nhất là hồi năm ngoái (1922), nhân dịp được tháp tùng vua Khải Định sang Pháp dự Đấu xảo Thuộc địa ở Marseille, Phạm Quỳnh đã lợi dụng cơ hội hiếm có này, lên Paris, tự cậy cục, vận động để được bốn lần đăng đàn diễn thuyết trước những vị học vấn chính trị cao trọng nhất của nước Pháp. Nào phải để mua danh chuốc tước, mà cốt khoa trương lịch sử, ngôn ngữ, văn hoá Việt Nam cho người Pháp phải nể dân mình ; từ đó Phạm Quỳnh đòi hỏi họ phải bãi bỏ cái ách "giáo dục đồng hoá" để cho dân ta được hưởng một chế độ giáo dục mới, vừa thấm thái được cái học thuật văn minh tiến bộ

của người, mà vẫn giữ được truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc.

Trước ban luân lý chính trị của Viện Hàn Lâm Pháp, Phạm Quỳnh đã gióng giả biện thuyết:

"Dân Việt Nam chúng tôi không thể ví như một tờ giấy trắng được dàu. Chúng tôi là một quyển sách đầy những chữ viết bằng một thứ mực không phai đã mấy thế kỷ nay. Quyển sách cổ ấy có thể đóng theo kiểu mới cho hợp với thời trang, nhưng không thể đem một thứ chữ ngoài in lên những dòng chữ cũ được. Vấn đề là phải giáo dục người Việt Nam thế nào cho vừa truyền được cái học thuật cao thượng đời nay, vừa không đến nỗi làm cho chúng tôi mất giống đi, mất cái quốc tính của chúng tôi đi, làm thành một dân tộc vô hồn, không còn có tinh thần đặc sắc gì nữa, như mấy cái thuộc địa cổ của người Pháp kia."

Trong bộ quốc phục Việt Nam khăn đóng áo dài, với những bài diễn thuyết hùng hồn đề cao dân tộc và tranh đấu cho vấn đề giáo dục dân tộc ấy, mặc nhiên Phạm Quỳnh đã nói lên được tất cả tấm lòng nhiệt thành đối với dân, với nước của ông.

Nay thì kế hoạch thành lập một nền quốc học của Phạm Quỳnh đang trên đà tiến triển tốt đẹp, bảo sao Phạm Quỳnh không cảm thấy hứng khởi. Ông muốn chia sẻ với cô Kiều tất cả niềm vui nỗi sướng này. Và cũng vì cái "bản ngã nghệ sĩ, tình cảm" của Phạm Quỳnh đã bị dồn nén quá mạnh, quá lâu, khiến mỗi khi ông có dịp nói về Kiều, nhất là lần này trong lòng đang phấn khởi nên nó đã vùng dậy mãnh liệt, thể hiện qua bài diễn thuyết

của Phạm Quỳnh trong buổi lễ kỷ niệm Cự Tiên Điền, do Hội Khai Trí Tiến Đức long trọng tổ chức tại hội quán, ngày mùng 10 tháng 8 (tức 8-9-1924), có đến hai ngàn người tham dự. Qua bài diễn văn này Phạm Quỳnh đã nói gì ?

- Phạm Quỳnh cho rằng "Ai ai cũng đều hưởng cái công nghiệp của Cự Tiên Điền", một bậc đại thi nhân, nên "ai ai cũng phải nhớ ngày giỗ Cự, như một ông tổ chung của cả nước, và nghĩ đến cái ơn Cự tác thành cho tiếng nước nhà" và "đời đời làm vẻ vang cho đời giống."

- Truyện Kiều là niềm tin cho sự trường tồn của dân tộc : "*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn. Có điều chi nữa mà ngờ ?*"

- Phạm Quỳnh còn cho truyện Kiều gồm đủ cả "quốc túy", "quốc hoa", "quốc hồn" của ta, nó chính là cái "văn tự" của giống Việt Nam ta đã "trước bạ" với non sông đất nước này : "*Thiên văn-tự tuyệt bút kia là gồm bao nhiêu giọt máu, bao nhiêu giọt lệ kết tinh lại mà thành..*" Cự Nguyễn Du có công như thế đối với dân tộc, hiển nhiên đáng là "bậc quốc sĩ" của dân ta.

- Sau khi so sánh truyện Kiều với văn học của Pháp và Trung Hoa, Phạm Quỳnh cho rằng "*Truyện Kiều không những đối với văn hoá nước nhà, mà đối với văn hoá thế giới cũng chiếm được một địa vị cao quý*" (**Chú thích** : Điều này ngày nay đã được chứng thực : "Hội đồng hoà bình thế giới đã quyết định trên khắp trái đất sẽ kỷ niệm nhà thi hào cổ điển Việt Nam Nguyễn Du, cùng với một số các nhà văn hoá thế giới khác. Nguyễn Du của Việt

Nam 200 năm sau khi ra đời trên mảnh đất Hồng-lĩnh nước Việt, được cả thế giới chính thức rước lên đàn cao vinh dự của những thiên tài của loài người".(Các nhà văn thơ cổ điển Việt Nam, Xuân Diệu, nxb Văn Học thực hiện, 1987, Sài Gòn).

- Để kết luận, Phạm Quỳnh cho biết "*Cuộc kỷ niệm hôm nay chủ ý tỏ lòng quốc dân sùng bái cảnh mộ Cự Tiên Điền*", hai là "*chiêu hồn quốc sĩ, xin chứng nhận cho lời thề* :

"Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn," "còn non còn nước còn dài", chúng tôi là kẻ hậu sinh xin râu lòng giốc trí cố gia công trau chuốt lấy tiếng quốc âm cho quốc qua ngày một rục rờ, quốc hồn ngày một tỉnh táo, quốc bộ ngày một tấn tới, quốc vận ngày một vẻ vang, ngõ hầu khỏi phụ cái chí hoài bão của tiên sinh, ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây."

Ta thấy toàn bài diễn thuyết này đều thoát ra từ một tấm lòng cảm mộ của Phạm Quỳnh đối với Cự Nguyễn Du và truyện Kiều, và tấm lòng thiết tha của ông đối với quốc gia dân tộc. Từ đó ông đã để cho tâm hồn nghệ sĩ, lãng mạn của mình bay bổng qua những lời giống giả, hùng biện, theo với những cảm xúc dâng cao .. .

Chuyện đó cũng dễ hiểu, vì Phạm Quỳnh, ngoài tâm hồn nghệ sĩ hướng về cái đẹp, là truyện Kiều để thưởng thức, ca ngợi; trong di cảo "**Cô Kiều với tôi**" (Hoa-Đường tùy bút) ông còn thú nhận đối với truyện Kiều, ông đã không có "thái độ một nhà văn đối với tác phẩm văn chương, mà là tâm lý một người có cảm giác là '*một hội một thuyền*' với tác giả cùng người trong

truyện". Như thế chứng tỏ ông đã viết nó thiên về tình cảm hơn là về lý trí.

Chẳng ngờ sau đó vài ngày, trên báo Hữu Thanh, ông Ngô Đức Kế đã đăng bài "Luận Về Chánh Học cùng Tà Thuyết, Quốc Văn, Kim Vân Kiều, Nguyễn Du", để lên án truyện Kiều là "ai, dâm, sâu, oán, đạo, dục, tặng bi", làm hại nhân tâm thế đạo, và đả kích những người suy tôn Kiều, cốt nhắm vào Phạm Quỳnh, mà gọi ông là "đức văn sĩ giả dối .. . biểu dương truyện Kiều lên để khai hoá quốc dân, đem truyện Kiều làm sách 'quốc văn giáo khoa', làm sách 'sư phạm giảng nghĩa' .. . Theo họ Ngô, học Kiều là thoái hoá, "sa vào cái lầm lỗi từ chương xưa .. . làm người ngu, nước yếu" ; vả lại : "Truyện Thanh Tâm Tài Nhân" là tiểu thuyết hèn mạt bên Tàu mà nay nước Việt Nam tôn



GS PHẠM THỊ NHUNG

phụng làm chính kinh, chính sử. Thiệt là nước lấy một cái sĩ nhục !"

Sáu năm sau, để trả lời bài "Cảnh Cáo Các Nhà Học Phiệt" của Phan Khôi, Phạm Quỳnh đã cho biết ông không trả lời ông nghề Ngô lý do chính vì :

"Ông là người quốc phạm, vì việc nước mà lòng đơng chìm nổi trong bao năm, dầu người không đồng tư tưởng, đồng chánh kiến với ông, cũng phải kính trọng cái thân thể của ông. Tôi cũng vậy, thủy chung vẫn coi ông là bậc đàn anh."

".. . Ví dầu thế nào mặc lòng, tôi cũng vẫn kính trọng cái thân thể của ông, nếu thành ra cuộc cãi lộn thì tất phải dùng những lời nặng nhẹ, ông cho tôi là "văn sĩ lóp lóp", thì tôi nể gì mà không tặng cho ông những tên nọ tên kia, thành ra một cuộc đấu khẩu hàng rau, hàng cá, còn có sự thể gì nữa."

Nào đã yên, vì liền đó, trên báo Phụ Nữ Tân Văn (số 67, tháng 3-1930), ông Huỳnh Thúc Kháng đã lên tiếng "chiêu thuyết những lời bài báng cho một chí sĩ đã qua đời", để bắt bẻ Phạm Quỳnh, và trở lại đả kích truyện Kiều. Đồng thời ông Huỳnh cho rằng bài của ông Nghè Ngô là "một bài tuyệt xướng .. . có một cái mãnh lực sét phang trước trán, nước xối sau lưng, khiến ai đọc đến cũng tỉnh giấc hôn mê".

Trong bài Phạm Quỳnh trả lời Phan Khôi, ông hé mở cho ta biết là "từ đó đến nay đã nổi lên cái phong trào chính trị mới. Có người nối gót ông Ngô, đem lời nọ lời kia mà phẩm bình về thái độ chính trị của tôi". Phạm Quỳnh biết mình oan, nhưng chỉ nhẫn nhục chịu đựng để tiếp tục hoạt động văn

hoá, phụng sự dân tộc theo đường hướng của mình.

***Khi vận nước đổi màu thay vóc,
Lập Chấn Hưng Quốc Học giúp dân
Á Âu kết hợp tinh thần,
Văn chương khoa học chọn phần tốt
hay,
Làm chính trị tiếp tay dựng nước,
Triện An-Nam chận bước "con gà",
Chủ quyền nội trị nước ta
Nhờ nơi hiến pháp ban ra phục hồi.***
(Bình Huyền)

2.3.2.4 Gây Dựng Nền Quốc Học.

Phạm Quỳnh chủ trương "*Phải nên hiệp lực, cố gây dựng cho nước nhà một nền "quốc học" đích đáng, không tây mà cũng không nho, có cái tính đặc biệt, tiêu biểu được cho cái tinh thần cố hữu của nòi giống*" (Trả Lời Bài Cảnh Cáo Học Phiệt, P.N.T.V. số 67, 1930).

Để đạt được mục đích đó, Phạm Quỳnh đưa ra một số tiêu chuẩn thực hiện:

- Quốc học nhất thiết phải được gây dựng bằng quốc văn. Phạm Quỳnh cho rằng "*Nước Nam ta đời trước không thể có quốc học bằng chữ Hán được, nước Nam ta sau này cũng không thể có quốc học bằng chữ Pháp được. Muốn cho nước Nam có quốc học thì phải có quốc văn bằng tiếng Nam*", vì "*muộc lời nói của người tức là rập mình cho in theo người, không mong bao giờ có thể tự lập về đường tư tưởng được nữa.*"

Thế nên "*Thấy nước ta không có quốc học vì không có quốc văn*", Phạm Quỳnh tự

nguyện "*đem công phu (một đời) cống hiến cho việc gây dựng lấy một nền quốc văn xứng đáng*". (Quốc Học Với Quốc Văn, N.P. số 164)

- Quốc học phải được tham bác cả hai tinh thần Âu Á. Trong bài "Bàn Về Văn Hoá Đông Tây", Phạm Quỳnh viết:

"*Đối với văn hoá Tây phương ta phải có cái chủ ý thâm thái, mà trong khi thâm thái phải biết khéo kén chọn ... chỉ lấy phần nào có bổ ích cho sự tăng tiến của ta mà thôi ... Đối với văn hoá Đông phương, ta phải có cái chủ ý bảo tồn (phần cốt yếu, cái tinh túy) mà trong khi bảo tồn phải biết khéo phát huy ... cho khỏi bị những phong trào mới nó lay chuyển đến đổ nát mất*".

- Áp dụng phương pháp khoa học Tây phương để nghiên cứu văn học Á đông.

Từ khi tiếp xúc với văn minh của Thái-tây, người mình mới biết đến sức mạnh của khoa học. "*Khoa học là lối học phân ra khoa loại, đặt thành phương pháp để cầu lấy kết quả đích xác, tìm lấy chân lý sự việc... ..*" nên Phạm Quỳnh cho rằng:

"*Muốn gây được cái quốc học riêng của mình thì phải dùng phương pháp phê bình khoa học mà phân tích những học thuyết cùng nghĩa lý cũ của Á đông ta, rồi đem nghiên ngẫm, suy nghĩ, đối chiếu với những điều chân lý cùng những sự phát minh của Thái-tây. Kết quả sự phân tích cùng tổng hợp đó tức là tài liệu để gây ra quốc học sau này vậy*". (Bàn về Quốc Học, N.P. số 163, 1931).

- Để thực hiện chủ trương cùng quan điểm làm việc của mình cho quốc học, Phạm Quỳnh đã áp dụng phương pháp khoa học

phân tích để tìm hiểu đạo Phật trong bài "Phật Giáo Lược Khảo", và đạo Khổng trong bài "Người Quân Tử Trong Đạo Nho", và "bất cứ về một vấn đề gì từ thơ văn đến triết lý, đạo lý, cho đến chính trị, xã hội, không một đề nào là ông (P.Q.) không tham khảo tường tận trước khi đem bàn trên mặt giấy" (Vũ Ngọc Phan, **Nhà Văn Hiện Đại**, Hà Nội 1941). Phạm Quỳnh còn có những bài viết so sánh như : Người quân tử đạo nho và người "honnête homme" của Pháp, Thơ ta và Thơ tây, Văn hoá Đông Tây, Phạm Quỳnh đi đến nhận xét : "*Bọn ta ngày nay thực là đứng giữa nơi giao tiếp của hai cái tinh thần ấy, hai cái gặp nhau ở ta nếu ta khéo ra thì có thể điều hoà được cái hay của cả hai đảng, mà không mắc phải những khuyết điểm*" (Thơ Ta Và Thơ Tây, T.C.V.T.)

Và để kết luận, Phạm Quỳnh xác định lập trường làm văn học của ông là để vô hiệu hoá chính sách đồng hoá của Bảo-hộ:

"Ta tha thiết với vấn đề quốc học là ta muốn cách độc lập về tinh thần, muốn giữ lấy cái cốt cách Việt Nam của ta, không thể cho nó đồng hoá theo người mất. Vì một nước một dân đã đến mất cả cốt cách tinh thần thì không còn mong thành lập được nữa."

Đồng thời Phạm Quỳnh cũng công nhận đây là một việc khó khăn, lâu dài, nên ông kêu gọi các nhà trí thức hợp tác.

"Việc gây dựng ra quốc học không phải là việc một vài người, cũng không phải là việc một đời người mà làm xong được, điều cốt yếu là sao người nước mình có cái chí ấy, để cùng nhau gây ra một cái phong trào tìm

tôi xây dựng thì mới được." (Bàn Về Quốc Học, Phụ Nữ Tân Văn, tháng 10-1931).

Và để cho công việc được tiến hành tốt đẹp, Phạm Quỳnh đề nghị lập hội Chấn Hưng Quốc Học : "*Ngày nay chúng ta có nên cổ động lập một hội "chấn hưng quốc học", hợp tập những người có chí học vấn trong Nam ngoài Bắc, mỗi năm hội nghị một lần để bàn các kế hoạch nên thi hành cho nước nhà một nền quốc học xứng đáng không ?"* (Trả Lời Bài 'Cảnh Cáo Học Phiệt' của Phan Khôi).

2.3.3. Hoạt Động Chính Trị – Thuyết Quân Chủ Lập Hiến.

Trong những tháng năm khó khăn về chính trị của đất nước, Phạm Quỳnh đã không biết làm gì hơn là chỉ hoạt động văn hoá. Dầu vậy mỗi khi nghĩ đến thời thế thì Phạm Quỳnh lại không cam lòng, ông đã mượn lời Lương Khải Siêu trong bài "Tam Thập Tự Thuật" mà than rằng : "*Than ôi ! Tuổi đã ba mươi, sở chí, sở sự, trăm phần chưa được một phần, chỉ ngày ngày làm nô lệ cho câu văn, nói nép ngoài miệng, chẳng ích gì cho thời thế. Thường ngày nghĩ đến thật tủi thẹn. Tự xét cái tài lực với cái địa vị của mình bây giờ, ngoài việc đó cũng không biết làm gì để cho tròn cái trách nhiệm quốc dân trong muôn một Sau này muốn lấy báo ơn quốc dân, chưa biết thế nào, mỗi lần nghĩ tới không từng thấy kinh tâm động phách, ức tác không biết nói sao vậy."* (Làm Văn, N.P. số 67, 1923).

Nhưng cũng "từ năm 1923 trở đi, khi ở Pháp về, Phạm Quỳnh thấy mình đã có nhiều uy tín trong dư luận, Nam Phong

không còn là một cơ quan hợp tác có giọng nịnh hót chính quyền bảo hộ nữa, mà đã hướng dần sang một chiều tương đối độc lập. Sự nghị luận của Nam Phong chuyên hẳn sang chính trị : khảo về chính đảng (số 102), đảng Xã Hội nước Pháp, về lịch sử học thuyết Tôn Văn (số 98), học thuyết Rousseau, Montesquieu, Voltaire (số 105) (**Lịch Sử Văn Học Việt Nam**, Phạm Thế Ngũ). Ngay bìa báo, cũng đã thấy có nhiều biến đổi để tiến dần đến hình thức Việt hoá.

Từ số 34, tháng 4-1920, đầu triện của hội Khai Trí Tiến Đức được thế vào chỗ hình con gà trống Gaulois. Từ số 39, tháng 9-1920, những dòng chữ Pháp trên bìa hiệu Nam Phong cũng đã biến hết (**Introduction an N.P.** Phạm Thị Ngoạn) (xem 2 phóng ảnh bìa báo Nam Phong đính kèm).

Năm 1925, bao nhiêu biến cố chính trị dồn dập xảy ra : ông Phan Chu Trinh về nước, ông Phan Bội Châu bị bắt làm án rồi được tha, việc chính phủ Pháp cử ông Varenne, một nhà chính trị thuộc đảng Xã Hội sang làm toàn quyền. Theo Phạm Quỳnh "Ba việc ấy gây một không khí tốt cho sự vận động chính trị." (Thời Đàm, N.P. số 105, 1926).

Trong phần phụ bản bằng Pháp Văn, N.P. số 109, 1926, Phạm Quỳnh viết bài "Chính Trị và Hành Chánh", ông lên tiếng cảnh cáo chính phủ bảo hộ nếu không sớm giúp Việt Nam tự trị, có thể sẽ đưa tới một hậu quả thảm khốc :

"như mọi người Việt Nam, tôi yêu quê hương tôi và mơ ước cho đất nước tôi có một

tương lai thịnh vượng và độc lập. Tôi không nghĩ rằng đó là một cái tội khi mơ ước như vậy, và cầu mong tha thiết tới ngày người Việt Nam chúng tôi tự điều khiển lấy vận mệnh tổ quốc của mình. Nếu người Pháp không giúp chúng tôi sớm đến được cái ngày đó – mà chính là vai trò của những người bảo hộ và giáo dục – thì họ không thể trách chúng tôi sẽ dồn mọi nỗ lực của mình để đạt bằng được mục đích này. Đó chính là cái lý tưởng mà chúng tôi phải đi tới."

Năm 1928, Toàn quyền Varenne về nước, Ông P. Pasquier lên thay, đàn áp mạnh phong trào hội kín, cốt yếu là Việt Nam Quốc Dân Đảng. Cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái thất bại. Đảng trưởng Nguyễn Thái Học cùng biết bao đảng viên VNQDD phải lên đoạn đầu đài. Phạm Quỳnh, trước biến cố này, trên báo France-Indochine ngày 14 tháng 3 năm 1930, trong "Bài Học Về Thời Cuộc", viết "*Có một cái Việt Nam quốc dân chủ nghĩa, có thật chứ không nói mơ màng đâu, có nó cũng là lẽ chánh đáng, thế mà từ hồi đó đến giờ, người ta không để ý đến. Ấy là một điều lắm, không những bây giờ mới có mà xưa nay vẫn có. Người nước chúng tôi vốn có cái tình yêu nước rất là mặn nồng hăng hái.*

"Cứ đọc lịch sử thì biết, bao nhiêu phen bị Tàu cai trị mà dân nổi lên như lửa dậy dầu sôi, nhờ vậy mà vua chúa chúng tôi ngày trước khôi phục được non sông, tạo lập được cơ đồ và thống nhất được toàn quốc nữa".

Tháng 6 năm 1930, trên báo Nam Phong số 151, đồng thời trên báo France-Indochine (tháng 5 và 6) Phạm Quỳnh cho đăng bài "Vấn Đề Lập Hiến Cho Nước Nam".

Ông cho biết :*"Nhân những biến động xảy ra trong cõi Đông Dương từ tháng 2 đến giờ, người lưu tâm đến cho rằng chính trị xứ này cần phải sửa đổi, song chưa ai rõ nên sửa đổi như thế nào. Dư luận người Tây cũng phàn nàn người An-Nam chỉ tỏ ý bất bình về chính trị mà Không hề nói rõ bất bình những điều gì và nên cải cách thế nào cho vừa ý."*

Do đấy Phạm Quỳnh theo chính sách "trung dung" của Không-Tử, đề nghị một giải pháp "cải cách" mà ông coi là đặc sách nhất, vừa giành lại được chủ quyền, thống nhất được Bắc Trung Kỳ, mà không làm xáo trộn xã hội. Đó là thiết lập một chế độ "quân chủ lập hiến". Muốn thi hành thời phải thảo ra một hiến pháp, định rõ quyền vua, quyền dân và quyền của Bảo-hộ. Theo đó người Pháp phải trả lại quyền tự trị cho vua tôi Việt Nam số 173, tháng 6-1932, Phạm Quỳnh giải thích rõ về những lợi ích của giải pháp này như sau:

"Muốn cải cách về chính trị ở Trung Bắc Kỳ .. . theo kế hoạch này chính là gồm hai phần : một là xin với Bảo-Hộ trao trả lại quyền nội trị cho quốc vương, theo đúng nguyên tắc trong điều ước 1884, nghĩa là xin thi hành đúng cái chính sách bảo hộ, mà bỏ hẳn cái chính sách 'trực trị' như từ trước tới nay ; hai là xin với quốc vương nhường lại một phần quyền cho quốc dân, mà đặt ra một bên có nội các trách nhiệm, một bên có nghị hội giám sát".

"Như thế sẽ có 3 lợi ích :

- Về phương diện tinh thần, nước Nam vẫn còn là nước Nam, vẫn còn lưu tên tuổi trên lịch sử địa dư thế giới ...

- Về phương diện xã hội, .. . nay quân chủ lập hiến thời nhất diện giữ được cái nguyên tắc lập quốc và nhân đó duy trì được trật tự trong xã hội, nhất diện gây ra cái chính thể quân dân cộng trị, khiến cho quốc dân cũng được tham dự vào quyền nước, thuận cái phong trào bình dân ngày nay, có thể giữ cho xã hội điều hoà .. ."

- Về phương diện chính trị .. . lợi ích càng nhiều lắm nữa. Có hiến pháp phân minh thời .. . người có tài, kẻ có chí có một cái trường sở để ra ganh đua mà mưu toan việc nước, hoặc ở nơi chính phủ, hoặc ở nơi nghị trường .. .

Bởi các lẽ đó, nên tôi đã nghĩ đi nghĩ lại, cân nhắc kỹ càng, nhất quyết chủ trương cái thuyết Bảo hộ và Lập hiến mà bài xích cái thuyết trực trị cùng kiêm tính". (**Câu Truyện Lập Hiến** – Thơ Cho Bạn – Nam Phong số 173, 1932).

Tháng 10, năm 1931, Tổng trưởng Thuộc địa Pháp Paul Reynaud sang thăm dò tại chỗ. Phạm Quỳnh gửi cho ông này bản điều trần, trong đó Phạm Quỳnh nhấn mạnh ở bốn điểm, vừa tình vừa lý để người Pháp nếu có đủ khôn ngoan phải hiểu mà thực hiện lời cam kết của Toàn-quyền Pasquier :

1. Việt Nam có một lịch sử lập quốc "cạnh tranh chiến đấu trong hai mươi hai thế kỷ mà gây dựng ra một cái tổ quốc thật là xứng đáng với tinh thần của nòi giống."

2. Lòng ái quốc của người Việt Nam "bắt đầu khôi phục lại và một ngày một mạnh lên .. . nó có một sức mạnh ngầm như sức mạnh của lý tưởng."

3. Nhắc lại lời hứa của Toàn-quyền Pasquier "quyết giữ y như lời ước cũ, thủy

chung tôn trọng chữ ký của nước Pháp ... đem cái chủ quyền nội trị của nước An-Nam mà châm chước với điều ước năm 1884 cho hợp với tân thời ... vua tân thời (Bảo Đại) về nước ... tự ngài sẽ kén chọn lấy các quan thượng-thư, sửa đổi quan lại cho hợp thời ... Bây giờ quan thay mặt nước Pháp sẽ là cố vấn ... " Nghĩa là đúng theo như bản đề nghị quân chủ lập hiến của Phạm Quỳnh.

4. Và cuối cùng Phạm Quỳnh đưa ra lời thỉnh cầu :

"Chúng tôi là một dân tộc đương đi tìm tổ quốc... mà người Pháp có thể vì chúng tôi mà khôi phục được là ban cho chúng tôi một hiến pháp ... Xin ngài ban cho chúng tôi một cái tổ quốc để chúng tôi thờ".

(Còn tiếp)

PHẠM THỊ NHUNG

Xin đón đọc kỳ tới:

- *Phạm Quỳnh và Ngô Đình Diệm làm việc với vua Bảo Đại;*
- *Độc giả, chính khách, ký giả chống đối Phạm Quỳnh?*
- *Phạm Quỳnh ở tuổi "tri thiên mệnh".*
- *Những lời kết tội Phạm Quỳnh;*
- *Những ai biện minh cho Phạm Quỳnh ?*
- *Những điểm tương đồng giữa cô Kiều với Phạm Quỳnh;*
- *Nguồn an ủi cuối cùng của Phạm Quỳnh.*

Lời Ước Đầu Năm

Ngày đầu năm

Vừa chúc tết nhau xong

Em bỗng nhìn anh âu yếm hỏi

- Nếu chúng mình có quyền sách ước

Anh sẽ ước gì, anh yêu dấu của em?

Anh cúi đầu suy nghĩ "Để anh xem"

Rồi nhìn sâu vào mắt em , anh khẽ nói.

- Anh không ước được trở thành triệu phú.

Cũng không mơ làm bá chủ thế gian.

Anh chỉ mong em mãi mãi hiền ngoan

Và ước quê hương mình sẽ hoàn toàn đổi mới.

Để thực hiện những điều anh vẫn hằng

mong đợi

Là đưa em về lại Việt Nam.

Chúng ta sẽ đi từ Ai Nam Quan đến mũi Cà Mau

Ngắm tất cả những danh lam thắng cảnh.

Mình sẽ ở một thành phố thật dễ thương

Đà Lạt mù sương, có hoa Mimosa mà em

vẫn thường nhắc nhớ

Mỗi buổi chiều đôi ta sẽ đi dạo quanh

hồ Than thờ

Hay ngồi bên nhau ngắm thác Cam Ly.

Lâu lâu cuối tuần mình sẽ rủ nhau đi

Xuống miền biển Nha Trang đầy nắng ấm

Đôi ta sẽ nằm gói đầu trên cát

Dưới những hàng dừa xanh đầy bóng mát

Nghe những bài hát, câu hò,

chan hòa tình tự quê hương

Tay trong tay, mình sẽ đi dạo dưới

những rặng thùy dương

Em sẽ thấy cuộc đời ,

ôi sao mà dễ thương quá đỗi

Để bù lại bao năm trời trôi nổi.

Sống tha hương nơi xứ lạ quê người.

Hồng - Thủy

(Maryland)

LES FEUILLES MORTES

Oh ! Je voudrais tant que tu te souviennes
des jours heureux où nous étions amis
En ce temps-là la vie était plus belle
et le soleil plus bruyant qu'aujourd'hui
Les feuilles mortes se ramassent à la pelle ..

...
Tu vois je n'ai pas oublié
Les feuilles mortes se ramassent à la pelle
les souvenirs et les regrets aussi
et le vent du nord les emporte
dans la nuit froide de l'oubli
Tu vois je n'ai pas oublié
La chanson que tu me chantais

C'est une chanson qui nous ressemble
Toi tu m'aimais
et je t'aimais
Et nous vivions tous deux ensemble
toi qui m'aimais
et je t'aimais
Mais la vie sépare ceux qui s'aiment
tout doucement
sans faire de bruit
et la mer efface sur le sable
les pas des amants désunis

Les feuilles mortes se ramassent à la pelle
les souvenirs et les regrets aussi
Mais mon amour silencieux et fidèle
Sourit toujours et remercie la vie
Je t'aimais tant que tu étais si jolie
Comment veux-tu que je t'oublie
En ce temps-là la vie était plus belle
et le soleil plus bruyant qu'aujourd'hui

Tu étais ma plus douce amie
Mais je n'ai que faire des regrets
Et la chanson que tu chantais
toujours toujours je l'entendrai

C'est une chanson qui nous ressemble
Toi tu m'aimais
et je t'aimais
Et nous vivions tous deux ensemble
toi qui m'aimais
et que j'aimais
Mais la vie sépare ceux qui s'aiment
tout doucement
sans faire de bruit
et la mer efface sur le sable
les pas des amants désunis.

Jacques PREVERT

(Soleil de Nuit)

LÁ RỤNG

Kính tặng Tiến sĩ Hàn lâm
THÁI VĂN KIỂM

Hồi tưởng lại ngày vui thuở trước
Đôi chúng ta hạnh phúc bên nhau
Mùa vàng thuở ấy xinh như mộng
Nắng sớm lên mau sưởi ấm lòng
Lá vàng anh nhớ rụng đầy sân
Ta quét ta gom biết mấy lần
Kỷ niệm, hận tình âu cũng thế

Đêm đông gió bắc cuốn xa dần
Làm sao quên được giọng em ca
Khi trầm khi bổng lúc ngân nga
Em đem tâm sự vào câu hát
Em hát tình tan mắt lệ nhòa.

Đôi lứa uyên ương
Tình sâu nghĩa nặng
Con tạo trở trêu
Chia rẽ đôi đường
Không kèn không trống
Không một tiếng vang
Rồi hải triều lên
Xoá mờ vết chân
Của cặp tình nhân
Lứa duyên lỡ làng.

Lá vàng rơi tả rụng đầy sân
Ta quên ta gom biết mấy lần
Kỷ niệm, hận tình âu cũng thế
Đêm đông gió bắc cuốn xa dần
Duy mảnh tình chung vẫn thắm tươi
Cho đời thêm đẹp, nhỡn nhớ cười
Anh yêu say đắm trang kiều diễm
Mối tình chung thủy dễ khuây nguôi ?
Thuở ấy đời xinh đẹp lắm thay
Mặt trời chiếu ấm hơn ngày nay
Tìm đâu thấy lại người yêu dấu
Chuyện đã qua rồi nhắc lại chi.
Và bài ca mà em thường hát
Anh còn nghe văng vẳng bên tai
Em đem tâm sự vào câu hát
Em hát tình tan rất đắng cay.

Đôi lứa uyên ương
Tình sâu nghĩa nặng
Con tạo trở trêu
Chia rẽ đôi đường

SỐ 45

Không kèn
không trống
Không một
tiếng vang
Rồi hải triều lên
Xoá mờ vết chân
Của cặp tình nhân
Lứa duyên lỡ làng.

VĂN BÁ

(Paris)



tttparis

THU PARIS
Hình của
Trang Thanh Trúc
11/08/08

102

TÌNH ĐÀU, DUYÊN MUỘN BÌNH HUYỀN

Huân ngồi ngắm ba tấm hình chụp xếp thành hàng ngang trên mặt bàn salon. Ba khuôn mặt giống nhau như đúc, chẳng khác gì ba chị em ruột, người này trông chỉ hơn người kia dăm, sáu tuổi. Hai tấm hình bên trái đen trắng. Tấm bên mặt chụp màu. Tấm thứ nhất cho thấy một thiếu nữ để tóc kiểu Jeanne d'Arc tuổi độ mười sáu. Thiếu nữ trong tấm thứ nhì với mái tóc cắt theo *mode* Sylvie Vartan khoảng hai mươi hai tuổi. Với cùng kiểu tóc, thiếu phụ trong hình thứ ba trông không quá ba chục xuân xanh. Cả ba đều có cặp lông mày dài, rậm, trên đôi mí hơi dày có lông mi dài cong che tối hai con mắt to nâu trong. Đuôi mắt thật dài đượm vẻ đa tình. Sóng mũi thanh, đầu mũi tròn, hai cánh mũi nở. Nhân trung dài hơi nhô ra phía trước dẫn xuống làn môi trên khá dày nhưng không che hết được hàm răng hô. Môi dưới mòng mọng bĩu ra trên chiếc cằm lẹm thót vào như người đang làm nũng. Cằm cổ thon thả, bờ vai tròn trịa trong chiếc áo dài Việt-Nam lụa trắng. Huân ngừng

đầu lên, cất tiếng ám áp hỏi thiếu phụ ngồi đối diện với anh ta:

- Tấm hình màu em chụp hồi nào, hở Lan-Anh?

Lan-Anh hơi cười, để lộ gân hết hàm răng vỏ trắng phau:

- Em chụp trước khi biết anh độ vài tháng.

Huân lắc đầu:

- Em nói đùa hay nói thật đấy.

- Thật đấy, anh ạ. Tại em ăn ảnh nên trông trẻ trong hình. Thật ra mỗi tấm hình này đánh dấu một quãng đời với rất nhiều biến cố và kỷ niệm. Nếu anh không ghen, em sẽ kể cho anh nghe.

Huân âu yếm nhìn vợ:

- Anh không có quyền, mà cũng chẳng có ý định, ghen với quá khứ của em. Trái lại, chuyện của em còn làm phong phú thêm tình yêu sẵn có giữa anh và em.

Lan-Anh đổi chỗ sang ngồi sát bên chồng, khẽ kể...

- Tấm hình trắng đen thứ nhất chụp khi em mười sáu tuổi. Lật đằng sau, anh sẽ thấy dòng chữ: *Tặng anh yêu, để khỏi nhớ em khi mình ở xa nhau, Sài-Gòn, ngày 17 tháng 7 năm Ất-Mùi*. Dĩ nhiên người nhận không phải là anh đâu. Hình này em tặng cho người tình đầu tiên của em. Em gặp anh ấy tại một lớp học hè của một trường tư tại Sài-Gòn. Anh ấy có mái tóc bông bênh, cặp mắt nâu, chiếc mũi tây phương, đôi môi đỏ với nét cười ngạo nghệ. Giống anh lắm, anh ạ. Mới gặp lần đầu là em mê ngay, như em mê anh vậy! Anh ấy là thầy dạy môn sinh ngữ cho lớp của em. Em ngồi bàn đầu nên có dịp nói chuyện với thầy của em. Em còn nhớ, lần

đầu tiên em gợi chuyện làm quen ông thầy, bằng cách phê bình cô giáo sinh ngữ dạy em tại trường em học. Em hỏi thầy của em: “Chữ S ở cuối động từ LOOK đọc thế nào với chữ ON đằng sau?” Thầy của em ngừng giảng bài trả lời: “Đọc là /lúcxòn/ (looks on), vì ở đằng sau chữ K là âm câm.” Em liền nói: “Thế mà cô giáo của em bảo chúng em đọc là /lúczòn/. Thầy giỏi quá!” Nghe vậy, thầy của em sáng mắt lên. Khi tan học, em nán lại chuyện trò với thầy của em một lúc mới đi về. Từ hôm ấy, em luôn luôn mơ tưởng đến thầy của em. Được biết thầy của em là sinh viên trường sư phạm, em càng mê hơn, yên trí là thầy của em còn độc thân. Khi ấy, em trọ học ở nhà cô em. Đó là nữ sĩ Cẩm-Hương nổi tiếng ở Sài-Gòn. Cô yêu nhiều người, đa số là những người có gia đình, nên rất lão luyện. Cô chỉ dạy cho em nhiều điều về tâm lý đàn ông. Em áp dụng cách quyến rũ đàn ông của cô em với thầy của em. Sau một tháng, thầy của em trở thành người tình của em.

Chúng em thường gặp nhau tại nhà một giáo sư đồng nghiệp của thầy em cách trường vài chục thước. Đó là căn nhà mượn trên lầu một trường tiểu học tư thục. Giáo sư bạn thầy của em còn độc thân nên khi ông ấy đi dạy, trong nhà không có ai. Thầy của em mượn chìa khoá, đưa em vào, khoá cửa lại. Hai người ngồi bên nhau thủ thỉ. Khi chủ nhà về, chúng em kéo nhau ra sân thượng, ngồi trên ghế bố nói chuyện. Tuy yêu nhau thắm thiết, chúng em chỉ ngồi kê vai, tay nắm tay, trao đổi thư từ. Lần đầu tiên và là lần cuối

chúng em hôn nhau trước ngày chúng em phải vĩnh biệt nhau khoảng nửa tháng. Buổi trưa hôm đó, em đang đứng trước cửa nhà, một thiếu phụ xinh đẹp duyên dáng bụng mang bầu khá lớn tới gặp em. Bà ấy chỉ tay vào mặt em, nói: “Tao là vợ thầy dạy sinh ngữ lớp hè của mày tại trường tư L.B.C.. Tại sao mày dám quyến rũ chồng tao?” Nghe vậy, em sợ hết hồn, vội mời bà ấy vào trong nhà để hàng xóm khỏi thấy. Bà ấy đưa cho em một xấp thư và ảnh, rồi nói: “Nếu mày còn quyến rũ chồng tao, tao sẽ có biện pháp khốc liệt đối với mày!” Nói đoạn, bà ấy đi về, để lại em một mình với cõi lòng tan nát. Như vậy em và cô em bị giống nhau: Cô em cũng yêu nhầm người có vợ, bị bà vợ đến tận nhà chửi mắng, trả và đòi thư ảnh. Hôm sau em có hẹn với thầy của em tại một lớp học vắng trên lầu của trường tiểu học tư thục nơi có căn nhà của bạn thầy của em. Em mang đến một cành hoa sứ. Chưa kịp nói gì, vợ của thầy em từ ngoài bước vào. Thầy của em vội đứng lên, đi ra khỏi chỗ đó. Em sợ quá, chạy ra ngoài *balcon*. Bà ấy theo em ra, nói như rít lên: “Mày muốn chết hay sao mà còn tìm gặp chồng tao?” Em cứng lưỡi, không nói nên lời. May sao, mắt bà ấy tự nhiên dụi đi. Bà ấy gằn giọng: “Tao chỉ muốn xô mày xuống khỏi *balcon* cho mày chết. Nhưng thôi, tha cho mày lần chót. Liệu cái thần hồn. Mày phải buông tha chồng tao ngay lập tức. Nếu mày không nghe thì mày phải chết... nếu không cũng sẽ thành Cẩm-Nhung thứ hai!”

Huân chặc lưỡi:

- Cũng may bà ấy không xô em từ lâu cao xuống đất buổi sáng hôm đó. Bằng không, anh sẽ chẳng bao giờ thấy được em!

Lan-Anh nhìn chồng nhẹ nhàng hỏi:

- Nghe chuyện em kể, anh có ghen không? Nói thật đi, anh.

Huân đáp lại cái nhìn của vợ bằng ánh mắt thẳng thắn, rồi ôn tồn nói:

- Chuyện xảy ra quá xa xưa; vả lại, em và ông thầy của em có làm gì quá giới hạn của người tình đâu. Không những anh không ghen, mà còn thương em hơn, vì mới bắt đầu yêu đã phải chịu cảnh ngang trái. Bây giờ, em kể cho anh nghe chuyện của em từ năm mười sáu cho đến khi lấy chồng.

Lan-Anh gật đầu, kể tiếp:

- Sau lần thất tình thứ nhất, em quyết định không yêu ai nữa. Em dành hết thời giờ để viết văn, gửi cho tờ báo của cô em. Lần nào bài của em cũng được đăng. Em nhận được tiền nhuận bút. Dần dần em nổi tiếng với bút hiệu Bích-Hạnh. Điều đó làm em vui sống trở lại. Nhưng định mệnh trớ trêu đã phủ lên đời em một lần thứ nhì. Sau đó hai năm, lúc em mười tám tuổi, em vẫn sống với cô của em. Niên học 1958-1959, em học lớp đệ Nhất ban văn chương trường Chu-văn-An. Trong giờ Triết học, lớp đệ Nhất sinh ngữ Pháp văn của em học chung với lớp đệ Nhất ban văn chương sinh ngữ Anh văn. Trong số nam sinh ban Anh văn, có một anh đẹp trai giống ông thầy của em trước kia vô cùng. Nghĩa là giống anh bây giờ lắm. Em vừa nghe Cha H.M. giảng bài vừa liếc sang phía anh ấy. Thỉnh thoảng, anh ấy cũng nhìn sang phía em. Các bạn thấy vậy trêu chọc em hoài.

Huân ngắt lời Lan-Anh:

- Điều đó cũng dễ hiểu thôi. Sau một thời gian dài sống cô đơn về tình cảm, người ta dễ xúc động khi gặp một đối tượng hợp với mình.

Lan-Anh gật đầu:

- Anh nói đúng. Người con trai đó rất đặc biệt. Khuôn mặt anh ấy rất trẻ, nhưng bộ điệu, cách ăn nói chừng chạc. Trong suốt một năm học, hai chúng em chỉ nhìn nhau, nhưng không có dịp nói chuyện với nhau. Nhân buổi lễ phát phần thưởng cuối năm, em quyết định làm quen anh ấy cho bằng được, nếu không sẽ mỗi người một nẻo. Sau lễ phát phần thưởng, em ngồi trên xe vélo-solex theo anh ấy ra lối sau của trường Chu-văn-An để đi về. Chờ cho anh ấy nhảy xuống dắt xe đạp qua tấm ván bắc ngang cống, em tới sát sau lưng anh ấy, nói to: “Anh cho tôi hỏi cái này.” Anh ấy quay lại. Em nói liền: “Anh có bản nhạc hạ-uy-cầm nào cho tôi mượn trong dịp nghỉ hè không?” Không tỏ vẻ ngạc nhiên, anh ấy mỉm cười trả lời: “Tôi không chơi hạ-uy-cầm nên không có, nhưng tôi có thể mượn chép cho chị được. Chị cho tôi địa chỉ, tôi gửi thư đến nhà chị.” Thế là hai đứa quen nhau.

Sau hè năm đó, em trúng tuyển vào ban Pháp văn trường đại học sư phạm Sài-Gòn. Anh ấy học luật khoa. Chúng em vẫn gặp nhau, rồi tuyên bố yêu nhau. Cũng như lần trước, em và anh ấy chỉ trao đổi những nụ hôn, thư từ. Em xin được vào trung tâm nội trú dành cho nữ sinh viên ở đường Trần-Quý-Cáp. Một hôm, em đang nằm đọc sách trong phòng ngủ trên lầu,

bạn em chạy vào nói có cô nào hỏi em đang chờ dưới phòng khách. Khi xuống tới nơi, em thấy một thiếu nữ có khuôn mặt xinh đẹp và thân hình nở nang tuyệt mỹ trong chiếc áo dài màu mơ chín thêu hoa cúc vàng, lá xanh. Em còn đang ngỡ ngàng, cô ấy liền hỏi: “Chị có phải là Lan-Anh không?” Em trả lời: “Phải”. Chị ấy đưa cho em một xấp thư và ảnh, rồi nói: “Tôi là vợ sắp cưới của người con trai mà cô đã gửi cho những lá thư và ảnh này. Tôi mang trả lại cho cô. Yêu cầu cô đưa hết thư và ảnh của anh ấy cho tôi”. Sau vài giây bàng hoàng, em cố bình tĩnh bảo chị ấy: “Mỗi lần nhận thư của anh ấy, đọc xong, tôi bỏ đi rồi. Bây giờ không còn lá nào đưa cho chị nữa”. Chị ấy cảm ơn em, ra về. Trường hợp em mất người tình lần thứ nhì gần giống lần thứ nhất.

Huân tươi cười, ôm Lan-Anh, hôn say sưa lên môi, lên má vợ:

- Lần thứ hai, em đã biết giữ gìn tình cảm một cách đáng khen!

Lan-Anh chau mày, không bình luận về câu nói vừa rồi của chồng. Yên lặng một phút, nàng thở dài, kết luận:

- Sau lần đó, em quyết định không yêu ai nữa, cho đến khi lấy chồng.

Huân đứng lên, kéo Lan-Anh sang ngồi chung ghế dài với chàng. Quàng tay qua vai nàng, chàng nói:

- Bây giờ, anh đề nghị: Em hãy để cho anh nối tiếp câu chuyện quanh thời điểm của tấm hình thứ ba, theo cách diễn tả của anh, em nhé.

Lan-Anh cười rất thoải mái:

- Như vậy mới công bằng. Em nằm trên ghế, gối đầu lên lòng anh, nhắm mắt nghe anh kể chuyện.

Huân cúi xuống nhìn vợ. Khuôn mặt Lan-Anh ngửa lên khiến cho làn da trắng hồng của nàng thêm căng mịn, tươi trẻ hơn. Huân sung sướng, ghé miệng hôn lên đôi môi đỏ mọng của Lan-Anh. Đoạn, chàng hắng giọng, bảo vợ:

- Để chuyện thêm hào hứng, anh sẽ kể theo lối tiểu thuyết, trong đó chi tiết tâm lý và cuộc đời các nhân vật đều được diễn tả bằng ngôi thứ ba.

Lan-Anh chúm môi hôn gió, một cử chỉ tỏ ý bằng lòng đối với chồng của nàng. Huân cầm hộp điều khiển máy truyền hình bấm cho tắt màn ảnh rộng lớn ở cuối phòng, rồi cầm hộp điều khiển khác hướng về giàn máy DVD. Dòng nhạc Xuân Việt-Nam dịu ngọt thân quen từ từ rót đầy căn phòng khách menh mông. Bằng giọng nói trong trẻo, ngân nga như một ca sĩ hát hay, Huân rót vào tai người nghe những lời dịu ngọt,...

*

- Mẹ đã sắp xếp đầy đủ ngăn nắp các thứ trong nhà bếp, phòng khách, phòng ngủ, phòng chơi nhạc và đọc sách của con rồi. Bây giờ, mẹ phải về chuẩn bị cơm nước cho ba con, Huân nhé. Ngày mai, mẹ lại qua.

- Cảm ơn mẹ. Nhưng mẹ đừng bận rộn vì con nhiều như thế. Con phải tập lo liệu lấy khi sống một mình chứ. Con gần ba mươi hai tuổi rồi. Nhà con mua ở ngay

trước mặt nhà ba mẹ. Khi nào cần gì con sẽ nhờ mẹ. Còn mẹ và ba sang đây chơi lúc nào cũng được. Con đã gửi ba mẹ một chìa khoá nhà rồi.

Bà Đạt mỉm cười, ôm vai người con trai độc nhất của bà, kéo sát vào mình. Bà mở cửa, đi qua mảnh vườn hoa nhỏ, ra hè đường. Nhà của vợ chồng bà ở gần ngã tư bên kia đường. Huân đứng trong cửa, nhìn mẹ vào hẳn trong nhà, mới yên trí đóng cửa, vào phòng đọc sách, ngồi chơi dương cầm. Chàng làm trưởng phòng điện toán cho một hãng lớn ở Paris. Ngoài bằng kỹ sư điện toán của một trường lớn, Huân còn tốt nghiệp trường quốc gia âm nhạc, chuyên về dương cầm và vĩ cầm. Chàng được mời dạy âm nhạc cho trường cũ của chàng mỗi tuần vài giờ. Cha mẹ chàng đặt hết tình thương yêu, mối hy vọng to tát vào người con duy nhất. Bạn bè của ông bà muốn gả con gái cho Huân, nhưng đám nào Huân cũng không chịu. Từ khi chàng ra trường, cách đó sáu năm, chàng vẫn ở với cha mẹ. Bà Đạt săn sóc con trai từng ly từng tý. Trong chúc thư làm sẵn, ông bà Đạt để lại cho Huân hết gia tài của họ. Một hôm, Huân về nói với cha mẹ:

- Con mới ký tên mua cái nhà ở bên kia đường.

Ông bà Đạt ngạc nhiên. Ông Đạt nói:

- Căn nhà này có năm phòng ngủ, vườn hoa trái. Ba mẹ và con ở không hết. Việc gì con phải mua nhà ở riêng như thế?

Huân cười:

- Ba mẹ cũng nên để cho con chuẩn bị lập gia đình chứ. Theo văn minh Âu Mỹ, vợ chồng trẻ không ở chung với cha mẹ

được. Ba mẹ cũng như chúng con cần sống độc lập, tự do. Con cố tình mua căn nhà này là để ở gần ba mẹ, đồng thời tránh được sự đụng chạm có thể xảy ra giữa lối sống trẻ trung phóng khoáng của chúng con và cách sống nền nếp cổ xưa của ba mẹ.

Bà Đạt gật đầu đồng ý với con trai. Bà nói với chồng:

- Con nó nói phải đấy, ông ạ. Ở gần nhau, chạy qua chạy lại cũng là tốt rồi. Mình và con, mỗi bên đều có bạn bè. Khi bên này họp mặt, bên kia không bị làm rộn. Với tuổi trên dưới sáu chục, tôi và ông chưa già lắm, nên sống còn lâu. Con mình đã trên ba mươi, chưa già mà chẳng trẻ lắm. Mình hãy để cho con sống tự do theo ý nó, ông ạ. Chừng nào nó có bạn đời, mọi sự sẽ đâu vào đó, lo gì.

Huân được yên thân sống một mình trong căn nhà mới mua ở gần cha mẹ. Ông Đạt còn bận đi làm một thời gian nữa mới đủ năm về hưu. Bà Đạt một mình lo cho hai ngôi nhà được ngăn nắp sạch sẽ. Bà cũng có những chuyện riêng phải làm. Trong thời gian đầu, bà sang thăm Huân hàng ngày. Một thời gian sau, mọi thứ đã được sắp xếp hoàn toàn, bà sang thăm Huân hai, ba ngày một lần. Huân ăn cơm trong sở buổi trưa. Những ngày chàng đi dạy trong trường quốc gia âm nhạc, Huân ăn ngoài tiệm cho tiện. Tuy nhiên, chàng cố gắng tới dùng cơm với cha mẹ mỗi tuần ít nhất một lần.

Trong sở của Huân có một số nhân viên thuộc các chi nhánh mới được chuyển tới. Phòng kế toán gần phòng điện toán của chàng cũng tiếp nhận ba nhân viên

mới. Trong số đó có một thiếu phụ người Việt. Lần đầu tiên Huân gặp nàng trong thang máy. Hôm đó, chàng vừa bước vào chiếc thang máy chờ sẵn định giơ tay bấm nút, một giọng nói trong trẻo cất lên:

- Xin làm ơn chờ tôi một tý!

Âm thanh tiếng Pháp thật tinh vi dễ thương. Huân nhanh tay bấm nút *stop*, ngó ra. Từ máy bậc thang *ciment* dẫn lên tầng lầu lừng chừng nơi có phòng kế toán, một dáng đi uyển chuyển quý phái làm chàng tự nhiên nhìn xuống hai bàn chân của người đó. Đôi giày cao gót màu đen làm nổi bật những ngón chân trắng hồng có móng sơn đỏ chót. Huân vội nhìn lên cho khỏi vô lễ. Tuy nhiên, chàng cũng kịp thấy hai bắp chân thon thon trắng nuột. Chiếc váy đen ngắn trên đầu gối một chút bó cặp đùi dài hấp dẫn. Bụng phẳng, mông cong. Thất lúng đở quán quanh chiếc lưng ong dưới cái áo *chemisier* lụa xanh hồ thủy phủ hai bờ ngực cao. Khuôn mặt rạng rỡ trong mái tóc nâu đen óng mượt cắt ngắn theo kiểu Sylvie Vartan. Huân ngây ngất vì nụ cười cởi mở của người đẹp hiện ra trước thang máy. Trong một phút ngắn ngủi, tất cả những nét yêu kiều rập đúng khuôn mẫu mà chàng từng ấp ủ trong tâm tư hiến dâng tới cặp mắt ngây dại của chàng. Chàng ấp úng:

- Mời cô thông thả bước vào thang máy. Tôi chờ đây.

Người đẹp mỉm cười, đi nhanh vào thang máy. Nàng đứng gần sát chàng, nói nhẹ như gió thoảng:

- Cám ơn ông nhé. Tôi vội xuống dưới nhà để ra ngoài phố. Giờ này lỡ một

chuyến thang máy là chờ cả chục phút nữa mới có cái khác.

Nàng đứng gần chàng đến nỗi chàng cảm thấy hơi gió từ miệng nàng thổi tới mặt chàng với hương vị thơm tho trộn lẫn mùi nước hoa. Qua vài giây bàng hoàng, Huân vội bấm nút cho thang máy từ lầu bốn chạy xuống nhà. Thang máy ngừng, cánh cửa tự động mở ra. Hai người bước khỏi thang máy. Một sức mạnh vô hình khiến cả hai không rời nhau được. Hai người đứng lại trước mặt nhau với tư thế của cặp tình nhân trong buổi hẹn. Huân cảm thấy hơi nóng từ thân thể nàng bốc lên quện lấy hơi nóng của chàng. Bờ ngực của nàng lên xuống mỗi lúc một nhanh. Hai người nhìn nhau say đắm. Nàng trấn tĩnh trước tiên, nói hơi run giọng:

- Ông có ra phố bây giờ không?

Huân cũng bình tĩnh, trả lời thẳng thốt:

- Tôi chưa ăn cơm, nhưng ra phố được.

Nàng bật cười:

- Tôi cũng chưa ăn cơm. Có *tickets restaurant* là có thể ra ngoài ăn tiệm được. Nếu ông không sẵn, tôi mời ông bữa nay đi ăn chung cho vui.

Huân vui vẻ:

- Thôi, để hôm nay tôi mời cô dùng bữa với tôi nhé. Tôi tên là Huân. Còn cô tên gì?

- Tôi tên là Lan-Anh. Hân hạnh được biết ông Huân. Ông có thể gọi tôi bằng cái tên dài đó, hoặc bằng Anh không thôi cũng được.

Vẻ mặt Lan-Anh hơi tự lự khi nói đến đó. Nhưng nàng tươi ngay nét mặt, giơ tay cho Huân bắt. Hai người đi sang bên kia

đường, qua một vườn hoa, vào trung tâm thương mại Masséna. Trong trung tâm có nhiều cửa hàng và quán ăn. Hai người chọn một quán ăn có dán dấu hiệu "tickets restaurant" trên mặt cửa kính. Bữa ăn đơn giản như những bữa cơm trưa trong tuần lễ làm việc. Nhưng đó là một bữa tiệc long trọng đối với Huân cũng như Lan-Anh. Hai người vừa ăn, vừa nhìn nhau, trao đổi những lời đơn sơ nhưng vô cùng thấm thiết.

Từ hôm đó, Huân và Lan-Anh không rời nhau, trừ những lúc phải làm việc. Trưa chủ nhật tuần đó, Lan-Anh mời Huân đến nhà nàng tại tỉnh Ivry, ngay cạnh Paris. Lan-Anh ở một mình trong cái *pavillon* xinh xắn, có vườn vây quanh. Nàng dẫn Huân vào căn phòng khách khá rộng liền với phòng ăn. Bên trong nhà được trang hoàng rất mỹ thuật. Nàng mời Huân ngồi ngay vào bàn ăn cạnh một khung cửa kính lớn nhìn ra thửa vườn nhỏ, có cây cối hoa lá xanh tươi rất thơ mộng. Nàng rót rượu khai vị mời Huân. Hai người cụng ly, nhìn nhau mỉm cười. Lan-Anh chột nghiêm mặt. Giọng nói dịu dàng của nàng khá xúc động.

- Lan-Anh mời anh tới đây hôm nay để trình bày với anh vài điều cần thiết, trước khi tình bạn của chúng ta đi vào một giai đoạn quan trọng.

Huân cũng trang nghiêm, ôn tồn nói:

- Lan-Anh cứ nói điều cần thiết đó cho tôi nghe. Nhưng, trước khi Lan-Anh bắt đầu, tôi muốn xác định một điểm về phần tôi.

- Anh cứ nói đi.

CÔ LÁNG GIỀNG CỦA TÔI

(Riêng tặng cô giáo Vân Trường LVD)

Cô bé nhà bên thưở ấu thơ
Xinh tươi dáng ngọc nét duyên mơ
Nỗi lòng vương vấn tôi thăm hỏi
Như biển nhớ sông đáng thần thờ

Vạt nắng bên thềm vàng áo cô
Yêu hoa từ đấy tôi ngày ngộ
Sắc hoa thấm đượm màu nhung nhớ
Trống vắng chiều về tôi vẫn vơ

Xào xạc lá vàng vương gót chân
Ước ao làm lá lót đường trần
Gần cô dù chỉ là cơn ảo
Tôi vẫn trông mong chẳng ngại ngần

Mây giận kéo mưa phủ ngập đường
Tôi buồn ngồi đếm giọt mưa tuôn
Sợ thắm mưa ướt hàng mi đẹp
Làm ngập hồn cô mắt lệ vương

Cô có bao giờ đổi mắt sang
Gởi lời cùng gió nổi riêng mang
Bên này tôi vẫn hoài trông đợi
Được tỏ cùng "Mây" giấc mộng vàng

Kỷ niệm cùng cô vẫn ngút ngàn
Bao năm tôi vẫn đếm Xuân sang
Chuỗi tình dài nhớ tôi luôn dệt
Chữ nợ không thành mộng vỡ tan.

Uyên Phương
Minh Nguyệt

(Plano, Texas)

Huân nắm tay Lan-Anh, nhìn vào mắt nàng, nói rõ ràng:

- Lan-Anh là người con gái đầu tiên mang đến cho tôi những rung động khác thường, mặc dầu tôi đã ba mươi hai tuổi rồi.

Mắt Lan-Anh long lanh khi nghe thấy điều này. Nàng hít mạnh như lấy can đảm, rồi cũng nói rõ ràng:

- Lan-Anh cảm ơn anh đã cho Lan-Anh biết điều này. Riêng Lan-Anh cũng cần phải cho anh biết hai điều. Thứ nhất, tuy anh cũng là người mang lại cho Lan-Anh những rung động chưa từng thấy, nhưng anh không phải là người đầu tiên đến với Lan-Anh.

Chỉ ngón tay lên tường bên trái bàn ăn, nàng nói tiếp:

- Anh hãy nhìn hai tấm hình treo trên tường.

Huân ngược mắt nhìn lên. Đó là hình một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi bên cạnh tám hình hai vợ chồng mặc lễ phục đám cưới. Chàng hỏi:

- Hình của những ai thế?

Lan-Anh buồn buồn nói :

- Đó là hình một người quá cố. Chồng của Lan-Anh đó. Như vậy là Lan-Anh đã có chồng rồi, anh thấy không.

Huân thản nhiên hỏi tiếp:

- Còn bên cạnh là hình đám cưới của Lan-Anh phải không?

- Không phải. Đó là hình đám cưới đứa con gái duy nhất của Lan-Anh, đã lấy chồng được hai năm nay, lúc nó hai mươi tuổi. Chồng của Lan-Anh mất khi nó được bốn tuổi.

Huân bỡ ngỡ hỏi :

- Lan-Anh lấy chồng hồi bao nhiêu tuổi mà có con lớn thế?

- Lan-Anh lấy chồng khá muộn. Lúc làm đám cưới, Lan-Anh đã hai mươi tám tuổi. Hai năm sau mới có con.

Huân vẫn thản nhiên, thay đổi cách xưng hô.

- Vậy thì Lan-Anh không cần phải nói lên điều thứ hai. Anh đoán ra rồi. Đó là vấn đề tuổi tác. Bây giờ, anh cũng có một điều cần nói với Lan-Anh: Anh yêu em tha thiết và ao ước được chung sống với em. Phải, từ nay tiếng “em” thay thế cho tên Lan-Anh, và tiếng “tôi” đổi thành “anh”. Em bằng lòng không?

- Ngay cả trường hợp em hơn anh hai chục tuổi, em lại có một đời chồng, có con, và trước đó, em đã có hai người tình, anh vẫn yêu em sao, anh Huân?

Huân cầm hai bàn tay Lan-Anh đưa lên môi hôn.

- Tuổi tác và quá khứ không thể nào làm lu mờ những gì của em ở trong hiện tại được. Trước mắt anh, em là cả một mùa xuân bất tận. Không một thiếu nữ nào thay thế em được. Qua ánh mắt của em, anh biết rằng em cũng yêu anh, mặc dầu em biết anh trẻ hơn em rất nhiều.

Huân đứng lên, nắm hai bàn tay Lan-Anh cho nàng đứng dậy. Hai người ôm choàng lấy nhau, trao nhau những nụ hôn nồng nàn. Nhạc thấy căn phòng ngủ mở cửa sẵn, Huân bế Lan-Anh vào đặt lên giường phủ khăn mầu hồng ấm áp. Hai người quấn lấy nhau, để được thật gần nhau. Bản nhạc tình bốc lửa tưởng như không bao giờ ngừng. Huân chơi vơi trong khoái cảm kỳ lạ đầu tiên. Lan-Anh điên cuồng với cơn lốc cảm giác mà nàng gần như quên hẳn sau mười

mấy năm sống độc thân. Nếu có phải là cứ qua bảy năm tế bào con người hoàn toàn đổi mới, thì thân thể nàng đang trở lại thời xuân nữ với muôn vàn hoan lạc!

Lan-Anh quyết định bán ngôi nhà cùng đồ đạc của nàng, chỉ mang theo quần áo, tiền bạc, vật dụng riêng, đến ở với Huân.

Ông bà Đạt trở về Pháp sau chuyến du lịch thăm quê hương. Bà Đạt sang thăm con trai vào một buổi sáng thứ Bảy. Thấy cửa không khoá, bà mở ra bước vào nhà. Tới phòng khách, bà không gặp con trai mà thấy một người đàn bà quay lưng ra ngoài, đang chăm chú tưới chậu cây cảnh. Nghe tiếng động, người đó quay lại. Thấy bà Đạt, người thiếu phụ mỉm cười cúi đầu chào. Bà Đạt chào lại, rồi đi thẳng vào phòng đọc sách. Ở đó, bà thấy Huân đang đứng cạnh tủ sách. Bà hỏi:

- Con làm gì mà phải mượn người dọn dẹp nhà cửa cho tốn tiền?

Huân lại gần ôm vai mẹ, bình thản nói:

- Chuyện riêng của con, mẹ để ý làm gì.

Bà Đạt về nhà, trong lòng hoài nghi. Sáng thứ Hai, trong khi Huân đi làm, bà sang nhà con trai, dùng chìa khoá riêng mở cửa vào. Bà xem xét khắp nhà, và thấy đồ dùng cùng giấy tờ của Lan-Anh. Đọc một tấm thẻ có hình của Lan-Anh, bà Đạt tưởng mình ngủ mơ khi thấy rõ tuổi tác của người trong hình. Bà để giấy gọi Huân sang nhà, rồi về điện thoại cho ông Đạt. Cả hai ông bà đều xúc động rất mạnh. Khi Huân sang gặp cha mẹ, chàng bị chất vấn nặng nề:

- Con ba mươi hai tuổi mà đèo bồng một bà già gần bằng tuổi ba mẹ! Con thấy như vậy có chướng hay không?

Huân thản nhiên đáp:

- Con yêu người ta và sẽ sống với người yêu suốt đời.

- Già như thế làm sao sinh đẻ được. Ba mẹ có một mình con. Như thế, gia đình này sẽ tuyệt tự sao?!

- Con cái làm gì cho mệt hở ba mẹ? Phải nuôi nấng dạy dỗ mất công lắm! Thôi chuyện của con, xin ba mẹ đừng dính vào.

Huân về rồi, bà Đạt khóc lóc, vật vã, chết giấc mấy lần. Ông Đạt mất ăn mất ngủ, áp huyết lên cao. Họ hàng xúm lại an ủi, ông bà không nguôi...

*

Huân ngừng kể. Lan-Anh mở mắt nhìn người tình, nói trong hơi thở:

- Em làm phiền mọi người quá!

Huân bịt miệng nàng lại :

- Em cho anh tình yêu đầu, còn anh thì tặng em mối duyên muộn. Đó mới là đáng kể. Có phải như vậy không, người yêu của anh?

BÌNH HUYỀN

(Paris, Mùa Đông 2008)



LỜI NGUYỆN MÙA XUÂN

Mến tặng Thế Hệ Trẻ Việt Nam Hải Ngoại và Quốc Nội

Nắng hồng rực rỡ cỏ cây,
Hoa Xuân khoe sắc toả đầy hương trinh.
Anh đi tìm hứng thơ tình,
Gặp em anh bỗng thấy mình lao đao,

Theo em khăng khít trăng sao,
Si mê cánh bướm lượn nhào quên bay,
Cầu mong ngọn gió đừng lay,
Cho hoa nguyên sắc hôm nay trọn đời,

Biển Yêu dâng mãi không vơi,
Để anh vượt sóng đón mời Nàng Xuân,
Vẫy vùng đoạt chức phu quân,
Tôn thờ em hết đường trần đa đoan.

Hiền thê xinh đẹp hiền ngoan
Yêu anh chung thủy, phòng loan lâu bền.
Trăm năm vui hưởng lương duyên,
Hai ta chung một lời nguyện máu xương:

Sinh con nối dõi tông đường,
Duy trì nòi giống quật cường Việt Nam,
Diệt quân lấn đất gian tham,
Đuổi phường bán nước vì ham lợi quyền,

Vinh danh tiền bối tổ tiên,
Nêu cao chủ nghĩa tinh thần Quốc Gia,
Non sông vang khúc hùng ca
Quang-Trung bảo vệ sơn hà Xuân xưa!

Cỏ cây rực rỡ nắng lung linh,
Hoa Xuân khoe sắc toả hương trinh,
Tung tăng em mãi đùa theo bướm,
Nào thấy chàng trai lặng ngắm mình!

Theo em khăng khít tựa trăng sao,
Anh muốn thành con bướm lượn nhào
Biếng bay khờ dại cho em bắt,
Để được truyền hơi ấm ngọt ngào!

Em thấy anh vùng vẫy sóng Xuân,
Dọc ngang quyết đoạt chức phu quân,
Em trao anh giải "Lòng Trinh Nữ",
Để được thờ tôn suốt cõi trần!

Còn em chung thủy đẹp ngoan hiền,
Phòng loan gìn giữ thật lâu bền,
Trăm năm vui hưởng tình trần quý
Son sắt cùng theo một ý nguyện :

Sinh con để nối dõi tông đường,
Gìn giữ Việt Nam giống quật cường,
Diệt quân lấn đất đòi thêm biển,
Đuổi lũ Hoa nô hết một phường!

Vinh danh tiền bối tổ tiên ta,
Đoàn kết theo cờ của Quốc Gia
Hò vang sóng núi hùng ca mới:
Con cháu Quang Trung giữ nước nhà!

THÙY HUYỀN TRỌNG BÌNH

Văn-Hóa Tiên Sử Việt Nam: VIỆT-NAM, TRUNG-TÂM NÔNG-NGHIỆP LÚA NƯỚC VÀ CÔNG-NGHIỆP ĐÁ, XƯA NHẤT THẾ-GIỚI

(Tiếp theo kỳ 1)



Bs tiến sĩ

Nguyễn Thị Thanh
Saigon 1982

NGUỒN GỐC RỒNG PHỤNG VÀ MÁI NHÀ CONG:

Sử Tàu kể rằng vào thời nhà Châu, dân Bách Việt quận Việt Thường đem tặng vua nhà Châu cặp chim trĩ, sau đó nhờ Tàu dùng xe chỉ nam của Mông Cổ chỉ đường về. Tàu liền mua nhiều chim trĩ của Việt cổ để phát triển. Những ghi chép thường có tính cách kỳ thị man di. Nhưng những chuyện huyền thoại cổ của man di như chuyện ông Bàn Cổ gốc người Dao (Sách chuyện Ông Bàn Cổ của An Phong Nguyễn Văn Điển), chuyện bà Nữ Oa biết "đội đá vá trời" tức có kinh nghiệm về thời tiết mưa gió, dạy dân theo thời tiết mà trồng trọt, Thần Nông tức Viêm Đế (vua xứ nóng Bách Việt) dạy dân làm ruộng, và chuyện vật tổ

là con Rồng, chứ không phải Cọp trắng (Cọp trắng là vật tổ của dân Mông Cổ Hán tộc từ trước) thì dân Hán tộc Mông Cổ chiếm lấy làm của.

Thật ra lúc đầu người Hán không quan tâm đến những câu chuyện thêu dệt thần thoại của dân Bách-Việt. Nhưng khi họ hiểu ý nghĩa triết lý sâu xa của những câu chuyện hoang đường như chuyện ông Bàn Cổ, thì họ, dân Hán tộc Mông-Cổ, vốn đã có chữ để ghi rất sớm (vừa qua tôi được nghe người chị dâu của tôi là Tiến sĩ Hán học tên Bằng Thanh ở Hà Nội nói rằng chữ Hán không phải của dân Mông Cổ đem qua Trung Quốc), chép ngay các câu chuyện và nhận ngay các Vị có gốc Bách Việt trên làm tổ tiên của họ. Họ cũng có lý một phần, vì dân Miêu tộc Trung-hoa có gốc Bách-Việt lai giống với Mông Cổ dần dần để trở thành dân Trung Quốc. Nhưng họ phải hiểu rằng người Việt Nam mới là con cháu chính thống của các Vị. Người Việt chẳng bao giờ dành riêng ai cho mình.

Người Tàu có văn hoá và có kiến thức vẫn biết tổ tiên của người Hán có nguồn gốc Mông-Cổ, có con vật tổ là Cọp trắng, với nhà truyền thống cổ là nhà gốc du mục hình tròn (xem "Les premières civilisations LA CHINE ANCIENNE", trang 28-29, của ông William Watson xuất bản năm 1969 tại Grande Bretagne) (Hình 6, Bs Thanh vẽ lại hình nhà khảo cổ của ông William Watson). chứ không phải nhà hình chữ nhật cao cẳng hay không, với những nét cong cong đặc trưng của các góc mái nhà, của 2 đầu giường ngủ, 2 đầu thuyền như ngày nay. Trong lúc đó nhà cổ của Bách Việt là nhà hình chữ nhật 3 gian 2 chái làm bằng tranh và tre cong cho chắc chắn, dần dà sinh ra

mái cong cong. (Hình 7, Bs Nguyễn Thị Thanh vẽ, phỏng theo nhà minh khí chôn theo người chết bằng đất nung thời Âu Cơ và Hùng Vương tìm thấy trong văn hóa tiền sử). Nhà hình chữ nhật của Bách Việt từ thời Âu Cơ cách đây khoảng 5000 năm: Những cây tre cong cong làm nhà với chiều cong đưa lên trời để căn nhà có thể vững vàng. Người Trung Hoa gốc Mông Cổ thấy nhà, giường ngủ, thuyền bè của dân Trung Hoa gốc Bách Việt có nghệ thuật tuyệt vời với dáng cong cong nên phát triển thành nhà ngói có mái cong cho triều đình và chùa chiền. Sau này Đại Hàn và Nhật Bản cũng bắt chước.

Từ trước đến nay, thế giới và cả người Việt Nam cũng đều lầm tưởng rằng Rồng (hiện thân của con cá sấu) và chim Phụng hoàng (chim trĩ) là vật tổ của Trung-Hoa, và mái nhà cong cong là văn hóa cổ truyền của họ. Chưa nói đến sử học hay khảo cổ học đã chứng minh được sự thật, Mông Cổ ở phương bắc không có cá sấu mà chỉ có nhiều ngựa và cạp nên họ đã chọn cạp trắng làm



Old Chinese house figured by William Watson in "Les premières civilisations : LA CHINE ANCIENNE" (Page 28, Figure 28), Published in England, January 1969.

H. 6: Nhà cổ Tàu hình tròn.



Ancient Vietnamese civilization house built with Rice bran and cured Bamboo tree, created a natural cured roof which is the nature of today's house. (Figure by Dr. Nguyen Thi Thanh)

H. 7: Nhà cổ Bách Việt hình chữ nhật

vật tổ. Chim trĩ từ nghìn xưa chỉ sống ở đất Việt Thường trên triền núi phía đông dãy Trường Sơn (ngay miền

Quảng Trị Thừa Thiên). Dầu sao thì cũng không chối cãi được là nhờ vào ảnh hưởng dân Bách Việt trên lục địa Bách Việt cổ mà Mông-Cổ đã phát triển nên một nền văn hóa lớn lao về mọi mặt sau này cho Trung-Quốc. Nhật-bản và Đại-Hàn cũng nhờ ảnh hưởng văn hóa Bách-Việt qua Trung-Hoa. Trước đây thế giới, đặc biệt là người Pháp cứ cho là Việt Nam bắt chước Tàu. Chẳng hạn việc bà Daisy Lion-Goldschmidt tác giả quyển LES POTERIES ET PORCELAINES CHINOISES, trang 4, đã cho rằng dân Annam bắt chước gốm Hoa-lam của Tàu. Trong khi chính Việt Nam có gốm hoa lam trước Tàu và thợ thầy gốm giỏi Việt bị Tàu bắt đi làm gốm từ đầu thiên niên kỷ thứ I cho vua quan Tàu.

GỐM CỔ VIỆT NAM:

Nguyễn Trãi đã từng viết: « **Mỗi lần đi cống, đồ gốm phải 72 bộ .** »

Không biết được mỗi 'bộ' đây là gốm bao nhiêu thứ và mỗi thứ bao nhiêu cái. Và mãi cho đến thời vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ, Tàu vẫn còn buộc chúng ta làm gốm đẹp, dệt lụa trắng mỗi năm đem cống Tàu (xem quyển Đại Việt Quốc Thư của vua Quang-Trung Nguyễn Huệ do Trung Tâm Học Liệu - Bộ Giáo Dục Đệ Nhất Cộng Hòa Miền Nam cho dịch ra quốc ngữ năm 1962 và in thành sách quý giá, tài liệu hiếm quý của Triều Nguyễn Tây Sơn còn lại.). Ngoài ra chúng tôi đã nghe những người buôn bán và sưu tập đồ cổ Bắc Việt khắp nơi trên đất Bắc kể lại rằng họ đã từng thấy tận mắt những mảnh đĩa gốm men ngọc (céladon) vỡ có đường kính đến 1m40cm, và những mảnh vỡ chén gốm có đường kính đến 60cm. Vậy phải chăng vì vua, quan Trung-hoa thường thích những đồ gốm to cao lạ thường, nên vua chúa quan nước ta cho thợ làm những chén đĩa gốm nói trên để thay thế vàng bạc mà đi cống Tàu chẳng ? Chứ người Hoa-kiều chạy loạn qua Việt-nam sinh sống chắc chắn không đem đồ gốm to

lớn như vậy. Gốm hoa lam Việt Nam có trước Tàu, người thợ từ rất sớm, chỉ dùng màu xanh nội địa, và cách trang trí trên gốm của họ hoàn toàn có những đặc tính độc đáo khác Tàu. Đôi khi các lò gốm Việt Nam cũng đổi chác màu xanh tươi mà các lò gốm Trung-hoa mua của Ba-Tư. Nhìn hai mẫu bình gốm ngự dụng và phong cách trang trí của Tàu và ta có những nét khác biệt rất lạ lùng (xem hình 8, 9), điều này chứng minh sự khác biệt về tính khí, tình cảm và hoàn cảnh sống của Việt tộc và Hán tộc. Tôi không dám dài dòng ở đây; xin mời quý độc giả phán đoán.



Hình 8

Gốm hoa nâu ngự dụng triều đại Lý, Việt Nam (Hình 8):

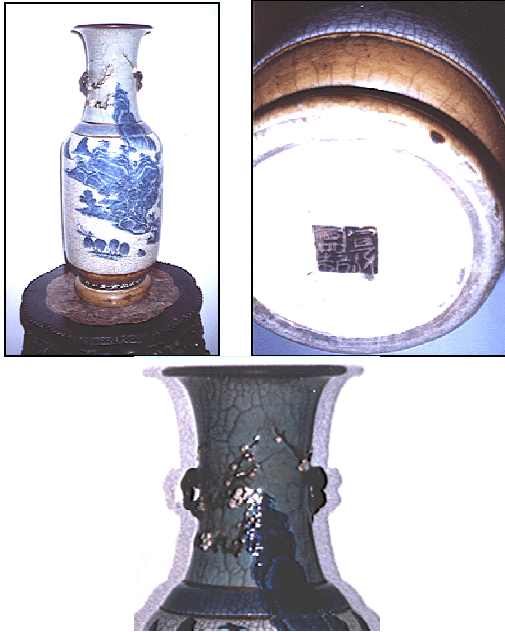
- Bình trà gốm hoa nâu lớn có nắp. Kỹ thuật tạo gốm và trang trí nổi rất đẹp hoàn chỉnh về mọi mặt. Độc nhất ở

Việt Nam và thế giới. Viện Bào Tàng Lịch Sử Hà Nội đã mượn chụp hình đưa vào sách Mỹ Thuật Thời Lý, chủ nhân bình không cho mượn nắp. Da rạn với thời gian. Trang trí 2 dãy cánh sen kép đều đặc, quá đẹp trên nắp, trên vai bình và ngay cổ chân. Một vòng chuỗi hạt trên vai. Vòi bình thoát ra từ miệng một con chim két. Trang trí đặc biệt trên bình hoa nâu này là một con chim két đậu ngay chỗ quai cầm, yên lặng quay mặt nhìn trở ra phía lưng. Thân bình được chia làm 6 khung hình thuẫn đều nhau. Trong mỗi khung được trang trí bằng hoa và lá hoa súng, hay còn gọi là sen đại. Xung quanh đế bình, phía dưới những cánh sen kép, một chuỗi chữ *I* xiên đều đặn chạy tròn chân bình. Đây là bình ngự dụng của triều đình nhà Lý, Việt Nam. Kính = 20cm, Cao = 22cm.

Gốm ngự dụng triều nhà Minh Trung Quốc (Hình 9):

- Bình lớn tam sơn và ngũ sắc quan trọng, với 4 tầng lớp 'Ngự, Tiều, Canh, Độc'. Phần cổ của bình có hình hơi giống hình ống hai đầu xoè ra, men ngọc rất đẹp (celadon), vết rạn men lớn. Hai bên cổ bình có 2 quai làm bằng cành mai men nâu với 2 nhánh hoa mai trắng mọc quanh cổ bình. Mặt trước bình là đỉnh núi xanh từ thân bình trồi lên. Phần thân núi nằm trên thân bình. Vai bình màu xanh da trời sáng. Phần thân bình hình ống thẳng đứng trang trí với men xanh trắng. Trên 3/4 diện tích thân bình được vẽ bức tranh sơn thủy, rừng và núi. Bốn chiếc thuyền ngư ông câu cá trên sông, trên rừng một tiều phu đang gánh củi, trong điểm canh 1 người đang đứng. Xa xa trên cầu một thư sinh cỡi ngựa, theo sau là người hầu gáng 1 gánh sách. Toàn bộ cảnh vật được bao vây bằng 7 đỉnh núi nổi trên mặt biển. Phần chân bình được tô màu vàng đậm, khúc giữa bóp lại được trang trí một

vòng hoa văn màu nâu đậm với những hoa mai trắng và chim trắng vẽ cách điệu. Đế có men trắng rạn, chính giữa có in khuôn dấu « Đại Minh Ch'eng-Houa Niên chế ». Cao = 65cm D = 23cm.



Hình 9

Trở lại nông nghiệp của dân Bách Việt. Làm ruộng công cụ. Nông nghiệp đòi hỏi nhiều dụng cụ, dụng cụ đòi hỏi công nghiệp. Công nghiệp đá sản xuất công cụ cho thợ đá (để làm cày cuốc), kỹ nghệ đá; công nghiệp đồng cho thợ đồng, kỹ nghệ đồng đúc trống đồng và các thứ tiểu công nghiệp khác như nghề nuôi tằm dệt vải, làm đồ gốm của nước ta từ trước rất xa thời văn hoá Hoà Bình Bắc Sơn đã rất phát triển cho đến thời Bắc thuộc năm 111 tr TC thì bị cấm chỉ, ngưng hẳn. Như vậy nông nghiệp và công nghiệp nước ta đã phát triển xa hơn Tàu và không hề nhờ phương Bắc giáo huấn. Từ năm 111 tr.TC nước cổ Việt hoàn toàn bị Tàu thu thập thầy thợ nhân lực và công lực. Các thợ thầy giỏi và kỹ thuật cao của nước ta bị sức mạnh cướp lấy để phát triển, dành lấy làm văn hóa của mình. Trong những thời gian bị đô hộ, dân Việt cổ

bị cấm tuyệt mọi sinh hoạt kỹ nghệ bản địa công khai. Vì vậy những nền văn hóa thời tiền và sơ sử Việt Nam bị ngưng hẳn từ thời Bắc thuộc, kể cả hậu Trưng Vương. Thế giới cũng hiểu rằng Trung Quốc đã ngăn chặn những nền văn minh tiền sử Việt Nam, và đã xung phong vào để tiếp nối những nền văn minh tiền sử Bách Việt. Sự kiện này đã được làm sáng tỏ với những bằng chứng khoa học rõ ràng (sẽ nói rõ sau).

Từ trước đến nay chúng ta chưa khẳng định được những điều nói trên mà phải chờ di vật cổ tổ tiên để lại trong lòng đất mới có đủ luận cứ thuyết phục cho chính chúng ta và thế giới. Khảo Cổ học đã nói lên cho chúng ta biết rất nhiều điều bí ẩn mà ngoại quốc đã hiểu lầm hoặc che dấu và xuyên tạc. Nhờ vậy ngày nay rất nhiều học giả Trung-hoa đã công nhận sự thật về nguồn gốc Bách Việt trong văn hóa Tàu. Từ khi người Pháp qua cai trị nước ta, họ chiếm độc quyền khoa khảo-cổ. Từ cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, các nhà khảo cổ ngoại quốc và Việt Nam đã tìm ra ở trên đất nước chúng ta từ miền Bắc đến miền Trung là đất cổ Bách Việt rất nhiều luận cứ chứng minh sự thật : Người ta đã tìm thấy rất nhiều nền văn minh tiền sử Việt Nam cổ liên tục nối đuôi nhau trên đất Bắc và Trung Việt. Thường khi tìm được di chỉ văn hoá ở đâu lần sớm nhất, người ta lấy tên địa phương mà đặt cho nền văn hóa đó. Văn hoá Việt cổ xưa nhất còn gặp nhiều di vật cách đây trung bình 30.000 năm được tìm thấy ở núi Đọ, thôn Sơn-vi tỉnh Vĩnh Phú được đặt tên là văn hóa Sơn-vi hay Tiền Hòa Bình. Nền văn hóa này được tìm thấy rải rác khắp miền Bắc và Trung Việt.

Tuy việc tìm thấy là ngẫu nhiên, nhưng nhờ vào sự giàu thịnh nên người ta đã tìm thấy rất nhiều nền văn hóa có tính cách liên tục nối tiếp nhau từ văn hoá Sơn-Vi (30.000 năm tr, TC) qua Hoà Bình (16.000 - 8.000 tr TC) đến Bắc Sơn rực rỡ, Quỳnh Văn, Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun, Hoa lạc vv.. dần dần đến văn hóa Đông Sơn huy hoàng có niên đại từ 1000 năm đến 111 năm tr TC là thời gian bị Bắc thuộc lần đầu.

Rồi từ 111 tr TC dưới ách đô hộ của Tàu, văn hóa nước ta ngưng, chìm lìm hẳn, không tiến và hầu như biến hẳn, vì sao ? Hỏi tức nhiên là đã trả lời. Dư âm của các nền văn hóa trên còn âm thầm kéo dài thêm vài thế kỷ sau Bắc thuộc rồi bị Tàu thôn tính và ằm đi luôn.

Trong những nền văn hoá tiền sử nước ta khi nói đến văn hóa Hòa Bình (đi chỉ tìm thấy ở tỉnh Hòa-bình Bắc-Việt) thì từ lâu giới khảo cổ học và khoa học thế giới đều biết rằng đó là một trung tâm nông nghiệp và công nghiệp đá xưa nhất thế giới. Nhưng vì sao dân ta như các sử gia Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh cứ luôn cho mình là dân man di, được Hán khai sáng, dạy cho cưới vợ hỏi chồng, dạy cho nông nghiệp.... Suốt 1000 năm cai trị, Hán lấy tài nguyên sẵn vật quý, và bắt thợ giỏi, gái đẹp cùng ngăn cấm dân truyền tụng văn hoá cổ, ngăn cấm dân ta phát triển kinh tế, và đập phá tất cả mọi công trình công nghệ điển hình là gốm, lò luyện kim, lò đúc đồng trống đồng, đúc sắt. Dân Việt sợ, ai có đồ gốm và đồ đồng, trống đồng thì đem chôn dấu. May thay khảo cổ học đã lấy lên từ lòng đất những sự thật về văn hóa tiền sử, sơ sử và lịch sử nước nhà.

Nghiên cứu tài liệu khảo cổ, đối chiếu với tài liệu sử học là việc làm có bằng chứng khoa học vững vàng giúp chúng ta tìm hiểu nguồn gốc văn hóa dân tộc. Lịch sử văn hóa mỹ thuật dân tộc Việt-Nam cần được soi tỏ dưới ánh sáng khoa học một cách công-minh. Khác với lịch sử, sử gia có thẩm quyền ghi chép nhiều ít theo ý mình những sự việc xảy ra, văn-hoá mỹ thuật lịch-sử cần những sự thật cụ thể được chứng-minh bằng khoa-học. Lịch-sử phụ thuộc sử gia, trong lúc văn-hoá mỹ thuật lịch-sử là công trình của tiền nhân để lại một cách đích thực, hiển nhiên, không thể chối cãi hay làm méo mó sự thật được.

Văn hóa mỹ thuật lịch sử giúp tìm hiểu tâm lý, hoàn cảnh sống, nghệ thuật, trình độ tiến hóa, tâm linh, sinh hoạt gia đình làng xã, quan niệm hôn nhân. Thế cho nên văn hoá mỹ thuật là một khoa học lịch sử,

nhất là tiền và sơ sử tuy vô cùng khó khăn và mù mờ nhưng cũng vô cùng sống động, quý báu và lý thú. Những cổ vật là vô tri, nhưng qua đó chúng ta có thể tìm hiểu được cách sống, tư tưởng, cá tính, tinh thần tập thể, tinh thần đoàn kết dân tộc, tình cảm, hoài bão và tư tưởng triết thuyết trong cuộc sống vật chất và tinh thần của tiền nhân. Vì vậy chúng ta không thể nào chấp nhận lịch sử văn-hóa nước nhà qua hành động và lời lẽ khinh bạc, dìm dập, xuyên-tạc của thực dân ngoại lai Tây và tay sai người Việt của chúng nó.

Trở lại các thị tộc du mục Mông Cổ, thủy tổ nhà Hán vượt sông Hoàng hà đến chiếm dần dần trung nguyên bao la rộng lớn mà lập nên nước Tàu vĩ đại. Nghề nông là do dân Bách Việt làm từ lâu đời trước khi Mông Cổ đến chiếm, dân Trung hoa gốc Bách Việt tiếp tục làm nông. Vị tù trưởng Mông Cổ Hoàng Đế biến dân Bách Việt Trung-hoa thành nô lệ, chỉ được quyền tiếp tục nghề nông hay làm lính làm tôi tớ. Như vậy khi đến chiếm lục địa trung nguyên dân Mông Cổ được thừa hưởng tài sản nông nghiệp của bao nhiêu đời Bách Việt truyền lại. Tuy vậy xưa kia Hán tộc Mông Cổ rất kỳ thị, khinh miệt và đối xử tàn ác với Miêu tộc Trung-hoa, do đó mới sinh ra chế độ nô lệ man di. Dân nô lệ Bách Việt thường chỉ được sống với nghề bần xứ, trồng trọt, đánh cá hay đánh giặc. Dân Hán là dân nắm chính quyền vẫn còn nhớ, yêu thích nghề du mục xưa, nên rất ưa thích săn bắn, làm thành một thú tiêu khiển vương giả.

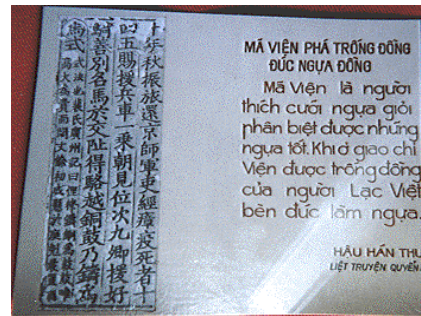
Sau trận Trác-Lộc, lớp Bách Việt thuộc hàng lãnh đạo vượt sông Dương Tử giữ nước Xích Quỷ. Rồi cũng lại bị nhà Hán đến cướp đất. Sau đời Trưng Vương họ còn kéo đến đô hộ tiếp. Trước sau sự đô hộ kéo dài đến non 1.000 năm. Nhà Hán vừa chiếm Việt cổ vừa thi hành ngay chính sách thực dân, thâm nạp không những của cải vật chất, đặc biệt là con người với tài nguyên trí tuệ mà họ vô cùng chú trọng. Nhà Hán đã chiếm văn hóa tiền và sơ sử của Bách Việt trên lục địa Trung Hoa từ trước. Nay lại chiếm luôn cả văn hóa sơ sử mới mẻ của

nước Lĩnh-Nam của vua Trưng Vương từ Động Đình Hồ trở xuống, rồi kể đến là văn hoá Việt Nam trong Thiên niên kỷ thứ I sau CN từ ải Nam quan trở xuống miền Bắc và miền Trung Việt Nam. Vì thế rất dễ hiểu những gì Việt Nam có từ trước đều được vua chúa Trung-Hoa làm phát triển tối đa vang danh thế giới. Đến sau này Việt Nam lại tìm cách bắt chước, nhưng chưa được bao nhiêu, vì thường chính phủ Trung Quốc bắt buộc các chuyên gia dẫu nghề một cách sắt máu (Hiện tại 2 nước Hoa Việt đều là Cộng Sản anh em, vậy mà khi một Kỹ sư Cầu cống Trung Hoa qua làm việc tại Hà Nội, hướng dẫn chỉ bảo gì cho Kỹ sư Việt Nam là bị giết.) Mặt khác dân Việt khó lòng phát triển nghề của chính mình, vì thiếu khả năng kinh tế, thiếu sự giúp đỡ của nhà cầm quyền và vì những thợ giỏi bị bắt đi gần hết.

Người Trung Hoa gốc Mông-Cổ có thâm ý làm cho người Trung-hoa gốc Bách Việt và người Việt cổ quên hẳn quá khứ của giống nòi hầu dễ dàng buộc họ đồng hóa và chấp nhận rằng chính nhà Hán Mông-cổ khai hóa ra Bách Việt. Sự thật người Trung-quốc gốc Mông-cổ bị đồng hóa với Bách-Việt. Chính nhà Nguyên Mông-cổ và nhà Thanh Mãn-Châu sau này cũng lại bị Trung-hoa gốc Bách Việt đồng đúc đồng hóa luôn. Như vậy Mông cổ và Mãn Thanh đã bị man di Miêu tộc Bách việt đồng hóa thành Trung-hoa. Người Tàu Mông cổ vốn có vật tổ là cọp trắng, và nhà cổ là nhà hình tròn gốc du mục nhưng khi họ thấy vật tổ Bách Việt là rồng phụng, và nhà cổ Bách Việt mái cong cong, có nét đẹp mỹ thuật tao nhã, họ chiếm ngay văn hoá nhà cổ mái cong cong và vật tổ rồng phụng Bách Việt làm của họ và người mình không hề dám hề môi hay trần trối gì với con cháu.

Gần đây đào được trống đồng ở Vân-Nam, khảo cổ gia Tàu cũng tuyên bố ăm ỳ là trống đồng do Mã Viện và Gia Cát Lượng sản xuất ???!. Sao họ có thể quên đất Vân-Nam Quảng-Đông Quảng-Tây lên tận Động Đình Hồ vốn là đất của nước Việt Cổ, họ cũng quên những điều đã ghi trong Hậu

Hán Thư quyển 14 về việc Mã Viện phá trống đồng đúc ngựa và cột đồng theo mật lệnh của vua Hán Quang Vũ. Chính vua Quang Vũ nhà Đông Hán đã ra mật lệnh cho Mã Viện phải phá hủy trống đồng Bách Việt của Trưng Vương vì đó vật thần linh giúp Việt tộc chống xâm lăng. Vì thế trên đất Hoa Nam hiện tại là đất Việt cổ tìm thấy trống đồng là việc đương nhiên. Hậu Hán Thư quyển 14 chép: **"Mã Viện là người thích cưỡi ngựa giỏi, biết phân biệt ngựa tốt. Lúc ở Giao-chi Viện lấy được trống đồng đem đúc ngựa..."** (Hình 10)



Hình 10 : Mã Viện phá trống đồng của Trưng Vương để đúc ngựa và đồng trụ đất từ Động Đình Hồ trở xuống ải Nam Quan của nước Lĩnh-Nam. Và vì sợ dân Giao Chi lấy cột đồng đúc trống và phá hủy biên giới do Mã Viện đề ra, để chiếm lại đất củ của mình, nên Mã Viện ghi trên đồng trụ "Đồng trụ chiết, Giao Chi diệt" để dọa dân Việt cổ. Nhưng rồi chắc là dân ta cũng đã lén lấy đồng trụ để đúc trống vì thiếu đồng, nên đồng trụ biến mất. Ngoài ra, vì cần đồng để đúc trống nên dân Việt thường đem vàng bạc ngọc ngà hạt trai, sản phẩm quý đời lấy tiền đồng của người Hán. Trước đó chính bà Lữ Hậu vợ vua Thái Tổ nhà Hán là Lưu Bang đã ra lệnh cấm bán, đổi chác tiền đồng cho dân Giao Chi. Riêng Mã Viện, từ khi thắng Trưng Vương, biết dân Giao Chi coi trống đồng như là một linh vật giữ nước. Mã-Viện, có kinh nghiệm về việc Trưng Vương ra trận dùng trống đồng thúc quân, thấy uy lực trống đồng của Bách Việt

rất lớn, giúp họ đánh giặc rất hăng. Việc đúc ngựa, đúc đồng trụ chỉ là cái cớ để tiêu hủy linh vật của Bách Việt mà thôi. Vậy ai dám bảo trống đồng do Mã Viện và Gia Cát Lượng đúc thì thật là xuyên tạc lịch sử mỹ thuật Việt Nam một cách trắng trợn.

Nhân đây xin kể một trường hợp xuyên tạc, bình gốm Hoa Lam cổ Đại Việt, trưng bày ở viện bảo tàng Istambul. Cách đây trên 50 năm Tàu và Nhật tìm xem có thể là của họ không? Nhưng đến khi thấy niên hiệu ghi trên bình là niên hiệu vua Nhân Tôn nước Đại Việt (1450) "**Thái-hòa bát niên, Bùi Thị Hy bút**" (Hình 11), người Hoa bèn bảo đó là "... của một ông thầy Tàu qua Việt Nam chơi, làm để lại..."! Và họ cho Bùi Thị là một người nam, đọc là "Thái hòa bát niên Bùi Thị hí bút". Vào thời kỳ đó người ta hoàn toàn chưa biết Việt Nam đã có lò gốm hoa lam rất sớm từ thế kỷ 8, 9, 10, 12, 13 với màu xanh bản địa chứ không nhập cảng màu xanh tươi của Ba-Tư như Trung-Hoa.



Hình 11 : Bình hoa lam cổ VN trưng bày ở VBT Istambul

Phải mất gần 30 năm sau, khi khảo cổ học Việt Nam tìm thấy dấu tích nhiều lò nung gốm cổ hoa lam trên đất Bắc Hà từ thế kỷ VIII, IX, XI, XIII cùng những sản phẩm phế thải của lò và những gốm Việt Nam cổ có trang trí hoa văn giống hoa văn hoa cầm chướng giấy, hướng dương giấy bao quanh thân gốm trên độc bình ở Istambul (Hình 12, 13, 14), mới chứng minh đích thực bình cổ danh tiếng ở bảo tàng viện Istambul là của Việt Nam do một phụ nữ là Bùi Thị Hy trang trí tỉ mỉ (giới nữ chuyên nghề trang trí

là nghề nhẹ tại các lò gốm) chứ không phải hí họa của ông thầy Tàu qua Việt Nam.



Hình 12



Hình 13

Hình 12 : Ly uống rượu cao cẳng bằng gốm hoa lam. Loại chén với dáng đáy có góc vuông đặc biệt chỉ VN có mà thôi. Đó là một trong những loại rất được các bà hoàng trong cung yêu chuộng từ xưa. Trong lòng ly viết 1 chữ Hán. Bên trong và bên ngoài thành miệng chén chạy vòng hoa văn với cành lá cách điệu. Dưới vòng hoa văn là hình vòng tròn kép. Trang trí chính là hoa cúc giấy bao quanh thân chén. Từ da chén rạn



Hình 14

với thời gian tươm ra ốc-xít sắt nâu. Chân cao hình ống, ở khoảng giữa chạy một vòng hoa văn kỷ hà. Chân hơi xòe ra, sơn 1 vòng nâu. Dưới đế có lỗ sâu cho ly đỡ nặng. Tuy chân nhỏ nhưng chén đứng rất vững vàng. Đây là loại chén vừa mảnh khảnh vừa thanh tú cao sang, vừa đẹp, vừa được trang trí bằng hoa cúc giấy nổi tiếng thế giới vào thế kỷ 15, 16 mà mãi cho đến ngày nay người ngoại quốc nhất là Nhật Bản rất thích thú tìm mua. Ngự dụng. VN, triều đại Trần, Lê, thế kỷ 13 đến 15. C = 11,5cm K = 10cm

Hình 13 – Bình sành hoa lam, hình xoan, miệng rộng, dùng để cắm hoa. Bên ngoài 5 phần trang trí khác nhau, được chia cách bằng những vòng tròn đôi, vòng tròn ba. Một vòng cánh sen đôi bao quanh miệng. Những vùng mây ngang trên vai. Bốn quai nhỏ làm kiếng gắn 4 phía vai (3 quai đã bể), cách trở với 4 hoa cúc nhỏ trắng, hình nổi, được gắn thêm. Trang trí chính của bình trên bụng là một loại hoa-giây-mẫu-đơn-đặc-biệt gồm 4 hoa lớn và cành lá chạy tròn. Trên và dưới giấy hoa là những vòng-tròn-ba. Trang trí bằng "hoa-giây" là một kiểu trang trí đặc thù do ngẫu hứng của phụ nữ họa sĩ Việt trong các lò gốm sáng tạo. Trang trí trên gốm là công việc nhẹ nhàng thẩm mỹ, nên thường chỉ có giới nữ là chuyên viên trong các lò. Loại hoa giấy trang trí trên gốm vào những thế kỷ 13, 14 và đặc biệt là 15, 16 rất nổi tiếng và được các nước Đông Nam Á kể cả Trung-quốc rất ưa chuộng, đến độ Tàu đã qua thuê Việt-Nam làm ký kiểu. bên dưới là những cánh sen cao, trong ruột chứa từng vòng mây xoắn ốc cao, đều đặn. Sát đáy bình là một vòng mây mỏng bao quanh. VN, triều đại Lê, thế kỷ 15. D = 30cm D = 34cm

Hình 14 – Bình trầm hương đế cao bằng gốm hoa lam, rất đẹp. Nhìn chung bình thể hiện một nghệ thuật sáng tạo rất hoàn chỉnh. Bình chia làm 5 phần : Quanh miệng được trang trí bằng một dải hoa văn kỷ hà nghiên nghiên nổi; trên và dưới hình

hoa văn là 3 cặp vòng kép. Cổ màu trắng, ngắn. Trang trí chính trên bụng là hoa cúc giấy, lá cúc giấy cách điệu. Phía trên vai bình và dưới bụng bình là 2 dải kép cánh hoa sen; trong mỗi cánh sen như có một bàn tay nhỏ 4 ngón. Một vòng tròn màu nâu phía trên cổ chân màu trắng, nhỏ lồi phồng ra. Đế bình xòe ra với một vòng kép lam bên trên và một vành màu nâu rộng ở giữa. Đáy không men với một lỗ sâu ở giữa. Việt Nam, triều đại Lê, thế kỷ 15. H = 15cm D = 13cm

Trở với du mục Mông-Cổ, họ sống bằng săn-bắn và du mục. Do đó họ không thể nào là những người đã phát sinh ra nền văn-hóa nông nghiệp. Và như thế họ cũng chẳng bao giờ có họ hàng cần thiết với các vị Thần-Nông (người tài giỏi về làm ruộng), bà Nữ-Oa "đội đá vá trời" (tức là người tìm hiểu và kinh nghiệm nhiều về thời tiết giúp nhà nông làm ruộng). Dân du mục phải thường xuyên chống chọi với thú rừng, cũng như chống chọi với các đoàn du-mục khác, họ phải đấu tranh không ngừng. Vì thế họ là một chủng tộc mạnh, tài nghệ bắn cung, cưỡi ngựa, đồ vật, đằm chém của họ rất cao. Chính nhờ vào tài nghệ này mà họ đã thành công trong việc chiếm lỵ địa Xích Thần Trung-hoa và chiếm Lĩnh Nam sau này. Giòng máu du mục buộc họ luôn sẵn sàng chiến đấu, từ đó nảy sinh giọng máu xâm lăng. Và lại khí trời miền bắc lạnh, nên bản chất họ rất khỏe, họ rất sợ khí nóng ở miền nhiệt đới nông nghiệp mà họ coi là nơi âm phong chương khí.

Cũng vì lý do trên, người Trung-Hoa gốc Mông cổ không thể có các vị vua Thần nông "vua trồng-trọt xứ nóng" tức là vua Viêm Đê, cần thiết của nhà nông. Dân Bách-Việt hiền lành ở miền Nam lo nghề nông, không quen đánh giặc bị họ chiếm hết đất đai và văn hóa. Suốt trên hai nghìn năm chúng ta hầu như chỉ học cho biết rằng Việt Cổ là một đất nước vô văn-hóa, man di, được nhờ Tàu Mông cổ khai hóa. Dầu rằng Tàu gốc Mông cổ không chứng minh được nguồn gốc văn hóa của họ. Như thế đủ thấy ảnh hưởng của việc bị đô hộ Tàu,

kể cả Tây sau này, là nguy hiểm như thế nào !. Chính vì vậy mà LM Triết-Gia Kim-Định đã gia-công nghiên-cứu một triết-lý An-Việt và nói đến "một nền văn hóa Việt-Nam cổ mờ côì " mờ côì đây có nghĩa là không được thế giới trước đây nhìn nhận, chứ không phải không có mẹ đẻ ra. Thật ra văn-hóa tiền-sử Việt-Nam đã bị che dấu và cướp đoạt vì sức mạnh, chứ nhất thiết chưa hẳn là không được nhìn nhận. Văn-hóa Việt cổ có mẹ đẻ từ các nền văn hóa tiền sử Việt cổ, và đã sinh đứa con khổng lồ là nền văn-hóa siêu-việt Trung-Quốc. Chính văn-hóa Trung-Quốc lúc không nhận là con đẻ của văn hóa Bách Việt, là một văn hóa mờ côì thật tình. Lúc Tưởng-Giới-Thạch ra lệnh nghiên cứu về văn hóa Trung Hoa từ ngày nay trở về trước. Nhưng khi lên đến nhà Hán và thời Khổng-Tử, các nghiên cứu gia Trung Hoa Dân Quốc đành bỏ dở vì vấp phải nguồn gốc văn hóa Bách Việt!

Với thực dân Pháp, trong vòng gần 100 năm đô hộ Việt Nam, chúng đã lấy biết bao tài sản của đất nước ta đem về cất giữ và xây dựng đất nước họ, làm giàu Viện Bảo Tàng của họ, ví dụ một đàn đàn đá hoàn chỉnh nhất, đẹp nhất, báu vật cổ hiếm quý của Việt Nam; ví dụ bốn quyển truyện Kiều viết tay, trước tác của cụ Nguyễn Du vv. và vv. Pháp cướp về nước làm của báu. Tương lai gần chúng ta nhất định phải đòi lại tài sản bị cướp, đòi bồi thường và đòi Pháp phải xin lỗi dân tộc Việt Nam. Như đã nói trên trong thời gian bị thực dân Pháp đô-hộ, việc khảo-cổ trên đất nước ta chỉ dành độc quyền cho người Pháp. Chuyên gia và khảo cổ gia Việt-Nam có đóng góp công lao ý kiến cũng không được ghi lại. Người Pháp mà tiêu biểu là ông H. Mansuy với óc thực dân, khinh dân tộc bị trị, đã có những phán đoán sai lạc, lập luận lầm lẫn về văn hóa mỹ thuật tiền sử và lịch sử Việt Nam. Trước những khám phá về văn hóa tiền sử và lịch sử Việt Nam, ông ta luôn có thành kiến rằng, bao nhiêu nền văn hóa xa xưa của Việt-Nam cổ từ thời tiền sử vốn chỉ là:

"..Đây là hàng nhập cảng.... hàng vay mượn... hàng thiên di vv. của phương Bắc hay phương Tây đưa lại mà thôi."!!

Cũng vậy, với phong cách thực dân, khi Ông H. Mansuy nhìn thấy những viên gạch lót nền nhà cổ có hoa văn đẹp (xem hình gạch lót nhà có hoa văn, đào lên từ lòng đất của các thế kỷ 10, 12, 15 (Hình 15, 16, 17), ông ta ganh tị, cay đắng, đã viết lên một cách sai lầm rằng:

"Đây là gạch nhập cảng chỉ để làm bàn thờ... đẹp thế này...không thể dùng để lót nền nhà"!!!

Ngày nay chúng ta đã tìm thấy nhiều lò gạch cổ sản xuất gạch có khắc hoa văn và thời đại vua chúa ở Bắc Hà (Hình 15, 16), và đã đào được nhiều nền nhà lát gạch có hoa văn thời nhà Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, ví dụ nền nhà có lát gạch hoa văn rất đẹp của Hưng Đạo Vương tại Vạn Kiếp.



Gạch cổ VN có khắc hoa văn : Hình 15, 16 (Đinh, Tiền-Lê, Lý, Trần, Lê)

Các nhà học giả về khảo cổ học khắp thế giới và Việt Nam đã chứng minh về tính chất bản địa của những nền văn hóa tiền sử xưa nhất và phát triển nhất trên đất nước Các nền văn hoá Việt Nam mà đặc biệt là văn hóa Hòa Bình xưa nhất với sự ra đời sớm nhất thế giới của nông nghiệp lúa nước cũng như các nền văn hóa lịch sử sau này đều đã được thế giới công nhận.

(Còn một kỳ)

Bs Ts **NGUYỄN THỊ THANH**
(CANADA)

NGƯỜI VIỆT TẠI PRAHA, CỘNG HÒA SÉC

ĐỒ PHÚ

Nhân đọc bài Chiều Praha của nhà văn Vũ Nam trên tập Cỏ Thơm số 44-Thu 2008, mô tả Praha một thành phố cổ xưa, nhiều di tích lịch sử, người đẹp, cảnh thơ mộng, nơi qui tụ của du khách. Bài viết của ông đã gợi cho tôi cảm hứng viết về vài điều mà tôi nhìn thấy, về vài người Việt mà tôi mới gặp tại Praha, hãy còn tươi mát trong trí nhớ. Tôi không có dự tính viết về chuyến du lịch này nên đã không ghi lại đầy đủ những điều cần ghi.

Chúng tôi đến phi trường Praha vào nửa đêm, giữa tháng 9, thời tiết đã chuyển sang mùa thu, nhiệt độ thấp dưới 50oF về đêm, hơi lạnh lạnh, nhưng thật dễ chịu, phi trường sáng rực, ánh sáng *neon* phản chiếu trên các khung cửa kính, làm tăng vẻ rộng rãi, vẻ đẹp lộng lẫy của phi trường mới xây cất hoặc mới tân trang, du khách chắc cũng như chúng tôi không khỏi ngạc nhiên về vẻ tráng lệ này. Lấy hành lý xong chúng tôi đi ra xe, không thấy người cảnh sát phi trường nào mà cũng không có cả cửa dành cho du khách phải đi qua di trú. Sau đó tôi được người hướng dẫn cho hay Cộng Hòa Tiệp là xứ nội địa nên các khách đã vào qua các nước ở ngoại biên như Pháp thì không cần qua sở di trú của Tiệp nữa. Người hướng

dẫn viên cho chúng tôi hay một vài điều nên biết như khi đi chuyển trong thành phố, nên dùng phương tiện công cộng, gồm 3 loại xe thông dụng như xe điện, xe Tram, xe buýt, khá nhanh chóng, cứ 5 phút 1 chuyến, không phải chờ đợi lâu, xe lịch sự và sạch sẽ, cùng dùng chung 1 loại vé, giá vé là 18 Koruna (\$US 1,1) và 26 Koruna (\$US 1.6), vé 18 K dùng được 30 phút và vé 26K dùng cho chuyến đi xa hơn 75 phút, có vé dùng cho cả ngày, nếu đi nhiều thì rẻ hơn. Vé bấm vào máy điện lúc lên tàu. Nhưng họ dặn dò thêm nếu đi xe công cộng vào giờ tan sở, mọi người phải cẩn thận đề phòng kẻ cắp, có thể bị móc túi. Đi ra ngoại ô hay đi xa, nếu dùng Taxi, nên hỏi giá cả trước, tài xế hay đòi tiền cao hơn giá ghi hoặc họ lái loanh quanh để móc tiền du khách. Ở trong thành phố, du khách có thể đi chơi suốt đêm, tương đối an ninh.

Chúng tôi trọ đêm trong khách sạn Roma, loại 4 sao, giá 100 đôla 1 tối, bao luôn ăn sáng, nhiều món ăn ngon miệng.

Mới 7 giờ sáng, nhìn ra cửa sổ, tôi đã thấy một thành phố sống động, người đi lại tấp tểp, một thành phố của du khách. Từ khi dành được hoàn toàn độc lập, tự do từ tay những người Cộng Sản qua một cuộc cách mạng ôn hòa, êm thấm gọi là cách mạng nhưng ‘velvet revolution’, Cộng Hòa Tiệp gia nhập Nato năm 1999 và thị trường

chung Âu Châu năm 2004. It người đã quên Tiệp Khắc, tên gọi cũ lúc còn hai xứ Czeck và Slovakia hợp chung. nay đã tách rời ra làm hai nước.

Xứ Tiệp đã vang danh thế giới một thời là một quốc gia bị xâm chiếm bởi chế độ CS và biết rũ bỏ chế độ này một cách ôn hòa, do họ có nhiều nhà dân chủ, CS ly khai can đảm đứng ra vạch trần mọi sự sai trái của CS, và đòi hỏi cải cách sâu rộng đến nỗi Trung Ương đảng CS Tiệp Khắc, vào tháng Tư năm 1968, đã phải công bố chủ trương mở rộng chính trị, theo đuôi một: *chủ nghĩa xã hội nhân bản và chấp nhận đảng CS không còn là một lực lượng duy nhất lãnh đạo xã hội và chính sách của đảng không nhằm bóp nghẹt tự do của người dân.* Cuộc tranh đấu của những người ly khai và đối kháng đòi dân chủ đã đưa tới sự ra đời của bản tuyên ngôn của nhóm Hiến Chương 77 vào ngày 1 tháng 1 năm 1977. Bản tuyên ngôn này được 243 người Tiệp Khắc ở trong nước đồng ký tên, gửi cho tất cả các cơ quan truyền thông trong nước và quốc tế.

Xứ Tiệp đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do và nhanh chóng hội nhập vào Cộng Đồng thế giới tự do; kỹ nghệ, thương mại, nông nghiệp phát triển đều đều, ngành du lịch cũng tăng mạnh, mỗi năm dân Tiệp đón chào trên 100 triệu du khách.

Tại sao du lịch phát triển nhanh, là vì nhờ phần lớn vào những di tích lịch sử, tinh thần tự do, và tính hiếu khách...

Một thoáng Xứ Tiệp- Bước ra khỏi Hotel là bạn nhìn thấy một giong sông uốn

khúc rất rộng, bao quanh nhiều tòa nhà to lớn, cổ kính, sông rộng trông mát mắt vì nhiều cây cỏ xanh rờn hai bên bờ tạo vẻ nên thơ, lòng sông rộng gấp hai, ba lần sông Seine. Bên kia sông là hàng hàng lớp lớp nhà gạch cũ xưa khoảng 8 đến 10 tầng cao, xa xa cuối tầm nhìn là khu lâu đài cô, Trên 10 chiếc cầu băng qua sông Vltava, toàn là cầu đẹp, xây cất kiên cố, mỹ thuật, nổi tiếng nhất là cầu Charles.

Cầu Charles - Cầu này được khởi công xây vào năm 1357, hoàn tất vào đầu thế kỷ thứ 15, đến năm 1870 được đặt tên là Charles, vinh danh Hoàng Đế Charles IV. Từ năm 1950, cầu này chỉ dành cho khách bộ hành dạo mát, làm nơi lý tưởng cho du khách đi ngắm cảnh sông nước ngày cũng như đêm. Cầu Charles nổi tiếng phần lớn nhờ 31 bức tượng điêu khắc tinh xảo vinh danh các thánh được dựng dọc theo thành cầu.

Khu lâu đài cổ, thánh đường St. Vitus, Công viên Hoàng Gia.

Khu lâu đài cổ Prague là nơi có trên 1000 năm lịch sử của người Tiệp, nơi nhiều triều đại đã đi qua còn để lại nhiều dấu ấn, về sự phát triển của vùng đất Tiệp. Bên trong thánh đường, hình ảnh nhiều triều vua đã nhận lễ đăng quang, nơi để những quan tài của những quân vương, quận chúa, nơi ghi dấu những bí ẩn của những nhà điêu khắc, các nhân vật xây cất nhà thờ và lâu đài đầu tiên, có bảo tàng viện về vũ khí, quân trang của nhiều thời đại xa xưa, trên 10 thế kỷ qua.

Thành phố cổ - Khu phố cổ có nhiều đường đi lát đá vuông nhỏ, được làm từ thời trung cổ của Âu Châu, đường đi bộ gặp

ghềnh, lên đồi, xuống dốc có nhiều hàng quán nhỏ đẹp mắt, cho du khách dừng chân khi chùn chân mỏi gối. Du khách lại có thể tiếp tục đi thăm khu Do Thái, thăm di tích và bảo tàng viện của họ, mua đồ lưu niệm.

Khu phố mới - Khu này có nhiều đường rộng đẹp, có nhà hát thành phố, có bảo tàng viện và nhiều siêu thị lớn như các *department stores* của Âu Châu. Nhiều tiệm ăn sang trọng, ăn trưa trung bình US\$20 mỗi người, gồm cả rượu vang hay bia Tiệp Pisner Urquell, bia ngon được xếp vào loại có hạng cao. Tiệp cũng nổi tiếng với nhiều chương trình ca nhạc thính phòng, nhạc thánh ca, danh ca có giọng cao opera, tenor, những bài ca của các sắc dân bohemians, gypsies...

Người Việt tại Tiệp- Tôi và hai người bạn, chúng tôi ra phố mua vé tàu điện, vé bán trong các tiệm tạp hóa hay tiệm bán sách báo, họ thường có đề biển hay có chữ đây có bán vé xe điện, nhưng chúng tôi không có ai biết chữ Tiệp nên có bảng cũng như không. Ngay trước bến xe điện, có một tiệm bán trái cây, trông thấy anh bán hàng có vẻ Việt, nên tôi bước vô hỏi:

-Em người Việt

-Dạ, đúng.

-Cửa hàng của em nhiều trái cây ngon nhỉ? Có măng cầu gai? Thấy tôi sờ tay vào trái măng cầu, em nói:

-Na đấy bác ạ. Thì ra cậu này từ miền Bắc qua, nên không biết chữ măng cầu của miền Nam. Bác mua đi ngon lắm đó.

- Bây giờ chúng tôi mới đi chơi, nên chưa mua gì, ngại mang nặng, Cậu nhanh nhẩu nói, không sao mời bác xem tự nhiên, lúc nào bác ghé mua hay xem cũng được. Tôi hơi ngạc nhiên về sự lễ phép của anh bán hàng, vì những người miền Bắc sau 75, họ muốn giản tiện cách xưng hô, nên ai cũng gọi bằng anh, đàn bà, ai cũng gọi chung là chị, bất kể già trẻ. Sự đơn giản hóa cách thưa gửi trở thành lỗ bịch, đã thất bại,. Thấy tôi đi tìm chỗ mua vé tàu điện, cậu bán hàng nói: cháu là Trung để cháu dẫn bác qua tiệm bên cạnh mua vé. Tôi nói không muốn làm phiền em nhưng Trung vẫn dẫn chúng tôi đi dù tiệm đang đông khách. Lúc đi còn cẩn thận dặn dò chúng tôi các loại vé, giá tiền và lúc lên tàu phải đưa ngay vào máy đóng dấu nếu không nhờ gặp kiểm soát viên thấy vé chưa đóng dấu, họ sẽ phạt, tiền phạt mới lên giá 500 Koruna.

-Các bác từ đâu tới?

-Từ Hoa Kỳ.

-Chà, thích quá nhỉ.

-Em có biết gì về Mỹ không?

-Cháu chỉ nghe và đọc chút ít về Hoa Kỳ nhưng không bao giờ dám mơ ước đến đó cả. Trung kể cháu đã tới Tiệp gần 10 năm, nói được tiếng Tiệp đủ dùng thôi vì tiếng Tiệp khó học. Mấy anh em cháu qua đây theo diện công nhân làm việc trong nhà máy đã hết hạn hợp đồng từ lâu, mấy anh em hùn nhau mở được cửa hàng bán chạp phô và trái cây này. Nhìn căn phô bày hàng trái cây, khá gọn gàng, sạch sẽ. Tôi khen các em tháo vát, và có đầu óc thương mại tốt. Định hỏi thêm Trung vài câu nhưng

tiếng xe điện sinh sịch đã làm dứt quãng câu chuyện của chúng tôi...

Xe điện tới, chúng tôi vội từ biệt Trung để lên tàu vào trung tâm thành phố, thăm viếng thành phố cổ. Người Việt ở Praha có hai khu chợ là Little Hanoi và Sapa và nhiều tiệm buôn nhỏ như thực phẩm, quần áo đồ dùng... ở rải rác khắp nước Tiệp.

Ngày hôm sau, chúng tôi đi thăm khu chợ Sapa của người Việt, cách thành phố chừng 20 cây số, đi xe hơi mất chừng 15 phút, đi xe điện phải đổi qua xe buýt 1 lần nên phải chờ đợi, thời gian mất chừng 30, 40 phút.. Sapa nằm ở trạm cuối cùng của xe buýt nên dễ kiếm. Có hai lối vào chợ, một qua cổng tam quan với giòng chữ TTTM Sapa, và một đi qua văn phòng ở tầng chệt của 1 cao ốc 5,6 tầng, một văn phòng nhỏ, trống rỗng, có 1 khung kính bụi bậm trưng bày vài hình ảnh sinh hoạt và vài thông cáo. Một bạn hàng nói, những người qua lao động, học tập, buôn bán vẫn tuân theo đường lối của VN, vì họ dùng hộ chiếu của VN, còn phải xin gia hạn hộ chiếu, còn thân nhân ở VN, nên họ bị theo dõi chặt chẽ bởi tòa Đại Sứ VC, bọn họ chẳng phải vì yêu thương, giúp đỡ, bảo vệ mà chỉ nhằm móc tiền của họ.

Nhìn tình trạng dân Việt ở Nga, thì ai cũng phải ai oán, mỗi lần đến sứ quán là một lần bị hạch sách, làm tiền. Từ năm 1995, các ộp, nơi ăn ở của người Việt thường xuyên bị khám xét, bị trấn lột tiền bạc, và tịch thu nhiều hàng hóa bởi Cảnh Sát đặc biệt Nga, họ kêu là bài trừ du đang, bắt đô lậu, bắt di dân bất hợp pháp. Nhiều người ở lại quá thời hạn, hoặc không giấy tờ

hợp lệ nên không kêu ca vào đầu được. Ngay cả những người có phép lưu cư hợp pháp tại Nga cũng phải đóng tiền phạt khi bị chặn hỏi. Cảnh sát Nga họ có bùa phép, có thể vẽ ra muôn ngàn lý lẽ để làm tiền, thu tiền phạt bỏ túi riêng, nếu ai phản đối, họ đánh đập thẳng tay, họ múa dùi cui như hiệp sĩ tàu, hay lôi về đồn bóp nầm chơi cho muỗi đốt.. Vào năm 2007, Chính quyền Nga ban lệnh cấm tất cả ngoại kiều buôn bán lẻ. Nhiều người Việt bồng trắng tay, sau bao nhiêu năm làm ăn dành dụm. Đây là một hình thức gián tiếp đuổi dân Việt về nước (?), bằng cách làm cho họ hết đường làm ăn. Những lúc người Việt bị bố ráp, đánh đập, không ai thấy các quan đại diện dân đầu cả. Chuyện đụng độ va chạm với dân địa phương và Cảnh sát đã trở nên mỗi ngày mỗi nhiều hơn. Năm qua 1 sinh viên VN Vũ Anh Tuấn đã bị đánh chết (bởi du đang?) ở St. Peterburg.

Hiện nay Séc có khoảng trên 60 ngàn người Việt cư ngụ. Các hãng xưởng còn cần khoảng 120,000 nhân công ngoại quốc, nhiều công ty xây cất, sản xuất đồ dùng bằng nhựa, công ty chế tạo xe hơi, phụ tùng xe hơi, đồ điện, điện tử vv... có gửi đơn lên Bộ Lao Động Tiệp xin tuyển nhân công Việt Nam. Chủ tịch Hội Séc-Việt, ông Marcel Winter nói rằng hiện có gần 250 công ty nhờ ông tìm người VN. Công nhân VN được yêu mến do tính cần cù, nhẫn nại của họ. Tính đến tháng năm 2008, có 15 ngàn người VN làm việc trong các nhà máy của người Séc, Các nhà máy đó gồm có Foxcom, Panasonic, Skoda, Auto hoặc

TPCA... Ngoài những người làm việc cho các xưởng máy, nhiều người ra buôn bán ngoài chợ trời ở khắp Séc và ở các chợ như Sapa, Little Hanoi. Họ buôn bán quần áo, vải vóc, đồ gia dụng, đồ chơi, thực phẩm khô và tươi, đồ hải sản, mở tiệm uốn tóc, tiệm ăn....

Cộng Đồng Người Việt trong mắt dân Tiệp - Công nhân, du học sinh Việt tuy được tiếng là làm ăn chăm chỉ, cần cù, khéo chân tay hay làm những gần đây một số nhỏ *con sâu làm rầu nồi canh*, đã làm hoen ố hình ảnh chung của cộng đồng không ít. Khi yêu thì chín bỏ làm mười nhưng khi đã ghét thì cũng trở nên mau chóng bị chê bai trong lòng một dân tộc yêu chuộng tự do, khá hiền hòa với 10 triệu dân. Vài biến cố tiêu cực đã xảy ra như khi người Séc mua phải hàng giả, hàng lậu, họ khiếu nại, và các cuộc lùng xét hàng giả, hàng lậu đã xảy ra vào trong vài năm nay, con số vụ khám xét đã lên đến trên 150 vụ. Nhiều va chạm giữa người Việt và Cảnh Sát Séc đã xảy ra. Tin tức loan trên báo chí Tiệp về những người Việt buôn lậu hàng giả từ Trung Hoa, VN, buôn bán ma túy và sự trả thù của một doanh nghiệp đối với 1 sĩ quan cảnh sát Tiệp chống tội phạm. Vào đầu năm nay, báo chí Tiệp đưa tin người VN ăn thịt chó, và họ đã thuê người đi bắt chó đi lạc về thịt. Ông Winter lên tiếng bênh vực người Việt nhưng bị bà Maria Strsakova, giáo sư triết học tại đại học Sac-lơ phản bác. Bà này nói rằng ông Winter, chủ tịch hội Việt-Tiệp tại sao 39 lần ông đi thăm VN mà không hay biết rằng người VN ăn thịt chó. Bà Strsakova nói có thể đây là sự khác biệt văn

hóa, nhưng người dân Séc không bao giờ chấp nhận sự việc này. Vào tháng 6 năm nay (2008), cộng đồng người Việt đã phải hợp với đại diện báo chí, cảnh sát nhiều lần về trường hợp vài phần tử xấu người Việt trồng cần sa sau khi hàng chục người Việt đã bị bắt. Mỗi khi xảy một vấn đề không hay trong cộng đồng, ông chủ tịch hội Việt-Tiệp lên tiếng bênh vực và biện minh dùm. Vào tháng Bảy vừa qua một doanh nhân Trần ngọc Hoàng 49 tuổi đã bị giết rất dã man. Tuy nhiên một vấn đề khá khúc mắc chưa giải lý được là sự ăn chặn tiền của công nhân, sự lừa gạt công nhân của những công ty môi giới trong nước và ngoài nước, những bầy cò trung gian, gian manh. Ông Winter giải thích một công nhân Việt có thể lãnh 12.000 Koruna (IUS\$=17K) 1 tháng, nhưng họ bị khấu trừ nhiều khoản không được báo trước như tiền nhà trọ và tiền các dịch vụ bảo hiểm sức khỏe... khác lên đến 7.000 Koruna 1 tháng, theo lời giải thích của công ty Heroja. Cuối cùng người công nhân chỉ còn lãnh được từ 5 đến 7 ngàn Koruna tức là từ US\$300 đến US\$430 1 tháng. Trừ chi phí ăn mặc đi thì còn lại bao nhiêu. Họ phải làm bao nhiêu năm mới trả hết nợ vay mượn để được một việc làm gần như với đồng lương rẻ mạt, nhiều người lãnh lương tối thiểu, tiền đóng cho cò thường là 2000 đô la, nhưng gần đây có khi lên tới 8-10 ngàn đô la. Nhiều người đã phải vay nợ lãi 1.-1.50% 1 tháng, cha mẹ, anh em phải bán nhà hoặc cầm cố ruộng vườn để vay được món tiền trên. Số tiền đóng cho cò môi giới, các cò nói là tiền bồi dưỡng, bôi trơn các cửa quan, các cửa công quyền cho đến khi

lấy được hộ chiếu đi lao động có hiệu lực thường là 6-24 tháng, nếu còn việc làm thì sẽ được gia hạn hàng năm. Đây là lý do phần nào giải thích một vài người đã phải nôn nóng làm mọi cách dù phi pháp để kiếm tiền trả nợ. Còn về hàng lậu từ Trung Hoa, do người Việt bán vì hàng rẻ, lợi nhuận cao, ông Winter nói chính phủ Séc có phân trách nhiệm đã để cho những hàng này lọt qua hàng rào kiểm soát của quan thuế. Nhiều người đã ở Tiệp hay Nga hàng chục năm dù họ không muốn trở về lại VN nhưng họ vẫn phải biết rằng họ có thể bị trục xuất bất cứ lúc nào khi hộ chiếu không được gia hạn nữa. Khi gặp đối xử bất công, họ phải tự lo, tự xoay sở lấy, họ phải ngậm miệng vì ngay trong hợp đồng đã cấm họ không được đình công, không được nói xấu nhà nước, chế độ. Mỗi khi có bức xúc, khiếu tố, các viên chức nhà nước luôn luôn có hàng trăm câu trả lời (vô trách nhiệm) căn cứ trên lòng yêu nước, yêu dân tộc, vì công nhân, luật bảo vệ công nhân v.v...

Nhân dân Séc hiện nay còn tỏ ra bao dung đối với người Việt, nhưng cho đến mức độ nào, và bao lâu, đó là tùy ở cách ứng xử của nhà nước, người dân lao động, dân buôn bán. Trong dịp thăm viếng VN năm nay (2008), sau buổi họp với TBT Nông Đức Mạnh, thủ tướng Séc, ông Mirek Topolánek đã nói thẳng tại thành phố Sài Gòn rằng: *“chế độ CSVN rất khác nghiệt, nhưng ông tin rằng nguồn đầu tư đang tác động vào giới trung lưu, giới này sẽ thay đổi bộ mặt CS. Giới trung lưu sẽ mang lại thay đổi cho việc bảo vệ môi trường, mang lại nhân quyền và các quyền công dân khác rất quen thuộc với chúng tôi. Tóm lại, tư*

bản sẽ mang lại tự do, nhân quyền...Ông cũng thảo luận với VN về người Việt ở Séc, về nhân quyền.”

Khi đến thăm trung tâm thương mại Sapa, chúng tôi dùng bữa trưa tại quán Bún Ngan, có 4 món ngan chính là tiết canh, thịt luộc, thịt nướng và bún sáo măng. Lúc chúng tôi tới thì thịt luộc đã hết, chúng tôi chọn món thịt nướng và bún sáo, ăn thật ngon miệng vì thịt nướng khéo, nước chấm pha ngon lạ khẩu vị. Hỏi kỹ lại thì món ăn là vịt nhưng chủ tiệm ăn lại kêu là ngan. Anh chị Hoàng chủ tiệm bán thực phẩm và đồ gia dụng gần đó mời chúng tôi vào tiệm uống nước trà và chuyên trò. Trong lúc anh chị đang nói chuyện với chúng tôi khá vui và chụp vài tấm hình lưu niệm thì họ bỗng khựng lại, tôi nhìn ra ngoài thấy một người đàn ông ăn mặc com lê, cà vạt rất chỉnh, nhưng mắt thì thuộc loại cô hồn, đang theo dõi. Anh chị Hoàng nói đó là người của ban quản trị họ thấy người lạ nên họ để ý.

Tôi ra về lòng mang tâm trạng buồn vui lẫn lộn, vui vì thấy ba ngày ở Praha thật không uổng, vui vì nhìn thấy người Tiệp hiếu khách, trai gái xinh đẹp, cảnh đẹp, thơ mộng, gặp được vài đồng hương làm ăn khá phát đạt, nhưng đa số còn khó khăn, buồn vì sao cái gương sáng, lòng dũng cảm của người Tiệp lại chưa thấm được vào não trạng của các cán bộ CSVN, chưa cảnh tỉnh được họ. Đa số những người đi lao động, du học sinh ở Tiệp cũng như ở Nga đều mong muốn một VN tự do, và ngày họ trở về được như ý nguyện.

ĐỖ PHÚ (Virginia)

TÔI LÊN XỨ HOA ĐÀO

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Ngày chúng tôi đi Đà Lạt rơi đúng vào **13 tháng 12, 2004**. Tôi không tin đi đòan lăm, nhưng đã có vài trục trặc với con số đó nên cảm thấy một chút e ngại. Tôi cầu nguyện nhiều hơn những lần khởi hành khác.

Sáng sớm hôm đó, mỗi người chúng tôi chỉ đem theo một *suitcase* nhỏ và một túi xách tay. Những cái lớn gửi lại khách sạn, vì ngày 16 chúng tôi sẽ trở về Sài Gòn và lại ở đây thêm vài ngày nữa.

Lần này, có Hội, người đã cùng với chúng tôi đi Vũng Tàu trước chuyến du hành Hà Nội. Kể cả tài xế Cường, có sáu nhân mạng ngồi trên cái *mini-van* 7 chỗ. Xe đi ra đường bờ Sông Sài Gòn. Chúng tôi lại nhìn thấy bức tượng đồng Trần Hưng Đạo chỉ tay qua hướng mặt trời mọc bên kia Thủ Thiêm.

Có bốn bà cựu nữ sinh Trưng Vương trên xe nên Cường bắt buộc phải đi qua Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm rậm rạp bóng cây. Sáng thứ hai giờ đi học, nhiều tà áo trắng, nhiều quần xanh sơ-mi trắng đồng phục trên đường. Chắc ba bà cựu nữ sinh Trưng Vương đồng hành, cũng như tôi, bồi hồi trạnh nhớ tới hình ảnh mình một thời sách vở xa xưa.

Qua Sở Thú, qua Nha Chiến Tranh Tâm Lý cũ, xe chúng tôi phải chen lách

trên dòng xe cộ đông đảo trên Cầu Thị Nghè, rồi khu Thanh Đa và lên xa lộ Biên Hòa. Nghe nói khu cư xá này chờ ngày xập?!!

Nhà sàn nổi lênh bênh trên sông nước Đồng Nai bát ngát, sáng lóa ánh bình minh. Hai bên bờ sông thoáng mát, thưa thớt nhà cửa. Sông Đồng Nai, Biên Hòa gần Thành Phố Sài Gòn, tại sao thiên hạ không ra đây mua đất, mua nhà, lại cứ chen chúc trong cái thành phố đất đỏ, bụi bặm kia? Hình như phải ở thành phố có những dinh thự nhà nước, những chỗ ăn chơi, mới là dân tỉnh thành, văn minh... Mong rằng một ngày không xa, các công tư sở Việt Nam sẽ rời ra ngoại ô, các tỉnh lân cận và sẽ đem theo dân mới đến, ra khỏi thành phố, để Sài Gòn đỡ nghẹt thở, bớt ô nhiễm và lành mạnh hơn. Tôi chỉ mong Hà Nội và Sài Gòn khá được như thành phố nhỏ Reston tôi đang ở là vui rồi.

Xe ngừng lại một tiệm thuốc tây ở Tân Mai. Bà Dược Sĩ Ngọc Anh là bạn học của Hà và Bích từ đệ thất tới đệ nhất trung học. Đã học cùng trường, cùng lớp, cùng vượt qua những khó khăn sau năm 1975, khó lòng quên nhau và khó bỏ lỡ dịp đến thăm nhau dù chỉ được nhìn diện mạo nhau trong chốc lát, thăm hỏi vài câu thân tình. Bà bạn dược sĩ tặng Hà vài thứ thuốc mà Hà quên không mang theo từ Mỹ.

Qua Hồ Nai, xứ đạo Gia Kiệm, xa lộ rộng hơn, hai đường mỗi chiều. Xe chạy ngon chảnh mấy chốc đã đi qua Sông La Ngà, nơi Phước đã có lần đóng quân vào trước năm 1972. Khi nhận ra Định Quán vì những tảng đá lớn chồng chất lên nhau

hai bên đường thì xe đã đi qua đồn điền cao su mà một lần vào năm 1965 tôi và hai cậu con trai nhỏ đã một phen hoảng hốt, bị Việt Cộng lừa vào rừng tuyên truyền cùng với hành khách trên nhiều chuyến xe đi Đà Lạt. Sau khi được thả, xe của mẹ con tôi ngừng lại Định Quán cho hành khách giải lao như thường lệ.

Nhưng lần lên xứ hoa đào năm 2004 này chúng tôi chưa cần thiết phải ngừng ở Định Quán. Đường từ đây lên đồi xuống dốc, rừng cây xanh rì, hanh vàng ánh nắng. Một đoàn nữ sinh dắt hay ngồi xe đạp, hoặc đi bộ hai bên đường. Những dáng mảnh mai trong bộ quần áo dài trắng, nón lá che mái tóc kẹp dài sau lưng hay xoa vai. Các em đến trường hay tan học nhỉ? Lòng tôi lâng lâng vui. Ở vùng đồi núi tưởng quê mùa, nhưng các em vẫn được mặc đồng phục như các nữ sinh tỉnh thành. Mong rằng các em học hành giỏi giang, sẽ là tương lai lành mạnh và xán lạn của đất nước...

Đồi thông xanh ngắt đã bắt đầu xuất hiện hai bên đường. Từng luống trà được trồng từng bậc cao trên đồi. Vườn hồng trái đỏ ối trĩu trĩu nặng cành. Xe chúng tôi đã lên tới Bảo Lộc vòng vèo đường đèo cheo leo. Một bên sát vách núi đá lởm chởm, một bên vực sâu không nhìn thấy

đáy. Tài xế non tay lái là xe có thể lao xuống chầu Diêm Vương cả đám.

Không khí trong lành, mát lạnh. Tài xế ngừng lại nghỉ và cho chúng tôi ăn trưa tại một quán ở Tâm Châu. Trà, cà phê được trải ra phơi ngay hai bên đường.

Qua ngã rẽ đi phi trường Liên Khương, xe vào địa phận Đà Lạt của tỉnh Lâm Đồng. Nói tới Đà Lạt phải nhớ ơn Bác Sĩ người Pháp Alexandre Yersin¹ đã có công khám phá cao nguyên Lang Bian, 1893.

Ông sinh ra đời ở Thụy Sĩ, nhập quốc tịch Pháp, nhưng sống và làm việc ở Việt Nam nhiều hơn. Ông mất tại Nha Trang ngày 1-3-1943.

Hè năm 1955, tôi và bà chị Minh Tâm cùng một

nhóm bạn được Nhà Văn Văn- Quang và đồng đội Trường Biệt Động Quân Đồng Đế Nha Trang đưa đi viếng mộ Bác Sĩ Yersin tại Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa.



Hồ Xuân Hương

¹ Alexandre John Emile Yersin sinh ngày 22-9-1893 tại Thụy Sĩ. Yersin theo học ngành y khoa tại Paris. Ông nhập quốc tịch Pháp. Vì thích phiêu lưu mạo hiểm, ông làm y sĩ cho một tàu hàng hải đi Việt Nam. Rồi bỏ tàu đi thám hiểm và khám phá ra vùng cao nguyên Lang Bian vào năm 1893. Năm 1894 Bác sĩ Yersin khám phá ra vi trùng bệnh dịch hạch.

Từ năm 1899, chính phủ thuộc địa Pháp đã xây dựng Đà Lạt như một nơi dưỡng bệnh, một nơi nghỉ mát tốt cho họ vì khí hậu quanh năm ôn hòa, không khí trong lành, đồi thông, đồi cỏ xanh rì bát ngát, nhiều hồ trong xanh, thác nước hùng vĩ. Hoa nở, rau tươi có thể trồng bốn mùa. Dân trồng rau, trồng hoa Ngọc Hà, Nghi Tàm, Quảng Bá, ngoại ô Hà Nội được đưa vào định cư lập ấp canh tác rau, hoa tại Đà Lạt từ đầu thế kỷ 20.



Thác Prenn

Nhà phố, biệt thự xinh đẹp của Đà Lạt theo kiến trúc của các miền núi Pháp, Thụy Sĩ. Dinh thự, biệt điện, nhà ga, nhà thờ, trường học... cũng đều theo kiến trúc Pháp. Sau này, Đà Lạt trở thành một địa điểm du lịch và tuần trăng mật của dân bản xứ.

Trước năm 1975 tôi đã nhiều lần lên thăm viếng Đà Lạt, có lần ở vài tháng với gia đình, nhưng lần nào tâm tư cũng có chuyện buồn. Chiều nay, 13 tháng 12 năm 2004, tôi trở lại thăm Đà Lạt không vì kỷ niệm lưu luyến nào, nhưng vì Đà Lạt là một phần đất quý báu

của quê hương. Hãy quên đi thực tế và chỉ nghĩ tới thiên nhiên tuyệt vời và bất diệt.

Chiều chưa tắt nắng và tiệp đường, chúng tôi được đưa vào thăm thắng cảnh đầu tiên, Thác Prenn. Thác nước chảy ào ào từ bờ đá cao như mái nhà xuống con suối nhỏ có cầu treo bắc ngang. Một con ngựa thồ có yên đứng dưới gốc cây đợi chờ khách du lịch dạo quanh vùng thác. “Ngày xưa”, có lần tôi dẫn bốn cô cậu con đến thác chơi, chỉ có cậu cả 5 tuổi dám ngồi lên ngựa chụp hình. Còn ba cô cậu kia sợ rúm người không dám tiến lại con ngựa hiền lành.



Những ngày thăm viếng Đà Lạt lần này, chúng tôi ở Khách sạn Novotel², tiệp nghi vừa đủ cho cái nghĩa nghỉ ngơi, thoải mái, dù là phòng của tôi không nhìn thấy núi Lang Bian. Khách sạn Sofitel Dalat Palace³ ngay gần đó, lớn gấp bội, là tiền thân của Dalat Palace trước khi Miền Nam thất thủ, 1975. Ngồi xe van đường

² Novotel Dalat Hotel: Khách sạn 4 sao, được xây cất năm 1930.

³ Sofitel Dalat Palace Hotel: Khách sạn 5 sao, được xây cất năm 1920.

trường mệt mỏi, chúng tôi cảm thấy lồi thoi lếch thếch, không muốn đi vào một khách sạn sang trọng khi nhan nhản dân nghèo khắp nơi trên đất nước.

Hà Phước ở một phòng. Hợi và tài xế (cháu của Hợi) một phòng. Bích và tôi lại chung một phòng. Chiều đó, chúng tôi ra Le Café de la Poste gần Nhà Bưu Điện ăn cơm tối, rồi về phòng sửa soạn đi ngủ ngay để dưỡng sức cho chương trình du lịch ngày mai...

Đà Lạt ngày 14 tháng 12, 2004.

Nóng lòng xem cảnh Đà Lạt, 8 giờ sáng chúng tôi đã gặp nhau tại phòng ăn của khách sạn, ăn uống cho chắc bụng rồi hăm hở ra xe đi một vòng *city tour*.

Theo lời yêu cầu của tôi, xe đưa chúng tôi đến Đường Huỳnh Thúc Kháng (trước kia còn có tên thơ mộng là Đường Hoa Hồng), con đường đã ghi dấu vết chân mẹ con tôi trong vài tháng không nhà thuê chúng còn rất nhỏ. Chúng tôi ở vài lần trong căn biệt thự đã xảy một vụ án mạng rùng rợn, đẫm máu, mấy năm về trước. Bà chủ nhà đã bị quân hầu đầy tớ giết... Có một lần chúng tôi ở đó cùng thời gian với mẹ con chị Liên, vợ nhà thơ Hoàng Anh Tuấn.

Ngày nay, vài căn nhà trong khu biệt thự kia đã trở thành hàng quán gì đó. Trong vườn, cây cối um tùm, cao hơn xưa. Tôi đi ngoài tường rào biệt thự Hoa Hồng nhưng không nhìn thấy bông hồng nào, chỉ chụp hình với giàn hoa ớt đỏ ối, gọi là một chút kỷ niệm mới.

Đường Huỳnh Thúc Kháng hình như nhỏ hơn, ngắn hơn đối với Việt kiều, và xuất hiện một ngôi nhà kỳ dị: Nhà Điên (Crazy House), trông ma quái như hình ảnh Halloween ở Mỹ. Đây là bề ngoài một khách sạn mà dân Đà Lạt bây giờ rất hãnh diện như một kỳ quan mới của họ.

Sau Đường Hoa Hồng của ngày xưa, xe đưa chúng tôi đi Hồ Than Thở mà trước kia có tên Pháp Lac des Soupirs⁴ và bây giờ có tên Mỹ Lake of Sorrow. Một giai thoại tương truyền rằng trên đồi thông bên Hồ Than Thở có mộ Cô Thảo. Ông Tân, chồng cô đã ghi trên bia mộ của vợ hai câu thơ:

*Nước biếc non xanh dù thay đổi,
Ngàn năm Thảo vẫn sống trong Tân.*

Sau một chuyến du ngoạn Đà Lạt thuở học trò, tôi làm bài thơ Đường luật đầu tiên sau đây:

BÊN HỒ THAN THỞ

Bên hồ in bóng áng mây tan
Lặng lẽ tâm tư vọng nguyệt ngàn
Đồi vắng bờ vợ bia mộ đá
Rừng hoang lạc lõng cánh hoa lan
Vi vu gió lạnh lòng than thở
Xao xác lá vàng dạ thổ than
Người có dừng đây cho nhắn nhủ
Nỗi niềm cam nín vẫn miên man.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

⁴ Năm 1917, người Pháp đắp đập xây hồ Than Thở. Vùng đất rất hoang vu, chỉ nghe tiếng gió rì rào nên người Pháp đã đặt tên là Lac des Soupirs. Tạp chí Indochine Đông Dương năm 1941 chọn ảnh Hồ Than Thở làm hình bìa.

Thuở đó, mới lồm bồm vài câu tiếng Anh, tôi và mấy cô bạn học đã đổi tên Đà Lạt thành “Darling”, dù chưa có người yêu để hẹn hò trên xứ đó. Đúng là cái tuổi vẫn vợ!



Hồ Than Thở

Ngày nay Hồ Than Thở nước đục lờ, và nhỏ như một vũng nước đọng. Đồi thông bên hồ trở thành một công viên, Ghế đá đầy đó. Hoa lá, bụi cây được cắt tỉa, không còn hoang sơ, vắng lặng như mấy chục năm về trước. Tôi còn giữ một tấm hình được chụp hè 56 bên một gốc thông. Hôm nay tôi được Hà đạo diễn và cũng chọn một gốc thông cho tôi đứng để Phước chụp. Không biết có phải cây thông năm xưa không? Phước vẫn là tay chụp hình và quay phim cho phái đoàn, máy hình ở trên tay thì máy quay phim trên vai và ngược lại.

Chúng tôi không đi tìm mộ Cô Thảo, không muốn buồn hơn nữa cho cuộc đời đã đầy rẫy đau thương, con tim không chứa chất nổi.

Trên đường trở về trung tâm thành phố, chúng tôi đi một vòng Hồ Xuân

Hương. Đồi chõ xuống xe chụp hình với cảnh hồ. Nhà thờ Đà Lạt nhô lên trên rừng cây xa xa. Rặng Lang Bian⁵ mờ nhạt phía chân trời. Sân Golf Đồi Cù vẫn xanh mượt. Vườn hoa lối cỏ quanh hồ xinh tươi còn hơn thời Cộng Hòa. Công viên nào cũng được sửa sang chăm sóc tối đa để lôi cuốn khách du lịch là việc ưu tiên của nhà nước mà! Nhà Thủy Tạ Hồ Xuân Hương soi bóng nước khiến tôi nhớ đến Nhà Thủy Tạ Hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội. Nhưng một hiện tượng không có trước khi Cao Nguyên Lâm Viên rơi vào tay Cộng Sản Bắc Việt là cột truyền thông cao ngất ngưỡng sau nhà bưu điện ngày nay làm hỏng cảnh quan thơ mộng của Hồ Xuân Hương. Có thể những người Đà Lạt năm cũ chỉ còn thấy Hồ xuân Hương thơ mộng trong tâm hồn với những kỷ niệm xưa. Nhưng nhìn chung, cảnh hồ ngày nay vẫn đẹp. Đà Lạt vẫn cho tôi cái cảm tưởng thoải mái dễ chịu hơn tất cả các thành phố tôi đã đi qua trong chuyến du lịch Việt nam vào tháng 12 năm 2004.

Định tranh thủ thời gian ăn trưa tại nhà hàng Thủy Tạ ngay đấy, nhưng chỗ này đóng cửa sửa chữa, nên chúng tôi lại đến Café de la Poste bên kia đường cho đỡ mất sức.

Sau bữa trưa mau chóng, chúng tôi lại lên đường đi Thung Lũng Tình Yêu. Địa điểm này có tên Pháp là Vallée d'Amour, bây giờ có thêm tên Anh Valley of Love. Tên Việt, Pháp hay Anh đều thi vị, thích hợp với thành phố thơ mộng xưa, đã ghi lại

⁵ Rặng Lang Bian có hai ngọn cao hơn 2000m.

những chuyện tình say đắm, lãng mạn. Nào là tiểu thuyết *Vòng Tay Học Trò* của Nguyễn Thị Hoàng, *Thung Lũng Tình Yêu* của Lê Hằng.

Trên một quãng đường, rặng Lang Bian hiện ra thật gần. Chúng tôi hô hoán tài xế ngừng xe cho xuống chụp hình. Thung Lũng Tình Yêu xa thành phố nên trước 75, nên nhiều người sợ Việt Cộng không dám đến đó. Đây là lần đầu tiên chúng tôi đi thăm thú nơi hẹn hò của những kẻ yêu nhau, của những cặp uyên ương hưởng tuần trăng mật.

Thung Lũng Tình Yêu bên Hồ Đa Thiện, một trong những hồ lớn của Đà Lạt. Chúng tôi thuê một giờ thuyền máy hóng mát trên hồ. Xung quanh hồ đôi thông ngút



Thung Lũng Tình Yêu

ngàn. Nhưng có chỗ bị khai quang để dựng hàng quán, nhà cửa. Nhiều tròi lá nhỏ xiu hai bên bờ, có lẽ chỉ vừa đủ cho một cặp tình nhân, một cặp uyên ương trẻ trung mới cưới thủ thỉ. Đôi thông mất đi vẻ thiên nhiên và trông như vườn chơi trẻ con.

Trước khi rời Thung Lũng Tình Yêu, chúng tôi vào khu hàng bán đồ kỷ niệm mua áo, túi xách vải Thượng đem về Mỹ làm quà. Mỗi khi nhìn thấy con gái, con dâu và cháu nội dùng mấy món quà thô sơ ấy, tôi lại liên tưởng tới miền cao nguyên xanh

ngắt đôi thông và thanh lịch nhất quê hương.

Ngày 14 tháng 12, 2004, chúng tôi đi thăm Trúc Lâm Thiền Viện. Chùa ở trên một ngọn đồi cao, không có đường xe hơi lên, hay là xe du lịch không được phép lên chùa. Chúng tôi không định đi hành hương nên đã dùng *Cable-car*. Lẽ dĩ nhiên phải trả tiền, dịch vụ thương mại của thành phố mà. Lơ lửng trên không trung tôi rùng mình nhìn xuống thung lũng sâu hun hút bên dưới. Cũng may là được ngồi trong

cái thùng có dây điện kéo lên chứ phải leo chân lên núi như đi chùa Hương thì bà con xin hàng rồi.

Trúc Lâm Thiền Viện mới được xây cất vào thập niên 80s. Từ đầu cuộc du lịch Bắc Nam này tôi

chưa thấy ngôi chùa nào đồ sộ và được sơn phết lộng lẫy như chùa này. Chúng tôi không vào chùa, chỉ tản bộ ngắm cảnh xung quanh. Hằng trăm bậc thềm thang lên xuống trong sân chùa, không thấy một cọng rác, một chiếc lá rụng. Gần Lễ Giáng Sinh, khuôn viên thiền viện đỏ ối hoa trạng nguyên (*poinsettia*). Hàng chục chậu “bonsai” bên các thảm hoa đủ màu. Những cây *mimosa* lá bạc nở đầy hoa vàng nổi tiếng trong tập thơ *Truyện Chúng Mình* của Nhà Thơ Nhất Tuấn.



Trên sân Trúc Lâm Thiền Viện. Dưới là Hồ Tuyên Lâm. Phía xa là Rặng Lang Bian.

Rừng thông và rừng trúc trông như trong tranh Tàu cổ kính. Bụi cây nào cũng được tĩa xén thành hình thù thú vật, rồng, công, phượng, kỳ lân, voi, ngựa... Nhiều dây phong lan hoa nở, mọc bám trên các thân cây già. Không khí yên tĩnh, êm đềm. Vài nhóm du lịch khác đi lại trong công viên vẫn không nghe tiếng động, tiếng nói ồn ào. Trời xanh bao la, núi non trùng điệp. Dưới thung lũng sâu hun hút, Hồ Tuyên Lâm mênh mông xanh biếc, lớn nhất Đà Lạt. Từ một góc cạnh trên sân thiền viện, bộ ngực của nàng Lang Bian nhấp nhô phía chân trời. Bức tranh thủy mặc thiên nhiên vẫn quyến rũ lòng tôi hơn cả. Đó là hình ảnh đầu tiên hiện ra trong trí tưởng tượng của tôi mỗi lần nghĩ tới Đà Lạt.



Thác Gougah

Tuy nhiên, nhìn cảnh Đà Lạt hiện tại, nhưng tâm hồn tôi trở về xứ hoa đào của dĩ vãng, của những lần đến Đà Lạt để giải khuây, giải sầu thuở nào. Tôi đã gửi gắm, nhiều tâm sự với cảnh thiên nhiên của Đà Lạt để vơi đi nỗi buồn khó giải bấy được với ai. Cảm ơn người tình tri kỷ Lang Bian!

Rời Trúc Lâm Thiền Viện, chúng tôi may mắn lại có *cable-car* để hạ sơn. Cái bụng đói meo và thêm một tô phở. Chúng tôi đã giải quyết vấn đề khi về đến phố chợ. Hình như ai lên Đà Lạt cũng phải thưởng thức món phở nóng bốc khói trong không khí lạnh lạnh ngoài trời và cảm thấy khỏe khoắn tỉnh táo con người.

No đầy bụng lại phải đi bộ cho tiêu, chúng tôi lang thang vào chợ Đà Lạt⁶. Các xạ trái cây cao ngất ngư như bao giờ. Có lẽ chẳng ngôi chợ nào có nhiều trái *artichaut*, nhiều dâu tươi, dâu rượu như chợ Đà Lạt. Trong các thứ rượu tôi chỉ uống được một thứ là rượu dâu với đầy một ly đá. Không có nhiều thời giờ nên tôi không có ý định say sưa với thứ rượu mà người ta gọi là rượu cho đàn bà, con nít.

Những xạ bán hoa rực rỡ, ngát hương. Tôi đi tìm, ngắm nghía những

⁶ Chợ Đà Lạt theo đề án của Kiến Trúc Sư Ngô Viết Thụ từ năm 1958 và hoàn thành năm 1962.

loại hoa có tên lãng mạn như *pensée*, *forget me not*, *immortelle* của thời học trò mơ mộng. Gần như đủ các loại hoa đang được bày bán ở đây chỉ thiếu hoa đào.

Tôi cũng chưa lần nào đến Đà Lạt vào mùa hoa đào, nhưng đã xem nhiều tranh ảnh, đọc nhiều thơ văn, nghe các bài hát ca tụng xứ Hoa Đào và tưởng tượng cảnh hoa đào nở bên bờ hồ Xuân Hương và khắp núi đồi Đà Lạt vào mỗi mùa xuân tuyệt vời như thế nào. Nghe tôi than thở vậy, một người ái mộ Ngọc Dung thuở còn là thiếu phụ độc thân, đã đem đến cho nàng một cành hoa đào Đà Lạt vào một dịp Tết. Nhưng tiếc rằng Ngọc Dung chỉ dám thương hoa, không dám thương người độc thân, học rộng, tài cao, đáng mến. Chuyện hoa đào Đà Lạt của Ngọc Dung chỉ có vậy, không lâm ly, bi thiết như những giai thoại nào nùng hay bi thương khác của một số người Đà Lạt.

Trở lại buổi viếng thăm chợ Đà Lạt mùa đông 2004, tôi mua một giỏ hoa bất diệt, cánh hoa khô nhưng không bao giờ héo. Vì thế hoa cũng được gọi là hoa *immortel*. Những bông hoa bất diệt đó vẫn nằm trong giỏ bên cạnh cây cảnh khác trong phòng kiếng nhà tôi bây giờ. Có lẽ khi hoa được đem đến mộ, kẻ nhắm mắt là đời vẫn còn mơ mộng!

Cũng chưa hết cái tật thích ăn quà vặt và vẫn còn mê ăn mít khoai Đà Lạt, nên khi rời chợ, chúng tôi mỗi đứa có trên tay gói mít khoai, vừa bách bộ xuống bờ Hồ Xuân Hương vừa nhâm nhi những miếng mít đặc biệt trong dẻ.

Để hưởng thêm một thú nữa của Đà Lạt, buổi tối, sau khi đi ăn qua loa ở một tiệm gần khách sạn, chúng tôi phải đi tìm mùi ngô nướng nữa mới trọn vẹn cuộc du lịch Đà Lạt chứ. Mỗi “bà” suýt soa ôm trong đôi bàn tay một cái bắp nóng vừa lấy ra từ lò than hồng để tìm cái hương thơm môi miệng con gái thuở nào.

Và, buổi tối đó là buổi cuối cùng chúng tôi ở Đà Lạt. “Rồi mai tôi sẽ xa Đà Lạt, thành phố này xin gửi lại cho anh...”⁷ Tôi không có anh nào ở Đà Lạt nhưng sao mỗi khi nghe bài hát này lại cảm thấy vơi vơi buồn!...



Song Hà đứng dưới
Thác Damb'ri.

Sáng 16 tháng 12, 2004, chúng tôi rời Đà Lạt trở về Sài Gòn. Nhưng còn hai cái thác nữa ở phía Nam Đà Lạt, trên đường về, tài xế và Hợi muốn đưa chúng tôi đi coi. Thác thứ nhất là Thác Gougah cách Đà Lạt khoảng 40 cây số. Màn nước của thác cao hơn Thác Prenn, cao hơn cái nhà 4 tầng.

⁷ Nhạc phẩm « Tình Yêu Như Bóng Mây » của Song Ngọc.

Nước chảy ào ào, dù đang trong mùa khô cạn.

Thác thứ hai là Thác Damb'ri trong vùng Bảo Lộc cách Đà Lạt khoảng 100 cây số. Đường vào gần thác gập ghềnh, bụi đỏ mù mịt. Xe có máy lạnh, cửa đóng kín. Tôi vẫn hít ngửi thấy bụi và ho liên hồi. Xe đi mãi không tới nơi và cứ nhảy lên chồm. Bàn tọa nảy lên rơi xuống liên hồi. Lưng eo ê ẩm. Đường vắng hoe, rất ít xe cộ đi lại. Tôi nghĩ thầm: “Không biết có cái gì hay ho để xem mà phải vất vả, cực khổ thế này? Bây giờ mà có bọn cướp nào xông ra thì bỏ xừ.”

Rồi một dòng sông nhỏ hiện ra. Xe ngừng lại. Âm thanh nước chảy âm âm, nhưng chẳng nhìn thấy thác đâu. Chúng tôi phải đi vào thang máy cao cả trăm thước để xuống đáy thác mới nhìn lên đầu thác được. 60 thước nước rơi xuống một thêm đá rồi chảy xuống một thêm đá dốc 10 thước nữa xuống dòng sông cạn dưới thung lũng rộng. Damb'ri là thác hùng vĩ nhất Cao Nguyên Lâm Viên và đang được khai thác thành địa điểm du lịch lớn trong tương lai. Tuy nhiên nơi đây cũng đã có vài quán bán hàng kỷ niệm, cũng có ngựa thồ cho du khách đi thăm thú trong vùng, có cầu bắc ngang thác. Bụi nước bắn tung như mưa phùn. Chúng tôi đứng cách thác mấy trăm thước cũng bị ẩm ướt.

Mong rằng Damb'ri cũng sẽ là địa điểm lối cuốn khách du lịch đem tài nguyên lợi tức cho dân trong vùng. Cũng như khắp làng thôn quanh Đà Lạt. Dân nghèo Bảo Lộc vẫn ở trong những nhà mái tôn, vách gỗ xiêu vẹo hai bên đường.

Đà Lạt còn có Thác Cam-Ly, Thác Pongour, còn có Suối Vàng, đèo Ngoạn Mục. Tôi không thiết tha các địa điểm nhân tạo lắm, nhưng vẫn thăm nhủ nếu có dịp lần sau về sẽ không bỏ qua những cảnh thiên nhiên đó và sẽ đi đến một nơi không có chướng ngại vật nào cản tầm mắt nàng Lang Bian.

Tuy nhiên, năm 2006, vợ chồng cô em Hà – Phước lại về Sài Gòn. Tôi chụp ngay cơ hội, dẫn cậu con trai thứ hai, Trường Sơn theo, vừa đi vừa về có 12 ngày. Chúng tôi lại lên Đà Lạt cho Sơn thăm nơi đã cùng mẹ và anh em lên chơi vài lần. Nhưng chúng tôi không trở lại Damb'ri và cũng không đi thăm được danh lam thắng cảnh nào khác của Xứ Hoa Đào.

Người Việt đã từng ở Âu hay Mỹ đã từng du lịch nhiều, thì những cảnh như Đà Lạt không có gì là thơ mộng, hùng vĩ tuyệt vời. Nhưng người Việt vẫn nặng tình với Đà Lạt vì những kỷ niệm quý báu, nên vẫn lưu luyến, nhớ thương Đà Lạt. Hay Đà Lạt trong tâm tưởng vẫn còn thơ mộng, lãng mạn vì những kỷ niệm yêu dấu xưa.

Tôi không phải là người sinh sống ở Đà Lạt, nhưng từ ngày về thăm lại đà Lạt, mỗi lần nghe câu hát “Ai lên Xứ Hoa Đào, dừng chân bên hồ nghe chiều rơi...”⁸ hình ảnh, kỷ niệm cũ, mới với Đà Lạt lại thêm bồi hồi tiếc thương hơn...

(Trích trong bút ký *Bước Lại Đường Quê*)

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

(Virginia)

⁸ *Ai Lên Xứ Hoa Đào* : nhạc Hoàng Nguyên.

GIÓ BAY

Khép đôi cánh mỏng phiêu diêu
Chập chờn lãng đãng sáo diều trong mơ
Tàn canh mê mải đợi chờ
Tháng năm đằng đẵng mộng hồ xót xa

Đã đành tình cũ phai pha
Đêm đêm chiếc bóng chiều tà nhớ mong
Tơ hồng ướt sũng còn hong
Dấu chân lối cũ rêu phong phủ đầy

Người đi đỉnh núi giăng mây
Chênh vênh bóng nguyệt liêu gầy phơi sương
Năm cung lỗ chọn cung thương
Âm ba nảo nuốt đêm trường ngấn ngơ

Cung sầu trùng những dây tơ
Lời thề ngày ấy bây giờ gió bay.

QUỲNH ANH

(Virginia)

Đốt nén hương trầm nghênh Tết đến
Tìm người tri kỷ đón Xuân sang
Vài câu ghi lại tình thơ ngọc
Dăm chữ trao đi nghĩa bút vàng.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

KHÍ THIÊNG SÔNG NÚI

Kính dâng Đức Trần Hưng Đạo.

Như giòng thác đổ hịch ban ra
Lớp lớp ba quan sóng vỗ òa
“Vạn Kiếp” bùng reo ngày đại thắng
Ngàn thu vang dội khúc hùng ca
Lời vàng chí cả nghiêng trời đất
Gươm báu lòng son đẹp sử gia
Động mối can tràng ngày Hủy Nhật
Cội nguồn nhớ lại tử riêng tai

VÂN NƯƠNG LNC (France)

MÃI CÒN XUÂN

Giao Thừa vắng vắng tiếng chuông ngân
Một cánh thiên hương nổ trắng ngàn
Hương ngát muôn phương lời nguyện chúc
Men nồng tám hướng bước thanh tân
Chân linh trải sáng nguồn thi đạo
Tâm tịnh bao quanh khói đỉnh trầm
Núi được thời gian thay tạo hóa
Tâm hồn trẻ lại, mãi còn xuân.

KIỀU ANH (Minneapolis)

Lá chết

Les Feuilles Mortes

Thi-tứ : Jacques Prévert
Thi-từ : Nguyễn Tường-Vân
Nhạc-phổ : Phạm-Tuân

The musical score is written in treble clef with a key signature of one sharp (F#) and a common time signature (C). It consists of seven staves of music with Vietnamese lyrics underneath. The lyrics are: Ôi mùa thu, mỗi khi nhìn lá chết, Anh mong Em nhớ lại những ngày vàng, Những quầng đời mà hai đứa thên thang, Không hò - hẹn, bỗng dưng thành đôi bạn. Trời thuở ấy rộn-ràng bao ánh - sáng, Đời vui - tươi, nắng đẹp hơn bây giờ, Lá vàng rơi, vàng úa cả trời thu, Em thấy không, Anh vẫn còn nhớ - nhưng . Anh vẫn nhớ bài ca Em đã

Lá chết



19 hát một bài ca, quẩn-quít lừa dối mình. Em yêu

22 Anh, và Anh yêu Em nữa, Đời mãi yêu theo tiếng hát êm -

25 dềm. Nhưng đời như chiếc lá vàng tê - tái, đã chia

28 lià hai đứa vẫn yêu nhau, Như biển kia tình cũng cuốn đi

31 mau theo thời - gian, cát xoá dần dấu chân ! Lá vàng

34 rơi và thời xưa đã mất, Tình xưa ơi, nay tan biến về

37 đâu. ? Người xưa ơi, còn luyến-tiếc gì nhau ? Khi thu

40 tới với một rừng lá chết ? Người xưa ơi, còn trách-móc gì

43 nhau ? Khi thu về, với một rừng lá khô !

Trùng tu bảo tồn di tích

Diệu Tần

Trong dịch vụ du lịch, vốn cố định là những thắng cảnh, những danh lam, những di tích văn hóa, lịch sử của một quốc gia, không kể đến vấn đề tổ chức, quản lý, nhân viên, vấn đề nghỉ ngơi (khách sạn), ẩm thực (nhà hàng, tiệm ăn), giải trí (trình diễn văn nghệ, sân khấu). Dịch vụ du lịch là một tổ chức, hoạt động điều hành cách sao để “mời” cho được nhiều tiền của du khách, họ sẽ móc ví một cách tự nguyện và vui vẻ.

Một trong cái vốn sẵn có là các danh lam, thắng cảnh như thiên nhiên rừng, núi, sông, suối, thác ghềnh. Phải biết bảo tồn vốn quý đó và bảo tồn những kiến trúc cổ xưa còn tồn tại mang tính chất tôn giáo và văn hóa như đình, chùa, miếu, đền, nhà thờ, thánh thất ... Đó là tài sản quốc gia là những chứng tích của một nền văn hóa, mời du khách ngoại quốc đến thưởng lãm.

Cách đây hơn nửa thế kỷ, hãy nhắc đến một thí dụ về nhiệm vụ phải bảo vệ cảnh thiên nhiên của một di tích lịch sử và một thắng cảnh Văn Miếu hay Quốc Tử Giám, Hà Nội. Năm 1953, ông Nguyễn Gia Đức (em ruột họa sư Nguyễn Gia Trí) Giám đốc Sở Bảo tồn Cổ tích đã phải tranh đấu vất vả để bảo vệ những cây xòai cổ thụ. Hội đồng Quản trị Văn Miếu lấy cớ rằng cần phải chặt bỏ những cây xòai cổ thụ đã bị khô trong Văn Miếu để tránh nguy hiểm cho người đến văn cảnh, cũng như tránh hư hại mái của các dãy nhà cổ. Các cụ có báo cho Sở của ông Đức rõ, ông đọc bản giao kèo giữa nhà thầu chặt cây với Hội đồng và theo dõi từng cây bị chặt bỏ.



Văn Miếu

Ông tìm ra là có một số cây còn sống còn tươi tốt cũng sẽ bị hạ, bèn can thiệp, không cho chặt những cây đó để bảo vệ cảnh đẹp của di tích này.

Các cụ trong Hội đồng chủ trương cứ theo bản giao kèo thi hành, vì có thể mới có tiền chi dùng việc hương khói, và cho biết việc điều hành trong Văn Miếu là của các cụ, vì hội này có tính cách tự trị. Các cụ quên là Quốc Tử Giám được xây dựng từ thế kỷ thứ 11, đã được liệt hạng cổ tích quốc gia, do Sở Bảo tồn Cổ tích chịu trách nhiệm. Ông Đức vội lên gặp các giới chức bộ Thông tin, Bộ Quốc Gia Giáo dục, Tòa Đốc lý Hà Nội mới cứu được những cây xòai cổ thụ còn tươi tốt để cảnh quan không bị trống trải, khô khan.

Về kiến trúc cổ, chùa Diên Hựu hay chùa Một Cột là một trường hợp điển hình có sự mâu thuẫn nặng nề giữa quyền lực chính trị và nhu cầu bảo tồn di sản quốc gia. Chùa Một Cột có mặt từ đời Lý thế kỷ thứ 12, còn chỗ Hồ đang nằm chỉ có khoảng trên 30 năm nay thôi. Địa điểm này thời Pháp

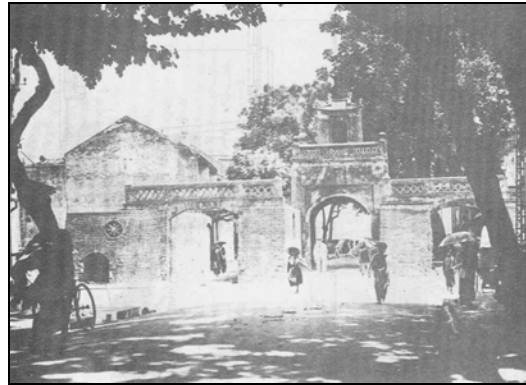


Chùa Một Cột

thuộc dân quen gọi là Vườn Hoa Con Cóc, vì tại công viên đó có mấy con cóc giả phun nước, gần trường Trung học Albert Sarraux. Nguồn tin mới tiết lộ là khi xây chỗ cho Hồ những người có trách nhiệm muốn phá bỏ ngôi chùa đặc biệt có một không hai trên thế giới cho rộng chỗ, cho vĩ đại hơn. Nhưng có lẽ vì còn e ngại nên họ chỉ ra lệnh phun nước vào chùa để chùa phải đổ.

Rất may là ‘chương ngại vật’ vẫn còn trợ trợ, nhưng người ta cho biết chùa nằm vào thế kẹt ngó rất khiêm nhường và thậm hại, nép mình sau những kiến trúc đồ sộ. Người ta còn nhớ cách đây khoảng trên chục năm xảy ra vụ tranh chấp và chuyện một vị sư trụ trì bị đuổi ra khỏi chùa Một Cột. Rất có thể là chuyện thừa kiện đó liên hệ đến chuyện phá bỏ hay không phá bỏ ngôi chùa độc đáo này. Rất nhiều người cho rằng kiến trúc này là do ý niệm hoa sen Phật Giáo, “*gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*” chiếc cột duy nhất là cuống sen, ngôi chùa nhỏ bên trên là kiểu thức hóa một đóa hoa sen, hình vuông hồ tượng trưng cho Đất. Nguồn tin kể rằng chùa do vua Lý Thái Tôn cho xây để tạ ơn và thờ Phật bà Quan Âm. Vị Phật bà đã báo mộng cho vua là ông sẽ có một Thái tử, vì ông hiềm hoàng nam, cầu xin có một người nối dõi.

Mục tiêu bảo tồn cổ tích, di sản văn hóa thường bị nhu cầu sinh hoạt thực tế và nhu cầu kinh tế địa phương lấn áp. Ô Quan Chưởng ở phố hàng Chiếu, cửa Ô duy nhất còn tồn tại, tuy đã được xếp hạng, nhưng bà con buôn gánh bán bưng coi như không cần biết, họ ngồi dưới cổng bày hàng, bày món ăn, ăn uống thoải mái, quần áo chiếu chần treo ngang dọc. Một số miếu nhỏ cũng lâm vào tình trạng này, không những ở Hà Nội mà ở nhiều tỉnh khác nữa. Trong ảnh chụp khoảng thập niên đầu, năm 1900 trong số 44 Cỏ Thơm có in hình tam quan cửa Ô này còn đủ 3 cổng ra vào, đến chỉ còn một cổng chính, có lẽ nhờ người có trách nhiệm đã cố gắng bảo tồn cho đến năm 1945.



Ô Quan Trưởng đầu thế kỷ XX

Một di tích đáng giữ gìn đã bị phá hoại cách đây không lâu, đó là Hòn Vọng Phu ở Lạng Sơn.

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh

Ngày nay có nàng Tô thị ‘giả’, nàng Tô Thị (không rõ tên gọi) thật đã bị người ta phá đi để lấy đá xây nhà. Chuyện xảy ra cơ quan có trách nhiệm không hay biết, và cũng chẳng lưu tâm sau khi tượng bị phá cùng với môm núi. Đó là một môm đá tự nhiên có hình dáng một người đàn bà bế con. Nàng Tô Thị bồng

con ngóng chồng chinh chiến chống giặc xâm lăng, mãi không về, nàng và đứa con mòn mỏi đợi chờ và hóa đá. Nàng Vọng Phu có mặt ở Thanh Hóa, Quảng Ngãi, nhưng ở gần động Tam Thanh thuộc tỉnh lỵ Lạng Sơn là một hòn Vọng Phu nổi tiếng nhất đã đi vào ca dao. Sát tỉnh lỵ có ba động, Nhất Thanh, Nhị Thanh và Tam Thanh, hai động sau có hai ngôi chùa nổi tiếng và đều gần Hòn Vọng Phu, còn Đồng Đăng cách tỉnh lỵ 14 cây số.

Chuyện xảy ra, dân kêu, lúc đó người ta mới đổ lỗi cho nhau, Sở Thông Tin đổ lỗi cho Sở Giao thông Công Chánh, nơi này cho rằng đó là lỗi của Ủy ban Nhân Dân. Người ta che giấu lỗi và chỉ nói qua loa: Do tác động thiên nhiên và con người gây ra, tượng đã được làm lại, không dám nói rõ là nhà thầu dùng chất nổ khai thác đá và cho nàng Tô Thị tan tành luôn. Người ta đã cho pác chế lại, tức là đã dựng lại hòn Vọng Phu đó. Nhưng đó là một hòn Vọng Phu giả, nhân tạo, không còn giá trị cổ tích, cò mang tính cách lừa dối du khách.

Tại tỉnh Ninh Bình, nơi xuất phát của Đinh Bộ Lĩnh và nhà Tiền Lê, nhưng tượng hai ông vua đầu của hai triều đại này đều bị xử tử hình rất ghê gớm. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ vua Lê chỉ cách nhau nửa cây số, nhưng không rõ chính quyền xã Trường Yên và huyện Hoa Lư trông nom cách sao, kẻ gian đã chặt đầu vua Đinh, đầu tượng vất lẫn lóc gần đó. Còn tượng vua Lê Đại Hành (Lê Hoàn) bị mổ bụng tanh banh, vì kẻ gian nghĩ rằng ở trong ruột tượng phải có vàng! Không rõ kẻ gian giám lỏng hành, hay có sự tiếp tay của những người giữ an ninh?

Tại khu An Sinh, huyện Đông Triều, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh, nơi lui về tĩnh dưỡng của các vị vua triều Trần, của các Thái thượng Hoàng, cũng không tránh khỏi cảnh bị phá phách thô bạo. Tại khu lăng cũ và đền thờ 5 vị vua thi tháp Phật Hoàng, ngôi tháp thờ vua Trần Nhân Tông, người sáng lập phái Thiền Trúc Lâm bị đào rỗng ruột, cũng không

ngoài lòng tham xúi giục. Một thạch thất nhỏ dựng bằng những tấm đá xẻ mỏng, mái cũng lợp bằng đá, bị đập phá. Ngay tại thị trấn Đông Triều có ngôi đình cổ Trạo Hà cũng bị kẻ gian đào phá.



Đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng ở Hoa Lư

Nếu kể ra và liệt kê đầy đủ những hành động phá hoại di tích và danh lam thắng cảnh chắc chắn còn nhiều. Đình chùa, miếu, đền theo quan niệm đông phương là trải ra chiều rộng, phải có cảnh quan rộng, nhưng vì nhu cầu đô thị hóa, như cầu xây cất gia cư nên những di tích tôn giáo và lịch sử văn hóa dần dần bị thu hẹp lại, bị những tòa nhà cao tầng bao vây ngấm lại thấy ngao ngán, chua xót. Thí dụ thấy rõ nhất là

Chùa Láng (xã Yên Lãng) ngoại ô Hà Nội vừa là thắng cảnh vừa là di tích văn hóa, nay thuộc quận mới lập Cầu Giấy, đã bị nhà cao tầng bao vây. Làng Láng nổi tiếng về cây húng Láng (rau quế) và cà pháo, cà bát, nhưng càng ngày đất trồng bị thu hẹp, húng Láng ngày nay hương vị kém xưa rất nhiều.

%

Những vốn liếng để phô bày văn hóa, văn học, nghệ thuật cho du khách đến thăm, cho



Chùa Láng

học sinh, sinh viên trong nước đến tìm hiểu, học hỏi, còn phải kể đến các tác phẩm nghệ thuật, kể cả các cây cối, hoa quả hiếm quý. Như ở Hawaii người ta nghiên cứu để nhập những giống thực vật hợp với khí hậu, thổ nhưỡng nhiệt đới. Cứ cái đà này, mở thêm quận nội thành mới cho Hà Nội như Cầu Giấy, Thanh Xuân, Tây Hồ những vườn hoa ở Ngọc Hà, Nghi Tàm, nhất là hoa đào nổi tiếng Nhật Tân cứ bị nhà cửa lấn chiếm, biết đâu sẽ có ngày tuyệt giống, nếu không biết duy trì hoặc đem trồng vùng đất khác.

Chúng ta còn nhớ công trình di chuyển những di tích cổ của Ai Cập, những tượng đá, những con thú đầu người mình sư tử to lớn Sphinx, nặng nề lên một vùng đất cao hơn. Tại vị trí cũ, mực nước sông Nile đã dâng ngập do công trình thiết lập đập Assoun. Dự án lớn rất tốn kém này đã được Liên Hiệp Quốc tài trợ và công cuộc cưa cắt, đào bới, nâng lên, di chuyển cổ vật và đặt xuống vị trí mới có nghiên cứu có thiết kế đàng hoàng, đã thành công. Đây không những là di sản của Ai Cập mà là di tích của cả thế giới.

Một thí dụ về tài sản văn hóa nghệ thuật là một họa phẩm giá trị của họa sĩ sơn mài Nguyễn Gia Trí xuyết bị người ngoại quốc mua mất. Bức họa sơn mài lớn mang tên “Trung Nam Bắc một nhà” nổi tiếng, có rất nhiều nhà sưu tập tranh Việt Nam muốn mua, trong khi người cầm quyền không hiểu giá trị

họa phẩm, lơ là chuyện bảo vệ di sản nghệ thuật. Dường như tên họa phẩm này do Nhà Nước đặt, không phải do Nguyễn Gia Trí đặt. Cuối cùng thành phố phải bấm bụng chi ra 80 triệu đồng để giữ lại cho Viện Bảo tàng Sài Gòn, nếu chậm chút nữa bức họa lớn và giá trị cao đó đã bay đi ngoại quốc.

Có rất nhiều tháp Chàm, đình, chùa, đền, miếu từ nam chí bắc, chưa bị phá, nhưng bị lấy cắp những hiện vật rời và hiện vật gắn liền với di tích. Vì lấy cắp được tượng, bằng sắc vua ban thời xưa, đồ thờ quý bán cho những người ngoại quốc chơi đồ cổ, hoặc mua cho viện bảo tàng của nước họ, sẽ được giá cao. Không kể cách tô điểm trang trí cho di tích cũng bị người trong nước chê trách. Họ cho viết những chữ Hán xấu xí, vô nghĩa, nội dung tầm thường, dùng những màu sắc lòe loẹt, sồng sồng, những cách trình bày vụng dại, ngây ngô, thô thiển. Một thí dụ cho thấy rõ cách trùng tu của thắng cảnh và di tích Chùa Hương. Ngay từ khi đi đò để tới nơi du khách đã bị những người lái đò tấn công, tranh dành khách, chưa kể nạn đò nhỏ nguy hiểm và chém tiền đò vô tội vạ. Trên đường leo bậc cấp lên núi, xuất hiện rất nhiều miếu am tạm cất lên tô điểm xanh đỏ lòe loẹt để làm tiền du khách. Một điều kiện khác nữa khiến du khách ngoại quốc không dám thăm Chùa Hương nữa là tuy có hàng quán nơi tụ



Tháp Chàm, Nha Trang.

hợp động người, nhưng không có nhà vệ sinh. Ngoài ra suốt dọc đường leo núi rất dơ dáy, rác rến, bần thiu, người ta chỉ biết thu tiền, không chi ra để dọn sách sẽ, phong quang.

Nhìn sang các nước khác, khách du lịch Cam-pu-chia thấy những hình tượng trong Angkor Vat và Angkor Thom bị nhiều vết đạn nã vào. Nhưng di tích quý báu này đã được coi như kỳ quan thứ Tám của hành tinh, to lớn quá, vĩ đại quá, những trảng đạn nhỏ bắn vu vơ, tình nghịch, không gây hư hại lớn. Chỉ có tại Afghanistan vì nguyên do kỳ thị tôn giáo, năm 2001, nhóm Taliban quá khích đã ra lệnh phá hủy tất cả tượng Phật. Chúng đã dùng súng lớn để phá hai bức tượng Phật lớn khắc vào núi đá. Hành động này ngu xuẩn này đã bị quốc tế lên án nặng nề. Sau này nếu có tái tạo được chẳng nữa cũng rất khó và đã mất tính cách lịch sử. Một phụ nữ người Anh đã có kế hoạch dựng lại hai bức tượng đó, không rõ đến nay đã tiến triển ra sao hoặc bà ấy đã bỏ cuộc?



Hòn Phụ Tử, Hà Tiên

Mới đây nhất, năm 2006 hòn Phụ của thắng cảnh hòn Phụ Tử ở Hà Tiên, Kiên Giang, đã đổ xuống biển. Ở đây không nói đến diêm gờ cho chế độ (hòn Cha đổ thì hòn Con cũng sẽ đổ và chế độ cũng đổ theo) chỉ bàn về trùng tu, bảo tồn di tích, cảnh đẹp. Hãy nghe họ tả vẻ đẹp của Hòn Phụ Tử: “Từ Hòn Trẹm

đi ra (hướng biển) khoảng 1 cây số đến Chùa Hang. cách Chùa Hang vài trăm mét là Hòn Phụ Tử, giống hình hai cha con quần quít bên nhau. Trải qua bao tháng năm sóng biển đã đục sâu vào thân hònlàm thành hai cái chân sóng. vào lúc thủy triều xuống, mặt nước thấp, du khách sẽ nhìn thấy những đợt sóng trắng liếm vào chân hòn rồi lắng đi trong hang. Lúc ấy dường như hòn Phụ Tử bay lơ lửng trên mặt nước trong xanh..”.

Bây giờ thì hòn Phụ đã ngã xuống biển àa cứ đà này hòn Tử cũng sẽ ngã theo. Người dân địa phương thấy trước hậu quả sẽ xảy ra, có báo động với giới cầm quyền Thị xã Hà Tiên, nhất là với Sở Thông Tin Văn Hoá, nhưng không ai nghe, không ai chú ý đến. Khi hòn Cha đổ người ta mới trách lẫn nhau, rồi muốn phục chế lại. Dựng lại một hòn núi nhỏ ở bờ biển chắc chắn không phải là công tác dễ dàng. Nếu biết lo xa, khi được báo động cơ quan có trách nhiệm phải chú tâm và lo bảo vệ. Các nhà khoa bảng về hải dương học, địa chất học phải được thông báo, nhất là người có quyền cấp Tỉnh, Bộ Thông Tin Văn Hoá tại Hà Nội và phải tìm kế hoạch bảo tồn hòn Phụ Tử.

Như vậy chúng ta có thể kết luận rất đơn giản, vì nguyên do gì xảy ra những vụ phá hoại, phá phách, ăn trộm, ăn cắp di tích, cổ vật...như thế? Trước hết là nhà cầm quyền không ý thức được tầm quan trọng trong nhiệm vụ bảo vệ bảo tồn di tích văn hóa lịch sử, giữ gìn danh lam thắng cảnh quốc gia, họ chỉ biết cái lợi trước mắt, chỉ khai thác những nguồn lợi xóc nổi. Sau đó là dân chúng thiếu giáo dục về công dân, về cộng đồng, xã hội. Cuối cùng là do hậu quả tất nhiên của một xã hội không có công bằng, bình đẳng, bởi khoảng cách giàu nghèo quá xa, dân nghèo phải dùng mọi cách, dù là bất hợp pháp để sống còn.

DIỆU TÂN

San Jose, California.

LÊN ĐƯỜNG

Lên đường du tử rời phương đông
Hấp hối chiều vương chút nắng hồng
Phố cũ chìm dần trong bão cát
Thành xưa vỡ vụn giữa đồng không
Núi sông xa lạ còn mời gọi
Vó ngựa rã rời vẫn ruổi rong
Bóng xế trăng soi đời lữ thứ
Đêm dài trần trở mộng lưu vong.

LÝ HIẾU

*

NỬA VÀNG TRĂNG THU

Tiến người về bến sông xưa
Nơi đây buồn bã gió mưa toi bờ
Mỗi người đi mỗi phương trời
Gặp nhau ứa lệ, nghẹn lời nói năng.
Nợ người có nửa vàng trăng
Mà chưa đền trả nên vàng trăng nghiêng
Nợ người nửa khối tình riêng
Nửa đời biệt qua miền lưu vong.
Ánh trăng soi bước long đong
Mỗi người cách một nửa vòng trăng quay
Người đi nước mắt còn đầy
Ta về nửa tỉnh nửa say giữa đời.
Thu này lạnh lắm Thu ơi!
Lá vàng sao cứ rơi hoài chẳng ngưng.

ĐẶNG NGUYỄN

Thu 2008.

MÙA ĐÔNG

Niềm vui không cất cánh
Thành nỗi buồn mênh mang
Chiều Đông không đủ lạnh
Sao cây khô lá vàng ?

Mùa Đông mùa Đông về
Lang thang hồn gió cũ
Cây lá khóc ngoài kia
Em chờ ai song cửa ?

Đời vui không còn nữa
Còn một chút đam mê
Chiều in trên phố cũ
Mưa trời khóc tỉ tê.

Ta ngồi trong quán nhỏ
Lời ca xưa thấm thì
Em về mang tình lỡ
Từng giọt sầu vu quy
Anh còn nguyên nỗi nhớ
Tiếng hát sầu chia ly.

HOÀNG SONG LIÊM

(Virginia)



Et tu Brutè?

Cả đến người còn phản ta ư, Brutus?:
Hai Thí Dụ Về Tài Hùng Biện
trong vở Bi-kịch Julius Ceasar
của William Shakespeare.

Phạm Trọng Lê sưu khảo và dịch

I. Mở đầu:

Vở kịch Julius Ceasar có lẽ viết vào năm 1599, và là vở kịch đầu tiên trong những bi-kịch nổi tiếng nhất của Shakespeare, dựa theo chi-tiết trong truyện « Những cuộc đời của những Danh nhân Hy Lạp và La-Mã » do Plutarch viết, dựa theo bản dịch của Thomas North. Đây là một câu chuyện về chính trị, phân loạn, và phép lung lạc quần chúng, nhưng hậu quả là thảm kịch của một cuộc nội chiến, xảy ra cách đây hơn hai ngàn năm, nhưng vẫn còn là bài học cho thời nay. Câu chuyện bắt đầu từ thành Rome. Tướng La-Mã Julius Caesar đang ở tột đỉnh vinh quang của đời ông. Sau khi ông thắng miền Gaul và thắng con của Pompey trong một cuộc nội chiến, uy-quyền ông gần như tuyệt đối. Năm 46 trước công nguyên, ông được phong chức tổng-tài vĩnh viễn. Sau khi thắng trận ở ngoại biên trở về Rome, ông được dân chúng La-Mã hoan hô nhiệt liệt trên đường phố. Một thầy tướng số báo cho Caesar biết coi chừng ngày hạn của ông Ides of March tức là ngày 15 tháng 3, ngày lễ thần thiên nhiên: « Beware of the Ides of Mach ». Năm đó là 44 trước công nguyên. Caesar bỏ ngoài tai lời khuyên. Hai tay trong nhóm phản nghịch là Cassius, một chính-trị gia giỏi, và Brutus, một nhà quý phái La Mã, lắng nghe dân

chúng hoan hô, trong khi Ceasar ba lần từ khước vương-miền mà Marc Antony dâng ông. Cassius ghen với Ceasar và lập mưu hạ Ceasar. Casca nhập bọn với Cassius và mối bất mãn của họ càng tăng và cuối cùng nhóm mưu phản họp nhau ở nhà Brutus tìm cách ám sát Ceasar là người họ tin có tham vọng muốn làm vua. Bà vợ của Ceasar là Calpurnia nằm mơ thấy Ceasar bị giết nên xin ông đừng ra nghị viện Capitol ngày hôm đó là ngày 15 tháng 3. Ceasar nói: « Cowards die many times before their deaths,/The valiant never taste of death but once. » Những kẻ hèn nhất trước khi chết đã chết nhất nhiều lần/Người uy-dũng chỉ nếm cái chết một lần thôi. Nhưng Decius, một tên trong bọn phản nghịch, thuyết phục ông nên ông quyết định ra Quốc Hội (bây giờ gọi là Senate). Trước khi đến Quốc hội, người thầy tướng số báo cho Ceasar biết hạn xấu ngày 15 tháng 3 của ông chưa qua. Một ông thầy giáo biết mưu mô của bọn phản nghịch nên viết tên những người chủ chốt vào một tờ giấy, tính dâng cho Ceasar khi Ông đi qua, nhưng Ông hiểu nhầm là đơn khiếu nại nên không nghe và không đọc. Tại Quốc hội, Ceasar bị đâm nhất đầu tiên bởi Casca, rồi bởi những tay phản nghịch khác, và cuối cùng bởi Brutus là lúc Ceasar nói câu bất hủ: « Et tu, Brutè! »: Đến cả nhà người cũng phản ta ư? Ông qui xuống chân tượng Pompey, nhân vật mà chính Caesar đã

hạ—bây giờ đến lượt ông bị chính bạn mình giết. Bọn thoán nghịch đâm ông tổng cộng 23 nhát. Một trong những kẻ phản loạn, tên Cinna, kêu lên: Liberty! Freedom! Tyranny is dead! Tự do! Tự do! Độc tài đã chết! Thực ra, mầm mống của nội chiến bắt đầu nở. Antony, sợ bị Brutus và Cassus giết, bỏ trốn. Cassius muốn hạ Marc Antony, nhưng Brutus nhất định không cho giết Antony, vì ông cho rằng những người ra tay giết Caesar là hy sinh cho đại nghĩa thành Rome, « sacrificers not butchers. »

Mark Antony liên lạc với Brutus, tới gặp những tay phản nghịch, và xin phép nói vài lời trước thi thể Caesar. Cassius cảnh cáo Brutus rằng phải coi chừng Antony, nhưng Brutus, vốn là người lý tưởng, không nghe, cứ để Antony nói. Brutus dự tính sẽ nói trước đám đông, và cho Antony biết Antony có thể nói tốt về Caesar tùy ý. Đám đông thoạt tiên nghe Brutus nói. Brutus bảo ông cũng quý trọng và yêu mến Caesar, nhưng vì Caesar có tham vọng làm vua, và vì Brutus không muốn dân thành Rome làm nô lệ, nên ông phải giết Caesar. Dân chúng bị thuyết phục, xiêu lòng, hoan hô Brutus. Đến lượt Mark Antony, ông nói: « Tôi tới để chôn Caesar chứ không phải vinh danh ông. » Đám đông dần dần đổi thái độ; lúc trước hoan hô Brutus bao nhiêu thì nay, sau khi nghe Antony nói trong di chúc, Caesar cho dân tiên, cùng để lại cho dân vườn hoa và vườn cây thì đổi thái độ, hoan hô Antony và hề nhau đi đốt nhà Brutus và tìm giết bọn phản nghịch để trả thù cho Caesar.

Cháu Caesar là Octavius bây giờ tới Rome cùng Antony và Lepidus lập một tam đầu chế (ba lãnh tụ) chia nhau chỉ huy để trả thù cho Caesar. Hai đội quân gặp nhau ở trận Philippi. Đêm hôm trước, Brutus thấy bóng ma của Caesar hiện về và bảo: « Người sẽ

thấy ta ở Philippi. » Hai bên đánh nhau. Phe Brutus thua. Cassius tự xô vào con dao của mình do tên hầu cận là Pindarus giơ lên để giúp mình tự tử. Brutus cũng tự tử bằng cách xô vào con dao do tên hầu cận cầm sẵn. Thế là Brutus và Cassius đã kết liễu đời bằng chính lưỡi dao họ đã dùng để đâm chết Caesar. Thế là Caesar được báo thù. Antony và Octavius cùng nhận Brutus là người đáng kính, và trù liệu chôn cất Brutus một cách long trọng.

Trong hai đoạn sau đây, đoạn đầu là lời Brutus, đoạn sau là lời Antony, ta hãy để ý xem đám đông dân chúng bị lung lạc bằng tài hùng biện, (A) phần thứ nhất của Brutus, gồm 4 đoạn ngắn, đánh dấu từ A-1 đến A-4. Phần thứ hai (B) của Antony, gồm 7 đoạn ngắn, đánh dấu từ B-1 đến B-7. Sau mỗi đoạn tiếng Anh có kèm theo phần dịch sang tiếng Việt. Phần cuối là Nhận xét về vài chữ khó và phép hùng biện, trong đó có phép nói bóng, châm biếm, mỉa mai (irony).

II. Hùng biện bằng lý trí : Lời Brutus, Hồi 3, cảnh 2, câu 1-62: Brutus bước ra cùng Cassius và những người dân La Mã ngoài tiền đình quốc hội Capitol.

A-1

PLEBEIANS

We will be satisfied: let us be satisfied.

BRUTUS

Then follow me, and give me audience, friends.

Cassius, go you into the other street

And part the numbers:

Those that will hear me speak, let 'em stay here.

Those that will follow Cassius, go with him
And public reasons shall be rendered
Of Ceasar's death. [*Goes into the pulpit.*]

1st PLEBIAN

I will hear Brutus speak.

2nd PLEBIAN

I will hear Cassius, and compare their reasons
When severally we hear them rendered.
[*Exeunt Cassius and some of the Plebians.*]

Dịch phần A-1:

Nhiều người dân:

Chúng ta phải hỏi cho ra lẽ hành động của
các người. Hãy giải thích cho ra lẽ.

BRUTUS

Vậy thì đồng bào hãy theo tôi. Hãy nghe tôi
nói, các bạn.

Cassius, hãy ra một đường phố khác

Hãy chia đám đông này làm hai:

Ai muốn nghe tôi nói, thì để họ ở lại đây.

Ai muốn đi theo Cassius, thì hãy theo Ông ấy

Và chúng tôi sẽ trình bày cho mọi người rõ
những lý do

Về cái chết của Ceasar. [*Nói rồi bước lên bục.*]

Người dân thứ nhất:

Tôi sẽ nghe Brutus nói.

Người dân thứ hai:

Tôi sẽ nghe Cassius, rồi so sánh lý do của họ

Khi tất cả chúng ta nghe họ giải thích riêng.

[*Cassius và một số dân chúng đi ra.*]

A-2

3rd PLEBIAN

The noble Brutus is ascended. Silence.

BRUTUS

Be patient till the last.

Romans, countrymen and lovers, hear me for
my cause,

and be silent, that you may hear. Believe me for
mine honour and have respect to mine
honour, that you

**may believe. Censure me in your wisdom
and awake**

your senses, that you may the better judge. If
there be

any in this assembly, any dear friend of Ceasar's,
to him I say, that Brutus' love to Ceasar was
no less than his.

**If then that friend demand why Brutus
rose against**

Ceasar, this is my answer: not that I loved
Ceasar less,

but that I love Rome more. Had you rather Ceasar
were living, and die all slaves, than that
Ceasar were

dead, to live all freemen? As Ceasar loved
me, I weep

for him; as he was fortunate, I rejoice at it; as
he was

valiant, I honour him; but as he was
ambitious, I slew

him. There is tears*, for his love; joy, for
his fortune;

honour, for his valour; and death, for his
ambition.

Who is here so base, that would be a
bondman? If any,

speak, for him have I offended. Who is here
so rude,

that would not be a Roman? If any, speak, for
him have

I offended. Who is here so vile, that will not
love his

country? If any, speak, for him have I
offended. I pause

for a reply.

*Tuy tears viết số nhiều mà động từ ở số ít.

ALL

None, Brutus, None.

Dịch phân A-2:

Người dân thứ ba:

Brutus đáng kính đang bước lên bục. Yên lặng.

BRUTUS

Đồng bào hãy kiên nhẫn cho tới khi tôi nói xong. Hỡi dân thành La-Mã, đồng bào, và các bạn, hãy nghe tôi trình bày lý do tại sao tôi tham gia nhóm âm mưu, và hãy yên lặng, để nghe cho rõ điều tôi muốn nói. Hãy tin tôi vì uy-tín tôi, và hãy lưu ý đến danh dự tôi, để có thể tin lời tôi nói. Phán xét tôi bằng óc khôn ngoan và hãy chăm chú nghe, để có thể phán xét tôi thấu đáo. Nếu trong số đồng bào tụ họp nơi đây, có ai là bạn thân của Ceasar, thì tôi muốn nói cho người đó hiểu là lòng thương mến của Brutus này đối với Ceasar cũng không kém. Nếu mà người đó hỏi rằng tại sao Brutus lại nổi lên chống Ceasar, thì câu trả lời của tôi là: Không phải vì tôi giảm lòng yêu Ceasar, nhưng vì tôi yêu Rome hơn. Đồng bào có muốn Ceasar còn sống, để tất cả sẽ chết như nô lệ, hay muốn Ceasar chết, để tất cả sống tự do? Vì Ceasar yêu thương tôi, tôi khóc thương ông; vì Ceasar may mắn, tôi mừng cho ông; vì ông dũng cảm, tôi vinh danh ông; nhưng vì ông có tham vọng, tôi giết ông. Có nước mắt cho tình thương ông; có mừng vui cho vận may của ông, có danh dự cho lòng dũng cảm của ông, và cái chết cho tham vọng của ông. Trong số đồng bào đứng đây, có ai hèn hạ đến mức muốn chịu

làm nô lệ? Nếu có ai như vậy, thì tôi đã xúc phạm đến người ấy. Trong số đồng bào đứng đây, có ai man rợ đến mức không muốn làm dân thành Rome? Nếu có ai như vậy, thì hãy lên tiếng, vì tôi đã xúc phạm đến người ấy. Trong số đồng bào đứng đây, ai là người ti-tiện đến mức không có lòng yêu nước? Nếu có ai như vậy, hãy lên tiếng, vì tôi đã xúc phạm đến người ấy. Tôi ngưng nói để chờ trả lời.

Tất cả dân chúng đồng thanh:

Chẳng có ai như vậy, Brutus, chẳng có ai.

A-3.

BRUTUS

Then none have I offended. I have done no more
to Ceasar, than you shall do to Brutus.

The question

of his death is enrolled in the Capitol: his
glory not
extenuated, wherein he was worthy, nor his
offences
enforced, for which he suffered death.

[Enter Mark ANTONY with CEASAR's body.]

Here comes his body, mourned by Mark
Antony, who,
though he had no hand in his death, shall
receive the
benefit of his dying, a place in the
commonwealth, as
which of you shall not? With this I depart,
that as I slew
my best lover for the good of Rome, I have
the same
dagger for myself, when it shall please my
country to
need my death. [Comes down.]

ALL

Live Brutus, live, live.

1st PLEBEIAN

Bring him with triumph home unto his house.

2nd PLEBEIAN

Give him a statue with his ancestors.

3rd PLEBEIAN

Let him be Ceasar.

4th PLEBEIAN

Ceasar's better parts

Shall be crowned in Brutus.

1st PLEBEIAN

We'll bring him to his house with shouts and clamours.

Dịch phần A-3:

BRUTUS

Vậy là tôi không xúc phạm đến người nào cả. Tôi không làm gì hơn cho Ceasar mà đồng bào lẽ ra sẽ làm cho Brutus. [=Tôi phải giết Ceasar, và đồng bào sẽ có thể giết tôi, không hơn không kém.] Lý do ngài phải chết đã ghi rõ trong nhật ký của Quốc hội. Vinh quang của ngài không hề suy giảm, ngài đáng hưởng vinh quang đó. Mà những tội phạm của ngài cũng không bị phóng đại, vì tội đó mà ngài phải chết.

[*Mark Antony ôm xác Ceasar bước vào*]

Hãy trông xác Ceasar mà Antony thương tiếc. Tuy Antony không dính líu gì vào cái chết của Ceasar, nhưng Antony sẽ hưởng những lợi-ích của cái chết của Ceasar, như có quyền lợi trong cộng-đồng quốc gia chúng ta. Vì tôi đã giết người bạn thân nhất của tôi vì công ích của thành Rome, nên tôi

đã dành lưỡi dao này cho chính tôi, khi nước nhà cần tôi chết.

Tất cả đồng thanh:

Brutus muôn năm! Phải sống Brutus! Hãy sống!

Người dân thứ nhất:

Hãy vinh dự rước ông về nhà ông!

Người dân thứ hai:

Hãy tạc tượng ông rồi đặt bên cạnh tổ phụ ông!

Người dân thứ ba:

Hãy tôn vinh ông thay thế Ceasar!

Người dân thứ tư:

Hãy đội vương miện cho Brutus người có tất cả những đức tính tốt của Ceasar!

Người dân thứ nhất:

Chúng ta sẽ rước ông về nhà bằng những lời hoan hô cổ võ!

A-4.

BRUTUS

My countrymen.

2nd PLEBEIAN

Peace, silence, Brutus speaks.

1st PLEBEIAN

Peace ho.

BRUTUS

Good countrymen, let me depart alone.

And, for your sake, stay here with Antony:

Do grace to Ceasar's corpse and grace his speech

Tending to Ceasar's glories, which Mark
Antony,
By our permission, is allowed to make.
I do intreat you, not a man depart
Save I alone, till Antony have spoke.

Exit

Dịch phần A-4:

BRUTUS
Đồng bào—

Người dân thứ nhì:
Yên lặng! Nghe Brutus nói.

Người dân thứ nhất:
Yên lặng!

BRUTUS
Đồng bào quý mến, hãy để tôi
bước ra khỏi đây một mình. Vì tôi, hãy nán
lại cùng Antony. Hãy tôn trọng thi thể Ceasar,
và hãy lắng nghe lời Antony ca tụng công
đức hào hùng của Ceasar, mà chúng tôi đã
cho phép ông nói. Tôi thỉnh cầu đồng bào,
không một người nào ra khỏi đây, chỉ mình
tôi thôi, cho đến khi Antony nói xong.
[*Nói rồi Brutus bước ra.*]

III. Hùng biện bằng tình cảm—Lời Mark Antony: hồi III, cảnh ii, câu 63-252.

B-1.

1st PLEBEAIN
Stay ho, and let us hear Mark Antony.

3rd PLEBEAIN
Let him go up into the public chair

We'll hear him. Noble Antony, go up.

ANTONY
For Brutus' sake I am beholding to you.
[*Goes into the pulpit.*]

4th PLEBEAIN
What does he say of Brutus?

3rd PLEBEAIN
He says, for Brutus' sake
He finds himself beholding to us all.

4th PLEBEAIN
'Twere best he speak no harm of Brutus here.

1st PLEBEAIN
This Ceasar was a tyrant.

3rd PLEBEAIN
Nay, that's certain.
We are blest that Rome is rid of him.

2nd PLEBEAIN
Please, let us hear what Antony can say.

ANTONY
You gentle Romans.

ALL
Peace ho, let us hear him.

Dịch phần B-1:

Người dân thứ nhất:
Hãy ở lại! Hãy nghe Mark Antony.

Người dân thứ ba:
Hãy để ông bước lên bục. Ta sẽ nghe ông nói.
Antony đáng kính, hãy bước lên.

ANTONY
Vì Brutus, tôi mang ơn đồng bào.

Người dân thứ 4 :
Ông nói gì về Brutus vậy ?

Người dân thứ 3 :
Ông nói, vì Brutus, ông mang ơn tất cả chúng ta.

Người dân thứ 4 :
Tốt hơn là ông đừng nói xấu Brutus ở đây.

Người dân thứ nhất :
Ceasar này là một bạo chúa.

Người dân thứ 3 :
Đúng, điều đó là chắc rồi. Chúng ta thật có phước đã trừ được hắn.

Người dân thứ hai :
Yên lặng ! Hãy nghe Antony nói.

ANTONY
Đồng bào thành Rome cao quý.

Tất cả:
Yên lặng! Chúng ta hãy nghe ông nói.

B-2.

ANTONY
Friends, Romans, countrymen, lend me your ears:
I come to bury Ceasar, not to praise him.
The evil that men do lives after them:
The good is oft interrèd with their bones.
So let it be with Ceasar. The noble Brutus
Hath told you Ceasar was ambitious:
If it were so, it was a grievous fault,
And grievously hath Ceasar answered it.

Here, under leave of Brutus and the rest
(For Brutus is an honourable man;
So are they all, all honourable men)
Come I to speak in Ceasar's funeral.
He was my friend, faithful and just to me;
But Brutus says, he was ambitious,
And Brutus is an honourable man.
He hath brought many captives home to Rome,
Whose ransoms did the general coffers fill.
Did this in Ceasar seem ambitious?
When that the poor have cried, Ceasar hath wept:

Ambition should be made of sterner stuff.
Yet Brutus says, he was ambitious,
And Brutus is an honourable man.
You all did see, that on the Lupercal
I thrice presented him a kingly crown,
Which he did thrice refuse. Was this ambitious?
Yet Brutus says, he was ambitious,
And sure he is an honourable man.
I speak not to disprove what Brutus spoke,
But here I am to speak what I do know.
You all did love him once, not without cause:
What cause withholds you then to mourn for him?
O judgement, thou art fled to brutish beasts
And men have lost their reason. Bear with me.
My heart is in the coffin there with Ceasar,
And I must pause till it come back to me.

Dịch phần B-2:

ANTONY
Hỡi các bạn, dân La Mã, thưa đồng bào—
nghe tôi nói đây! Tôi tới đây để chôn Ceasar,
chứ không phải để ca tụng ngài. Những điều
ác con người đã làm sẽ vẫn còn sống mãi sau
khi họ chết. Điều thiện thì thường chôn theo
xương họ sau khi họ chết [Tiếng xấu, dẫu
chết rồi, người đời nhớ mãi. Danh thơm, vừa

nằm xuống, thiên hạ quên ngay.] Vậy ta hãy để Ceasar yên. Brutus đáng kính đã nói với các bạn rằng Ceasar là người có tham vọng. Ví như thực như vậy, thì thật là một lỗi lầm trầm trọng, và Ceasar đã phải đền tội đó. Ở đây, được phép của Brutus và tất cả những người khác—vì Brutus là một người đáng kính; và tất cả những người trong nhóm ông cũng vậy—tôi đến đây để nói vài lời trong đáng tang Ceasar. Ngài là bạn thân của tôi, một người trung chính. Nhưng Brutus nói ngài có tham vọng, và Brutus là người đáng kính. Ceasar bắt được nhiều tù nhân mang về Rome, mà tiền chuộc họ chứa đầy công khổ. Điều này có phải là Ceasar có tham vọng không? Khi người nghèo than khóc, Ceasar cùng khóc với họ. Người tham vọng phải là người gõ đá chửi đầu lại nhân từ như vậy! Vậy mà Brutus nói Ceasar tham vọng, và chắc chắn, Brutus là người đáng kính. Tất cả đồng bào đã thấy trong ngày hội Lupercal ba lần tôi dâng vương miện lên Ceasar, ba lần ngài từ chối. Vậy là tham vọng ư? Vậy mà Brutus bảo ngài tham vọng, và Brutus là người đáng kính, và chắc chắn, Brutus là người đáng kính. Tôi không nói để phản đối lời Brutus. Nhưng tôi tới đây để nói điều tôi biết. Đồng bào đã từng yêu mến Ceasar, mà không phải không có lý do. Vậy thì có gì không cho đồng bào thương xót ông khi ông chết? Ôi, trí phán xét, người đã trốn theo cùng những con vật cục súc, và con người đã đánh mất lý trí của họ rồi. Xin kiên nhẫn với tôi. Trái tim tôi hiện ở trong quan tài kia với Ceasar, và tôi phải nghỉ một chút cho nó trở lại với tôi. [=Đau đớn quá nên nghẹn ngào, và xin chờ cho tôi bình tâm lại đã.]

B-3

1st PLEBEAIN

SỐ 45

Methinks there is much reason in his sayings.

2nd PLEBEAIN

If thou consider rightly of the matter,
Ceasar has had great wrong.

3rd PLEBEAIN

Has he, masters?
I fear there will a worse come in his place.

4th PLEBEAIN

Mark ye his words? He would not take the crown;
Therefore 'tis certain he was not ambitious.

1st PLEBEAIN

If it be found so, some will dear abide it.

2nd PLEBEAIN

Poor soul, his eyes are red as fire with weeping

3rd PLEBEAIN

There's not a nobler man in Rome than Antony.

4th PLEBEAIN

Now mark him; he begins again to speak.

Dịch phần B-3:

Người dân thứ nhất:

Tôi nghĩ ông nói rất có lý.

Người dân thứ 2:

Nếu ta xét vấn đề rõ ràng, Ceasar quả thật đã bị oan lớn.

Người dân thứ 3:

Bạn nghĩ như thế hở? Tôi nghĩ kẻ thế ông ta còn tệ hơn.

Người dân thứ 4:

Bạn có nghe những lời Antony nói không?
Ceasar không nhận vương miện.
Như vậy chắc chắn là ngài không có tham vọng.

Người dân thứ 1:
Nếu thực như vậy, bọn phản loạn phải đền tội
đích đáng.

Người dân thứ 2:
Antony thật đáng thương! Ông khóc quá nên
mắt đỏ hoe kia!

Người dân thứ 3:
Không có ai là người đáng trọng hơn Antony
trong cả thành La Mã.

Người dân thứ 4:
Bây giờ hãy nghe ông nói. Ông bắt đầu nói
tiếp kia.

B-4.

ANTONY
But yesterday the word of Ceasar might
Have stood against the world. Now he lies
there,
And none so poor to do him reverence.
O masters! If I were disposed to stir
Your hearts and minds to mutiny and rage,
I should do Brutus wrong, and Cassius
wrong,
Who, you all know, are honourable men.
I will not do them wrong. I rather choose
To wrong the dead, to wrong myself and you,
Than I will wrong such honourable men.
**But here's a parchment, with the seal of
Ceasar.**
I found it in his closet. 'Tis his will.

[*He shows the will.*]

Let but the commons hear this testament--
Which, pardon me, I do not mean to read—

And they would go and kiss dead Ceasar's wounds,
And dip their napkins in his sacred blood,
Yea, beg a hair of him for memory,
And dying, mention it within their wills,
Bequeathing it as a rich legacy
Unto their issue.

Dịch phân B-4:

ANTONY
Chỉ mới hôm qua thôi, một lời của Ceasar
ban ra là toàn thế giới phải cúi đầu. Bây giờ
đây, ông nằm kia, và kẻ tiện dân cũng không
thêm tỏ lòng tôn kính ông. Ôi, thừa đồng bào,
nếu tôi muốn khích động tim óc đồng bào để
gây rối trật tự và bạo động, thì tôi đã hại
Brutus, hại Cassius, là những người, mà đồng
bào biết, đều đáng kính. Tôi không muốn đối
xử bất công với họ. Thà tôi mang tội bất công
với kẻ đã chết, với chính mình và với đồng
bào, hơn là với những người đáng kính như
họ. Nhưng có một văn kiện có dấu triện son
của Ceasar. Tôi tìm thấy ở phòng riêng của
ngài. Đó là bản chúc thư của ngài. [*Vừa nói
vừa đưa ra bản chúc thư*] Nếu thường dân
nghe bản chúc thư này, mà, tha lỗi cho tôi, tôi
không chủ tâm đọc nó—thì họ sẽ chạy lại hôn
những vết thương trên thi thể Ceasar. Họ sẽ
nhúng khăn tay vào máu của Ceasar, phải, và
năn nỉ xin một sợi tóc trên đầu ngài, để làm
kỷ niệm. Để khi họ chết, họ sẽ ghi lại trong
chức thư của mình, để lại như di sản quý báu
cho con cháu thừa kế.

(Còn tiếp một kỳ)

PHẠM TRỌNG LỆ
(Virginia)

CHEM QUYNH THANG SAU

KIM-VŨ

*..Hôm nay anh vui lắm
Bởi nắng nay lạc quan
Bởi mưa xuân tươi thắm
Đang đến khắp nhân gian..*

Một buổi sáng thàng sau, trời nắng đẹp, Chông tới nhien nhien đến bên cầu thơ mai chang nài sang tác thơ lâu lắm. Bên cầu thơ trong một bài thơ rất giản dị, chang viết khi ở bên Diem, chang cũng không nhớ vào khoảng thời gian nào của năm. Chang coi một trí nhớ rất toả, và với bôóc nĩ của thời gian, cái trí nhớ nôi lại càng trôi nên te hai. Thế những trong chang vẫn nững lại những xúc cảm đều đặn thơ thời của những phút giây thanh tịnh luận lờu giữa các te bâu, và chang vẫn còn coi te nhieu nôi vại câu nầy nôi trong những bài thơ mai chang nài nôi nôi hoặc tới sang tạo ra. Phải chăng vì vậy mai thi ca vẫn coi một chơi nững cao quý trong nôi sống con người, dù rằng nhà thơ chẳng bao giờ coi te tôi nuôi sống nôi tinh chất của tim ọc mình trải ra trên trang giấy?

Về phần Chông, chang không muốn lại nhà thơ, ôi cái nghề mà nghe kiếm sống. Chang làm thơ hoàn toàn với tính cách tại tại và chẻ làm khi cảm hứng nài nên tràn nầy trong hồn chang. Nhờ bài

thơ mai Diem nài gọi hờng cho chang, vào lúc nào nh?

Dù sao, khi bên cầu thơ bình thường nhớ lời nôi nôi chột nên với Chông không biết vì duyên cớ gì, thì chang vẫn lại coi cảm tưởng nhớ chung với nôi sáng tác xong, ngay buổi sáng nay, tại căn phòng này, khi nhìn qua cửa sổ ra ánh nắng mai vàng trời trái chan hoa trên những lá cây non và trên bờ ruộng quiet với vàng nài trời lồi của một căn nhà có Chang cảm thấy nài biết thích thú vì cái ý nghĩ cho rằng cái tôi thơ của chang cũng mỗi mỗi một nhớ chính ánh nắng hôm nay, cũng hiện hữu nhờ chính giây phút này, và Diem cũng vẫn ở trong chang năm tháng nhớ khi chang lần nầu tiên viết lên bên cầu thơ nôi trong một cảm hứng nào, bao giờ chang cũng không còn nhớ nữa.

Hôm trước, một ông chủ hỏi của Chông ngoài Hà Nội viết thơ vào, coi gọi lời thăm và hỏi chang "bao giờ xây dựng với coi Diem". Chang hỏi sống, rồi chột hỏi ra và mồm côi. Chang nài bao giờ tâm sõi với ông về chuyện này nầu nh? All nung rồi, chang nài kể cho ông nghe về bôa ain một mình bên Hà Tây một buổi chiều mưa xuân mát lạnh, khi chang còn nạng ôi thăm ông ngoài ấy, cách nầy nài gần hai năm rồi. Ông già te mai tinh. Những mai chẻ chang sẽ không trải lời nôi ông về niềm này. Biết nôi làm sao nh? Chui ôi, ông già của nang

khỏi làm. Ông ấy nói nói thảng với cháu rằng cháu là con người mơ mộng viễn vông, không làm sao coi thể lo toan bả bực nói coi Diêm diêm kiểu của ông ấy nữa. Ông ấy nói: “Nổi bao giờ tôi chết thì sẽ hay. Chối mãi anh thì tôi không bao giờ chấp nhận. Diêm của tôi nữa coi phải nên cho bắt coi ai.” Diêm “của ông ấy”. Lại chớ!

Thế những cháu không thay nói nói, chửi ai. Cháu cũng vẫn sẽ là tôi mô nhờ hỏi nào nên giờ. Và cháu cũng chẳng mong ông ấy chết nữa. Cái thời khai khai vọng vọng nói cháu nữa nên lại sau lòng. Mỗi người coi một tuổi trôi. Ông ấy cũng vậy thôi. Chờ coi nhiều cháu vẫn chờ hiểu vì sao cái tình cha con lại coi thể gần bởi kỳ cục nên thế. Với ông ta qua nói tôi khi Diêm con là một cô bé và ông nói hết tình thông vào cô gái rồ rồ, tôi nhớ trên nói nay không con cái gì nên kể nữa. Ông sẽ khi Diêm lấy chồng thì ông sẽ coi hôn hiu quanh, lui lui một thân trong cái nhà trống rỗng.

Chồng hiểu nói khoả tâm của Diêm. Và chàng hoàn toàn thông cảm. Ông gia chớ coi một mình nàng. Mỗi người ở cái nhà tuổi ấy mà coi cảm giác bị bỏ rơi thì nói sống coi lại là nhà ngục. Giai nhớ ở phòng Tây thì người ta nói này ông ta vào viện dưỡng lão, mãi ra sao thì ra. Thế những ông lại ở Việt Nam, mà Diêm thì lại là một cô gái Việt Nam toàn hảo, và Chồng càng yêu quý nàng hơn cũng vì đức tính hy sinh không bỏ bên nào.

Coi những lần, trong những buổi nói chơi với nhau, giữa lúc nắng ấm yên,

giữa lúc hai người đang ngây ngất trong niềm vui tiên cảnh, nhớ nhiều Diêm trầm hẳn nét mặt lại rồi nói với Chồng, giọng tàn nhẫn: “Thôi anh lấy với tôi!” Chồng ngó ngang. Chẳng không chờ nói một câu nói nhỏ thế trong những khung cảnh ấy. Năm ba thất khôi hiểu. Và sau một thoáng phản vấn, chẳng như thăm, làm sao anh coi thể lấy với nói hai em, khi em còn ở bên anh, khi em chớ coi ai khác trong trái tim thanh khiết. Những chàng nói không nói ra nhiều nói với nàng. Về sau này Chồng mới hiểu ra, Diêm không bao giờ nói tôi với người cha trong niềm coi quanh, dù cái tính ích kỷ của ông nói trôi thanh gần nhờ bệnh hoạn. Thế nên, dù nàng yêu Chồng tha thiết, mà chính bởi vì nàng yêu chàng tha thiết, nàng không muốn chàng phải ràng buộc với nàng vì cái nghịch cảnh mà nàng không thể rời bỏ nói, vì những niềm vui mà nàng không thể không tôi. Đó nhiều là nàng không bao giờ mong cho ông gia chết thì nên nàng nói tôi do xây dựng hạnh phúc cho riêng mình. Nói nhanh, khi yêu cuồng nhiệt, người ta coi thể bắt kể nên mỗi thời khác trên nói. Thế những Diêm coi quá nhiều nhận ai nên coi thể nghĩ nên, dù chớ trong một giây, một cái gì bắt nhận nhờ cái chết của người cha gia mà nàng thông suốt tôi nghiệp. Mà khoả thay, trong cái thời này vẫn mình này, những người gia thông sống rất dài. Coi khi cái vai chúc năm qua thì mà những người làm cảm lại lại nói vẫn chờ nên số cho.

Mai nữa hai ba chục năm thì Chông của nàng sẽ ra sao? Chẳng còn những nhu cầu bình thường của một người đàn ông, và cũng cần coi một toà ấm nữa vùn vập. Nói hỏi chẳng cần riêng của nàng thì thật vô lý và ích kỷ.

Diêm nữa suy nghĩ rất nhiều và rất lung về chuyện này. Nàng nữa phải trải qua những cơn đau xé nơi nào tâm can, và rồi cuối cùng nàng cũng vẫn phải nói ra ý nghĩ của nàng với chàng, dù nói coi trải hạn với ông muốn sâu kín trong nàng. May sao, lần nào Diêm nữa cặp nên chuyện này thì Chông cũng gắt sữ, bảo chàng sẽ sẵn sàng nữa nàng, chàng chớ coi gì với vai Chông vẫn là một con người lạc quan. Và người lạc quan nữa ông nhìn nghĩa như thế nào nữa? Chông mà còn nữa lại một lần, chàng nữa nói nữa ông trong một cuốn truyện vui nữa Anh, người ta nhìn nghĩa người lạc quan là một người nữa trông mong lấy với, và người bị quan là người lạc quan sau khi nữa lấy với rồi. Và chàng nữa mà còn nữa hỏi nàng, vậy em muốn anh là người lạc quan hay người bị quan hỏi Diêm? Nàng nữa cười. Ông tiếng cười của nàng, tiếng cười ngông nữa thời gian, ấm vang trong chàng niềm vui bất tận.

Hôm nay anh vui lắm ..

Coi tiếng ríu rít ngoài cửa sổ. Một nữa chim sẽ nữa nói chuyện với nhau trên sỏi đây nữa đang tới ngoài nữa ông vào căn nhà coi. Chúng coi gì vui thế? Hình nữa lúc nào chúng cũng vui nữa ông. Chúng thuộc loài lạc quan, dù nữa coi nữa.

Không hiểu sao Chông lại nghĩ chúng là một cặp với chông chời không phải là bạn. Chông thích nghe tiếng chim ríu rít, vì nói gọi cho chàng giọng nói của Diêm. Giọng nàng cũng vui với tới tận nhờ tiếng chim vậy. Và nữa mặt nàng cũng nâu và tinh anh nhờ hình ảnh nữa chim sẽ ngoài kia. Chông nữa gọi nàng là con chim sẽ của chàng. Chim sẽ thôi. Chẳng cần những n thời kiểu sa nữa hoa mĩ, sơn ca, hoàng yến. Bình thường mà gần gũi. Nói nữa nhiều Chông ông thích. Nói là "gout" của chàng.

Dĩ nhiên Diêm của Chông không phải là một con chim sẽ mà là một con người, và lại là một người con gái coi hiểu. Thế mỗi phút tập nữa nữa Chớ coi con người mỗi coi làm nữa nữa. Và nữa nữa của con tim là một trong những nữa nữa nhớt nữa nhất, gay cần nhất, khám bạch nhất mà con người nữa tới nữa ra cho mình. Không coi gì nữa ngạc nhiên khi nữa coi biết bao nhiêu người nữa loãn vì trải tim rồi mất. Cũng nữa coi những lần Chông tới mình sẽ nữa lên vì Diêm, vì cái gut mà chàng không coi khai nắng thao gôi trong quan nữa nữa với nàng. Và dĩ nhiên là Diêm con khôn nữa hôn cái chàng nữa kia. "*Nhiều lúc thần kinh căng thẳng, em tưởng là em có thể phát điên lên được...*": Nữa coi lần Diêm viết cho chàng nhờ thế khi hai người nữa y táim xa nhau. Nàng với là con người nóng nhiệt, và chớ coi cái một truyện thông nữa phòng kẻ dai hôn mấy ngàn năm mỗi

Biến Cố Đầu Tiên

VI KHUÊ

Cuối cùng, tôi đã vào được nước Mỹ, cùng với chồng tên Nguyễn Văn Thôi. Gia đình "nó" lo chuyện xoay xở, giấy tờ; còn tôi thì có cái "diện con lai." Dù là được đưa tới thành phố nhỏ Oklahoma với cái phi trường điu hiu buồn bã, tụi tôi cũng mừng húm!

Đến nơi là có ngay nơi ăn chôn ở, chỉ còn ngồi mà chờ được gọi đi nhận việc: tôi, chân bồi bàn tại một quán ăn trưa của người Việt; "nó," chân chùi nhà tại tòa cao ốc 9 tầng vĩ đại nhất của thành phố. Thế cũng mãn nguyện rồi.

Một hôm, nó bảo:

"Ty nè, ở khu nhà con lai này, ai cũng trầm trồ Ty hết, bà già trong văn phòng và mấy tên tóc quăn tí cứ vỗ vai tui nói "vợ mày xinh quá," làm tui bực mình hết sức."

"Ồ... thì trên giấy tờ là vợ chồng chớ sao, nhưng thật ra... bỏ đừng có quên nghe!"

"Có quên gì đâu... nhưng, thấy Ty diện áo đầm người ta cho vào, trông đẹp quá, sang quá, tui nó cứ đi qua đi lại..."

"Thì kệ xác nó. À, Thôi à, tui mình quen nhau hồi đang học lớp 8, sau đó Thôi đi đâu mất tiêu, còn tui học tới lớp 11, nửa chừng phải bỏ để về ngôi chợ xếp kiếm tiền, hồi đó khổ quá ha!"

"Ừ, hồi đó khổ quá, gạo không có mà ăn, tui bị lôi cổ về làm lơ xe đồ để phụ gia đình nuôi em, có học hành gì thêm nữa đâu. Thế là chữ nghĩa có phần thua bà rồi. Đàn ông mà thua đàn bà về chữ nghĩa thì..."

"Nhưng tui với bạn đâu phải là vợ chồng, mà lo!"

"Tui cũng còn nhớ, hồi đó, có lần Ty *mít wót* khi thấy tui bị thằng khùng khi không đánh một bạt tai xưng vưng. Kể ra, Ty cũng thương tui đó chớ!"

Tôi làm thinh. Nó lại nói:

"Dù gì đi nữa, cũng ráng mà đối xử cho ra vợ chồng, đừng để người ta biết thì nguy đa! Biết chừng mô mai sau thành sự thật thì... mình cũng đâu có gian dối gì mà sợ!"

Tôi cười khúc khích:

"Mai sau thành sự thật... nói nghe sướng dữ a! Thôi, để ráng, để ráng..."

Sau vài tháng. Nó đi làm *janitor* từ lúc 7 giờ sáng đến 3 giờ chiều, đi học tiếng Anh từ 6 giờ chiều đến 10 giờ tối; tôi đi làm *waitress* từ 11 giờ trưa đến 9 giờ tối, về, đi học liền Anh ngữ từ 10 giờ tối đến 12 giờ đêm, hầu như chẳng bao giờ thấy mặt nhau cả. Đôi khi, vào khoảng giữa đêm, nó đăng hăng xem tôi thức hay ngủ, rồi liêu mạng cất tiếng:

"Ty à, thành phố này nhỏ quá ha, đúng là khi ho cò gáy! Nghe nói người Việt ít lắm mà sống rải rác lắm, buồn quá!"

Tôi nghe, ừ hử, rồi buồn ngủ quá, thiếp luôn, khi thức dậy thì nó đã gập nệm trải dưới đất (thảm) qua một bên, và đi làm rồi.

T hứ bảy nọ, bà chủ quán nhìn tôi, cười cười: "Nè Ty, có một ông Mỹ hên, xin gặp Ty vào lúc 7 giờ tối đây. Độc thân, rất đẹp trai. Nói đã thấy Ty vài lần ở đây rồi. Ngó bộ cảm rồi đó!"

"Nhưng em đâu có biết tiếng nhiều để nói chuyện với ông!"

Kính Tiễn Hương Linh Hà Thúc Tiên Sinh

Kính bút đôi hàng gọi tiếc thương
Tiến người về Tịnh độ thanh lương
Hương lô ba cõi xinh nguồn cội
Linh thể ngàn thu đẹp cúng dường
Hà hán* tỏ vàng trắng tánh bụt
Thúc trang thơm giọt nước cành dương
Tiên hài cử phẩm vui tiên hạc
Sinh ký tử quy" vẹn đạo thường

Vi Khuê

kính bút

*Hà hán: sông Ngân

Rồi, ông ta đến, còn trẻ, và quả nhiên, đẹp trai! Và trời ơi, ông ta nói với tôi, bằng tiếng Việt, rất sôi:

"Cô Betty! tôi là một đứa con lai, mồ côi cha mẹ, đã được bóc đi từ cô nhi viện, trên chiếc phi cơ rời Saigon, khi South Vietnam sắp mất vào tay cộng sản năm 1975. Tôi có tên Việt Nam là Lê Tâm, tên Mỹ là Lee Biddle."

"Em tên là Betty."

"Tôi biết rồi mà! Betty, Betty, cho tôi cầm tay cô đi. Tôi là con nuôi một gia đình Mỹ, tôi lớn lên ở đây, và tốt nghiệp kỹ sư ở đây. Tôi không tìm được cha mẹ, nhưng đã thể sẽ lập gia đình với một người mang hai

dòng máu Việt – Mỹ như tôi. Tôi chờ mấy năm, bây giờ mới gặp. Betty!"

Tôi nói vu vơ: "Sao ông nói tiếng Việt giỏi vậy?"

"Cha mẹ nuôi tôi đã tìm cách cho tôi học nói và viết tiếng Việt từ khi tôi mới 5 tuổi..."

"Người Mỹ tốt quá, ông hả?"

"Cô gọi tôi là Ly – L E E – nhé..."

Ngay tối hôm ấy, khi tôi về đến nhà thì đã thấy Thôi ngồi ở ghế, rầu rĩ:

"Tự nhiên tôi thấy nóng ruột quá, nên xin về sớm."

Tôi cười: "Bộ nhớ tui hả?"

Thôi ứa nước mắt, và, cuối tuần ấy, chúng tôi đi *shopping* với nhau. Về phần Lee, *chàng* vẫn đến quán thăm tôi mỗi chiều thứ bảy, rồi trả khá nhiều tiền cho bà chủ, không nói chuyện tìm vợ...

Sáng thứ tư, 19 tháng Tư năm 1995, lúc 9 giờ, một tiếng nổ long trời lở đất làm tôi giật bắn người, thức dậy. Lát sau, nghe la lên: "Nổ ở tòa *building* cao nhất, tan nát hết rồi?" Tôi mở cửa sổ nhìn về phía ấy, thấy khói đen lửa đỏ mù đặc trời mây. Thôi làm việc ở đó. Nếu không phải là đã chết, tại sao không về? Không gọi? Hôm sau, tôi gọi ra tiệm xin nghỉ việc ba ngày, không nói lý do.

Sau khi đến tiệm không gặp tôi, Lee tìm đến nhà. "Betty, Betty, có chuyện gì vậy?" "Chồng tôi đã chết trong tai nạn ở đó!" Tôi chỉ tay về phía cao ốc.

Đó là ngày thứ một trăm từ khi tôi đến Mỹ.

VI KHUÊ (Virginia)

ĐÔI BÀN TAY

Hoàng Dung

Tôi có đôi bàn tay to lớn khỏe mạnh
Trong một thân hình cao lớn khoẻ mạnh
Tôi dùng nó để bảo vệ tổ quốc tôi
Tôi dùng nó để ôm ấp vợ con tôi
Tôi thậm chí dùng nó đánh đắm bạn bè tôi
Tôi rất vui mừng và hãnh diện
Tôi còn rất trẻ
Chỉ mới hai mươi bảy tuổi thôi
Tôi có ý định
Ôm cả vũ trụ này bằng đôi bàn tay
Tôi có ý định
Dùng đôi bàn tay tôi
Đưa tất cả tương lai và sự nghiệp tôi
Lên đến tột đỉnh vinh quang

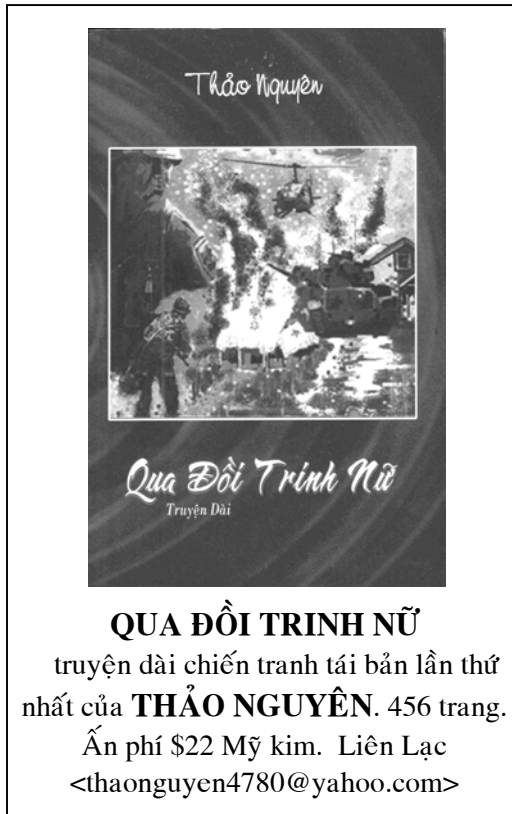
Vậy mà..... !!!!!

Hôm đó ở chiến trường Bù-Đốp. Trong chuyến công tác như hàng ngàn chuyến công tác trước đây. Tôi bỏ người xuống, tôi bốc người lên ở những nơi dầu sôi lửa bỏng. Bỗng đâu một trái “phòng không 23 mi-li-mét” bay thẳng vào bình xăng bốc cháy, ngọn lửa phùng phùng. Cả chiếc H34 tôi đang lái chìm trong biển lửa. Chỉ còn thấy cánh quạt phía trên quay tít. Lửa tấp vào đôi tay tôi, lửa tấp vào mặt tôi, lửa tấp vào chân, tôi vội kéo cái kính trên nón bay xuống để bảo vệ cặp mắt mà lông mi và lông mày chỉ còn một ít cong queo. Đâu đâu cũng là lửa. Lúc đó tôi nghĩ “thế là xong, thế là hết”. Xong như trăm ngàn chiến hữu của tôi hằng ngày bỏ thân nơi

chiến trường. Có thân còn nguyên vẹn. Có thân đã cháy tan. Có thân không còn ra hình thù gì nữa. Còn tôi... Còn cái thân của tôi đây... Một chốc nữa thì nó sẽ ra như thế nào nhỉ... Bản năng sinh tồn của tôi bỗng vùng lên... Với bàn tay lửa đang cháy phùng phùng, tôi đẩy cái cần lái. Chiếc trục thẳng chúi mũi xuống. Tôi lại gạt ngang cái cần lái. Chiếc trục thẳng chúi vào đám rừng thưa. Cánh quạt đang quay tít, chém đứt tất cả cây cành chung quanh, bánh xe tống vào các thân gỗ gãy rời, chỉ còn thân con tàu trườn tới đâm sầm vào một gốc cây lớn rồi dừng lại. Không biết bằng cách nào, tôi đã chồm phất dậy, bật khỏi chiếc ghế cũng đang bốc cháy, và phóng ra khỏi biển lửa. Toàn thể con người tôi như bó đuốc đang bốc cháy phùng phùng. Tôi lăn càn xuống mặt đất, nơi cỏ ban mai còn đọng sương, để mong dập tắt ngọn lửa đang nướng tôi... như nướng bắp. Tất cả áo quần tôi đều cháy rụi. Những chiếc fermeture bằng đồng trên bộ đồ bay, nóng bỏng, dính chặt vào da thịt tôi như những con rắn dài... Bỗng tôi thấy một chiếc trục thẳng khác đang sà xuống. Có hai đồng đội nhảy vội xuống dựng tôi đứng dậy, nhắc tôi lên. Tôi phóng lên chụp vội lấy cái tay cầm bên cạnh cửa trục thẳng. Nhưng... tôi bật ngửa, rơi trở xuống mặt đất. Tôi ngạc nhiên khi sự việc xảy ra bất ngờ như thế. Quái lạ. Tôi nhớ tôi đã chụp lấy và nắm rất chắc cái tay cầm bên cạnh cửa của chiếc trục thẳng đang bay lơ lửng. Tôi ngược lên nhìn vào cái tay cầm... thẳng thốt... tự hỏi tại sao tôi đang té ngổ dưới đất mà đôi bàn tay của tôi còn bám chặt lấy cái tay cầm bên cạnh cửa. Vậy nghĩa là sao... Tôi chưa kịp... Mà cũng không có đủ thì giờ để nghĩ đến tại sao đôi bàn tay của

tôi lại còn bám chặt vào cái tay cầm như thế. Đồng đội của tôi đã lại một lần nữa nhắc bổng tôi lên, lần này chính xác liệng tôi lọt thỏm vào trong lòng chiếc trực thăng. Họ phóng theo khi chiếc trực thăng đang từ từ bốc lên cao... Họ quơ vôi lấy chiếc mền trùm lên tôi. Tôi không còn biết gì nữa ... Đôi bàn tay của tôi ngoài kia chắc hẳn vẫn đang còn bám cứng lấy cái tay cầm bên cánh cửa lên xuống của chiếc trực thăng...

Hoàng Dung
05/10/2008



ĐÔNG VỀ

Đông về tuyết giá tung bay,
Xòe tay da nhám, mắt cay má hồng
Mênh mông ảo mộng chờ trông,
Viết lời tâm sự đôi dòng quấn quanh.

Vì yêu giọt nắng long lanh,
Bởi yêu sóng biển nắng hanh vùng trời
Yêu trăng, tiếng hát ru hời,
Vang lên khúc nhạc bến đời núi sông.

Âm thầm nước chảy mạch lòng,
Người thương biệt giãc mòng đêm qua
Khuê phòng một bóng xót xa,
Chuyến đò đi ngược lướt qua bến sầu.

Đông về tuyết giá trắng màu,
Giấc hồ ngây dại dòng châu đã thừa
Mộng trắng vàng bóng tình xưa,
Gió đông thấm lạnh vải thưa gối đầu.

HOÀNG BẠCH MAI

BÀI THƠ TÌNH ĐẦU NĂM

-1 CHO EM YÊU ĐẦU

Muôn vì tinh tú đều quay đầu
châu về phương Bắc.
Ngàn con sông dài đều vượn mình
chảy về biển Đông.
“Vọng mỹ nhân hề, thiên nhất phương” (1)
Lòng anh như hoa hướng dương,
Trăm phương, đổ lại một phương mặt trời.
Em yêu đầu ơi!

-2 HỎI EM YÊU ĐẦU

Mình quen nhau bao lâu rồi em nhỉ?
Một năm?
Hai năm?
Ba năm?
Bốn năm?

Em giận hờn anh bao lần rồi em nhỉ?
Tháng giêng?
Tháng hai?
Tháng ba?
Tháng tư?

Mình yêu nhau bao lâu rồi em nhỉ?
Một ngày?
Hai ngày?
Ba ngày?
Bốn ngày?

Những ngày đợi chờ dài như thế kỷ.
Những lần giận hờn lâu tựa thiên thu.
Còn những ngày vui thì qua rất vội.
Trong một đời người.
Một kiếp phù du!

Mình quen nhau bao lâu rồi em nhỉ?
Một năm, hai năm, ba năm, bốn năm?

Em giận hờn anh bao lần rồi em nhỉ?
Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng tư?

Mình yêu nhau bao lâu rồi em nhỉ?
Một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày?

Ôi! Những ngày buồn lâu tựa thiên thu.
Còn những ngày vui thì qua rất vội.
Trong một đời người.
Một kiếp phù du!

Tạ Quang Trung

(Virginia)

Chú thích (1): Thơ Lý Bạch - Trung Quốc

KHÓC PHƯƠNG TRIỀU

Phương Triều người mắt ròi sao
Ai trong vườn mộ chạy vào vườn thơ
Nghe tin thật cũng không ngờ
Một đời viết lách bấy giờ tay không!

Anh em bạn hữu chờ mong
Chỉ nghe mùa lạnh trong lòng cuối năm
Giờ không còn thiếu chỗ nằm
Thương nhau nghĩ lại càng cảm tuổi già!

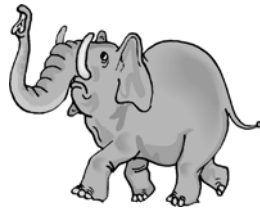
Hà Thượng Nhân

San Jose, ngày 18/11/2008

Thơ Chuyển Ngữ
NGUYỄN NGỌC BÍCH

CON VOI

Con vòi, còn voi
Cái vòi đi trước
Hai chân trước
đi trước
Hai chân sau đi sau
Còn cái đuôi thì đi sau rốt



THE ELEPHANT

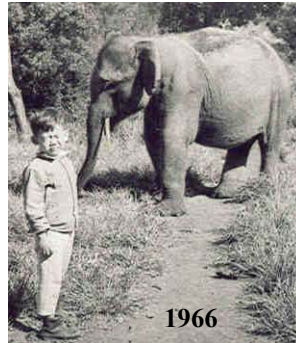
The elephant, that is, an
elephant
Has a trunk that precedes it
Then two forelegs that forward go
And two hindlegs that follow
And a tail that winds it up...

Tôi xin kể nốt cái chuyện con voi:
Con vòi còn voi...

Let me finish the elephant's tale:
The elephant, that is, an elephant...

NU NA
NU NỔNG

Nu na nu nống
Cái cống nằm trong
Cái ong nằm ngoài
Củ khoai chấm mật
Phật ngồi Phật khóc
Con cóc nhảy ra
Con gà bới bếp
U a u ập



NOONAH
NOONONG

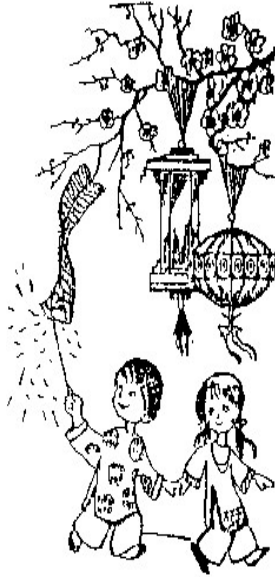
Noonah noonong
The termite's inside the hole
The queen bee's outside
A yam is for honey-dipping
So Buddha sits and cries
A frog jumps out
And a chicken scrounges
In the kitchen
Let's jump and catch it!

**ÔNG NINH
ÔNG NANG**

Ông Ninh Ông Ninh
Ông ra đầu đình
Ông gặp Ông Nang
Ông Nang Ông Nang
Ông ra đầu làng
Ông gặp Ông Ninh...

**THÌA LA
THÌA LẤY**

Thìa la thìa lấy
Con gái bảy nghề
Ngồi lê là một
Dựa cột là hai
Theo trai là ba
Ăn quà là bốn
Trốn việc là năm
Hay nằm là sáu
Láu táu là bảy



**MR. NỈNG
MR. NING**

Mr. Nỉng Mr. Ning
You go to the village "ding"
And meet Mr. Naang
Mr. Naảng Mr. Naang
You go to village Wang
And meet with Mr. Ning...

**SQUAT HERE,
SQUAT THERE**

Squat here, squat there
Seven sins has a girl:
Gossiping around is one
Listening to it is two
Going after boys is three
Tasting snacks is four
Avoiding work is five
Sleeping all day is six
And bungling things is seven.

NGUYỄN NGỌC BÍCH
(Virginia)

Năm Sửu Nói Chuyện Trâu

NGUYỄN PHÚ THỨ

LỜI TÒA SOẠN: Học Giả Nguyễn Phú Thứ vừa viết xong tác phẩm *Tim Hiểu Cuộc Đời* để ra mắt đầu năm Kỷ Sửu 2009, sách dày 400 trang, gồm 2 Chương và Chương Phụ Lục. Tác phẩm này gồm có những bài giá trị về *Sự Sống Ở Đời*, đã được các trang nhà và các tạp chí ở hải ngoại Việt Ngữ khắp nơi đăng tải, kết hợp các bài mới sáng tác, nay gom kết lại thành quyển sách giá trị để quý bà con đồng hương tham khảo, sưu tầm tài liệu khi cần.

Trân trọng chào mừng Học Giả NGUYỄN PHÚ THỨ và xin giới thiệu tác phẩm *Tim Hiểu Cuộc Đời* đến quý độc giả bốn phương.

*

(Kỷ Sửu từ 26-01-2009 đến 13-02-2010)

(Trích dẫn trong tác phẩm *Tim Hiểu Cuộc Đời* của Nguyễn-Phú-Thứ)

Sau khi năm Mậu Tý chấm dứt, thì đến năm Kỷ Sửu được bàn giao từ giờ giao thừa bắt đầu giữa đêm chủ nhật, 25-01-2009 để cầm tinh đến 24 giờ đêm thứ bảy 13-02-2010. Năm Kỷ Sửu này cũng thuộc hành Hỏa và mạng Tích Lịch Hỏa tức Lửa Sấm Sét, năm này thuộc Âm, có can Kỷ thuộc mạng Thổ và có chi Sửu thuộc mạng Thổ. Căn cứ theo luật thuận hạp hay khác kỵ của Ngũ Hành,

thì năm này "Can tương hòa Chi" Bởi vì, Can = Thổ

và Chi = Thổ. Trường hợp này, giống như các năm Kỷ Mùi (1919-1979-2039-2099) có Can Chi tương hòa lại có cùng mạng Thổ giống như năm Kỷ Sửu này hoặc là các năm Nhâm Tý (1912-1972-2032-2092) có Can Chi tương hòa đều có cùng mạng Thủy. Vì vậy, người hay năm Kỷ Sửu này xem như tổng quát rất thuận lợi, bởi vì Trời Đất được giao hòa nhau, không khác trong nhà có đôi vợ chồng sống rất hạnh phúc vậy, cho nên có thể nói là năm được thăng tiến từ vật chất đến tinh thần được vững chắc trong sự nghiệp tương lai. Được biết năm Sửu vừa qua là năm Đinh Sửu thuộc hành Thủy, nhằm ngày thứ sáu, 07-02-1997 đến 27-01-1998.

Căn cứ theo Niên Lịch Cổ Truyền Á Đông xuất hiện được minh định quảng bá từ năm thứ 61 của đời Hoàng Đế bên Tàu, bắt đầu năm 2637 trước Công Nguyên, cho nên chúng ta lấy $2637 + 2009 = 4646$, rồi đem chia cho 60 thì có kết quả Vận Niên Lục Giáp thứ 77 và số dư 26 năm bắt buộc rơi vào Vận Niên Lục Giáp thứ 78 bắt đầu từ năm 1984 cho đến năm 2043. Do vậy, năm Kỷ Sửu 2009 này là năm thứ 26 của Vận Niên Lục Giáp 78.

Năm Sửu tức Trâu cũng là Ngưu, cho nên trong bản dân thiên hạ cũng thường nhắc nhở luôn trong sinh hoạt xã hội hằng ngày, từ đó mới có những từ ngữ liên quan, xin trích dẫn như

sau:

Sửu là con Trâu đứng



Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ.

hạng thứ 2 của 12 con vật trong Thập Nhị Địa Chi, vì lớn con kinh cang, lại còn mang cặp sừng trên đầu nên không thể sánh bằng con Chuột lang lợi nhỏ con đến trước.

Giờ Sửu = là giờ từ 01 giờ đến đúng 03 giờ sáng hôm sau.

Tháng Sửu = là tháng Chạp của năm âm lịch.

Hoàng Ngưu = Hỏa Ngưu = con Bò.

Thủy Ngưu = Con Trâu.

Ngưu Dương = Trâu Đê.

Ngoài ra, chúng ta còn thấy **cây cỏ** mang tên **Ngưu**, xin trích dẫn như sau :

Ngưu hoàng = Vật vàng vàng mà cứng ở trong cái mật con Bò, người ta dùng để làm thuốc trị phong đàm.

Hắc Sửu = là loại cây **bìm bìm lông**, hột nó đen, dùng để làm thuốc trị hạ nhiệt.

Ngưu bàng tử = Hột cây **muồng hoè** để làm thuốc trị ghê.

Ngưu tất = Rễ **cỏ xước** dùng để làm thuốc trị chứng bệnh đau gân cốt.

Khiên Ngưu = Loại dây **hắc sủu**, dùng để làm thuốc trị hạ nhiệt.v.v.

Đặc biệt, có những **Ca Dao, Tục Ngữ** và **Thành Ngữ**, xin trích dẫn như sau :

Trâu Bò ở với nhau, quen chuồng quen chòi, (*)

Người ở với nhau lâu, inh ỏi đủ điều

(*)**Chòi** : là cây **chấn ngang** ở cửa chuồng để Trâu Bò ra không được.

Trâu **kia** kén **cỏ** bờ ao,

Anh **kia**, không vợ đời nào có con.

Người ta con trước con sau,

Thân anh không vợ như cau không buồng.

Cau không buồng như tuồng cau đực,

Trai không vợ cục **lắm** anh ơi!

Người ta đi đón về đôi,

Thân anh đi lẻ về **loại** một mình.

Mất Trâu thì lại mua Trâu,

Những quân cướp nó có **giàu** hơn ai.

Trâu Bò được ngày phá đổ,
Con cháu được ngày giổ ông.

Nhịn thuốc mua Trâu,

Nhịn trâu mua ruộng.

Muốn giàu, nuôi Trâu cái,

Muôn lụn bại, nuôi Bò Cầu...(Ca Dao).

Trâu **chậm** uống nước **đục**.

Trâu **ngơ** ăn **cỏ** héo.

Trâu **lành** không ai mà cả (*).

(*) **cả** = trả giá để mua.

Trâu **ngả** **lắm** kẻ **cầm** dao.

Trâu **đạp** cũng **chết**, Voi **đạp** cũng **chết**.

Trâu **hay** **ác** thì Trâu **vạt** sừng.

Trâu **bình** cũng **bằng** Bò **khỏe**.

Trâu **toi** thì Bò **ngả**.

Trâu **lắm** **vẩy** quàng.

Trâu **trắng** đi **đâu** **mất** mùa **đến** **đấy**.

Trai **mười** **bảy**, **bẻ** **gãy** sừng Trâu.

Thân Trâu **lo**, **thân** Bò **liệu**.

Có **ăn** **có** **chọi** mới gọi là Trâu.

Thở hơn Trâu **hạ** **địa** (*).

(*) **Trâu** **ha** **đĩa** = Trâu **bệnh** **lâu** **ngày**.

Mua Trâu **vẽ** bóng.

Máu **đâu**, Trâu **đỏ**.

Không **có** Trâu, **bắt** Bò **thế**, (đi **đắm**).

Thà **chết** **vũng** **chân** Trâu, **hơn** **chết** **khi** **đĩa** **đèn**.

Tham **bong** **bóng** **bỏ** **bọng** Trâu.

Thật **thà** **lái** Trâu.

Thở như Trâu Bò mới **vực** (*).

(*) **vực** = Tập **kéo** **xe** hay **cày** **bừa**.

Trâu Bò **húc** **nhau** Ruồi **Muỗi** **chết**.

Trâu **cày**, Ngựa **cởi**.

Trâu **chết** **chẳng** **khỏi** **rơm**.

Trâu **chết** **mặc** Trâu, Bò **chết** **mặc** Bò.

Trâu **cột** **ghét** Trâu **ăn**.

Trâu **đồng** nào **ăn** **cỏ** **đồng** **ấy**.

Trâu **già** **đâu** **nệ** **dao** **phay**.

Trâu **nghiến** **hàm**, Bò **bạch** **thiệt** (*).

(*) Bạch thiệt = Lưỡi trắng.
Trâu tìm cột, cột (*) chẳng tìm Trâu.

(*) Cột = Cọc.

Đất Trâu chui qua ống.

Ngưu tầm Ngưu, Mã tầm Mã.

Thọ hóa thanh Ngưu.

(Cây lâu năm hoá thành Trâu xanh)... v.v.
(Thành Ngữ).

Miếng trâu là đầu câu chuyện,

Con Trâu là đầu cơ nghiệp... v.v (Tục Ngữ).

Xuyên qua Ca Dao, Tục Ngữ và Thành Ngữ có liên quan đến Trâu đã dẫn ở trên kia, chúng ta không thể ngừng ở đây, mà còn thấy rất nhiều sách viết về những huyền thoại Trâu, xin trích dẫn để quý bà con đồng hương nhân lãm như sau :

Trâu là gia súc, loài nhai lại, trên đầu có cặp sừng hình vòng cung, nó chính là người bạn chân thành của những nhà nông từ xa xưa, đã từng đổ mồ hôi, sót con mắt trên luống cày hay bừa trên thửa ruộng, để cho có những hạt lúa, nường khoai nuôi dưỡng gia đình tộc Việt chúng ta. Ngày nay, nhờ cơ giới hóa có máy cày thay Trâu, nên Trâu bớt cơ cực như ngày xưa. Đối với thời xưa, dân tộc mình xem Trâu là một trong ba việc hàng đầu căn bản cho gia đình và xã hội cần phải sắm, cho nên trong dân gian thường nhắc nhở như sau :

Tậu Trâu, lấy vợ, làm nhà

Trong ba việc ấy lọ là khó thay!

Ngoài ra, đất nước chúng ta là nông nghiệp, cho nên trong dân gian cũng thường nhắc đến Chồng cày, Vợ cấy, con Trâu đi bừa trên đồng ruộng. Đó chính là hình ảnh thân quen của những nông gia, có đời sống rất chất phát, cần cù lại êm đềm và hạnh phúc trong sự phân công giữa người và Trâu, xin trích dẫn như sau đây:

Rủ nhau đi cấy, đi cày,

Bây giờ khó nhọc, có ngày phong lưu,

Trên đồng cày, dưới đồng sâu,
Chồng cày, vợ cấy, con Trâu đi bừa.

hoặc là:

Trâu ơi, ta bảo Trâu cày,

Trâu ra ngoài ruộng, Trâu cày với ta,

Cấy cày vốn nghiệp nông gia,

Ta đây, Trâu đấy ai mà quản công,

Bao giờ cây lúa còn bông,

Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng Trâu ăn.

Khi viết về cái Cày và con Trâu, tôi lại nhớ trong ngôn ngữ (Proverbe) Pháp cũng có câu như sau :

Mettre la charrue devant les boeufs

(Đặt cái cày trước con Trâu)

Ý nói, bất cứ việc gì chúng ta đừng bao giờ làm việc trái đời, ví như đặt cày cái trước con Trâu, thì không thể thực hiện để thành công được.

Trong dân gian mình có những huyền thoại tương truyền về Trâu, xin trích dẫn như sau:

◇ Tại sao Trâu ăn cỏ?

Thuở xưa, Ngọc Hoàng sai một vị Bồ Tát xuống trần gian mang theo 1 bao hạt giống lúa và 1 bao cỏ để phổ độ chúng sanh. Trước khi xuống trần, Ngọc Hoàng đã tỉ mỉ căn dặn, đến trần gian phải gieo rắc bao hạt giống lúa trước để dân có dư giả mà ăn, còn bao cỏ thì gieo sau để nuôi thú vật. Nhưng khi vị Bồ Tát đến trần gian, thấy phong cảnh khác lạ, nên mãi mê xem mà quên lời căn dặn của Ngọc Hoàng, để rồi gieo bao cỏ trước và bao hạt giống lúa sau. Từ đó, cỏ không cần trồng cũng mọc tràn lan khắp mọi nơi, các thú vật ăn không bao giờ hết vì quá dư thừa và không làm sao diệt cỏ hết được. Còn lúa phải gieo trồng rất cực khổ và khó khăn mới có ăn, bởi vì bị cỏ mọc lấn áp làm lúa phát triển chậm hơn cỏ. Bởi lỗi ấy của vị Bồ Tát, làm cho người trần gian trồng lúa rất khó nhọc mới có ăn và cỏ thì mọc tự nhiên quá nhiều, cho nên Ngọc Hoàng mới đày vị Bồ Tát này xuống trần gian hóa thành con Trâu để giúp người trần gian cày

bừa trồng lúa và ăn cỏ, chùng nào hết cỏ sẽ được tha thú cùng phục hồi địa vị cũ, nhưng ăn hoài vẫn không bao giờ hết cỏ được, nên Trâu chưa thoát kiếp. Do lý do trên, nên Trâu thường đi cày bừa giúp nông gia và ăn cỏ.

Trong dân gian xem Trâu là vị Bồ Tát, có tánh tình hiền, nên ít ăn thịt hơn Bò là thế.

☐ Tại sao Trâu chỉ có một hàm răng ?

Cũng tương truyền thuở xưa rằng : Các loài thú vật bốn cẳng như : **Chó, Mèo, Trâu, Cọp** ...v.v thì có được hai hàm răng, duy chỉ có con **Ngựa** dù cũng có 4 cẳng, nhưng chỉ có một hàm răng. Bữa nọ, **Ngựa** được mời đi dự tiệc, **Ngựa** nghĩ rằng mình chỉ có một hàm răng ăn rất chậm, nên đi hỏi **Chó, Mèo, Cọp** ... để mượn hàm răng, thì **Chó, Mèo, Cọp** ... cũng được mời ăn tiệc, chỉ còn **Trâu** cũng được mời ăn tiệc, nhưng không muốn đi vì lười, phần làm việc cực nhọc nên thân thể ê ẩm, nên không đi dự tiệc, cho nên **Trâu** được **Ngựa** đến năn nỉ và than thân trách phận vì số không có hai hàm răng, rồi hứa chỉ mượn tạm hàm răng của **Trâu** đi ăn tiệc xong sẽ trả lại liền, còn đền ơn đáp nghĩa cho **Trâu**. **Trâu** nghe bùi tai, động lòng nên gờ cho **Ngựa** mượn. Sau khi dự tiệc xong, **Ngựa** thấy có hai hàm răng ăn rất mau và lại ngon miệng, nên động lòng tham, không giữ gìn lời hứa, bèn trốn lánh **Trâu** để giết luôn hàm răng. Một hôm **Trâu** gặp được **Ngựa** đòi lại hàm răng và mắng chửi **Ngựa** thậm tệ, **Ngựa** phóng nước đại chạy trốn mất dạng, **Trâu** rượt theo một hồi không bắt kịp **Ngựa**, vì thân thể nặng nề nên rất chậm chạp. Từ đó, **Trâu** đành nuốt hận cho đến ngày nay, chỉ có một hàm răng, trong khi **Ngựa** lại có hai hàm răng.

Đó là, nguyên do Trâu ăn cỏ, chỉ có một hàm răng và cày bừa giúp nhà nông trồng lúa. Đây là một trong những tương truyền trong dân gian để rằng đời đáng quý!

© Tại sao Trâu không biết nói tiếng người và có cái seo như nốt ruồi dưới cổ :

Thuở xa xưa, Trâu cùng nói được tiếng với người, nhờ vậy người dùng lời nói để sai khiến Trâu, cho nên bọn mục đồng (chăn Trâu) không thể dùng roi để đánh đập Trâu hay không cho Trâu ăn cỏ đầy đủ, vì sợ Trâu mét chủ. Nhờ vậy, người cùng vật quẩn quít và thương mến nhau. Có một gia đình nông dân nọ, có nuôi một con Trâu và muốn một cậu bé để chăn Trâu, thời gian sau nó bỏ bê chăn Trâu, vì mê lo đánh đáo cùng bọn chăn Trâu khác, nhưng sợ Trâu đi ăn lúa, nên nó cột Trâu lại một chỗ không cho ăn uống, cho nên Trâu bị đói, bụng xẹp ve, để qua mắt chủ, nó lấy mo cau áp vào bụng Trâu rồi trét bùn bên ngoài. Cứ thế, ngày ngày nó dẫn Trâu về chuồng, người chủ thấy bụng Trâu no tròn thì hài lòng và yên bụng tưởng rằng nó lo cho Trâu cẩn thận chu đáo, có ngờ đâu Trâu thì bị đói cả ngày, không như các ngày vừa qua, chỉ bỏ Trâu đói vài giờ, cho nên Trâu định mét chủ, nhưng Trâu bị nó khôn ngoan, lanh lợi dùng lời lẩn áp Trâu, không cho Trâu có dịp nói với chủ. Sáng hôm sau, người chủ vắt Trâu đi cày, Trâu đi không nổi vì đói, nên bị chủ quát : "Mau lên đồ lười". Trâu trả lời : "Không phải lười vì đói" **Chủ** nói : Ngày nào nó cũng cho mày ăn một bụng no nê mà đói nổi gì?. Trâu **thổ lộ** : "Nó chỉ lo mê đánh đáo, rồi nói láo cho tôi ăn no, no gì mà no trong mo cau ngoài đất sét". **Người chủ** vội vàng kiểm chứng thấy sự thật, khi lột mo cau trét bùn dưới bụng Trâu và đánh cậu bé chăn Trâu một trận nên thân. Từ đó, ngày nào Trâu cũng được ăn no và tắm rửa chu đáo. Riêng cậu bé chăn Trâu, ba bốn ngày hôm sau chỗ bị đánh vẫn còn sưng, cậu bé ngồi khóc trên bờ ruộng, bỗng một ông lão hiện ra hỏi han nguyên do bị đánh, cậu bé trình bày sự thật và ông lão rút trong người ra một nén nhang, rồi đốt lên dí vào cổ con Trâu, làm cho Trâu đau điếng, kêu khan cả cổ, tiếng nói dần dần biến mất, sau

cùng khi nào muốn nói, Trâu chỉ phát ra được tiếng "nghe...ọ". Riêng ở chỗ bị thương, sau đó trở thành một cái sẹo như nốt ruồi. Từ đó, Trâu sanh ra đều không nói được tiếng người và đều mang cái nốt sẹo ở dưới cổ. Những huyền thoại về Trâu còn nhiều, nào là:

Trâu nhà, Trâu rừng, Ngưu Mân (Trâu ngũ), trong Tây Du Ký tác giả Ngô Thừa Ân nói về Ngưu Ma Vương đánh với Tề Thiên Đại Thánh cuối cùng nhờ có Thái Thượng Lão Quân mới thu phục được Ngưu Ma Vương đẹp bỏ được chướng ngại trên đường thầy Trần Huyền Trang tức Tam Tạng phụng chỉ vua Đường Thái Tôn sang nước Thiên Trúc để thỉnh kinh Phật về truyền bá trong dân gian. Ba bộ kinh của Phật gọi chung là Tam Tạng. Trên đường đi xa xôi ngàn dặm, hành trình gian nan, nguy hiểm vì có nhiều yêu quái, nhờ có b học trò giỏi the phò như sau:

➤ thứ nhất là Tôn Ngộ Không tức Tôn Hành Giả, cốt Khi tu hành lâu năm nên thành người, có 72 phép biến hóa thân thông, được biệt danh là Tề Thiên Đại Thánh.

➤ thứ nhì là Trư Bát Giới, cốt Heo tu hành lâu năm nên thành người, cũng có phép không vừa.

➤ thứ ba là Sa tăng, một con quỷ hung tợn được thầy Tam Tạng thuyết phục và đầu dụng làm đệ tử.

Mặc dù thầy Trần Huyền Trang có ba đệ tử tài năng phép thuật cao cường, nhưng khi đến Hoả Diêm Sơn đành phải chùn bước, vì trở ngại núi quá cao lại có phun lửa rục trời, sức nóng mãnh liệt. Muốn vượt qua phải dập tắt ngọn lửa này, nhưng phải có cây quạt Ba Tiêu của Ngưu Ma Vương tức chồng của Bà La Sát nắm giữ. Được biết, Ngưu Ma Vương vốn là con Trâu đã tu luyện cả ngàn năm thành người, nên tài phép không thua gì Tề Thiên Đại Thánh. Thầy trò Đường Tăng Tam Tạng tìm đến mượn quạt Ba

Tiêu, thì Ngưu Ma Vương không cho mượn, còn nặng lời sỉ vả, cho nên Tôn Hành Giả hiệp cùng Trư Bát Giới được Thổ Địa trợ giúp vây đánh Ngưu Ma Vương suốt ba ngày ba đêm để chiếm đoạt quạt Ba Tiêu, nhưng bất phân thắng bại. Sau cùng, nhờ Phật Tổ cho bốn Ông Kim Cang tấn công bốn hướng như sau :

☞ Ông Đại Lực Kim Cang hướng Đông.

☞ Ông Vĩnh Trụ Kim Cang hướng Tây.

☞ Ông Thăng Chi Kim Cang hướng Nam.

☞ Ông Bát Pháp Kim Cang hướng Bắc.

Khi đó, Ngưu Ma Vương mới cùng đường chống đỡ, nên phải chạy trốn, nhảy lên cao núp trong mây, nhưng cũng không thoát khỏi được, vì có các sứ thần của thượng đế là Na Tra và Lý Thiên Vương chặn đường vây bắt. Cuối cùng Ngưu Ma Vương mới chịu đầu hàng và quy y đầu Phật.

Nhân đây, tôi xin trích dẫn Ngài Huyền Trang như sau : Ngài Huyền Trang tức Hiuan-Trang (có người nói ngài họ Trần tên Huyền Trang), sanh năm 602 và chết năm 664, hưởng thọ 63 tuổi. Năm 13 tuổi ngài xuất gia học đạo. Năm 20 tuổi thọ giới cụ túc, lúc bấy giờ nước Tàu có loạn lạc, mãi đến năm 629, ngài được 27 tuổi, thuộc đời nhà Đường (618-907) niên hiệu Trinh Quang năm thứ ba, Ngài mới sang Ấn Độ thỉnh kinh, phải qua 100 quốc gia thuộc các nước nhỏ của xứ Ấn Độ, cho nên có tên Đường Tam Tạng. Việc đi này, rất nhiều cuộc nguy hiểm trên đường đi và nhờ phép Phật che chở, nên Ngài vượt qua các tai nạn và cuối cùng được các Vua Tây Vực tiếp rước và giúp đỡ tận tình để Ngài tu học các ngôi đại tự cho thành tài, cuối cùng thỉnh các tạng kinh sách từ Ấn Độ mang về, được Vua Thái Tông tiếp rước nồng hậu. Sau đó, Ngài dịch kinh luận được trên 1.500 quyển từ Phạn ngữ sang Hán ngữ, riêng bộ Duy Thức Luận là đặc sắc nhất và được người đời tôn Ngài là Giáo Tổ dịch giả của Pháp Tướng Tông. Hơn nữa, Ngài còn soạn xong bộ

Tây Du Ký **dâng lên vua Thái Tông, được vua ngự phê cùng các bộ kinh khác của Ngài dịch và khi Ngài tịch được vua Cao Tông cử hành quốc táng, cùng xây tháp tôn thờ Ngài. Do đó, có thể nói Ngài là một đại sa môn người Trung Hoa đầu tiên dịch kinh từ tiếng Phạn sang tiếng bản xứ. Nếu kể từ sau khi Đức Phật diệt độ, cho đến Ngài đi thỉnh kinh từ Ấn Độ về năm 645 là 1.189 năm (bởi vì : 544 + 645 = 1.189 năm) và thời gian Ngài đi thỉnh kinh là 16 năm (bởi vì : 645 - 629 = 16 năm). (Trích dẫn bài Năm Hội Nói Chuyện Heo ở trước).**

Ngoài ra còn có :

↪ **Tục đấu (chọi) Trâu:** Tục này xưa kia thường được tổ chức ở một vài nơi như huyện **Lập Thạch**, Tỉnh **Vĩnh Yên** hoặc ở **Đình Bảng, Hà Đông** hay ở **Đồ Sơn, Kiến An**, cho nên trong dân gian thường truyền tụng để nhớ ngày **đấu Trâu** như sau :

Dù ai bán đầu, buôn đầu,

Mùng mười tháng tám **đấu Trâu** thì về.

hoặc là:

Dù ai buôn bán trăm nghề,

Mùng mười tháng tám nhờ về **đấu Trâu**.

Đặc biệt, khi nói đến mục đồng(chăn **Trâu**) ngày xưa, không phải người mục đồng nào cũng nghèo hèn, thất học hết, tối ngày chân lấm tay

bùn cơ cực suốt một cuộc đời ở cận kề với **Trâu**, mà không thể trở thành danh nhân lừng lẫy. Bằng chứng là trong lịch sử đất nước chúng ta có hai danh nhân đã từng là mục đồng. Đó là :

➤ **Đình Bộ Lĩnh** thuở nhỏ là người mục đồng, quê ở **Hoa Lư**, huyện **Gia Viễn**, Tỉnh **Ninh Bình**. Sau khi đứng lên dẹp được loạn sứ quân lên ngôi trở thành vua **Đình Tiên Hoàng** (năm 968) làm vua được 12 năm, thọ 56 tuổi (chết năm 979).

Trong **Đại Nam Quốc Sử** diễn ca, có đoạn nói về vua **Đình Tiên Hoàng** như sau :

Có ông **Bộ Lĩnh** họ **Đình**,

Con quan **Thứ Sử** ở thành **Hoa Lư**,

Khác thường từ thuở còn thơ,

Rủ đoàn mục tử mở cờ bông lau ...

➤ **Đào Duy Từ** thuở nhỏ cũng là mục đồng, con của **Đào Tá Hán** làm nghề hát tuồng và Bà **Kim Chi** là người hiếu học, nên sau được **Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên** được phong chức **Nha Úy Nội Tán, tước Lộc Khê Hầu, Quan Quán nội ngoại quân cơ, Tham lý quốc chánh** và Cụ **Đào Duy Từ** là người đứng ra tổ chức đắp xây **lũy Trường Dục** ở huyện **Phong Lộc** và **lũy Đình Bắc Trường Thành** dọc theo sông **Nhật Lệ** tục gọi là **Lũy Thầy Đồng Hới** để ngăn chặn hũu hiệu quân **Chúa Trịnh**.

Tên Năm	Thời Gian	Hành Gì?
Tân Sửu	19-02-1901 đến 07-02-1902	Thổ
Quý Sửu	06-02-1913 đến 25-01-1914	Mộc
Ất Sửu	25-01-1925 đến 12-02-1926	Kim
Đình Sửu	11-02-1937 đến 30-01-1938	Thủy
Kỷ Sửu	29-01-1949 đến 16-02-1950	Hỏa
Tân Sửu	15-02-1961 đến 04-02-1962	Thổ
Quý Sửu	03-02-1973 đến 22-01-1974	Mộc
Ất Sửu	20-02-1985 đến 08-02-1986	Kim
Đình Sửu	07-02-1997 đến 27-01-1998	Thủy
Kỷ Sửu	26-01-2009 đến 13-02-2010	Hỏa

Viết huyền thoại về **Trâu** còn dài dài, nếu kể thêm các lịch sử tương truyền bên **Tàu** hoặc đi vào văn chương sách vở thì không thể kể hết được, cho nên xin tạm ngưng ở đây, khi có dịp sẽ nói tiếp.

Trước khi tạm kết thúc bài này, tôi xin trích dẫn thời gian 10 năm những năm con Trâu vừa qua và sắp tới có Hành như thế nào? để cống hiến quý bà con đồng hương nhân lâm hoặc xem mình có phải sanh đúng năm Sửu hay không như dưới đây:

Và nhân đây, xin trích dẫn các ngày **Tết nguyên đán** kể từ năm **Tân Mão 2011** đến năm **Quý Mão 2023** để cống hiến quý bà con đồng hương thường lâm như sau:

- 👉 Tết **Tân Mão**, nhằm thứ năm, 03-02-2011 *
- 👉 Tết **Nhâm Thìn**, nhằm thứ hai, 23-01-2012 **
- 👉 Tết **Quý Tỵ**, nhằm chủ nhật, 10-02-2013 **
- 👉 Tết **Giáp Ngọ**, nhằm thứ sáu, 31-01-2014 *

- 👉 Tết **Ất Mùi**, nhằm thứ năm, 19-02-2015*
- 👉 Tết **Bính Thân**, nhằm thứ hai, 08-02-2016 **
- 👉 Tết **Đinh Dậu**, nhằm thứ bảy, 28-01-2017 *
- 👉 Tết **Mậu Tuất**, nhằm thứ sáu, 16-02-2018 *
- 👉 Tết **Kỷ Hợi**, nhằm thứ ba, 05-02-2019 *
- 👉 Tết **Canh Tý**, nhằm thứ bảy, 25-01-2020 *
- 👉 Tết **Tân Sửu**, nhằm thứ sáu, 12-02-2021 *
- 👉 Tết **Nhâm Dần**, nhằm thứ ba, 01-02-2022 **
- 👉 Tết **Quý Mão**, nhằm chủ nhật, 22-01-2023 *

Cước Chú: Những năm có một dấu * thì **Tết** có ngày **30**, còn những năm có hai dấu ** thì **Tết** không có ngày **30**, nên đón giao thừa vào giữa đêm **29**, vì tháng thiếu.

Kính chúc tất cả gia đình quý bà con đồng hương năm mới Vạn Sự Cát Tường.

Nguyễn-Phú-Thứ
Mừng Xuân Kỷ Sửu 2009

Buddy Photo

Fully Digital Photofinishing Lab

7238 Arlington Blvd. Falls Church, Va 22042
703-698-9595

Rửa hình trong vòng 1 giờ (từ phim hay digital files)
- Phóng hình lớn - Chụp hình passport, thẻ xanh
- In photo business card - In hình từ phim slide v.v...

Wedding Photography & Video Production

Xin gọi: Khánh Trần hay Hiếu Nguyễn
703-698-9595 571-278-0771

Một Vài Cảm Nghĩ Về Án Tử Hình

NGUYỄN VĂN THÀNH

(Tiếp theo Cỏ Thơm số 44)

NHÀ GIAM TEMPLE

Nhà giam Temple nguyên là một tu viện xây cất vào thời Trung Cổ, thế kỷ 13, tại trung tâm thành phố Paris nhưng ít người biết đến, được các Hiệp Sĩ (Templiers ou Chevaliers du Temple) củng cố thêm để phòng ngự làm nơi ẩn trú như một pháo đài vậy. Vua Louis 16 và gia đình bị giam giữ tại đây, sau biến cố tấn công Điện Tuileries ngày 10 tháng 8 năm 1792, đưa tới sự chấm dứt chế độ quân chủ kéo dài 1.000 năm và mở đầu nền Đệ Nhất Cộng Hòa Pháp Quốc ngày 22 tháng 9 năm 1792.

Và cũng chính tại nơi trên, nhiều nhân vật nổi tiếng như hai tướng

Pichegru và Moreau cùng lãnh tụ Cadoudal

xứ Bretagne cũng bị giam ở hầm tù trong Temple để điều tra về âm mưu lật đổ chính quyền. Tướng Pichegru bị bóp cổ chết trong xà lim, còn Tướng Moreau bị lưu đày và lãnh tụ Cadoudal bị kết án chém đầu năm 1804. Sau đó, nhà giam Temple bị triệt hạ vào năm 1808.

Marie Antoinette không xa lạ gì với nhà giam Temple cả bởi lẽ đã có lần đến thăm Bá Tước Artois, em trai của Vua Louis 16, sống thư nhàn trong lâu đài nằm cạnh hai Tháp thuộc dinh thự của tu viện cổ được gọi

là lâu đài Grand Prior. Tại đây, phòng ốc khá rộng rãi, có phòng chơi bài và nhiều trò chơi khác. Đặc biệt có phòng đọc sách với 1500 cuốn sách nguyên trước đây của các Hiệp Sĩ Malta để lại. Nhạc sĩ trẻ Mozart cũng có lần tới vui chơi tại lâu đài Grand Prior theo lời mời của Hoàng Tử Conti.

The Temple trên được kiến trúc chia ra những Tháp lớn ở tầng cao và những Tháp nhỏ ở tầng giữa tiếp giáp với nhiều chòi canh, tường



Hoàng Hậu Marie Antoinette
và hai con ở Điện Tuileries.

bằng đá dày 9 feet, Tháp cao 60 feet, các cửa sổ rất hẹp và các lỗ thông hơi ở 4 phòng nhỏ. Dưới mặt đất là xà lim nhà tù thật vô cùng âm đạm.

NHỮNG NGÀY THÁNG TẠI TEMPLE

Vua Louis và gia đình gồm có Hoàng Hậu Antoinette, con gái lớn Maria Theresa Charlotte, 14 tuổi, con trai Louis Charles, 7 tuổi (Vua Louis 17 trong tương lai) và cô em út của nhà Vua Madame Elisabeth đều di chuyển bằng xe ngựa tới nhà giam Temple. Còn toàn bảo vệ cùng những nhân vật tín cẩn cạnh Vua Louis và Hoàng Hậu cũng được tạm thời chuyển tới Temple nhưng rồi sau đó ít ngày đều bị dẫn giải tới nhà tù La Force và Abbaye, theo lời yêu cầu của Ba Lê Công Xã (Commune de Paris), để điều tra tở như Thống Chế De Mailly, quan Đại Thần De Hervilly, Công Nương De Lamballe, Nữ Hầu Tước De Tourzel cùng con gái Pauline, Madame Campan..Nhóm Jacobin gồm nhiều nhân vật quá khích được gọi những kẻ “cực cách mạng” (ultra revolutionaries) lật đổ công xã hợp pháp, vào giai đoạn đầu, lên nắm quyền ngày 10/08/1792 tức ngày George Danton chỉ huy tấn công Điện Tuileries nhân danh “công xã nổi dậy” (commune insurrectionnelle). Tiếp đến, vào giai đoạn sau, Danton là Luật Sư và cũng là nhà hùng biện nổi tiếng, được cử giữ chức Tổng Trưởng Tư Pháp rồi ít ngày sau cầm đầu chính phủ nổi dậy (gouvernement insurrectionnel), cai trị đất nước bằng lưỡi lê vào thời kỳ khủng bố ngày mồng 2 tháng 9 và tháng 6 tháng 7-1794. Louis và Antoinette bị giam giữ tại Temple và bị điều tra đưa ra Tòa xét xử vào giai đoạn đầy biến động chính trị đó.

Marie Antoinette rùng mình sợ hãi khi nhóm Jacobin cực đoan yêu cầu Quốc Hội giam nhà Vua và gia đình tại Temple, chứ không phải ở lâu đài có đầy đủ tiện nghi như Grand Prior của các cựu Hiệp Sĩ Templar trong tu viện cổ như trình bày ở phần trên. Dưới áp lực và đe dọa nặng nề của những kẻ “cực cách mạng”, các Đại biểu trong Quốc Hội đành phải chấp thuận đề nghị của những nhân vật chủ chốt trong Công Xã Nổi Dậy (the Insurrectionary Commune) và bác bỏ đề xướng của phe ôn hòa trong Quốc Hội chủ trương giữ nhà Vua và gia đình tại lâu đài Luxembourg cho đến ngày hết chiến tranh. Như vậy, số phận của Vua Louis và gia đình sẽ nằm trong tay của nhóm Jacobin quá khích.

Nhìn thấy Antoinette hoảng sợ trước tình thế đó tại Temple, Hầu Tước phu nhân Tourzel trấn an Hoàng Hậu xua tan mối lo âu và nỗi sợ hãi đó đi. Antoinette thét lên: “Rồi bạn sẽ nhìn thấy họ sẽ giam chúng ta vào cái tháp. Họ sẽ biến cái tháp đó thành nhà tù thực sự nhốt chúng ta coi như tội nhân can “tội đại hình.” Quả tầm nhìn của Antoinette không xa sự thực. Nhà Vua và cả gia đình được cho ở 4 phòng rất nhỏ (tiny cells) trong Tháp ở tầng giữa, riêng cô em út nhà Vua phải ở chung phòng với Madame Royale, còn tất cả những người thân cận với Hoàng Hậu đều nằm ở sàn bếp và sàn ăn dưới sự quan sát của 11 nhân viên thuộc Ba Lê Công Xã cùng một Trung Đội canh gác nhà giam Temple.

Sau khi các bạn thân cận của Hoàng Hậu bị di chuyển từ nhà giam Temple tới nhà tù La Force và Abbaye, Antoinette và cô em chồng Elisabeth bắt đầu tổ chức cuộc sống mới tại Tháp Temple.

Khi chạy bộ từ Điện Tuileries sang khu nhà Quốc Hội, Hầu Tước phu nhân De Tourzel và Công Nương Lamballe mang được 2 bộ quần áo cho Hoàng Hậu và một chiếc áo choàng ngoài cho nhà Vua cùng một túi đựng các hộp trang sức và mỹ phẩm. Đặc biệt Công Nương Lamballe mang được con chó nhỏ loại mũi ngắn hơi phẳng như chó bun (pug-dog) ở xứ Scotland cho Hoàng Hậu mà Antoinette đã lấy tên con chó của Bá Tước Thụy Điển Axel Ferson đặt cho nó là Odin. Thật hi hữu thấy Chúa ngục Temple đã hai lần dành đặc ân cho Antoinette, Hoàng Hậu cuối cùng của nước Pháp, lần đầu cho phép giữ con chó nhỏ Odin cho đến ngày tận cùng lên đoạn đầu đài, và lần thứ hai được đeo chiếc nhẫn có khắc 5 chữ tiếng Ý “*tutto a te mi guida*” có nghĩa ‘chưa bao giờ sự thật lại rõ ràng hơn như bây giờ.’

Đó là mật hiệu của Ferson mà Antoinette thuộc nằm lòng chờ ngày có người tới giải thoát gia đình ra khỏi nhà tù để chạy qua Bỉ. Jariayers, người thân tín của Bá Tước Ferson, cầm đầu nhóm 3 người thực hiện kế hoạch táo bạo đó bị bại lộ đúng lúc quân đội cách mạng Pháp ồ ạt tấn công xâm chiếm Bỉ quốc. Bá Tước Ferson rời Kinh đô Brussels chạy thoát về Thụy Điển tích cực vận động Triều Đình Áo xúc tiến việc trao đổi tù binh để cứu Marie Antoinette nhưng thời gian vào lúc đó không thuận lợi. Cách hai năm sau, Madame Royale, người con gái lớn 17 tuổi của Louis và Antoinette, được trao đổi tù binh quan trọng trở về quê mẹ lập gia đình với

người anh họ rồi qua đời năm 72 tuổi, không con, tại ngoại ô thành Vienne, Áo Quốc.

CUỘC SỐNG MỚI

Tổ chức gia đình trở lại đời sống bình thường, trong tháp giam Temple, không phải là chuyện dễ. Antoinette và cô em chồng gặp rất nhiều khó khăn, may mắn thay Quân Đội Cách Mạng Pháp chiến thắng khắp mặt trận nên qui luật nhà giam ngày càng được nới lỏng. Chính quyền Công Xã Ba Lê chỉ định 2 sĩ quan cao cấp và 4 nhân viên dân sự có thẩm quyền như Madame Tison (Trùm tình báo) và Madame Etoffe giải quyết tại chỗ mọi vấn đề liên hệ tới sự giam giữ Vua Louis và gia đình tại Temple.

Việc đầu tiên, cho sửa Tháp cao để tất cả gia đình Vua Louis có đủ tiện nghi và an toàn hơn. Việc sau, Madame Etoffe đặt mua quần áo, dày dép, mũ, bát tất tại Rose Bertin và Giot mà Antoinette ưa thích khi tại chức với một ngân khoản 25.000 bảng Anh cho hai tháng 8 và tháng 9. Thực phẩm được cung cấp tự do và đầy đủ. Ba đầu bếp nam giới chuyên phục vụ hoàng gia như Turgy, Chrétien và Marchand cung cấp các món ăn quen thuộc hợp khẩu vị của tất cả gia đình lại kèm theo các loại rượu vang Bordeaux, Champagne cùng rượu nhẹ dùng vào bữa ăn tối.

Theo sử gia Rupert Furneaux, các nhà lãnh đạo Ba Lê Công Xã ra lệnh cho nhân viên phụ trách nhà giam phải cư xử và đối



Marie Thérèse Charlotte

đãi tử tế với Vua Louis và Hoàng Hậu, nhằm những mục đích chính trị, để khi cần có thể đưa Louis và gia đình xuất hiện trước thế giới bên ngoài. Còn sử gia Padover cho rằng sử dĩ Vua Louis và gia đình được đối xử tử tế tại nhà giam Temple vì bị áp lực của đảng Girondin. Đảng này xuất phát từ tỉnh Gironde ở gần thành phố Bordeaux có ảnh hưởng tới các tỉnh bao gồm các người có nghề chuyên môn cấp thấp như thợ thủ công, người bán hàng hay các nông dân khá giả và đặc biệt được sự ủng hộ của giới bình dân (*the sans-culottes*) mà đảng Jacobin cũng muốn tranh giành ảnh hưởng. Họ đòi hỏi phải kiểm soát giá cả, phân phối thực phẩm, trừng trị các kẻ đầu cơ tích trữ. Họ tố cáo giới tư sản đã trục lợi lúc tình hình bất ổn.

Các đảng viên Girondin muốn quyền lực trung ương phải được chia sẻ bớt về các tỉnh, giảm bớt sự can thiệp của thành phố vào nền kinh tế của cả nước, nhờ đó, tài sản của quốc gia không tập trung vào thành phố Paris. Tóm lại, đảng Girondin chủ trương tăng cường các chính quyền địa phương hay một loại phân quyền liên bang (federal decentralization) nên thúc đẩy chiến tranh ra nước ngoài, chống Công Xã Ba Lê và không muốn giết vua chỉ nên giữ Vua Louis và gia đình như con tin tại Lâu Đài Luxembourg cho đến ngày chấm dứt chiến tranh..

Đời sống tại nhà giam Temple thật buồn thảm. Để giết thì giờ, nhà Vua và Hoàng

Hậu đi bộ, chơi cờ backgammon (một lối chơi có quân cờ và các con súc sắc được gọi là **cờ thỏ cáo**), đọc sách và dạy hai con học.

Nhà Vua dạy Louis Charles văn phạm và làm bài tập còn Maria Theresa Charlotte học văn chương thường đề cập các tác phẩm của Corneille và Racine. Hoàng Hậu dạy Sử Ký, Địa Lý và âm nhạc, riêng cô em út nhà Vua phụ trách môn toán học.

Ngoài công việc thường nhật đó, Hoàng Hậu và cô em chồng sửa lại áo quần được cấp phát cho cả gia đình sao cho gọn gàng,

đứng đắn, hợp với dáng người mang chút ít nghệ thuật nói lên giai cấp của mình. Đối với bản thân, vì thiếu dụng cụ và vải vóc, Hoàng Hậu Antoinette sử dụng tối đa loại khăn choàng cổ (fichus) và khăn quấn quanh vai hoặc đầu và cổ của phụ nữ (shawls) làm vật liệu may mặc. Vợ Hanet Cléry, người hầu nhà Vua, cung cấp khi tới thăm chồng hoặc nhờ cai tù có cảm tình mua hộ những vật liệu đó mà còn nhiều thứ lặt vặt khác như kim chỉ, que đan, lược chải đầu v...v...

Thời gian dễ dài tại nhà giam Temple kéo dài hơn 2 tháng vào đúng lúc Tướng Dumouriez Tư Lệnh Lực lượng cách mạng chiến thắng nhiều mặt trận chặn đứng sự xâm lăng của các quốc gia thù nghịch. Vua Louis nhận được sách báo loan tin thắng trận đồng thời chế độ giam giữ không còn khắt khe nữa. Cả gia đình nhà Vua được chuyển lên Tháp cao sống thoải mái hơn. Cai tù cho phép hai con Vua Louis chơi đùa ở vườn lâu đài Grand Prior còn nhà Vua và Hoàng Hậu có thể đi bộ hàng

The Dauphin



ngày tại đó và đôi khi còn được ra ngoài miễn là nhà vua không được đeo huy chương sau 12 giờ trưa. Những người có dịp quan sát rất chú ý tới Hoàng Hậu Antoinette ăn mặc thật giản dị như người dân thường nhưng rất bắt mắt về lối trang phục và trang sức thật hài hòa cân đối như ẩn dấu nét kiêu sa trang nhã. Chẳng có ai muốn hạ nhục hay tôn thờ mà chỉ thấy cảm thương cho số phận nghiệt ngã của Marie Antoinette, Hoàng Hậu bất hạnh cuối cùng của nước Đại Pháp vậy thôi.

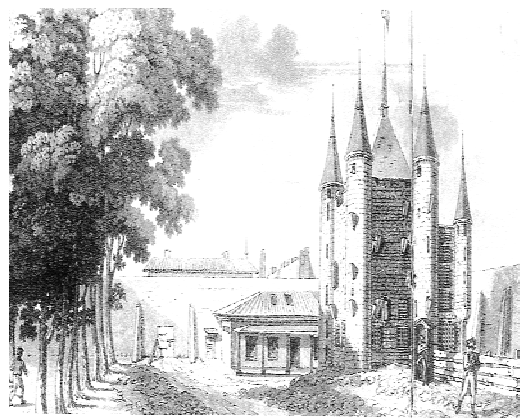
Thiết nghĩ cũng cần đề cập thêm Công Chúa Marie Antoinette có năng khiếu về nghệ thuật từ thuở nhỏ rất nổi tiếng vào năm 14 tuổi tại Đế Quốc Áo (Triều đại Habsbourg-Lorraine) về thiết kế các kiểu mẫu áo lễ hội trong cung đình nên được các giới thượng ngọan phong cho tước hiệu “Công Chúa Thời Trang”. Hành trình qua Pháp, Hoàng Hậu Marie Antoinette cũng lại nổi danh về trang phục và trang sức. Theo nhà văn Caroline Weber viết cho báo Vogue và Sena Jeter Naslund viết cho Đại nhật báo The Washington Post trong mục Book World, Marie Antoinette đã thành công vì đã áp dụng triệt để bí quyết quan trọng nhất về thời trang chỉ vắn vắn có hai chữ “giản dị”. Đó là lối ăn mặc phải nói lên được một cách hùng hồn về cái ta của ta: Ta là ai? thuộc giai cấp nào? có lôi cuốn và quyền uy không? Đôi khi điều đó còn nói lên được nhiều hơn nữa ngay cả khi người ăn mặc cũng không hề có ý định nhắm tới những ước mong thầm kín của mình.

Về nước hoa, Hoàng Hậu Marie Antoinette còn được các nhà nghiên cứu nước hoa trên thế giới hết lời ca ngợi “nước hoa của Hoàng Hậu” có mùi thơm thật lâu và vô cùng lôi cuốn, mùi thơm của trái cây và các loài hoa quý tự nhiên không tinh chế như nước hoa thời nay. Vào thời đó tức thế kỷ 18, nước hoa nổi tiếng nhất tại Pháp, nếu

so sánh với thời nay, chỉ có thể được xếp vừa bằng loại nước hoa Chanel số 5 dành cho quý bà mà thôi. Quý vị có rất nhiều loại nước hoa nhưng không có loại nào giữ được mùi thơm lâu. Trái lại, “nước hoa của Hoàng Hậu” có mùi thơm lâu không tinh chế vượt xa các loại nước hoa nổi tiếng thời nay về mùi thơm và sức lôi cuốn.

Hoàng Hậu né tránh rất khéo léo không để cho ai hôn chạm vào da thịt mà chỉ lướt nhẹ mái tóc bông bênh với mùi thơm ngào ngạt của nước hoa thật quyến rũ. Có một bậc vương giả mà Hoàng Hậu Marie Antoinette rất kính mến đã để cho hôn theo đúng nghĩa một cái hôn, đã thốt lên: “sau ta là Đại hồng thủy” (après moi le déluge) ý muốn nói không còn ưu tư tí gì về tương lai nữa. Theo nữ sử gia và cũng là Giáo sư

The Towers of the Temple in 1796



Tháp Temple

Đại Học Versailles về nước hoa, Elisabeth de Feydeau loan báo đã khám phá được công thức bí mật sáng tạo ra loại nước hoa mà Hoàng Hậu Marie Antoinette ưa thích thường dùng vào buổi sáng và các lễ lạc trong Cung điện. Được sự giúp đỡ của chính quyền và các bạn đồng môn, Feydeau dần dần tìm được dấu vết mùi hương

thơm của hoa và trái cây ở phòng trang điểm của Hoàng Hậu có liên quan đến các loài hoa quý trồng trong Vườn Điện Versailles và Tiểu Lâu Đài Trianon ở cuối vườn, nơi khuất nẻo không ai ngờ tới. Các nhà sản xuất đã trưng bày tại các tiệm bán tặng phẩm ở Versailles, loại nước hoa làm theo công thức trên được gọi ‘ nước hoa của Hoàng Hậu’ đựng trong chai lọ pha lê với giá 450 mỹ kim dưới 1 ounce và 10.500 mỹ kim với 8.5 ounces. Có nhiều nhà tỷ phú và các ông hoàng bà chúa đã đặt mua khá nhiều loại nước hoa nổi tiếng vừa trình bày.

Quý vị độc giả nào thích sưu tầm các kiểu áo thời trang và nước hoa của Hoàng Hậu Marie Antoinette thì xin xem các tài liệu sau:

-Bài viết của sử gia Pháp mang tựa đề Marie Antoinette đang ở hệ thống Bảo Tàng Viện Smithsonian tháng 11 năm 2006-Marie Antoinette by Richard Covington.

-Abundance A Novel of Marie Antoinette by Sena Jeter Nussland và Queen of Fashion What Marie Antoinette wore to the Revolution by Caroline Weber-The Washington Post trong Book World chủ nhật ngày 8 tháng 10 năm 2006 trang 8 và 9.

-Traces of Marie Antoinette, caught in a Phial of Perfume-The Washington Post thứ sáu ngày 19 tháng Giêng năm 2007.

SÓNG GIÓ BẮT ĐẦU

Hai người hầu trung thành Hanet Cléry và Francois Hue sống sót trong cuộc tàn sát cuồng nộ của đám đông ở Điện Tuileries đều được Ba Lê Công Xã chấp thuận cho tới nhà giam Temple tiếp tục phục vụ Vua Louis và gia đình. Cléry hầu Louis Charles và được

huấn luyện thợ làm tóc cho Hoàng Hậu và cả gia đình. Francois Hue phục dịch Vua Louis hết lòng nên được nhà Vua tin cậy. Nhóm tình báo của vợ chồng Tison nghi ngờ Francois Hue nằm trong âm mưu của phe bảo hoàng tìm cách giúp gia đình Louis trốn nhà giam nên bị dẫn giải tới nhà tù La Force và Abbaye để điều tra cùng với tài liệu bị tịch thu. Sự thật tài liệu này chỉ là quyển sổ nhỏ ghi chú các bài toán với con số học để nhắc Louis Charles học và làm bài tập chữ không dính dáng gì tới âm mưu giúp nhà Vua chạy trốn cả. Toán áp giải tới trễ phải tạm giữ Hue tại phòng giam của Tòa Đô Chính nên thoát chết. Nếu Hue bị giam tại nhà tù đúng vào ngày dẫn giải thì chắc chắn bị chém đầu cùng với tất cả các tù nhân của hai nhà tù trên vào đợt khủng bố thứ nhất ngày mùng 2 tháng 9. Ước khoảng 1100 tù nhân của hai nhà tù trên đã bị tàn sát vào đợt khủng bố này, trong đó có Công Nương Lamballe, bạn thân của Hoàng Hậu bị di chuyển từ nhà giam Temple tới nhà tù La Force.

Francois Hue được phóng thích. Hue viết truyện năm 1806 miêu tả cuộc tàn sát tại Điện Tuileries, đời sống trong nhà giam Temple và cuộc khủng bố ngày mùng 2 tháng 9. Đường sự đã sống chứng kiến sự phục hồi nền quân chủ Bourbon vào năm 1814.

Công Nương Marie de Lamballe nguyên trước đây được Hoàng Hậu Marie Antoinette rất tin nhiệm giao phó đảm trách chức Quản Trị và Giám Sát Tiểu Lâu Đài Trianon trong khoảng thời gian từ năm 1776 đến 1785 tức ngày Hoàng Hậu già từ Trianon trở về hắt Điện Versailles lo công việc triều chính. Vào thời gian này, các sách nhỏ Pamphlets loan tin, trong mục “Tin Tức Triều Đình”, mỗi tình

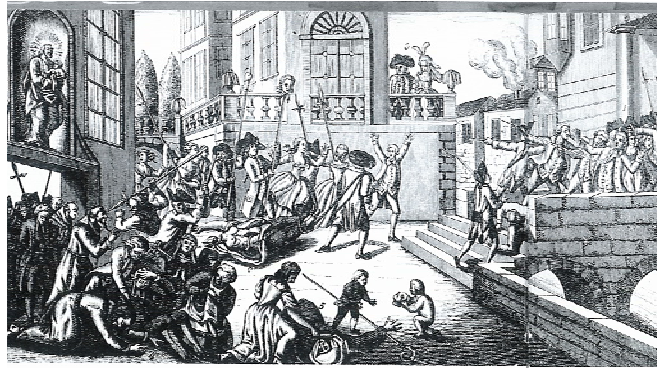
đồng phái tính giữa Hoàng Hậu Antoinette và Lamballe kèm theo những bức tranh tục tĩu rất thuyết phục người đọc. Các nhà viết tiểu sử cũng như sử liệu coi chuyện đó như một trong nhiều tai tiếng thiếu sự kiện căn bản để suy đoán mối tình đồng giới tính nên gạt ra ngoài mà chỉ đề cập 3 vụ tai tiếng nhất được trình bày trong bài viết về chủ đề pháp lý này. Đó là vụ chiếc vòng hạt xoàn đeo cổ với 647 hạt kim cương (Cổ Thơm số 42) và mối tình nóng bỏng giữa Hoàng Hậu và Bá Tước Thụy Điển Axel Ferson (Cổ Thơm số 43), cả hai vụ đã có phần kết luận, còn vụ thứ 3 về sự loạn luân với người con trai Louis Charles sẽ được đưa ra ánh sáng trong phiên Tòa xét xử Marie Antoinette.

Công Nương Lamballe bị chém đầu tại sân nhà tù La Force chỉ vì không chịu tố giác Vua Louis và Hoàng Hậu chứ không dính dáng gì tới tai tiếng về mối tình đồng giới tính cả. Nhân viên thẩm vấn yêu cầu Lamballe thề: “Tự Do, Bình Đẳng và Căm thù nhà Vua và Hoàng Hậu.” Một người bạn đồng tù ghé vào tai Lamballe khuyên hãy thề đi không thì sẽ bị lãnh án chém đầu. “Chết sớm một ít hay chết muộn một chút không phải là vấn đề quan trọng. Tôi phải hy sinh đời tôi.” Trả lời người bạn xong, Lamballe đồng ý thề 2 khẩu hiệu đầu và từ chối vế cuối cùng vì điều đó “không nằm trong thâm tâm của tôi.” Thề xong, Lamballe dơ hai tay úp vào mắt. Nhân viên thẩm vấn ra lệnh “hãy dẫn giải tới một người nào đó để giải thoát bà ta.” Hai người hành quyết lực lưỡng xóc nách lôi Lamballe

ra ngoài sân đầy xác chết trong khuôn viên nhà tù La Force rồi giao cho toán côn đồ (the bands of ruffians) dùng kiếm chặt đầu Lamballe bêu trước Tháp nhà giam Temple để nguyên rửa hành vi đồi bại của Marie Antoinette. Đám côn đồ gào thét: “Antoinette đồi bại hãy hôn Lamballe đi.”

Nhiều nhà viết tiểu sử đều cho rằng chính quyền Danton biết những đám côn đồ tràn vào các nhà tù nhưng không ra lệnh dẹp bọn chúng. Có thể nói những vụ giết tù nhân trong nhà giam thật vô cùng man rợ và tàn ác nhất trong lịch sử.

NẠN NHÂN CỦA HOÀN CẢNH



The Massacres of September 26, 1792

Ngày bêu đầu Công Nương Lamballe trước nhà giam Temple lại rơi đúng lúc Liên Quân Phổ (trong đó có lực lượng quân sự Áo) do Quận Công Brunswick chỉ huy vượt biên giới đánh chiếm thành Verdun vào ngày 03 tháng 9 năm 1792. Tướng Brunswick dự đoán sẽ có mặt tại thành phố Paris vào ngày 10 tháng 10. Tin tức về mặt trận Verdun gây chấn động dân chúng và được loan truyền rộng rãi. Vợ người hầu Cléry thường mua chuộc những người bán báo ở ngoài đường rao thật to tin

chiến trường để Cléry ở trên Tháp Temple có thể nghe rõ rồi trình lại nhà Vua.

Vào thời gian trên, Bá Tước Ferson ở Bỉ viết thư cho Tướng Brunswick, bạn thân của Ferson, yêu cầu san bằng Varennes (nơi bắt Louis và gia đình chạy trốn phải quay trở về Paris) và giải cứu Antoinette và gia đình thoát khỏi nhà giam Temple. Chế độ giam giữ bị siết chặt. Louis và gia đình không được phép ra khỏi Tháp đi bộ như thường lệ nữa. Cai tù tịch thu tất cả các vật bên nhọn, không cho Louis cạo râu, có thái độ rất hung hãn và ăn nói xác xược. Thấy nhà Vua và Hoàng Hậu hy vọng quân đội Phổ tới giải cứu, Giám ngục Rocher vào Tháp cao rút gươm ra đe dọa: “ Nếu quân đội Phổ tới, chúng ta sẽ chết hết nhưng tôi là người sẽ giết Louis trước.”

Liên Quân Phổ chỉ cách Paris 130 dặm đang tiến theo kế hoạch dự liệu sẽ có mặt tại thành phố Paris vào đầu tháng 10. Nhưng bỗng nhiên Tướng Brunswick ra lệnh rút lui gây tranh cãi khá nhiều trong giới chính trị và quân sự để tìm ra nguyên nhân của sự rút quân. Các sử gia nhận thấy lập luận của các nhà quý tộc Pháp lưu vong tại khắp Âu Châu đưa ra sát với thực tế hơn cả. Họ cho rằng quyền lợi quốc gia thực sự của Đế Quốc Áo và Phổ nằm ở sự chia cắt xứ Ba Lan mà hai bên gần như đạt được sự đồng thuận, chứ không phải là mặt trận Paris. Mặt trận này chỉ là cá biệt không phục vụ quyền lợi tối thượng quốc gia của họ dù có đi trái với điều cam kết trong bản Tuyên Ngôn Brunswick cũng phải hy sinh.

Liên Quân Phổ rút lui tiến về mặt trận Valmy bị quân đội Cách Mạng Pháp do hai Tướng Dumouriez và Kellermann chỉ huy

đánh bại ngày 20 tháng 9 năm 1792. Chiến thắng Valmy đánh dấu chặn đứng xâm lăng của ngoại bang và đem lại lòng tin cậy vào quân đội Pháp gồm các binh sĩ mới tuyển ở Marseille và các vùng khác khắp nước Pháp. Họ rất trẻ, ra trận lần đầu, hát bài hùng ca yêu nước La Marseillaise sẵn sàng xả thân để bảo vệ đất nước.

Vào cuối tháng 11, một biến cố trọng đại xảy ra khuấy động gia đình Vua Louis. Thợ kim hoàn Gamain, người thân tín được nhà Vua đỡ đầu, tố cáo Vua Louis giấu tài liệu thông đồng với nước ngoài để trong một cái tủ sắt nhỏ đặt trong tường Điện Tuileries. Hội Nghị Quốc Ước cử một nhân vật trọng yếu, Pétion de Villeneuve, tới Tháp Temple ngày 11 tháng 12 đọc Sắc Lệnh giam Louis Capet để thẩm vấn đưa ra Tòa xét xử. Hugues Capet là biệt danh của Vua Hugues thứ nhất thường mặc áo tời choàng (cape), sáng lập ra Triều đại capétien cai trị nước Pháp từ 897 đến 1328, dòng vua capétien có nhánh Bourbon là danh tiếng nhất. Tên họ Vua Louis 16 được đổi ra Louis Capet mang tính cách mỉa mai dưới thời cách mạng Pháp.
(Còn tiếp)

NGUYỄN VĂN THÀNH

Arlington, Virginia, USA, Đông 2008

Tham khảo và trích các tài liệu sau:

-The Tower- Marie Antoinette by Antonia Fraser

-The Temple- Marie Antoinette by Philippe Huisman and Maguerite Jallut

-The Life and Death of Louis 16 by Saul K. Padover

Cỏ Thơm Họp Mặt Mùa Thu

tại nhà Thái Phượng ở Richmond, Virginia 09/25/08



Hình trái: Hoàng Tiếp. Hình phải: Ngọc Dung, Lê Mai, Anh Thụy, Thái Phượng.



Hàng ngồi: Từ trái: Thái Phượng, Trương Anh Thụy, Thế Mai, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phạm T. Đức, Phạm T. Nhân. Hàng đứng: Nguyễn Huy Long, Hoàng Song Liêm, Thân Hữu, Lê Luyến, Hoàng Tiếp, Nguyễn Phú Long, Phạm Xuân Hải, Lê Thương, Phan Anh Dũng, Tạ Quang Trung.

VĂN NGHỆ CHÀO MỪNG

Nhạc Sĩ Thanh Trang & Ngô Thụy Miên

4/10/2008 tại Tòa Soạn Cỏ Thơm.



Hàng đầu Nhạc Sĩ Thanh Trang và phu nhân bên trái, Nhạc Sĩ Ngô Thụy Miên và phu nhân bên phải.



Hoàng Tiếp, Thanh Trang,
Quang Tuấn



Hoàng Cung Fa (Piano), Phạm xuân Thái (MC),
Phạm Dương Hiến (Violon)



Ngô Minh Trí

Thái Phượng

Ngọc Dung

Hoàng Cung Fa



Sĩ Trường, Hiếu Tâm.

Dương Ngọc Hoán.

Sĩ Tuấn



Hoàng Anh.



Ngô Thụy Miên, Thanh Vân,

Bạch Cúc, Phạm Đức Tiến.



Phan Anh Dũng, Tâm Hảo,
Lệ Hà, Thanh Trang,

Đèo Văn Sách.

Ngô Thụy Miên, Hiếu Thuận,
Vũ Quỳnh Anh, Văn Sơn Trường.



Ngọc Phú, Thanh Tuyền – Quang Tuấn, Ngọc Trinh – Ngọc, Hiếu Thuận, Lệ Hà Thanh Trang.



Đàm Xuân Linh, Ngọc Dung.

Nguyễn Ngọc Châu, Tâm Hảo, Ngô Thụy Miên, Thanh Vân,

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Những tác phẩm sau đây Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm đã được tác giả gửi tặng. Xin chân thành cảm tạ quý tác giả và hân hạnh giới thiệu cùng quý độc giả.

**MÙA XUÂN
KHÔNG TRỞ
LẠI**, tập truyện
ngắn của
Nhà Văn
LÊ LUYẾN.
Sách dày hơn
300 trang,
gồm 10
truyện ngắn.
Giá 15MK.



ĐẤT THÔN,
17 truyện ngắn
và bút ký của
Nhà Văn **LÊ
LUYẾN**. Sách
dày 295 trang,
giá 17 MK.
Địa chỉ liên lạc:
Lê Luyến:
12913 Mill
Meadow Ct;

Midlothian, VA 23112;
Email: <tiensha2006@yahoo.com>.

CHỖ
CÁI
CÁI
CÁI
CÁI



ĐÍNH CHÍNH

Cỏ Thơm 44

Xin lỗi quý vị độc giả:

- Bài Thơ Lục Nguyệt của Sư Đào trang 100-102: Sau những câu thơ đầu của bản dịch tiếng Việt và tiếng Anh đã không để cách một dòng trước đoạn hai.
- “footer” từ trang 104-144 đã có lỗi đánh máy.
- Trang 191-194: Bỏ trắng vì có một bài văn được Tác giả đổi ý, khân khoản yêu cầu bỏ đi trong lúc báo đã đang được in.
- Trang 198: Tiêu đề bài thơ Anh ngữ của Hưng Vũ xin viết lại cho đúng “Poem of Repentance”.
- Trang 199: Hình trên cùng, người thứ ba là nhà thơ Dương Huệ Anh.

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

PHÂN ƯU

Được tin Thân Phụ của Nhạc Sĩ Thanh Trang

Cụ **Nguyễn Thanh Hùng**

Cựu Tổng Thanh Tra Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam

Sinh năm 1915 tại Thái Hà Ấp, Hà Nội
vừa tạ thế vào lúc 2 giờ trưa ngày 6 tháng 11 năm 2008
tại Orange County, California - USA
hưởng thọ 93 tuổi.

Xin thành thật chia buồn cùng Nhạc Sĩ Thanh Trang và toàn thể tang quyến.
Nguyện cầu hương hồn Người Quá Cố sớm về Cõi Vĩnh Hằng

BAN TRỊ SỰ và BAN BIÊN TẬP TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM:

Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Ngô Tăng Giao, Bình Huyền, Trần Bích San, Phạm Văn Tuấn,
Phan Anh Dũng, Đỗ Tráng Mỹ Hạnh, Dương Huệ Anh, Hồ Trường An, Kiều Anh, Nguyễn Văn Bá,
Hải Bằng HDB, Việt Bằng, Nguyễn Ngọc Bích, Phạm Thị Ánh Bích, Đinh Cường, Hoàng Dung,
Hoàng Cung Fa, Tâm Hào, Lý Hiếu, Vũ Thái Hòa, Vũ Hối, Vi Khuê, Huy Lâm, Nguyễn Lân, Hoàng
Song Liêm, Đàm Xuân Linh, Nguyễn Phú Long, Tiên Sha Lê Luyến, Hoàng Bạch Mai, Vũ Nam, Đặng
Nguyễn, Cao Mỹ Nhân, Nghiêm Thái Phụng, Diệu Tân, Nguyễn Văn Thành, Tiểu Thu, Hồng Thủy,
Trương Anh Thụy, Lê Thương, Bùi Thanh Tiên, Hà Bình Trung, Tạ Quang Trung,
Nguyễn Đăng Tuấn, Nguyễn Tường Vân, Yên Vi, Kim Vũ.

VÀ CÁC THÂN HỮU:

Vũ Trung Hiền, Nguyễn Tuấn, Quỳnh Hương, Quang Tuấn, Minh Châu, Nguyễn Đức Nam,
Đặng Khánh, Nguyễn Bích, Ngô Thụy Miên, Từ Công Phụng, Dương Ngọc Hoán, Đào Văn Sách,
Phạm Dương Hiến, Văn Sơn Trường, Vũ An Thanh, Phạm Xuân Thái, Phạm Đức Tiến, Sĩ Tuấn,
Sĩ Tường, Hiếu Tâm, Hiếu Thuận, Hoàng Anh, Ngô Minh Trí, Nguyễn Ngọc Châu,
Dương Nguyệt Ánh, Trần Ngọc Thanh Tuyền, Hoàng Tiếp, Lê Thùy Lan, Nhật Huấn,
Trương Đình Trí-Ngọc Trâm



Thi sĩ PHƯƠNG TRIỀU

Tạ thế ngày 14 tháng 11 tại Austin, TX.

*

GỎI THEO HƯƠNG HỒN TÁC GIẢ "GIỌT SỮA ĐẤT"

Giã từ Cõi Tạm lúc thu sang
Anh nhớ Tân Hưng rợp nắng vàng
Mỹ Thuận, Nha Môn trắng cổ quận
Cái Tàu, Tân Hiệp nước Sa giang
Bên ni bạn cũ thương da diết,
Bên nó trường nhớ rộn ràng
Giọt sữa phù sa thơm Đất Mẹ
Anh về thanh thảo chuyển đò ngang

Hồ Công Tâm

Austin, ngày 15/11/2008

GIỌT SỮA ĐẤT

Thương giọt phù sa như là sữa đất
Đêm quê nghèo mưa trắng lạnh Tiền Giang...
Em thả tóc hương lài thơm gợi mộng
Búp tay mềm với gọi giấc mơ tan...

Mùa ốc gạo anh còn đi xúc tép
Chiều Tân Hưng ngõ bướm rợp hoa vàng
Mai hạp chợ Nha Môn xuống ghé sớm
Em buổi chiều Rạch Rắn đợi anh sang!

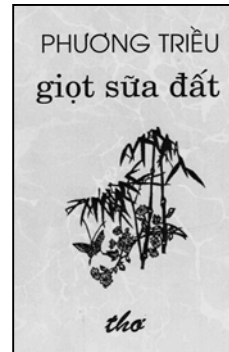
Mấy nhò bạn miệt Nàng Hai, Xóm Cùi
Dẫn mua giùm xoài tượng với dưa gang
Anh hái mận ra Cái Tàu đổi rế
Thêm chục xoài cát ngọt cúng trên trang!

Ván vái được cười em ngày mới lớn
Hạnh phúc đơm đầy hoa lá bình an
Đâu biết được mộng đau vùi giấc bướm
Nha Môn buồn Rạch Rắn đã sang ngang

Đêm trở lại ngâm ngùi trăng cổ thổ
Bóng hình xưa bèo bọt giấc mơ tàn...

PHƯƠNG TRIỀU

(trích thi phẩm *Giọt Sữa Đất*)



PHÂN ƯU

Được tin buồn

Văn Thi Sĩ PHƯƠNG TRIỀU - LÊ HUỲNH HOÀNG

tác giả những tập truyện: *Còn Nhớ Còn Thương* (1966), *Tiếng Hát Hoàng Hôn* (1969), *Sầu Hương Phấn* (1972), và những tập thơ *Tình Thương* (1995), *Trăm Bài Thơ Xuân* (2000), *Xóm Mộ* (2001), *Giọt Sữa Đất* (2002)...

đã tạ thế 5 giờ 30 chiều ngày 14 tháng 11 năm 2008 tại Austin, Texas, USA, hưởng thọ 67 tuổi.

**Đây là một tang chung cho nền Văn Học Việt Nam Hải Ngoại.
Xin thành kính phân ưu cùng Chị Phương Triều và toàn thể tang quyến.
Nguyện cầu hương linh người quá cố sớm phiêu diêu Miền Cực Lạc.**

BAN TRỊ SỰ và TÁC GIẢ TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Trần Bích San, Ngô Tăng Giao, Bình Huyền, Phạm Văn Tuấn, Phan Anh Dũng, Ý Anh, Hồ Trường An, Dương Huệ Anh, Kiều Anh, Quỳnh Anh, Nguyễn Văn Bá, Hải Bằng HDB, Nguyễn T. Thanh Bình, Việt Bằng, Nguyễn Ngọc Bích, Dư Thị Diễm Buồn, Đinh Cường, Hoàng Dung, Lam Điền, Hoàng Cung Fa, Trường Giang, Tâm Hảo, Lý Hiếu, Diễm Hoa, Vũ Thái Hòa, Vũ Hối, Tạ Quang Khôi, Vi Khuê, Huy Lãm, Nguyễn Lân, Phạm Trọng Lệ, Hoàng Song Liêm, Đàm Xuân Linh, Nguyễn Phú Long, Lê Luyến, Hoàng Bạch Mai, Vũ Nam, Đăng Nguyên, YP Minh Nguyệt, Cao Mỹ Nhân, Hà Thượng Nhân, Nguyễn Thị Nhung, Đỗ Phú, Nghiêm Thái Phụng, Trùng Quang, Văn Quang, Hồ Công Tâm, Diệu Tần, Phạm Xuân Thái, Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Văn Thành, Uyên Thao, Huệ Thu, Tiểu Thu, Hồng Thủy, Hoàng Hải Thủy, Trương Anh Thụy, Lê Thương, Bùi Thanh Tiên, Thanh Trang, Gia Trang LNQ, Hà Bình Trung, Tạ Quang Trung, Nguyễn Đăng Tuấn, Nguyễn Tường Vân, Yên Vi, Kim Vũ.

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Giáo sư VŨ KÝ

Cố vấn hội đồng điều hợp các cơ sở VNQDD tại hải ngoại,
nhà văn, nhà báo, giám khảo các kỳ thi bằng Tú Tài Quốc Tế tại Thụy Sĩ và
Luân Đôn, hội viên tại Âu Châu thuộc Viện Nghiên Cứu Về Đông Nam Á,
Đại Học Yale, Hoa Kỳ,
Đã từ trần vào lúc 16:10 pm (giờ Brussels), Belgium.
Ngày 14 tháng 11 năm 2008,
Hưởng thọ 88 tuổi.

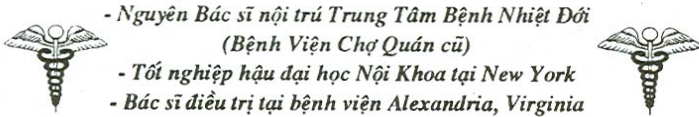
Xin thành thật chia buồn cùng Họa Sĩ Vũ Hối và tang quyến.
Nguyện cầu hương linh người quá cố sớm phiêu diêu Miền Cực Lạc.

BAN TRỊ SỰ và TÁC GIẢ TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM

Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Trần Bích San, Ngô Tăng Giao, Bình Huyền,
Phạm Văn Tuấn, Phan Anh Dũng, Ý Anh, Hồ Trường An, Dương Huệ Anh, Kiều Anh,
Quỳnh Anh, Nguyễn Văn Bá, Hải Bằng HDB, Nguyễn T. Thanh Bình,
Việt Bằng, Nguyễn Ngọc Bích, Dư Thị Diễm Buồn, Đinh Cường, Hoàng Dung,
Lam Điền, Hoàng Cung Fa, Trường Giang, Tâm Hảo, Lý Hiếu, Diễm Hoa, Vũ Thái Hòa,
Tạ Quang Khôi, Vi Khuê, Huy Lãm, Nguyễn Lân, Phạm Trọng Lệ,
Hoàng Song Liêm, Đàm Xuân Linh, Nguyễn Phú Long, Lê Luyến, Hoàng Bạch Mai,
Vũ Nam, Đăng Nguyên, YP Minh Nguyệt, Cao My Nhân, Hà Thượng Nhân,
Nguyễn Thị Nhung, Đỗ Phú, Nghiêm Thái Phụng, Trùng Quang, Văn Quang,
Hồ Công Tâm, Diệu Tần, Phạm Xuân Thái, Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Văn Thành,
Uyên Thao, Huệ Thu, Tiểu Thu, Hồng Thủy, Hoàng Hải Thủy, Trương Anh Thụy,
Lê Thương, Bùi Thanh Tiên, Thanh Trang, Gia Trang LNQ, Hà Bình Trung,
Tạ Quang Trung, Nguyễn Đăng Tuấn, Nguyễn Tường Vân, Yên Vi, Kim Vũ.

Bác Sĩ
NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine



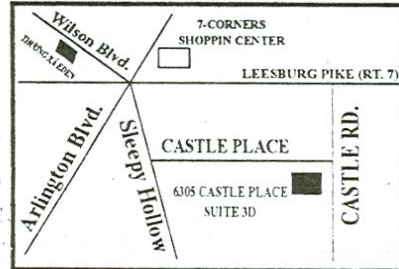
- Nguyên Bác sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới
(Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
- Tốt nghiệp hậu đại học Nội Khoa tại New York
- Bác sĩ điều trị tại bệnh viện Alexandria, Virginia

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Sáu:
8:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:00 PM
Chủ Nhật: Theo hẹn
Nhận Medicaid, Medicare,
và các loại bảo hiểm.

**CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG
VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT**

6305 Castle Place, suite 3D, Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 538-2200 -- Fax: (703) 538-2201



SOVEREIGN REALTY, INC.

3907 Annandale Road, Annandale, Virginia 22003

- Member of Million dollar President's Club
- NVAR Multi-Million Dollar Sales Club
- NVAR, Top Producer
- Chuyên viên địa ốc nhiều kinh nghiệm



Xin gọi
DIANA DUYÊN NGUYỄN
Office: (703) 941-3650
Fax: (703) 941-4692
Cell: (703) 598-6374



DIANA DUYÊN NGUYỄN

BẢO ĐẢM UY TÍN, KÍN ĐÁO, CHUYÊN NGHIỆP



BÁC SĨ
NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 EVERGREEN LANE

ANNANDALE, VA 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN



PHÒNG MẠCH
BÁC SĨ VÕ ĐẠM



591 UNIVERSITY BLVD. EAST
SILVER SPRING, MD 20901

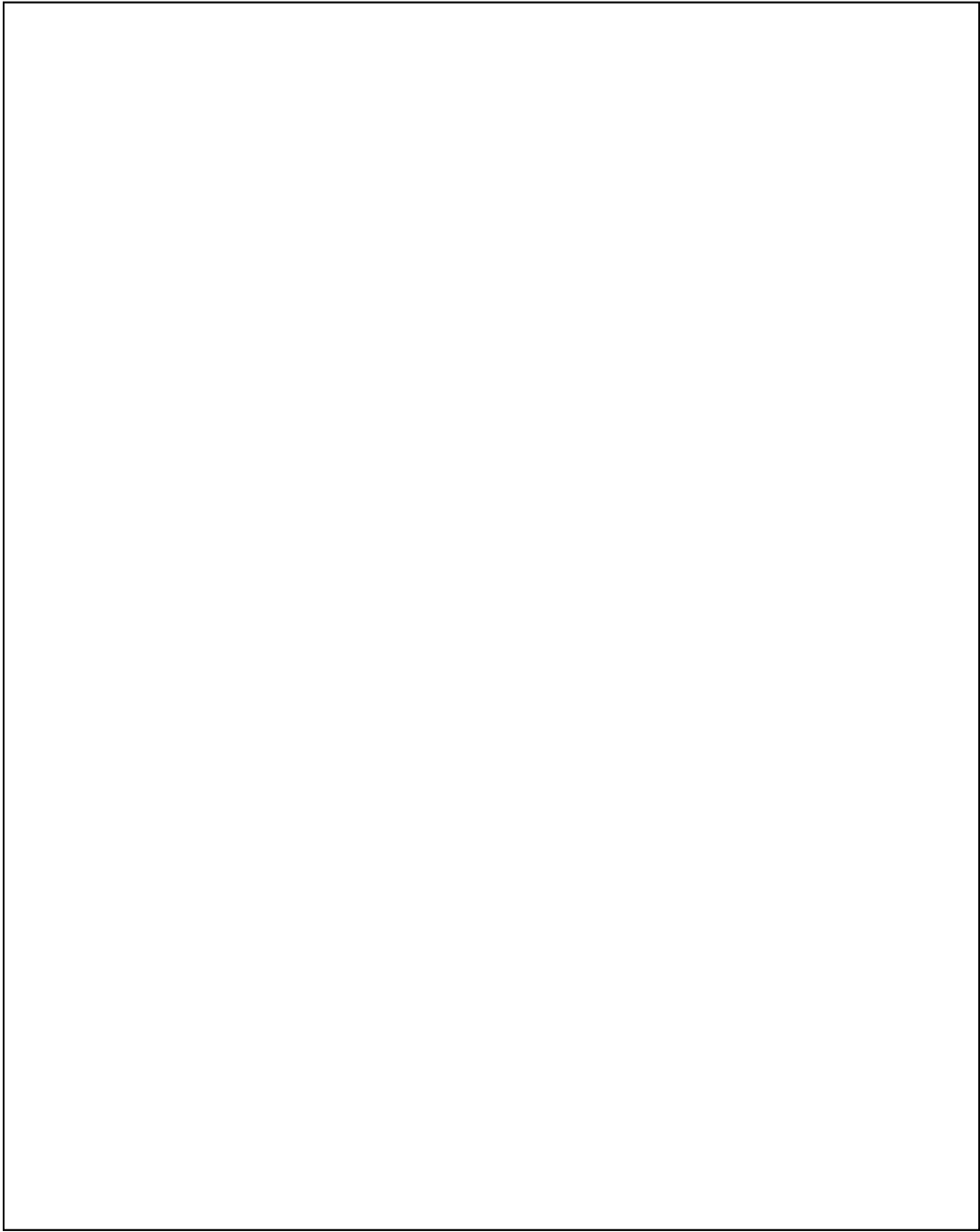
Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG

Đ.T. (301) 434-4943

Cell Phone (24/24): (240) 422-3454

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An	Ô. Đặng Hiền	Ô.B. Nguyễn Diệu Tần
B. Phạm Tường An	B. Đặng Thị Hiền	Ô. Lê Thanh
B. Văn Thị Kiều Anh	Ô. Lý Thy Hiếu	Ô. B. Nguyễn Văn Thành
Ô. Nguyễn Văn Bá (France)	B. Nguyễn Hoa	B. Nguyễn Thị Phương Thảo
Ô. Trần Hữu Bảo	Ô.B. Trần Bội Hoàn	Ô. B. Trịnh Đức Thông
Ô. Trần Quốc Bảo	B. Tô Diễm Hồng	B.Thu Phạm
Ô. Việt Bằng (CA)	B. Vũ Thị Huệ	B. Nguyễn Tiểu Thu, Canada
B. Phạm Thị Ánh Bích	Ô.B. Huỳnh Ba Hung	B. Thu Phạm
B. Hà Ngọc Bích (France)	Ô. Trương Hùng	B. Lương Thu Thủy
Ô.B. Hoàng Dân Bình	Ô.B. Bình Huyền (France)	Ô. B. Lê Ngọc Thụy
Ô.B. La Trung Chánh	B. Thùy Hương N.T.T.	Ô. Lê Văn Thương
Ô.B. Nguyễn Hùng Châu	Ô. Lê Ngọc Kha	Ô. Bùi Thanh Tiên
Ô. Trần Châu	Ô. B. Phan Khâm	Ô.. Nguyễn Văn Toại
B. Nguyễn T. Lê Chi (Canada)	Ô. Nguyễn Quốc Khoa	Ô. Nguyễn Bá Toàn
Ô.B. Ngô Chưông	B. Vi Khuê	Ô. Lê Văn Trạch
B. Nguyễn Hồng Cung	B. Phạm Tố Lan	B. Tiffany Trang Đỗ
Ô.B. Don Van Dang	Ô. Nguyễn Lân	B. Ngô Khắc Trâm
B. Bùi Thị Đào	B. Ngô Thị Liên	Ô. Tạ Quang Trung
B. Diana Đặng	Ô. B. Nguyễn Huy Long	Ô. B. Võ Trùng
B. Nguyễn Thị Dung	Ô. B. Nguyễn Phú Long	Ô. Nguyễn Đăng Tuấn
B. Nguyễn Kim Dung	B. Lê Thanh Mai	B. Tuyết Thảo Sơn Nguyễn
Ô. B. Phan Anh Dũng	B. Nguyễn Trúc Mai	Ô. Vũ Đình Từ
B.S. Trần Văn Dũng	Ô.B. Nguyễn Quang Minh	B. Nguyễn Tường Vân (CA)
B. Phùng Ngọc Duy	Ô. Vũ Nam, Germany	Ô. Nguyễn Tường Vân (MD)
B. Dzung Senser	B. Nguyễn T. Xuân Nga	B. Phạm Đăng Vân
B. Hồng Dương	Ô. Đào Nguyên	B. Khánh Vân Michalek
Ô. Nguyễn Xuân Vân	Ô. Đặng Nguyên	Ô. Nguyễn Xuân Vân
Ô. B. B.S. Võ Đạm	B. Cao Mỹ Nhân	Ô. Yên Vi
B. Bùi Thị Đào	B. Nguyễn Tú Nhật	B. Hoàng Hồng Yến
Ô. Nguyễn Hải Đăng	Ô. Nguyễn Ngọc Oánh	B. Phan Ngọc Yến
B. Nguyễn T. Minh Đức	Ô. Vũ Mạnh Phát	Eastern Loudoun Library
B. Cao Yến Giang	Ô. Trần Phi	Hà Nguyễn & Associates
B. Giang N. Trịnh	Ô. B. Đỗ Ngọc Phú	Ivan M. Waldman &
B. Lê Thúy Hà	B. Vũ Thị Phúc	Associates
B. Nguyễn T. Song Hà	B. Hoàng Hữu Phước	B.S. Nguyễn Quốc Quân
Ô.B. Nguyễn Đăng Hải	B. Nghiêm Thái Phương	B.S. Nguyễn T. Kim Dung
B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh	Ô. Lê Quang Phùng	Sovereign Realty, INC.
B. Vương Ánh Hằng	Ô. Trần Bích San	Lạc Việt Gallery
B. Trần Kim Hân	Ô. Hồ Công Tâm	Westgate Realty Group, Inc.
Ô.B. Lê Hậu	B. Nguyễn T. Minh Tâm	Buddy Photo
B. Dương Thị Hiền	B. Nguyễn Minh Tân	Harvest Moon Restaurant
	B. Nguyễn T. Ngọc Tân	



TỦ SÁCH HỘI VIÊN CỔ THƠM

TÁC GIẢ TÁC PHẨM	LOẠI VĂN	ẤN PHÍ	GIÁ HỘI VIÊN CẢ BƯU PHÍ	MUA GHI (X)
TRẦN BÍCH SAN: <i>VĂN KHẢO</i>	BIÊN KHẢO	\$15	\$ 9.	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BAN</i>	BÌNH VĂN THƠ	\$15	\$ 9.	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
QUỖNH ANH: <i>TÌNH TRONG CÕI MỘNG</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
TRẦN QUỐC BẢO: <i>ĐỐI DIỆN NIỀM VUI</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
N.T. NGỌC DUNG <i>ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: <i>MỘT THOÁNG MÂY BAY</i>	TẬP TRUYỆN	\$12	\$ 7.5	
HỒ TRƯỜNG AN, NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG, CAO MỸ NHÂN, PHAN KHÂM... : <i>HOÀI CẢM</i>	THƠ XƯỚNG HỌA	\$12	\$ 7.5	
CAO MỸ NHÂN: <i>ÁO MÀU XANH</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
KIM Y PHẠM LỆ OANH: <i>LIÊU TRAI TRÍ DỊ 1-2-3</i>	TRUYỆN DỊCH	\$21	\$12.	
KIM Y PHẠM LỆ OANH: <i>THI KINH QUỐC PHONG</i>	CỔ THI	\$25	\$14.	
TRƯƠNG ANH THỤY: <i>TRẠM NGHỈ CHÂN</i>	TRUYỆN DÀI	\$10	\$ 6.5	
TRƯƠNG ANH THỤY: <i>ÁNH MẮT</i>	TẬP TRUYỆN	\$12	\$ 7.5	
BÙI THANH TIÊN: <i>TRĂNG NHỚ ĐÊM RẼM</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
PHAN KHÂM: <i>BÊN DÒNG THẠCH HÃN</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
NGUYỄN LÂN: <i>SÔI NỔI</i>	TẬP TRUYỆN	\$15	\$ 9.	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
ĐẶNG NGUYỄN: <i>ĐÁ KHÔ DÒNG LỆ</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
VIỆT BẰNG: <i>HÌNH ẢNH TRÔI ĐI</i>	THƠ	\$12.	\$ 7.5	
N.T. NGỌC DUNG: <i>PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI</i>	HỘI KÝ	\$18.	\$10.5	
N.T. NGỌC DUNG: <i>SÀI GÒN NẮNG NHỚ MÙA THUỜNG</i>	HỘI KÝ	\$20.	\$11.5	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG</i> với Việt Bằng, Dư Thị Diễm Buôn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.	BÚT ĐÀM	\$15.	\$ 9.5	
TRƯƠNG ANH THỤY: <i>CHUYỂN MÙA</i>	TIỂU THUYẾT	\$28.	\$16.55	
PHAN KHÂM: <i>DÒNG SÔNG THAO THỨC</i>	THƠ	\$12.	\$ 7.5	
NGUYỄN T.N. DUNG. <i>NON NƯỚC ĐÁ VÀNG</i>	BÚT KÝ	\$15.	\$ 9.5	
HỒ TRƯỜNG AN. <i>NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẼM</i>	VÚT KHẢO.	\$15.	\$ 9.5	
HOÀNG TRÙNG DƯƠNG: <i>THƠ TÌNH HOÀNG TRÙNG DƯƠNG</i>	THƠ	\$10.	\$ 7.	
BÙI THANH TIÊN. <i>KHÚC VÔ THANH</i>	THƠ	\$18.	\$11.	

GIÁ BÁN CHO HỘI VIÊN LÀ NỬA TIỀN ẨM PHÍ CỘNG CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN \$2. MỖI CUỐN.